VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

trần văn tích *thơ và phú giao châu* ■ **vi ký** *nam cao như là một thân phận của nhà văn an nam* ■ **nguyễn thị từ huy** *jean valjean: cái tên là một cái tôi*

văn

nguyễn huy thiệp • phạm hải anh • nguyễn trung tây • sâm thương • phan triều hải • văn cầm hải • trang châu • ấu tím • trịnh y thư • nguyễn hòa trước • nguyễn hoài phương • murakami haruki - phạm vũ thịnh *dịch*

thơ

hoàng chính • mdtt • nguyễn việt thường • lý thừa nghiệp • trần thị hà thân • nguyễn nam an • đặng hiền • xuyên trà • hồ công tâm • hoàng xuân sơn • đức phổ • lưu hy lạc

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* ■ trịnh thanh thủy *giải nobel văn chương năm 2004* ■ tưởng năng tiến *sổ tay* ■ hoàng mai đạt *tạp ghi* ■ thế quân *tin văn*

222

Tháng 11-12, 2004

VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

PHÁT HÀNH MỖI HAI THÁNG

❖

Chủ biên: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham,
75013, Paris, FRANCE
Phone (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu:
Mr. Lê Khắc Phú, 14 Lester Road, Reversby
NSW 2212, AUSTRALIA
Phone: (02) 9785-0460
Email: phudieuanh@yahoo.com

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2005 West Gray # F
Houston, TX 77019
Phone: (713) 942-8777

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Mr. Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
Email: tapchivanhoc@yahoo.com
Web site: vanhoc.net
Phone: **(714) 981-5475**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN-0885-128X

VĂN HỌC
số 222 tháng 11, 12-2004

TRẦN VĂN TÍCH	03	thơ và phú giao châu
HOÀNG CHÍNH	12	*thạch cao buồn*
VI KÝ	13	nam cao như là...
NGUYỄN THỊ TỪ HUY	29	jean valjean: cái tên...
MDTT	41	*nụ*
		xuân thì
NGUYỄN HUY THIỆP	42	cánh buồm nâu thuở ấy
PHẠM HẢI ANH	54	nói riêng
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	58	*ơn anh*
NGUYỄN TRUNG TÂY	59	ngũ đổ tường
LÝ THỪA NGHIỆP	71	*trăng tan*
SÂM THƯƠNG	72	máu chảy về tim
TRẦN THỊ HÀ THÂN	84	*tạ ơn*
PHAN TRIỀU HẢI	85	gió qua cửa hẹp
NGUYỄN NAM AN	93	*buổi tối*
		bài sinh nhật gửi bạn xa
VĂN CẦM HẢI	94	người chị miền đông đức
ĐẶNG HIỂN	103	*biển, bên này trí nhớ*
	104	*đợi*
TRANG CHÂU	105	những người ngủ muộn
XUYÊN TRÀ	114	*lục bát chiều*
ẤU TÍM	115	bướm vàng đậu ngọn mù u
TRỊNH Y THƯ	124	đồi hồng
NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC	141	ngày sống thứ một trăm
HOÀNG XUÂN SƠN	167	*thổ nhưỡng*
	168	*nếu, đọc một câu chuyện*
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	171	những bài học về một...
MURAKAMI HARUKI	176	cậu ếch cứu tokyo
PHẠM VŨ THỊNH *dịch*		
HỒ CÔNG TÂM	193	*trả hết cho nhau*
ĐỨC PHỔ	194	*một ngày...*
LƯU HY LẠC	196	*ngó sen*
ĐÀN BÁCH KIẾM	197	đùa với đường thi
K' TIEN	205	sổ tay thượng dân
TRỊNH THANH THỦY	216	giải nobel văn chương 2004
THẾ QUÂN	220	tin văn
HOÀNG MAI ĐẠT	240	tạp ghi
	249	giới thiệu sách mới

thư tòa soạn

CAO XUÂN HUY

Văn Học thành thật xin lỗi độc giả vì những sơ sót ở số báo trước như địa chỉ hộp thư, số báo ở gáy... và sự chậm trễ. Số báo 221 đến tay độc giả khá trễ vì tòa soạn đã không kịp chuẩn bị bài vở. Số 222 này cũng hơi trễ, tuy có khá hơn số trước. Tuy nhiên, mọi sắp xếp đã ổn định, số sau, 223, Văn Học chắc chắn đến tay độc giả sẽ đúng ngày.

Ngoài những mục thường xuyên như Sổ Tay, Đùa Với Đường Thi, Tin Văn, Tạp Ghi... Văn Học số này có sự góp mặt của những cây bút ở Úc, Đông Âu, ở Việt Nam... như Nguyễn Huy Thiệp, Phan Triều Hải, Văn Cầm Hải, Nguyễn Hoài Phương..., và những cây bút quen thuộc như Trần Văn Tích, Phạm Hải Anh, Trang Châu, Trịnh Y Thư, Hoàng Xuân Sơn, Ấu Tím, Nguyễn Hòa Trước, Lưu Hy Lạc, Đặng Hiền, Nguyễn Nam An, Đức Phổ, Nguyễn Việt Thường, Xuyên Trà... và từ số này, Văn Học giới thiệu một khuôn mặt mới với những dòng thơ rất lạ, MDTT, một loại thơ rất "chính" nhưng đọc kỹ lại thấy rất "tà", Văn Học xin nhường phần xếp loại cho độc giả.

Văn Học số 222 đến tay độc giả vừa sau lễ Halloween, ma giả ma thật chỉ còn chập chờn ở hải ngoại. Ở trong nước, không cần ngày lễ ma quỷ, ma vẫn hiện ra thường xuyên trong sinh hoạt đời thường của người dân. Tập truyện ngắn của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự - Văn Học vừa xuất bản - đã cho thấy điều đó. Tác giả còn ở trong nước, bị quản chế vì đã đăng những bài báo, ký sự, truyện ngắn với nội dung không "phải đạo", không nằm trong "luồng" của nhà nước trước đây. Một số truyện ngắn trong tuyển tập này được viết trong thời gian bị quản chế, lột tả những cảnh sống khốn cùng của người dân. Văn Học giới thiệu đến độc giả sự ngay thẳng, lòng can đảm của một người cầm bút.

Văn Học xin nhắc lại, các văn hữu gửi bài cho Văn Học, xin email theo địa chỉ tapchivanhoc@yahoo.com. Nếu gửi theo bưu điện, xin nhớ kèm theo disk và gửi về địa chỉ Văn Học P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA. Văn Học không nhận bài viết tay. Và xin quý văn hữu đừng gửi bài đã đăng, kể cả trên net.

Đồng thời, Văn Học đã có một web site mới, mời độc giả và văn hữu vào xem Văn Học online ở www.vanhoc.net.■

thơ và phú giao châu

TRẦN VĂN TÍCH

Trong thời gian hơn hai mươi thế kỷ đã có một mối giao thiệp lâu đời và mật thiết giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Hoa và qua mối giao thiệp đó, có một tia hồi quang đáng chú ý: trong nhiều trường hợp ta nhận chằng sáng tác của Trung Hoa làm của ta trong khi có những sáng tác của người mình thì ta lại không biết để mà nhận tác quyền. Bài văn tế với câu mở đầu *Thanh thiên nhất đóa vân* nguyên là của Dương Ức đời Tống thì ta lạm ghép cho Mạc Đĩnh Chi, bài thơ *Xuân nhật tức sự* mô tả cô bé rất xinh ngồi thêu vốn của Thiền Sư Ảo Đường Trung Nhân cũng đời Tống thì ta lại bảo Đại Sư Huyền Quang Lý Đạo Tái là chủ nhân. Và còn nữa, còn nữa. Trong khi đó thì cuốn *Lịch sử văn học Việt Nam* do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, ấn hành năm 1980 "dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam" tức là một tài liệu tham khảo có tính cách quan phương – lại ghi nhận ở trang 187: "Về văn học Việt Hán, tài liệu cổ nhất mà chúng ta còn giữ được là bài thơ của nhà sư Ngô Chân Lưu làm để tiễn Lý Giác, sứ thần nhà Tống (thế kỷ X)." Điều khẳng định này có nhiều điểm sai sót:

- tác phẩm văn học liên hệ không phải là một bài thơ mà là một bài từ,

- đã là nhà sư thì phải được gọi bằng pháp hiệu (Khuông Việt), không thể gọi bằng thế danh (Ngô Chân Lưu);

- và nhất là có ít nhất hai tài liệu thuộc nền văn học Việt Hán ra đời trước bài từ theo điệu được sử nước nhà gọi là *Vương lang qui* của Đại Sư Khuông Việt.

Bài viết hôm nay giới thiệu hai tài liệu đó. Thực ra các công trình

văn học sử của chúng ta, dù do người phía quốc gia hay do người phe cộng sản viết, đều thừa nhận là nền văn học của Việt Nam bắt đầu từ hai triều đại Lý Trần mà không để ý tìm kiếm tra cứu để phát hiện thành quả trí tuệ của số người Việt Nam học chữ Hán dưới thời Bắc thuộc, nhất là khi trong số này không phải là không có người thành thạo văn chương chữ nghĩa.

*

Khác các triều đại trước, đời Đường sử dụng tối đa phương tiện khoa cử để tuyển dụng nhân tài. Hơn nữa, Đường chế cho phép sĩ tử thuộc các sắc dân thiểu số cũng như thí sinh nguyên quán ở những quốc gia khác nhưng đang đặt dưới quyền quản lý cai trị của Đường triều, cũng được dự các kỳ thi. Thời Đường, số lượng kẻ sĩ nguồn gốc Giao Châu vào Trung Nguyên không ngừng gia tăng, trong số đó không ít người đỗ Tiến sĩ, Cử nhân và từng giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền trung ương. Thật ra, sử nước ta đã từng ghi nhận những danh tính quen thuộc như Lý Cầm, Lý Tiến v.v... sang học rồi làm quan ở Trung Quốc từ thời Đông Hán. Sách *Đường hội yếu*, quyển 75, mục *Nam tuyển* chép rằng năm Thiên Bảo thứ 13, tháng Bảy, vua Đường Huyền Tông hạ chỉ: "Trẫm nghe vùng Lĩnh Nam gần đây nho học phát triển rất mạnh. Từ nay về sau, cho phép những kẻ áo vải có văn tài nơi vùng ấy được dự thí, kẻ nào đậu thì tâu rõ cho Trẫm biết. Trong số những kẻ ấy, nếu có người muốn đến Trường An thi tiếp thì cũng cho phép (...) đồng thời ban cho chức quan ngay cả ở phương bắc." Tính chất ít kỳ thị trong khoa cử đời Đường đã là động cơ thúc đẩy sự phát triển của nho giáo nói chung, của lối văn cử nghiệp nói riêng tại miền đất ngày nay là nước Việt Nam và trong đội ngũ đông đảo những người theo đòi Hán học thuở bấy giờ, có một sĩ phu yêu nước xót xa trước cảnh quê hương bị quân Nam Chiếu tàn phá nên đã làm một bài thơ đầy máu lệ theo thể tài ngũ ngôn khá dài. Bài thơ nguyên văn chữ Hán như sau:

Nam hoang bất trạch lại,
Trí ngã Giao Chỉ phúc.
Liên miên tam tứ niên,
Trí ngã Giao Chỉ nhục.
Nọa giả đấu tắc thối,
Vũ giả binh ích độc.
Quân dung mãn thiên hạ,
Chiến tướng đa kim ngọc.
Quát đắc tề dân sang,
Phận vi mãnh sĩ lộc.

Hùng hùng Hứa Xương sư,
Trung vũ quán kỳ tộc.
Chí vi vạn kỵ phong,
Trú vi nhất xuyên nhục.
Thì hữu tàn tốt hồi,
Thiên môn vạn hộ khốc.
Ai thanh động lư lý,
Oán khí thành sơn cốc.
Thùy năng thính cổ thanh,
Bất nhẫn khán kim thốc.
Niệm thử kham lệ lưu,
Du du Dĩnh xuyên lục.

Dịch thoát sang quốc ngữ:
Nơi cõi đất xa không lựa chọn quan lại,
Để quê tôi Giao Chỉ thua trận,
Trong ba bốn năm liền,
Để quê tôi Giao Chỉ nhục.
Mềm yếu mà đánh nhau ắt phải lui,
Lạm dụng vũ lực thì binh tất khổ.
Quân đóng khắp nơi nơi,
Tướng thu nhiều vàng ngọc.
Bóc lột khiến dân đau khổ,
Định phận để sĩ hưởng lợi.
Quân Hứa Xương oai phong,
Trung thành vũ dũng hơn hết.
Đến thì gây gió do vạn lính cưỡi ngựa,
Ngừng thì hóa ra luộc miếng thịt.
Có khi người lính tàn ác trở về,
Cả ngàn cả vạn gia đình khóc than.
Tiếng thương đau động làng xóm,
Khí oán thán thành núi cao.
Ai nghe được tiếng trống trận,
Không chịu xem mũi tên vàng.
Càng nghĩ càng chảy nước mắt,
Xa xôi xanh ngắt dòng sông Dĩnh.

Bài thơ này được ghi trong *Toàn Đường thi,* sách 22, quyển 784, trang 8849[1] bên cạnh thi phẩm của những tác giả không hiển danh mà chỉ có bút hiệu như Hà Bắc sĩ nhân, Nguyên Hòa cử tử, Bạch Sam cử tử,

Đường mạt triều sĩ, Tây bỉ nhân v.v... Đầu đề bài thơ là *Thích An Nam sự thi* (Thơ châm biếm sự việc ở An Nam) và tác giả được ghi là Ý Tông triều cử tử. Vua Đường Ý Tông ở ngôi chỉ có hai năm, từ năm Kỷ Mão 859 đến năm Canh Thìn 860.

Thi phẩm được sáng tác trong một hoàn cảnh bi đát, lúc Giao Châu – thuở bấy giờ mang tên chính thức là An Nam Đô Hộ Phủ – bị giặc Nam Chiếu mấy lần sang cướp phá, "làm cho dân Giao Châu khổ sở trong mười năm trời"[2]. Trong số trên bốn vạn bài thơ ghi chép trong *Toàn Đường thi*, đây là bài thơ duy nhất do một người "An Nam" chấp bút. Thời điểm sáng tác là năm Hàm Thông thứ tư tức năm 863. Như vậy, nếu so với niên đại Đại Sư Khuông Việt tiếp đón Lý Giác là năm Đinh Hợi 987 thì bài thơ ra đời trước bài từ 124 năm. Lúc bấy giờ, theo *Toàn thư*, mùa xuân, tháng Giêng, người Nam Chiếu đã hai lần đánh Giao Châu, vừa giết vừa bắt gần mười lăm vạn người[3], trên một dân số khoảng một triệu người! Quan lại cai trị người Tàu thì hà khắc thâm độc, tham bạo tàn ác; chẳng hạn chức quan đô hộ là Lý Trác mua ép trâu ngựa của người bản xứ, mỗi con chỉ trả một hộc muối; ngoài ra còn giết hại tù trưởng thổ trước. Cảnh sống dân chúng thuộc địa một cổ hai tròng, vừa mang gông cùm nô lệ, vừa chịu chiến tranh ly loạn, thực cực kỳ thê thảm.

Bài thơ ngũ ngôn nói lên tất cả tâm trạng phẫn khích đó. Cho nên Lữ Sĩ Bằng nhận xét rằng khung không gian thi phẩm "*mãn thiên huyết lệ*", nghĩa là bầu trời đầy máu và nước mắt[4]. Nhà thơ đất Giao Châu sống nỗi nhục nhã ê chề khi quê hương bị quân thù giày xéo tàn nhẫn vì thế nước suy vi mà dân thì nô lệ, chỉ còn là miếng mồi ngon cho ngoại nhân xâu xé, mặc sức làm tình làm tội. Tác giả ký thác tấc nôi ái quốc vào thi văn; và đây có lẽ là bài thơ yêu nước sớm nhất do một sỹ phu đồng hương sáng tác còn lưu lại trong thư tịch nòi giống chúng ta. Đây cũng là ý kiến của nhóm sưu tập biên soạn *Toàn Đường thi* khi họ nêu nhận xét: "*Hữu thi dĩ thích. Ngâm chi. (...) Vị quốc gia sinh sự nhĩ.*" [Có thơ để đả kích, ngâm ngợi, (...) vì đất nước gây thành chuyện]. Người cộng sản vốn có chủ trương lợi dụng lòng ái quốc để biến thành một thứ chủ nghĩa yêu nước nhằm tuyên truyền nhưng họ chỉ biết bắt thơ văn thấm đẫm ý vị Thiền tông triều đại Lý-Trần phải yêu nước mà không dè rằng trước đó hàng trăm năm, dòng thơ ái quốc đã được khơi mạch rồi.

*

Trong *Toàn thư*, trong *An Nam chí lược* đều có chép về nhân vật Khương Công Phụ[5]. Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút* cũng có đề cập đến vị tiền bối này. Khương Công Phụ tự Khâm Văn, người Ái Châu,

Nhật Nam, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa. Năm Canh Thân 780 niên hiệu Kiến Trung thứ nhất đời Đường Đức Tông sang Trường An ứng thí, đỗ đầu khoa Hiền lương phương chính, thoạt tiên giữ chức Hiệu thư lang. Nhờ làm chế sách hay (*"dĩ chế sách dị đẳng"*, theo nguyên văn trong *An Nam chí lược*) nên được thăng Hữu thập di, Hàn lâm học sĩ. Chức cao nhất là Đồng trung sự môn hạ bình chương sự tức Tể tướng. Bản chế sách khiến danh tính Khương Công Phụ đi vào lịch sử là bài *Đối trực ngôn cực gián sách*, một tác phẩm chính luận. Về tài năng văn chương, Khương Công Phụ có bài *Bạch vân chiếu xuân hải phú* (Bài phú Mây trắng rọi biển xuân), được các sách của Trung Hoa như *Uyên giám loại hàm, Văn uyển anh hoa, Toàn Đường văn* cùng thu nạp ghi chép[6]. Vì can gián nhà vua trong vụ dựng tháp thờ phụng công chúa Đường An nên Khương Công Phụ bị biếm làm Biệt giá Tuyền châu. Vua Thuận Tông lên ngôi năm Ất Dậu 805 cho họ Khương làm Thứ sử Cát Châu nhưng chưa kịp nhậm chức thì mất. Đời vua Hiến Tông truy tặng Lễ bộ Thượng thư. Phần tiểu truyện Khương Công Phụ được ghi chép trong cả *Cựu Đường thư*, phần *Liệt truyện*, quyển 88 lẫn *Tân Đường thư*, quyển 152.

Bàn về phú cổ nước Nam, Lê Quí Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* nhận xét: "Khương Công Phụ đỗ Chế khoa, làm quan triều nhà Đường, văn thơ không thấy truyền; chỉ có bài phú *Bạch vân chiếu xuân hải* chép ở tập *Uyên giám*, lời văn cũng đẹp đẽ."[7]

Về nội dung, bài *Bạch vân chiếu xuân hải phú* ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị với những câu văn điêu luyện, chẳng hạn mấy câu đầu bài:

Bạch vân dung dung, diêu duệ hồ xuân hải chi trung;
Phân vân tằng Hán, kiểu khiết trường không.
Tế ảnh sâm si, tạp vi minh ư nhật vực;
Khinh văn lân loạn, phân quỳnh hoảng ư tiên cung.
(Mây trắng mênh mông, lay động kéo về giữa mặt biển xuân;
Từng lớp rối bời sông Hán, sáng sủa không trung rộng dài.
Bóng ảnh mượt mà so le, vòng thành vầng sáng quanh mặt trời;
Hình tượng nhẹ nhàng biến động, chia đều rực rỡ sáng chói cung tiên.)

Sau đầu đề bài phú, *Khâm định Toàn Đường văn* ghi vần của tác phẩm: *"Dĩ tiên, bích, không, kính, xuân, hải vi vận."* Như vậy, bài phú có *hạn vận* và hành văn theo lối *lưu thủy*, chỉ theo đúng các chữ trong câu làm vần để hạ vần nhưng cách đặt câu thì tựa như văn xuôi, không lệ thuộc vào số chữ số câu từng tiểu đoạn. Nhìn chung, đây là một sáng tác với câu văn khoa trương giàu âm điệu, với chữ dùng hoa lệ thanh thoát,

với hình ảnh phong phú lộng lẫy, với ý thức và kỹ xảo tu từ cao độ. Nhiều cảnh vật, nhiều hiện tượng hòa hợp thành nhất thể. Tác giả dùng ngòi bút miêu tả một không gian rộng lớn, kéo dài vô tận, tạo nên một bức tranh hoành tráng, diễm lệ với một khí thế hùng hậu, vĩ đại. Nói chung, dưới ngòi bút già dặn và điêu luyện của Khương Công Phụ, bài phú với tiết tấu nhịp nhàng, với thanh điệu hài hòa đã mô tả được một toàn cảnh trời nước hùng vĩ qua một kiến trúc từ cú uy nghi, đường bệ, cân đối, long trọng, trang nghiêm, đồ sộ. Một con người sống cách chúng ta mười hai thế kỷ mà làm được những câu phú bằng chữ Hán như vậy phải kể là người tài hoa, đúng như nhận xét của Lý Sĩ Bằng[8] rằng bài phú và bài sách của Khương Công Phụ: "*khả lược khuy kỳ văn tài hựu kiến thức chi nhất ban*" (đủ cho thấy cả văn tài lẫn kiến thức rất đa dạng); đồng thời khiến người đời sau luôn luôn quay đầu nhìn lại và không tiếc lời ngợi khen. Thực ra bài phú truyền lại cho chúng ta không đầy đủ. *Khâm định Toàn Đường văn* ghi chú với chữ cỡ nhỏ sau chữ cuối cùng của bài phú: "*khuyết*" (thiếu). Với diện mạo đó, toàn bài có 318 chữ. Câu văn phú thuở bấy giờ chưa tôn trọng qui tắc đối, nó là văn pháp cơ bản của thể tài, vốn được xây dựng chủ yếu trên lối văn biền ngẫu.

Về thời điểm sáng tác, chúng ta không biết chắc *Bạch vân chiếu xuân hải phú* chào đời năm nào, nhưng đương nhiên nó phải được phóng bút thành văn trước năm Khương Công Phụ từ trần tức là trước năm 805. Như vậy, nếu so với bài từ của Đại Sư Khuông Việt khai sinh năm 987, thì bài phú ít nhất cũng lớn hơn 182 tuổi.

*

Cung cách học chữ Hán của hai tác giả đối tượng bài viết hôm nay có điểm đặc thù nếu so với những Lê Quí Đôn, Nguyễn Du, Trịnh Hoài Đức: nhị vị đã học Trung văn như một sinh ngữ, nghĩa là học như chúng ta học Anh ngữ, Pháp ngữ ngày nay. Phải học như vậy thì mới có thể tham gia thi cử cùng với sĩ tử phương bắc, và hơn nữa, mới có thể trở thành đường quan thiên triều. Chung qui cũng chỉ vì cả hai vị đều là dân thuộc địa nên vào thời đại hai vị, từ Giao Châu sang Trung Quốc không cần... chiếu khán. Thực vậy, đời Đường nhiều nho sĩ tăng lữ Việt Nam thường đến Trung Hoa và sự kiện lịch sử đó được phản ảnh qua những bài thơ của một số thi nhân đời Đường như các bài: *Tặng sơn trung Nhật Nam tăng* (Tặng nhà sư Nhật Nam ở trong núi), *Tống nam khách* (Tiễn khách phương nam) của Trương Tịch; *Tống Phụng Đình pháp sư qui An Nam* (Đưa pháp sư Phụng Đình trở về An Nam) của Dương Cự Nguyên; *Tống Duy Giám pháp sư qui An Nam* (Tiễn nhà sư Duy Giám về An Nam) của Giả Đảo v.v... Nhà sư Nhật Nam bạn của Trương Tịch còn

sống cả tình huống phải sử dụng ngôn ngữ bản địa để giao thiệp với đồng hương:

Thì phùng Nam hải khách,
Man ngữ vấn thùy gia?
[Thỉnh thoảng gặp khách Nam hải,
Dùng tiếng "man" (!) hỏi nhà ai đấy?]

Ngược lại, các thi nhân triều Đường cũng nhiều người sang thăm Việt Nam và đối đáp xướng họa cùng làng thơ "tiểu quốc"; như Đỗ Thẩm Ngôn, Lưu Vũ Tích, Hàn Ốc v.v...

Nhưng đến thời đại Lê Quí Đôn, Nguyễn Du, Trịnh Hoài Đức, khi nước nhà đã độc lập, thì chỉ còn biện pháp bút đàm trong những sứ trình. Qua *Kiến văn tiểu lục,* nhà danh sĩ đất Diên Hà cho biết đã cùng ngồi nói chuyện bằng bút không những với người Trung Hoa mà cả với người Cao Ly năm Canh Thìn (1760) tại Yên Kinh[9]. Về phần Nguyễn Du thì gặp khách phương xa bên kia Ngũ lĩnh chỉ biết cười mà không thể nói:

Tương phùng vô biệt thoại,
Nhất tiếu ý hà như?
(Tây hà dịch)
(Gặp nhau chẳng nói gì,
Cười một tiếng, ý thế nào?)
(Trạm Tây hà)

Còn Trịnh Hoài Đức thì mô tả khía cạnh ngôn ngữ bất đồng một cách cụ thể trong *Cấn Trai thi tập* vào dịp nhận chức chánh sứ:

Ngữ ngôn nhân khách tương tả,
Minh nguyệt do như cố hương.
(Dân cùng với khách không hiểu tiếng nói của nhau,
Mặt trăng vẫn sáng như ở quê làng cũ)

Giới nho sĩ thời đại Lê Quí Đôn, Nguyễn Du, Trịnh Hoài Đức đã không còn học chữ Hán theo cung cách tiền nhân thời Bắc thuộc từng học. Chư vị vay mượn tiếng Hán nhưng lại đổi cách phát âm, đổi cách kết cấu. Cách đọc chữ Hán theo âm Việt tạo nên các từ Hán Việt, các âm Hán Việt. Cách đổi kết cấu sử dụng các biện pháp rút gọn từ đa âm thành đơn âm, thay thế yếu tố này bằng yếu tố khác v.v... Có những từ Hán bị đổi hẳn nghĩa. Cho nên chỉ có thể bút đàm và không thể có những chuyện ứng khẩu đối thế này, lớn tiếng đọc thơ thế kia. Các bộ chính sử hay các pho dã sử của chúng ta thỉnh thoảng chép nhiều dật sự xảy ra trong những sứ trình sang Trung Quốc hoặc vào những dịp tiếp sứ ở Thăng Long. Trong khuôn khổ những công việc nặng phần nghi thức ngoại giao như dâng biểu cầu phong, tiến cống sản vật, mừng thọ, viếng

tang; các sứ giả thường có văn thơ trao đổi cùng các "thượng quan Bắc quốc". Thông thường, sách sử kể rằng vào một dịp nào đó, có viên quan Tàu ra câu đối như vầy như vầy, sứ nước ta bèn ứng khẩu đáp ngay như vầy như vầy. Hoặc kể rằng có quan Trạng bất ngờ phải đọc văn tế công chúa hay vương phi gì đó, bèn nâng tờ giấy chỉ ghi độc có một chữ *nhất* và đọc thành một bài điếu văn bi ai khiến từ thiên tử đến bá quan đều bội phục. Tuy nhiên tài liệu bang giao Việt Nam-Trung Hoa đã quên mất là khi ông Trạng đọc điếu văn, triều đình nhà Minh, nhà Nguyên chẳng thể nào hiểu được; tương tự như vậy, nếu sứ thần ta nghe một vế câu đối thì chỉ ghi nhận được những thanh âm xa lạ chứ đừng nói chi đến hiểu được để mà ứng khẩu đáp liền; mà dù có ứng khẩu thì người ra vế đối cũng không thể nào tiếp thu được bản văn vế đáp. Cho nên những thông tin liên hệ chỉ là truyền thuyết, không thể là sự kiện lịch sử. Chúng được chuyển đến chúng ta qua những trang văn phần nào phóng túng của thể ký sự hay tùy bút, chúng được giới thiệu với chúng ta do tác giả "tìm hỏi thêm các bậc nghe rộng biết nhiều" (Vũ Phương Đề, *Công dư tiệp ký, Tựa*) thậm chí do tác giả "nghe lỏm được" (Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút, Phép thi nghiêm mật*).

*

Nhưng hai tác phẩm văn học đối tượng của bài viết hôm nay thì lại thuộc loại sử liệu. Cả hai được thu nạp vào thư tịch Trung Hoa. Các triều đại phong kiến hay các cá nhân danh sĩ đất bắc ngày trước có thói quen thu thập những tác phẩm "đồng văn" từ các lân quốc chư hầu để đưa in vào những tổng tập, những toàn thư, những đại điển của họ và khi làm như vậy, họ ghi rõ ràng xuất xứ tài liệu được đưa vào, tác giả là ai, hiển danh hay ẩn danh, người nước nào, phát hiện năm nào, trong trường hợp nào v.v...

Do một ngẫu nhiên thú vị, hai tác phẩm của hai tác giả sống trước triều đại Lý-Trần hàng thế kỷ lại thuộc hai thể tài văn học khác nhau: *thi* và *phú* tuy rằng (và tất nhiên) cả hai vốn liên hệ mật thiết với nhau. Ban Cố khi viết một bài tựa (*Lưỡng đô phú tự*) từng bảo là *phú giả, cổ thi chi lưu dã*, hàm ý *phú* vốn thuộc dòng cổ *thi*. Phú là phô diễn, phô diễn vẻ đẹp, nắm bắt màu sắc. *Phú* chú trọng hình thức câu văn, trong khi *thi* chủ yếu nhằm ghi tâm tình. Cho nên bài *Bạch vân chiếu xuân hải phú* ca ngợi một cảnh thái bình thịnh trị gần như hư cấu, qua những câu văn mô tả biển xanh, trời rộng trong khi bài *Thích An Nam sự thi* mượn hiện thực chiến chinh tàn khốc để ký tái nỗi đau xé lòng vì đất nước điêu linh.

Vận dụng sinh ngữ Hán như một thứ tiếng la-tinh của phương đông, người sĩ phu đỗ cử nhân đất Giao Chỉ và viên quan Tể tướng triều nhà

Đường đã để lại cho chúng ta hai tác phẩm mỗi bài một vẻ, một bài thơ và một bài phú, có thể xem như hai trang đầu của văn học thành văn nước ta.

27.09.2004

---

1 *Toàn Đường thi* là tổng tập thơ đời Đường biên soạn dưới triều Khang Hy nguyên với tựa đề là *Ngự định Toàn Đường thi*, do nhóm Bành Đình Cầu, Dương Trung Nột phụ trách dựa trên hai bộ *Đường âm quí thiêm* của Hồ Chấn Hanh và *Toàn Đường thi* của Lý Chấn Nghi. Tổng cộng về thơ ghi chép được 40.890 bài của hơn 2.200 tác giả, đóng thành 900 quyển. Từ năm 1860, Trung Hoa thư cục hiệu đính và phát hành thành 12 tập.

2 Trần Trọng Kim - *Việt Nam sử lược*. Quyển I. Bộ Giáo dục, Trung tâm Học liệu xuất bản. Sài Gòn. 1971. tr. 61.

3 *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập I. Cao Huy Giu phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Hà Nội. 1972. tr. 137.

4 Lý Sĩ Bằng - *Bắc thuộc thời kỳ đích Việt Nam. Trung-Việt quan hệ sử chi nhất*. Hương Cảng Trung Văn Đại học Tân Á Nghiên cứu sở xuất bản. Trung Hoa Dân Quốc ngũ thập tam niên (1964). tr. 137-138.

5 *Đại Việt sử ký toàn thư, tlđd*, tr. 131 và Lê Tắc - *An Nam chí lược*. Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế. 1961. tr. 232-234.

6 *Uyên giám loại hàm* là tài liệu loại thư do nhóm Trương Anh và Vương Sĩ Trinh đời Thanh biên soạn căn cứ theo công trình sưu tập của Du An Đắc đời Minh. Họ Du cắt bỏ những đoạn trùng lặp trong các sách *Bắc Đường thư sao, Nghệ văn loại tụ, Sơ học ký* và tuyển lựa thêm tài liệu trong các sách *Tuế hoa kỷ lệ* của Hàn Ngạc và *Thông điển* của Đỗ Hựu rồi biên soạn thành bộ *Đường loại hàm*, ghi chép nhiều sự việc văn chương trước hai đời Nguyên Minh, đồng thời gom góp thêm tài liệu từ các sách *Thái Bình ngự lãm, Ngọc hải, Sơn Đường khảo sách, Thiên trung ký* rồi sắp xếp từng chương mục tổng hợp thành sách, tổng cộng 450 quyển, chia ra làm 45 bộ phận như Thiên, Tuế thời, Địa, Đế vương, Hậu phi, Trừ cung, Lễ nghi, Văn học, Vũ công, Biên tái, Linh dị, Phương thuật v.v.., mỗi bộ phận lại chia làm nhiều tiểu mục. Hiện có bản khắc in năm 1883 và bản ảnh ấn năm 1932 của Đồng Văn thư cục.

Văn uyển anh hoa là tổng tập do nhóm Lý Phỏng, Hỗ Mông, Từ Huyền, Tống Bạch, Dương Vị phụng sắc biên soạn dưới đời Tống, hoàn thành năm Ung Chính thứ tư (987), gồm 1000 quyển, thuộc tập hợp *Tống tứ đại thư* (bốn bộ sách lớn đời Tống) bên cạnh *Thái Bình ngự lãm, Thái Bình quảng ký* và *Sách phủ nguyên qui*. Sách chép gần hai vạn tác phẩm của 2.200 tác giả chia ra mười tám thể tài văn học như thơ, phú, sách, phán, biểu, tiên, thư, đàn văn, ca hành v.v... từ cuối đời Lương, Nam triều đến Đường và Ngũ đại. Hiện có bản ảnh ấn năm 1966 của Trung Hoa thư cục. Trong *The Indiana Companion to Traditional Chinese Literature*, Indiana University Press, Bloomington, 1986, William H. Nienhauser,

HOÀNG CHÍNH

thạch cao buồn

dựng em sát tường như bức tượng khỏa thân
anh bắt gặp những lỗ đinh
nơi ai đó treo bức tranh đã mất
thân thể trầm hương biếc xanh cẩm thạch
dán nỗi buồn anh lên cánh môi thèm
em thạch cao còn mềm
còn thơm ngát hương đêm
anh dán cơn ghiền
lên đường viền trong bài học cách trí
nơi nối vào nhau bốn phần cơ thể
đầu nối mình
mình nối tay chân
dán cơn thèm vào chỗ phân vân
em mở hé nỗi buồn lòng xao xác
không có lối cho anh vào
thăm như thuở trước
tượng khỏa thân quen
khô khốc thạch cao buồn

Jr. phân tích kỹ lượng bộ sách này ở các trang 897-898 và dịch tên sách sang Anh ngữ là *Finest Flowers of the Preserve of Letters*. Các bài phú được *Văn uyển anh hoa* ghi từ chương 1 đến chương 150.
Toàn Đường văn là tổng tập văn đời Đường nối tiếp theo bộ *Toàn Đường thi*, do nhóm Nguyễn Nguyên, Từ Tùng thừa sắc chỉ vua Nhân Tông nhà Thanh biên soạn nên tên gọi đầy đủ và chính thức là *Khâm định Toàn Đường văn*
Toàn bộ gồm 1000 quyển, sưu tập 18.488 bài văn nổi tiếng đời Đường và Ngũ đại của 3042 tác giả. Qui cách biên soạn tương tự như *Toàn Đường thi*, theo thứ tự đế vương, hậu phi, chư vương tôn thất v.v... Năm 1983 Trung Hoa thư cục ấn hành *Toàn Đường văn* kèm theo hai phần phụ lục *Đường văn thập di* và *Đường văn thập tục*. Bài *Bạch vân chiếu xuân hải phú* và bài *Đối trực ngôn cực gián sách* của Khương Công Phụ được chép trong *Khâm định Toàn Đường văn*, Hối văn thư cục ấn hành, bản ảnh ấn, tập 19, quyển 446, tr. 5762-5764.
7 Lê Quí Đôn - *Kiến văn tiểu lục*. Dịch giả Lê Mạnh Liêu. Tủ sách Dịch thuật. Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản. Sài Gòn. 1962. tr. 318.
8 Lý Sĩ Bằng, *tlđd*, tr. 138.
9 Lê Quí Đôn, *tlđd*, tr. 324.

nam cao như là một thân phận của nhà văn an nam

VI KÝ

Tiểu luận

Nam Cao là một nhà văn mà có lẽ trong đời sống ồn ã của những xa lộ giao thông kẹt xe đầy bụi khói, những eo xèo của màn hình TV đầy những trang quảng cáo về những sản phẩm có cánh cho chị em phụ nữ và những hối hả của những truy cập vào những trang Web tiền tình của những xa lộ Internet mênh mông những giấc mơ được sống gấp, được hiểu biết nhiều hơn sau một thời gian dài cả một xứ sở chôn mình trong cơn ngủ vùi của hào quang chiến thắng giả tạo và sự hiểu biết giả tạo hậu quả của một nền giáo dục nhồi sọ và phương tiện truyền thông một chiều, có lẽ ngày nay ít ai còn nhớ tối diện mạo trong văn chương của Nam Cao. Hơn nữa thời của ông đã qua lâu lắm rồi, ông xa chúng ta đã hơn nửa thế kỷ và cái thế kỷ 20 mới đó mà đã như một dĩ vãng mù xa. Ngày nay chúng ta đã yên vị một cách đầy trưởng giả trong thế kỷ 21 với nhiều chủ thuyết tân kỳ, một cuộc chơi toàn cầu đang được mở ra, nhiều quốc gia một thời nhược tiểu đang tìm thấy những cơ hội ngay dưới chân mình chỉ cần can đảm cất bước lên đường. Và lẽ dĩ nhiên trong bối cảnh ồn ã chung đó, tôi không thể nào còn nhớ tới nhà văn Nam Cao, nhưng ông lại đột nhiên hiện ra trong ơ hờ của cuộc đời, như ông vừa bước ra khỏi nấm mồ nơi mà tôi đã cố chôn sâu những vết thương lòng của thời thơ ấu.

Một buổi trưa hè nắng như thiêu như đốt, không điện, không nước, tôi nằm bẹp dí như con gián trên cái giường mốc meo của mình và tôi cảm thấy tôi như sắp bốc thành khói. Tôi ra đường, điện thoại cho Nguyễn Quốc Chánh và biết Chánh đang ngồi với một người bạn thơ trong một

quán cà-phê. Hỏi tên người bạn kia Chánh chỉ cười chứ không chịu nói. Tình cờ cúp điện. Tình cờ Chánh không chịu nói tên người bạn. Tôi nhảy xe Bus tới điểm hẹn. Và ở đây tôi gặp cô Mộng Lan - theo Chánh giới thiệu là một cô nhà thơ Mỹ gốc Việt. (Cô này viết bằng tiếng Anh).

Trong buổi trò chuyện cô Mộng Lan đề nghị tôi và Chánh cho một cái tên nhà văn Việt Nam nào đó mà cô có thể đọc. Chánh nêu một cái tên còn tôi thì không. Sau đó chúng tôi đi ăn và tiếp tục trò chuyện. Trong câu chuyện tôi cho rằng văn chương Pháp thường hay triết lý, do dự và thường là không làm gì cả – theo một nghĩa lô-gic như phải chọn lựa một điều gì đó. Mộng Lan phản đối. Còn Nguyễn Quốc Chánh thì nói về hình ảnh người trí thức trong một quốc gia mà mọi sự lựa chọn đều bất khả, người ta gia hạn sự lựa chọn cuối cùng như một cách gia tăng tuổi thọ cho ngang bằng với nỗi khiếp nhược của bản thân. Tôi thoáng nghĩ tới "Sống mòn" với nhân vật Thứ, tôi đề nghị cô Mộng Lan nên đọc Nam Cao. Tôi cho rằng đó chỉ là một cái tên tình cờ thốt ra trong một thoáng tình cờ, vì trước đó ông không hề hiện diện trong tôi cho bất kỳ sự lựa chọn nào. Và khi chia tay, tôi yên tâm ra về không hề suy nghĩ gì cho những điều mình đã tình cờ thốt ra. Tôi tưởng rằng mình sẽ trở lại trạng thái ngủ đông cố hữu, an tâm trong chăn chiếu của đời thường, mơ ước một mùa xuân mãi mãi chỉ là trong mộng tưởng. Nhưng không, tâm tư tôi bị xáo trộn. Bởi vì Mộng Lan là một nữ thi sĩ rất hay. Hay hơn bất kỳ những gì mà bạn có thể tưởng tượng ra. Trước kia Chánh có giới thiệu về cô với tôi, cho xem thơ và cả hình nữa. Hình ảnh trong trang Web của cô và tên cô gợi cho tôi liên tưởng tới một vị gì đó giống như vị của cải lương. Và nếu hôm đó Chánh chỉ cần nói Chánh đang ngồi với nữ sĩ Mộng Lan thì chắc là tôi đã không tới. Và nếu như thế thì tôi đã không gặp lại Nam Cao – Như một quá khứ ơ hờ, quá khứ từ lâu đã hầu như chẳng còn ai mong đợi.

Tôi bắt đầu thấy thích Mộng Lan khi trong câu chuyện Chánh hết lời ca ngợi thơ nàng, lại còn dẫn lời một tay nhà thơ uy tín của Mỹ khi viết lời giới thiệu cho tập thơ của Mộng Lan, Chánh nói được như vậy quả không phải chuyện dễ có thể. Mộng Lan trả lời giản dị: "Ở bên Mỹ độc giả họ không rảnh để đọc những trang bìa". Ý thức về thơ đối với nàng cũng giống như ý thức về đôi chân của chính mình. Từ phút đó cái tên Mộng Lan với tôi đã mất hẳn vị cải lương mà chỉ còn lại như giấc mộng hoa hoàng lan. Có lẽ quí vị đã thấy đâu đây chút phong vị của "Tự Lực văn đoàn". Hồi nhỏ khi đọc sách tôi thường ít chú ý tới tác giả, do đó thật là không may cho những ông nhà văn đã bị tôi lỡ đọc hồi nhỏ – e rằng tôi đem râu ông nọ cắm vào cằm bà kia. Tôi nhớ tới một cuốn

tiểu thuyết của Tự Lực văn đoàn, quên tên sách, có lẽ của Khái Hưng mô tả một cuộc tình yêu nhau nơi cửa Phật. Hình như có viết câu: "Và rồi chúng ta lại yêu nhau dưới bóng hoàng lan..." Ở Việt Nam, nơi những ngôi chùa cổ thường có một giếng nước sâu và rất trong, rất mát, trong sân chùa bao giờ cũng có trồng một cây hoa lan, những cánh hoa trắng muốt tỏa hương thơm thanh khiết dịu dàng dưới bóng phật đài trầm tư u tịch. Tôi nghĩ về Mộng Lan như một giấc mơ của phép liên tưởng quá xa, xa từ cái thời tôi còn chưa có mặt trên cõi đời, với Nam Cao cũng vậy.

Thường thì chúng ta suy nghĩ về sự vật theo tuyến tính của một chiều nhất định. Do đó chúng ta sẽ thấy một chuỗi: " Tình cờ – tình cờ – tình cờ – tình cờ" Hoặc: "Nguyên nhân – nguyên nhân – nguyên nhân" dẫn tới một kết quả tất định nào đó. Ở đây, tôi không có ý định trình bày lý thuyết "Hiện tượng luận" hay phép biện chứng của Marx. Mà ở đây tôi muốn lưu ý tới một lý thuyết mà cả khoa học lẫn lý thuyết văn chương đôi khi hay đề cập, làm minh chứng cho sự gợi ý của phép liên tưởng: "Hiệu ứng cánh bướm".

Và rồi Mộng Lan ra đi (Mỹ). Con người ta, có những người suốt đời theo đuổi những giấc mơ vốn không có thật nhưng khi tình cờ chạm vào giấc mơ ấy người ta lại chối bỏ như chối bỏ một thực tại bất khả. Điều ấy phản ánh trong sự do dự của văn chương Pháp và phản ánh một phần sự thật trong mỗi chúng ta. Mộng Lan đã ra đi nhưng Nam Cao thì còn ở lại. Trong cuộc nói chuyện ba người, ông đến như một người thứ tư - trong một thoáng tình cờ. Tôi tưởng rằng sau buổi chia tay ấy, tôi sẽ chẳng còn gặp lại ai trừ Nguyễn Quốc Chánh. Nhưng không, Nam Cao vẫn ở đó, hiện diện trong tâm trí tôi, không một lời, chỉ như một ám ảnh. Tôi muốn xóa ông đi, cuối cùng không thành công, dần dần ông hiện diện như một thân phận, hơn nữa lại là một "quốc phận" của một quốc gia nghèo. Đời một nhà văn An Nam như ông, hàm chứa một phần sự thật trong mỗi chúng ta - những kẻ hơn một lần bằng giấc mơ trong ý thức đã mưu toan một cuộc vượt ngục ra khỏi những định kiến hẹp hòi thủ cựu của lũy tre làng để vươn tới một kiếp người cao hơn đồng nghĩa rộng hơn.

"Thân phận"! Tôi không biết Pháp văn (Âu cũng là một thân phận). Nhưng tôi biết người Việt dịch thân phận từ chữ "Humain condition" sát nghĩa là điều kiện của con người. Điều này khác với điều kiện xã hội của Marx, càng không giống với Nguyễn Du khi viết: "Thương thay cho phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung". Hay: "Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau". Chữ "phận",

chữ "mệnh" trong Nguyễn Du là những thân phận đã được khép lại, những gì số phận đã an bài, con người hoàn toàn khôngcó quyền chối bỏ, mà muốn chối bỏ cũng không được. Nhưng với "humain condition" con người không phải là một định mệnh đã an bài, cũng không hoàn toàn là con người bị quy định bởi điều kiện xã hội, mà là con người trong nghịch cảnh của mình chống lại định mệnh nhưng không tin vào sự cải tạo những điều kiện xã hội là mục tiêu lý tưởng mà con người phải theo đuổi. Đơn giản con người trong hai chữ "thân phận" là con người giống như trong huyền thoại Sysiphe: "Con người lăn mãi tảng đá lên đỉnh dốc rồi tảng đá lại lăn xuống" và cứ như thế con người vật lộn với định mệnh của mình, trong sự chối bỏ thượng đế để được đứng đối diện với hư vô trong bài ca bi tráng và bất khả, con người tự kiến tạo thân phận của mình.

Ở đây, tôi chỉ muốn nêu một vài gợi ý để liên tưởng, chứ không theo hẳn một lý thuyết để viết về Nam Cao. Vì tôi e rằng có người sẽ cho là tôi đã hiện sinh hóa Nam Cao, trong khi Nam Cao hoàn toàn không phải là một nhà văn hiện sinh. Đơn giản, tôi chỉ muốn viết về ông như một người Việt viết về một người Việt. Một thế hệ đi trước với những mưu toan và bế tắc, can đảm chọn lựa nhưng đã bị định mệnh tức thời cuộc nghiệt ngã khuất phục.

Sở dĩ tôi chọn Nam Cao chứ không phải là một nhà văn nào khác, như Nhất Linh hay một số tên tuổi kể từ khi Nam Cao cũng như Nhất Linh nằm xuống là bởi vì trong muôn vàn cái bi kịch của người Việt thì theo tôi có một bi kịch lớn đó là người Việt hầu như không có một nhà văn đồng thời lại là một nhà tư tưởng. Chẳng hạn như Lỗ Tấn của Trung Hoa hay Dostoievski của Nga. Với Nhất Linh, ông không phải là một nhà tư tưởng mà ông chỉ là nhà văn chuyển tải những tư tưởng của phương Tây. Ông là người có công lớn với nền văn học quốc ngữ, cùng với Tự Lực văn đoàn, ông là người đặt nền móng xây viên gạch đầu tiên cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại - Làm cho văn chương Việt Nam trở nên giản dị, trong sáng, phong phú, diễn tả được mọi trạng thái cung bậc tình cảm của tâm linh người Việt - hoàn toàn thoát hẳn lối văn chương biền ngẫu, ước lệ và đã bị điển phạm hóa của văn chương cổ điển Trung Hoa.

Cả cuộc đời của Nhất Linh là cuộc đời của một nhà văn. Ông sống, ông viết, ông truyền bá tư tưởng, ông tranh đấu, ông làm chính trị, ông tự tử - trọn vẹn như một nhà văn thực sự. Nhưng để chọn riêng một tác phẩm nào của ông, một nhân vật nào của ông để làm một tác phẩm và nhân vật tiêu biểu cho đời văn của ông, tôi thú nhận tôi không thể chọn

được. Do đó Nhất Linh là nhà văn của một đời, vì một đời cống hiến cho văn chương, văn hóa Việt Nam mà ông nghiễm nhiên có một vị trí quan trọng trong đền đài văn học sử Việt Nam. Còn Nam Cao là nhà văn của tác phẩm, của nhân vật và cuộc đời ông là cuộc đời của một thân phận tiêu biểu cho giới văn nghệ, trí thức tiểu tư sản Việt Nam thời thuộc địa.

(Xin nói thêm, Nhất Linh đã sống như thế, đã chết như thế, sau cái chết của ông người ta còn có thể viết gì thêm vào đó? Chẳng hạn, ông thành công về mặt chính trị, trở thành một chính khách, thành thủ tướng hay một vị quốc trưởng. Thì dẫu sao con người nhà văn trong ông trước đó đã hoàn toàn chết hẳn, do vậy ông chọn cái chết và cố lưu lại một câu nói chẳng qua muốn nhắc nhở người đời - Xin đừng quên Nhất Linh này, dẫu thất bại về mặt chính trị, nhưng tôi - Nhất Linh này, vẫn sống trọn vẹn cuộc đời cho văn nghiệp).

Còn với Nam Cao thì khác, cuộc đời ông sớm phải ra đi, trong khi ông hoàn toàn không được phép chọn lựa. Ông không có được cuộc đời hào hùng như Nhất Linh, ông là một thân phận đầy xót xa ngậm ngùi, một lương tâm bị đè nén, một linh hồn đau thương giàu lòng trắc ẩn với con người - Những kẻ bị chôn sống trong vô số vụn vặt, vặt vãnh của đời thường. Và con thú người bị tử thương ấy chỉ còn biết len lén nhìn vầng trăng trên trời cao thở dài cho những giấc mơ của mình, và ông nghĩ về giải Nobel văn chương như một sự khôi hài đầy xót xa của những nhà văn có một đời sống hẩm hiu sau lũy tre làng.

Khác với Nhất Linh người trở về từ nước Pháp với hai văn bằng cử nhân. Nam Cao đã từng vào Sài Gòn, mơ ước được sang Pháp học, nhưng rồi bệnh tật lại đưa ông về với làng quê nghèo khó của ông. Có lẽ ông đã hóa thân trong nhân vật Hộ - Một đêm trăng, hắn ngước nhìn, hắn thở dài, hắn ngẫm nghĩ cảnh đời nheo nhóc, vợ đói, con khóc, giấc mộng văn chương xa vời. Hốc mắt hắn, hàm răng hắn vàng ệch và khuôn mặt hắn thuỗn dài ra méo xệ đau đáu buồn thảm.

Nhưng không bằng nhân vật Thứ trong "Sống Mòn". Đời người giáo viên trí thức tư thục như Thứ ở một xứ nghèo – Đông Dương thuộc Pháp sao mà buồn thế. Thứ thấy đời mình mốc meo, mòn ra, gỉ đi trong cái kiếp người eo xèo những nợ nần cơm áo, chẳng thể cưu mang một giấc mộng nào cho ra hồn. Tôi như vẫn còn thấy Thứ ở một khu phố cũ của Hà thành, gầy giơ xương sườn, áo thun ba lỗ, tóc tai lòa xòa ngồi nhìn theo hun hút những dãy phố dài buồn tênh để thấy đời mình như cành khô khẳng khiu trụi lá giữa mùa đông buốt giá hiu hắt những thân phận buồn. Đời có gì để mà chờ mong, để mà thay đổi? Câu trả lời chỉ là một nhếch mép thảm hại. Đời người giáo chức trong văn chương Nam

Cao ở xứ Đông Dương thuộc Pháp sao nghe nó cũng buồn như đời một công chức trong truyện ngắn của Guy-de-Maupassant ở bên chính quốc. Và tôi thấy Nam Cao viết văn như một lời tâm tình, như thể ông đang viết về đời ông, bạn ông, đồng nghiệp của ông, tôi có cảm giác các nhân vật của ông từ đời sống đi thẳng vào trang viết của ông, từ tốn, lặng lẽ như một thân phận. Để rồi từ đó ta thấy thân phận của cả một quê hương – Mà sau này Nguyễn Quốc Chánh viết trong tập "Đêm mặt trời mọc" – Quê hương đi đến đâu cũng vang bóng cơ hàn.

Quê hương không chỉ khởi đi từ thời Pháp thuộc, mà đã có từ thời Nguyễn Du viết văn tế thập loại chúng sinh và trước đó nữa và sau đó nhiều nhiều nữa.

Nam Cao không chủ trương thuyết giáo, không khoác áo lý thuyết của người khác như thời ấy có người thích André Gide, Nietzsche hay Mac-xit. Ông viết như ông cảm thấy, nhận thấy, thông qua hơi thở của người tiểu trí thức – thân phận nhược tiểu, ông thở hơi thở ấy vào văn chương ông, tạo thành phong cách Nam Cao, văn chương Nam Cao và là một Nam Cao nguyên nghĩa thuần khiết với những ẩn ức nội tại, nhiều trăn trở nhiều suy tư về kiếp người – kiếp người tiểu trí thức thuộc địa. Và có lẽ không thỏa mãn với tất cả mọi điều, ông dự định sang Pháp có lẽ để đi tìm một câu trả lời thỏa đáng hơn, nhưng định mệnh đã buộc ông phải chọn quê hương như một sự an bài.

Nếu như A. Camus rời Algérie để đến Pháp rồi bị giằng xé giữa nền văn minh của mẫu quốc với cuộc chiến đẫm máu ở "quê nhà" để luôn phải mang mãi trong tâm tư hình ảnh của một quê hương lưu đày. Thì với Nam Cao quê hương đã là một định mệnh, một định mệnh đã an bài và bất khả kháng án, để rồi nơi chốn quê nhà ông thấy đời mình cũng như các đồng hữu của ông mòn ra, gỉ đi – Những đồng xu hoen gỉ không bao giờ được xài nhưng vẫn thấy mỗi ngày mình lại tự mòn vẹt đi từng chút, từng chút, (nhưng tôi nghĩ, Nam Cao có sang Pháp thì rồi ông cũng lại theo chân Trần Đức Thảo trở về quê nhà để rồi lại lưu đày và chết mòn theo một kiểu khác).

Nhưng văn chương Nam Cao không chỉ có thân phận của người trí thức với những tiếng thở dài bất lực trước cuộc đời, trước số phận mà trong văn chương ông còn có tiếng khóc và tiếng thét của thân phận người nông dân – Những kẻ đã nuôi ông lớn lên từ trong vành nôi.

(Nếu như đột nhiên xuất hiện một cây bút mới và lập tức chói sáng trên văn đàn, gây dư luận thì theo tôi để đánh giá một văn tài cần chú trọng tới một số tiêu chí quan thiết sau: - Sự đa dạng về mặt nhân vật, sự biến hóa về mặt bút pháp, sự ung dung tự tại khi định ngôn cho nhân vật

và uy lực tràn trề của ngòi bút trên từng trang viết. Vì khi thượng đế sáng tạo ra loài người thì ngài hoàn toàn không hề thiếu chất liệu, do vậy con người đa dạng về mặt hình hài, thiên biến vạn hóa về mặt tính cách và số phận, có thể nói về phương diện cá thể thì chẳng có con người nào giống con người nào. Nhà văn cũng vậy, khi xây dựng một tác phẩm tức là đang thực hiện một hành vi sáng tạo, phải làm sao cho những đứa con tinh thần của mình, nhân vật của mình có một hình hài riêng không thể lẫn vào đâu trong thế giới văn chương tuy rất rộng rãi nhưng cũng vô cùng chật hẹp cho kẻ đến sau – trong một thế giới đã đầy rẫy những dấu chân người. Do vậy, tác phẩm của những văn tài kiệt xuất thì vượt không gian và thời gian, trong khi với những nhà văn bất tài hoặc thời thượng thì văn phẩm hay nói đúng hơn là những nhân vật cũng như những ảnh tượng mà họ tô vẽ, sơn phết sẽ mau chóng rơi vào quên lãng).

Vậy làm sao để nhân vật của nhà văn tạc tượng vào không gian, thời gian? Hãy chiếm hữu sự vật! Tôi – nhà văn – bạn đọc, là chủ thể, toàn bộ cái còn lại là khách thể. Chiếm hữu tức là thực hiện một hành vi theo Kant là biến vật tự nó thành vật cho ta. Thí dụ, hãy biến con chó đang rên rỉ dưới chân bạn thành một nhân vật trong tác phẩm văn chương của bạn. Chiếm hữu nó như thế nào? Trước hết hãy miêu tả nó, cách rên rỉ của nó, sau đó hãy phả vào nó một linh hồn, một nỗi niềm của riêng bạn hay nỗi niềm của ai đó mà bạn cho rằng quan thiết, thì lúc đó con chó bắt đầu có một đời sống, một số phận riêng khác với con chó đang nằm dưới chân bạn, đồng thời khác với đám chó của các nhà văn khác. Văn tài của mỗi người phụ thuộc vào sự chiếm hữu của người ấy đối với linh hồn người ấy cho đi.

Xuất phát từ sự chiếm hữu khởi đi nhiều dòng lý thuyết văn chương khác nhau, nhưng thực ra chỉ là những cách trình bày khác nhau về đối tượng chiếm hữu. Đôi khi không phải là sự chiếm hữu nhân vật mà là đồ vật – tức một "khung" của không gian truyện, đôi khi lại là sự "chiếm hữu" của dòng thời gian truyện. Đôi khi nhà văn phân thân thành nhiều linh hồn, đôi khi nhà văn chỉ hiện hữu như một ý niệm mang tính cảm giác. Chẳng hạn như khi nhà văn đứng đối diện với hư vô và gọi tên thượng đế, thì khi ấy chỉ có bóng đêm rợn ngợp lấp đầy khoảng không vô biên của cả chủ thể lẫn khách thể.

Trở lại với Nam Cao, sự khởi đi từ sự chiếm hữu nhân vật – lẽ thường thấy ở dòng văn chương cổ điển và bán hiện đại. Ông đã hóa thân (sự chiếm hữu) vào các nhân vật trí thức của ông (Hộ, Thứ) như là những nhân vật tiêu biểu của thời ông dưới cái nhìn của ông được đương

thời công nhận. Thì ông lại phân thân (cấp độ chiếm hữu) vào những nhân vật nông dân, đặc biệt là (Thị Nở, Chí Phèo) điều đó thể hiện văn tài của ông.

Có lẽ một thời nào đó người ta đọc - Tự Lực văn đoàn - người ta đọc Nhất Linh, nhưng rồi tên của các nhân vật dần dần đi vào quên lãng nhưng hai tiếng Thị Nở, Chí Phèo thì vẫn còn đọng lại trên môi những người Việt cho đến tận mãi hôm nay.

Có thể bạn cho rằng sự "đại chúng hóa" có được là do tác dụng của "văn chương phổ thông"? Lầm! Với tác phẩm "Chí Phèo", Nam Cao đã thực sự trở thành nhà văn "cổ điển" và Thị Nở, Chí Phèo là một điển phạm hóa mỹ học của văn chương Nam Cao. Với tác phẩm "Chí Phèo" Nam Cao đã thực sự trở thành "dị nhân", còn hai nhân vật kia của ông thực sự trở thành niềm "kinh dị" đáng thán phục trong văn chương của Nam Cao. Tôi cứ suy nghĩ mãi, không hiểu sao cha đẻ của Hộ, của Thứ lại còn có thể đẻ ra Thị Nở - Chí Phèo, đôi lứa xứng đôi đến như vậy? Hai nhân vật này thực sự là một tượng đài tôn vinh văn nghiệp của Nam Cao. Dĩ nhiên ngày nay người ta có thể có nhiều lối viết khác nhau – Như, lãng đãng hơn, phong sương hơn, huyền ảo hơn, thậm chí nhân vật chỉ là một cảm giác về sự có mặt – hiện hữu như một vô hình mà ám ảnh, trong một không gian "siêu hình" chật chội, ẩm thấp lù mù như đàng sau cánh cổng của địa ngục.

Chí Phèo và Thị Nở đã thực sự từ tác phẩm văn học bước ra, hiện diện, đồng thời gia nhập vào đời sống thường nhật của người Việt. Thị Nở có thể được xem như bà chị của tất cả người Việt chúng ta (cho dù bạn có thể không công nhận mẹ Âu Cơ – Người đàn bà đẻ nhiều là mẹ). Nguyễn Quốc Chánh trong một bài thơ của mình đã phải thốt lên "Xin lỗi, chị Thị Nở!". Còn hồi xưa, tôi có quen một cô bạn gái rất thông minh và xinh đẹp, nàng "quý tộc" tới độ đám con trai chỉ dám đứng xa xa mà nhìn, giống như ông nhà thơ Việt Nam nào đó đã viết: "Ngước mắt trông vời áo tiểu thư!". Riêng tôi, ơn Trời đã trót mang trong mình dòng máu của Chí Phèo nên dù là lang thang và nghèo đói tôi vẫn tự cho phép mình tới thăm nàng như thường (và dĩ nhiên là đàng hoàng chứ không phải là theo cái kiểu quấy rối). Trong một lần trò chuyện nàng kể: "Hồi học trung học, nghe giảng về tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, em đã thốt lên – Ước gì em được làm Thị Nở. Cả lớp đều cười ồ lên và nói em bị khùng!". Tôi nói với nàng: "Hôm đó nếu như có anh ở đó, chắc chắn anh sẽ ước gì anh được làm Chí Phèo!". Nàng cười rất tươi, mà rằng: "Từ ngày quen anh, chỉ có bữa nay em mới được nghe anh nói một câu mà em rất vui!". Ôi chao! cám ơn bố mẹ thương đế, cám ơn ông anh Chí

Phèo! Ông anh quả là đáng mặt đại ca cho bọn đàn ông chết nhát chúng tôi!!!

Chí Phèo là một gã nông dân bị bần cùng hóa, không một miếng đất chọi chó, cũng chẳng biết ai đã sinh ra hắn, hay nói theo kiểu dân Bắc thì hắn là người – rách giời rơi xuống, có thể là con đẻ của chế độ, cũng có thể là do ông Nam Cao túng quẫn, bần cùng đẻ ra. Chỉ biết tính lưu manh của Chí Phèo thì rất bài bản và chuyên nghiệp – Hắn uống rượu từ sáng tới tối – Từ tối tới sáng, luôn trong tình trạng say để quên đi nỗi sợ bẩm sinh truyền đời của những gã nông dân khốn cùng. Nhờ ma men trợ lực hắn coi trời bằng vung - say sưa chửi bới cuộc đời chó chết, khốn kiếp và hăng say đi đòi nhân quyền - Quyền có miếng ăn đút vào miệng. Mà phương thức kiếm ăn của hắn cũng thật lạ, rượu vào là chửi là rạch mặt ăn vạ trước cửa nhà đám cường quyền ác bá trong làng – Cái đám xưa nay vẫn ăn trên ngồi trốc, bóp hầu bóp họng đám dân đen thấp cổ bé họng trong làng, đố ai dám kêu. Thế nhưng tất cả bọn quyền thế ấy đều sợ Chí Phèo với ngón võ khốn cùng là rạch mặt ăn vạ. Thế mới biết không phải tình cờ mà dân gian có câu: "Thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ bần cùng khố dây". Vô sản lưu manh cỡ Chí Phèo thì quả là xưa nay hiếm, không hiểu sao một con người vốn khiêm nhường, từ tốn như Nam Cao lại có thể xây dựng một hình tượng nhân vật lưu manh "cộm cán" như vậy, bao nhiêu phần trăm là văn tài, bao nhiêu phần trăm là thực tại bức xúc bước vào trang viết của Nam Cao? Chỉ nội cái tên thôi ông đã lột tả được bản chất lưu manh, liều mạng của cái thằng đã chí lại phèo!!!

Thế rồi vào một đêm trăng say, Chí Phèo đã uống nhiều lắm rồi, nhiều tới độ đủ quyết tâm ăn thua đủ với đám tiên chỉ của làng Vũ Đại – Hắn còn muốn giết một ai đó, có thể là cái thằng khốn kiếp nào đã sinh ra hắn trên cõi đời chó má, khốn nạn này. Và rồi hắn lần mò ra bờ sông để rồi tình cờ gặp ả Thị Nở nơi túp lều rách – Đúng là cái thế anh hùng vô sản gặp tuyệt thế quỷ hờn ma ghen – Và bắt đầu một cuộc tình của nhân loại trong văn chương.

Thị Nở vốn không phải là một ả lưu manh, nàng là gái nhà lành, chỉ mỗi tội Trời bất xấu. Nghe cái tên của nàng thôi thì ta đã đủ ớn chè đậu cho cái sự cơm nếp nấu đã khét lại nát. Chỉ vì xấu mà nàng phải ra phía bờ sông khuất nẻo cuối làng để sống, không phải chường cái bản mặt Thị Nở ra cho nhân gian phải khiếp hãi. Thế rồi hai cái miếng giẻ rách lót ổ chó nằm bất thành nhân dạng ấy gặp nhau, quấn lấy nhau trong một đêm trăng đẹp đến bàng hoàng, nức nở. Ngoài ánh trăng nhân gian đêm ấy chẳng còn gì, tất cả đều câm lặng bàng hoàng trước sét đánh

của một mối tình và vầng trăng – chứng nhân muôn thuở của loài người và cũng là chứng nhân muôn thuở của những cuộc tình chứng kiến cho những giọt nước mắt hoan lạc tột cùng, xen lẫn những đớn đau cũng tột cùng của hai thân phận con người vốn xưa nay vẫn bị thế nhân xua đuổi lẫn chối từ. Hai đứa con hoang của loài người gặp nhau nơi vườn địa đàng trong văn phẩm của Nam Cao làm thành một cuộc tình tuyệt đẹp giống như thuở hồng hoang trái đất mới chỉ có Adam với Eva. Nhưng cũng chính trong đêm trăng huyền não ấy ta mới thấy hết bao nỗi xót xa cho thân phận bao người. Những con người vốn xưa nay chẳng được coi là người, chỉ một đêm tình cờ gặp nhau bỗng thức tỉnh trong nhau những tâm cảm làm người. Đó là khi Thị Nở cho Chí Phèo xơi một bát cháo hành – chao ôi! Bát cháo nó mới thơm làm sao – Nó thơm ngát tình người. Cái thằng Chí Phèo từ khi rách Giời chui xuống có bao giờ được ăn. Cuộc đời một thằng vô sản lưu manh toàn nỗi đắng cay như hắn chỉ toàn phải nốc rượu như nốc nỗi đắng cay mà cuộc đời khốn nạn đã đè hắn xuống liên tục đổ vào mồm hắn nếu như trong hắn còn chút mong manh mưu toan mong muốn được tồn tại. Thế rồi để đáp lại thạnh tình của Thị Nở, hắn đem dâng cho nàng đời trai tân của hắn. Thị Nở đêm ấy chắc phải thẹn thùng ghê lắm. Vì nàng là trinh nữ còn hơn tất cả các trinh nữ khác vì xưa nay đâu có gã đàn ông nào đủ can đảm (dù là thần kinh) đè nàng xuống để mà giải thoát cho nàng ra khỏi sự trong trắng thần thánh của nàng. Nếu đêm ấy vầng nguyệt kia có thể là ngọn đèn ngủ nơi the phòng thì hẳn là nàng đã tắt "phụt" đi một cái. Nhưng không, dưới ánh trăng lồ lộ nàng vứt cái yếm cũ lên tường rào của ý thức hệ phong kiến (nơi sau này được ngụy tạo bằng truyền thống) mấy ngàn năm đè nén con người, để cả hai cùng được thanh thoát khỏa thân, tắm trăng và ân tình với nhau trong thiên nhiên như vòng tay bao dung của người mẹ vốn sinh ra đã là tự do chưa bao giờ bị cầm tù trong ý thức hệ, áo quần, định kiến hay sách vở lễ giáo. Chính nỗi khát khao, cái khỏa thân tuyệt vời ấy của tự do mà hơn nửa thế kỷ sau, một cô nữ sinh trung học xinh đẹp, quý phái phải thốt lên: "Ước gì em được làm Thị Nở!". Còn tôi cũng đã hơn một lần ước ao được làm gã Chí Phèo ăn vạ, chửi vung vít hết những bất công khốn nạn trong cuộc đời này. Nhưng tôi đâu dám, chúng ta đâu dám? Nỗi sợ hãi bản năng mà chúng ta mang trong người là nỗi sợ cường quyền mà tổ tiên chúng ta truyền lại cho chúng ta như một di sản của truyền thống mà chúng ta cưu mang trong mình như một căn bệnh ác tính mà chúng ta không dám chối bỏ dù đã chạy thật xa, nơi rừng thẳm tuyết dày hay nơi cùng trời cuối đất.

Có lẽ, Nam Cao sau những lặng lẽ bên đời với Thứ, với Hộ với sống

mòn, ông đã gởi toàn bộ ước vọng tự do vào nhân vật Chí Phèo, vào cuộc tình Thị Nở – Chí Phèo. Cái vóc dáng khiêm nhường nhỏ bé của nhà văn, nhà tiểu trí thức thuộc địa Nam Cao vụt rơi xuống khi ông phủ bóng mình lên tác phẩm "Chí Phèo" - Ông cao lớn – lồng lộng – ngạo nghễ như một tiếng cười. Ta đã từng đọc những trang văn thấm máu đời, thấm máu người, thấm những niềm đau cứu thế của Dostoievski, đã từng nửa khóc nửa mếu khi thấy những cặp tình nhân xấu nhất trần gian âu yếm nhau trong văn phẩm của Thomas Mann. Thế nhưng mấy ai trong chúng ta đã thấu hiểu nỗi niềm Nam Cao - Kẻ vác trên lưng thân phận con người? Ông chỉ nhỏ bé như con kiến thôi, nhưng ngày mỗi ngày ông phải tha vác cả bầu trời của tha nhân với những nỗi niềm cô quạnh. Ông cày xé trên lương tâm của người tiểu trí thức thuộc địa như mình nát từng phân vuông để tìm kiếm lời giải chung cho phận người. Nhưng cuộc đời có lẽ mãi mãi chỉ là niềm đau, là niềm yêu thương da diết khôn hoài và đầy những bí mật mà chẳng có văn nhân lẫn triết gia nào tìm ra lời giải cuối cùng. Vì nói như đại thi hào Goethe thì: "Mọi lý thuyết đều xám ngắt, chỉ có cây đời vẫn mãi đó xanh tươi".

Những kiệt tác của thế giới đôi khi chỉ lưu lại trong ký ức của loài người một vài trường đoạn, Thí dụ: - Với "Chiến tranh và hòa bình" của Lev Tolstoi ta thấy hình ảnh của hai người lính Pháp-Nga thức dậy giữa một bãi chiến trường đẫm máu ngổn ngang những xác người. Trong sử thi Ấn Độ – ấn tượng còn lại là người và thần đều chết lặng sau hoang tàn của một trận tử chiến cuối cùng. Với trường ca Iliade của thi hào Homère vĩ đại cũng vậy. Duy đêm trăng của Thị Nở – Chí Phèo lại phản ánh một trận chiến khác – chiến trận của lòng người, của cái đẹp bất khuất trong linh hồn con người, khao khát chiếm lại phần thế giới đã mất – Phần thế giới loài người đã tự vong thân và ruồng bỏ tự do của mình.

Với Jack London đó là: "Tiếng gọi nơi hoang dã" với Nam Cao đó là: "Tiếng gọi nơi hoang dã của bản năng cái đẹp" - Nơi loài người được cứu chuộc trong nỗ lực tìm lại mình trong phần nhân bản đã bị vong thân.

Tôi không gọi Nam Cao là nhà văn thiên tài, cũng không gọi ông là nhà văn lớn. Ông đơn giản chỉ là một nhà văn – Một nhà văn An Nam nhỏ bé thầm lặng với những nỗi đớn đau da diết về phận người. Tôi cũng xem ông như là nhà văn của thân phận An Nam vì đời ông hàm chứa thân phận ấy.

Nếu không vì bệnh tật, sau khi vào Sài Gòn và sang Pháp rất có thể ông sẽ trở thành A. Camus của phương Đông. Nhưng cũng rất có thể sau

khi sang Pháp ông lại theo Trần Đức Thảo trở về với chính phủ Hồ Chí Minh để hơn một lần nữa ông lại nếm trải kiếp sống mòn trên quê hương lửa đạn và đầy rẫy những bất công, định kiến mà người Việt dành cho nhau trong một guồng máy cai trị đầy chặt chẽ nhưng thiếu hiểu biết và cảm thông. Ông không biết làm thơ, nên không thể nổi tiếng nhờ thơ "lậu" như Trần Dần: "Tôi bước đi không phố, thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ!". Văn lậu, truyện lậu, tiểu thuyết lậu cực kỳ khó. Do vậy, với bản tính nhu mì của một anh giáo, ông có thể trở thành biên tập viên của một nhà xuất bản để được ăn lương nhà nước. Và nếu bây giờ tôi gặp ông với những trang bản thảo này, thì sau khi đọc có lẽ ông sẽ nói: "Cháu viết cũng được đấy! nhưng tình hình hiện nay thì chúng ta chưa thể cho in loại này được!". Tôi sẽ chào ông, ra về và chúng tôi xa nhau nửa vòng trái đất và có thể là vĩnh viễn chẳng bao giờ còn nhìn mặt nhau.

Nhưng sự thực lại không chua chát như vậy, hay nói đúng hơn là lại chua chát theo một kiểu khác. Từ Sài Gòn trở về quê ông mới để lại cho đời niềm bi phẫn. Để rồi, 1945 kháng chiến bùng nổ, để chấm dứt kiếp sống mòn, ông lựa chọn kháng chiến cho hai giấc mơ của mình: Một cho độc lập dân tộc, hai cho những phận đời ông hằng mô tả bớt cơ cực hơn. Tôi nghĩ, thời đó chắc cũng nhiều người Việt mơ ước như ông - Nước Việt của người Việt sẽ tốt đẹp hơn là của thực dân (?).

Để rồi, có thể vào một đêm đông hay một chiều mưa lạnh nào đó năm 1953, ông đã ngã xuống trên đường công tác và chấm dứt giấc mơ bay vào bầu trời của mình. Trong một cuộc phục kích không biết một người lính Tây (hay cầm súng Tây) nào đó với viên đạn vô tình đã giết chết Nam Cao – Nhà văn An Nam đã hơn một lần mơ ước được tới chính quốc để thám hiểm nền văn minh của nước Pháp – như là một trong những cái nôi của nền văn chương thế giới. Định mệnh đã khép lại, xót xa cho thân phận của một nhà văn và cũng xót xa cho một dân tộc mà có lẽ thượng đế đã quyết tâm đào luyện tất cả chúng con đều phải trở thành người lính (!). Nhưng cũng có thể thượng đế muốn gọi Nam Cao về trời để sớm an ủi linh hồn cho người nằm xuống. Bởi vì ông chết vào năm 1953, nên ông không bao giờ có dịp tham gia cải cách ruộng đất, hay Nhân Văn Giai Phẩm, càng không thể được thấy người ta xây dựng thiên đàng tình ái của chủ nghĩa xã hội trên quê hương miền Bắc yêu dấu của ông. Ông chết đi thì khỏi phải trở thành cán bộ, khỏi phải tham gia đấu tố (để rồi sau này kẻ thắng người thua – mỗi người đau đớn ê chề theo một cách). Chính vì vậy, tuy không sống trọn kiếp đời dài cho giấc mơ văn chương nhưng trong lòng người đọc ông mãi

mãi là nhà văn, tuy đôi khi người ta cảm thấy nơi ông còn thiếu một cái gì đó, những tác phẩm đồ sộ? Hay sự đi đến tận cùng lời giải cho kiếp người? Đôi mắt ông đã khép lại, dẫu vui, dẫu buồn thì văn chương của ông cũng đáng cho người ta bình phẩm.

(Nhân đây tôi cũng nói thêm về tác phẩm "Đôi mắt" – Tác phẩm "nhận đường" của Nam Cao khi ông bắt đầu gia nhập hàng ngũ những người kháng chiến. Đây không phải là truyện ngắn thuộc loại "Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa" đơn giản, ông chỉ gián tiếp phê phán và muốn từ bỏ kiếp sống mòn của người trí thức tiểu tư sản bấy lâu. Ông không thể chấp nhận trong khi toàn dân đã tiêu thổ kháng chiến mà vẫn còn có những người trí thức nhởn nhơ buông mùng nhai mía ướp hương hoa bưởi, đọc Tam Quốc chí và khâm phục những nhân vật đâu đâu mãi tít tận bên Tàu. Với ông, kháng chiến đó là một chọn lựa để đoạn tuyệt với sống mòn. Về chuyện này tôi thấy ông là một người trung thực. Cũng như Phạm Duy khi trả lời phỏng vấn của đài BBC, ở nước ngoài Phạm Duy vẫn nói: "Với tôi những năm tháng kháng chiến mãi mãi là những năm tháng mà tôi cho là đẹp nhất trong cuộc đời của tôi". (Dĩ nhiên ở đây, kháng chiến không nhất thiết phải đồng nhất với Cộng sản).

Nhưng dù gì thì Nam Cao cũng không phải là một nhà văn làm chính trị – Ông là nhà văn của con người, con người nhân bản và thân phận. Chính vì vậy mà tôi chọn Nam Cao như một thân phận tiêu biểu cho thân phận của các nhà văn An Nam – Những người đã mưu toan một cuộc đào thoát ra khỏi những tăm tối của lũy tre làng để được bước vào một vòm trời cao rộng hơn nhưng định mệnh đã khuất phục và đóng đinh họ vào số phận của một dân tộc chưa được giải thoát và khai phóng về mặt tư tưởng.

Một điều nữa để tôi chọn viết về Nam Cao như một thân phận của nhà văn An Nam vì hầu hết các tác phẩm của ông đều được viết trước năm 1945. Thời mà mảnh đất An Nam thuộc địa còn tương đối bình yên, như vẫn được gọi là thời tiền chiến. Thời trước của một cuộc chiến bùng nổ kéo dài ba mươi năm (1945-1975) - Cuộc chiến tranh dài nhất trong thế kỷ hai mươi. Dân tộc Việt Nam khởi đi từ cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc bước sang cuộc chiến tranh ý thức hệ - Với hai gọng kìm vĩ đại nhất trong lịch sử – Cộng Sản và Tư Bản. Khi hai thế lực quốc tế mạnh nhất trong lịch sử đối đầu nhau khốc liệt trên thân xác của người Việt, thì thử hỏi có cá nhân nào đủ sức để mà chịu đựng nổi dòng xoáy lịch sử để mà không vong thân, huống hồ chỉ là con người nhân bản nhỏ bé lầm lũi như Nam Cao? Dân tộc Việt Nam - Một dân tộc kiên cường

không cam tâm với kiếp sống mòn của một An Nam thuộc địa đã quăng thân mình vào một cuộc chiến tranh như là gia nhập vào một cuộc thử nghiệm vĩ đại nhất đồng thời cũng tàn bạo nhất trong lịch sử - Mưu toan bằng một cuộc tranh đấu đầy máu xương để mưu định một hạnh phúc bền lâu. Tiếc rằng bài học lịch sử sau đó người Việt lại không tự rút ra được chính từ xương máu của mình và xương máu của nhân dân.

Ba mươi năm sau khi im tiếng súng (kể từ 1975 trở lại đây) bằng chiều dài của hai cuộc chiến tranh trước, Việt Nam lại lên đường trong cuộc mưu sinh đầy nhọc nhằn với những ấu trĩ sai lầm tưởng chừng đều khởi đi từ Văn Nghệ như là một cơn ác mộng kết thúc trong câu vè đầy chua xót của nhân gian như một minh định lịch sử: "Nhà thơ làm kinh tế, thống chế đi đặt vòng". Việt Nam của một thời duy ý chí, mùa màng thất bát liên tiếp, bù lại các mùa nghị quyết của trung ương thì lại luôn luôn sáng suốt và bội thu. Nhưng rồi những tháng ngày u ám đó có vẻ như đang trôi dần vào quên lãng khi mà với sự đầu tư của tư bản nước ngoài, nền kinh tế Việt Nam đã khởi sắc đôi chút, dân có cái ăn (nhất là từ khi ruộng đất được trả lại cho nông dân, chứng minh sự phá sản của tập thể là sự khởi sắc của cá nhân). Quan trọng hơn cả là ám ảnh về chiến tranh của các vị thống chế cũng nguội dần khi chiến tranh lạnh kết thúc. Việt Nam không còn là sân chơi tàn bạo của các thế lực chính trị quốc tế nữa, mà trở thành sân chơi của các vị đại gia kinh tế với đủ các sắc tộc màu da. Từ một nền kinh tế tập trung theo đường lối chính trị trung ương tập quyền đặt mục tiêu chính trị và đạo đức vô sản lên hàng đầu – bất chấp quy luật kinh tế và sự khốn cùng của dân chúng, chuyển sang một nền kinh tế thị trường cấp thấp, thiếu nghiên cứu, thiếu hiểu biết, hỗn loạn và vô nguyên tắc đã biến tất cả trở thành một vở hài kịch dở khóc, dở cười. Ở đây ta lại thấy những phận người nổi lên như dưới thời Nam Cao. Trí thức có thực tài muốn xây dựng một nước Việt hùng cường sau một thời gian dài chịu đựng và sống mòn vô nghĩa vì các ý kiến của họ không được giới võ biền lắng nghe và sử dụng đã lặng lẽ bỏ nước ra đi. Một quốc gia không có anh hùng thì chắc chẳng có giai nhân, vì những người đẹp cũng bỏ nước ra đi. Quê nhà giờ chỉ còn lại những thành phần cốt cán như là Thị Nở và Chí Phèo ngày xưa, dĩ nhiên con cái họ đều sinh ra, lớn lên được nuôi dưỡng và trưởng thành dưới mái trường xã hội chủ nghĩa thân yêu. Con người của thời bao cấp được nhồi nhét những chuẩn mực về đạo đức Xã Hội Chủ Nghĩa không sống nổi một đêm sau cơn đại hồng thủy của nền kinh tế thị trường kiểu Tư Bản tự do, do vậy đa số đều chết chìm trong vũng bùn của ảo tưởng, chỉ có một dúm người mọc đuôi vì kịp thời lưu manh hóa theo kiểu Chí Phèo -

Tay trùm vô sản lưu manh (xin lỗi ông Chí Phèo, tôi không có ý định mang ông ra đấu tố). Nhưng xét cho cùng, cơ chế thị trường tự do sẽ nhấn chìm tất cả những ảo tưởng ngu ngốc vì không được chuẩn bị trước đó, trước hết là về mặt ý thức - tư tưởng (vì nền kinh tế nào thì tương ứng với nền tư tưởng ấy!).

Trong lúc này tôi bỗng nhớ Nam Cao da diết, nhớ tiếng gào trong đêm của Chí Phèo, thèm được ngả vào lòng của chị Thị Nở để được ăn một bát cháo hành, bởi vì lòng người ở đây cũng như những cánh rừng – Tài nguyên quốc gia đã bị khai thác tới kiệt quệ rồi. Không còn Hộ của những đêm trăng mơ giải Nobel cho các nhà văn An Nam mặc quần xà-lỏn, không còn Thứ của nỗi niềm trí thức bi thương mà kiêu hãnh. Chỉ còn lại đây một nền nghệ thuật rẻ tiền ấu trĩ tới buồn nôn. Từ một nền nghệ thuật chỉ biết phục vụ chính trị, với những ca từ ấu trĩ: "Một đời người, một rừng cây. Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ để dành phần ai". Ai chọn việc nhẹ nhàng? Là việc gì? Chẳng lẽ vẽ tranh như Van Gogh, hay viết văn như Dostoievski là nhẹ nhàng? Một quốc gia hầu như không có nhân tài, chưa dám nói tới thiên tài, mà lùa trí thức vô rừng đốn cây, rồi lại bày đặt ra những bài hát mị dân với những ca từ bẩn thỉu như vậy thì thật là đáng trách. Để rồi sau khi giã từ thời kỳ ngu ngốc đó thì người ta lại rẻ tiền theo kiểu khác.

Hãy nghe em tôi, người con gái tóc vàng (nhuộm) mắt đen hát: "Tình yêu đến em không mong đợi gì, tình yêu đi em không hề hối tiếc". Đã đến không mong đợi gì, thì đi có gì phải hối tiếc, lòng người chỉ là chiếc lá khoai hứng chịu cơn mưa bảy sắc màu lòe loẹt giả dối đội xuống những trái tim như những chiếc đầu vịt lặn ngụp trong cuộc mưu sinh cơm-áo-gạo-tiền.

Ai sẽ làm giống như Nam Cao – nhà văn của những nỗi lo phận người, ngậm ngùi cho kiếp mưu sinh. Ai sẽ chỉ ra cái đẹp của đời thường này, nó ẩn khuất đâu đó dưới những dòng mồ hôi, dòng nước mắt và ai sẽ khai tâm về cái đẹp nhạt màu cơm áo? Chắc có lẽ đó là câu chuyện cổ tích của tương lai – Câu chuyện vào giữa thế kỷ hai mươi mốt, từ làng Vũ Đại ngày ấy có một gã "Nam Lùn", xách va-ly rách bước lên chuyến tàu tốc hành phương Đông trực chỉ thế giới (bất kể có hay không tiếng còi trong sương đêm), chàng ra đi mà đầu không hề ngoảnh lại. Để rồi hơn hai mươi năm sau, sau khi đã bôn ba khắp chân trời góc bể, đi mòn hơn chục ngàn đôi giày, chàng trở lại quê nhà và xin cưới con gái của Thị Nở, sau đó cả hai cùng viết văn cho nhà xuất bản Tự Do ấn hành khắp thế giới.

Tôi có nói gì sai không, trong những đêm dài mộng du cùng Chí

CHÚC MỪNG

Nhận được tin lễ thành hôn và vu quy của

NGUYỄN THỤY VŨ (IAN)
trưởng nam của ông bà Nguyễn Mộng Giác,
và
LƯƠNG HUỲNH KIM DUNG (KIMMIE)
trưởng nữ của ông bà Lương Lưu Tôn.

Hôn lễ được cử hành tại tư gia
sáng Thứ Bảy ngày 6 tháng 11 năm 2004,
tại Fountain Valley, Nam California.
Văn Học và văn hữu xin chia vui
cùng ông bà Nguyễn Mộng Giác.

Phèo, Thị Nở, Nam Cao cùng với bao gương mặt người thân thiết khác? Tôi chỉ biết rằng, tôi đã giới thiệu Nam Cao – nhà văn An Nam bất hạnh cho Mộng Lan – Người con gái có ba mẹ gốc Bắc, sinh ra ở trong Nam, lớn lên và học hành viết lách bằng tiếng Anh trên đất Mỹ. Nếu em muốn tìm hiểu tiếng nói của đất nước này, văn học của quê hương này, xin hãy đọc Nam Cao, nhà văn của một vùng quê nghèo khó, ngôn từ giản dị không khoa trương triết lý, nhưng mỗi dòng văn là một dòng nước mắt, hàng hàng những con chữ chết từ lúc chưa thoát khỏi trái tim của nhà văn – Đó là tiếng nói của quê hương người Việt. Một tiếng nói buồn thảm, vô thường, đáng ghét, nhưng chắc có mấy ai đủ can đảm để chối từ. Em hãy nghe Phạm Duy hát: "Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời". Nhưng ít ai hiểu được rằng mỗi nhà văn bị đóng đinh vào quê nhà, bị đóng đinh vào ngôn ngữ mẹ đẻ của một vùng ngôn ngữ không giao lưu, không phát triển tức là một nhà văn đã chết. Tôi viết bài ai điếu này cho Nam Cao và cho tất cả những nhà văn chỉ biết đóng khung cuộc đời mình, hiểu biết của mình, trang viết của mình vào duy nhất hai tiếng: "Quê Nhà!".

Có lẽ để thể hiện lòng biết ơn đối với quá khứ không gì tốt đẹp hơn là hướng những trang viết của mình tới thẳng tương lai. Và một quốc gia không tôn thờ lý tính, không có những lý thuyết gia, những nhà tổ chức tương lai, là một quốc gia không có linh hồn – Một quốc gia đã chết.■

jean valjean: cái tên là một cái tôi

NGUYỄN THỊ TỪ HUY

Tầm vóc của Jean Valjean không chỉ là tầm vóc của một tù khổ sai vươn lên thành một vị thánh chí thiện. Vị thánh đó thực ra chỉ muốn làm một người bình thường, muốn cái tên tầm thường và cái tôi nhỏ bé của mình được thừa nhận. Từ góc độ vấn đề mà bài viết này sẽ xử lý thì *Những người khốn khổ* của V. Hugo là cuốn tiểu thuyết về cuộc đấu tranh cho cái tên và qua đó, cho cái tôi trong đời một con người khốn khổ.

Cái tôi ở Jean Valjean là sự hoàn chỉnh của một nhân cách không theo quy luật thông thường mà theo một tiến trình đặc biệt: được xác lập nhờ tác động bên ngoài (của cha Myriel), tự xóa bỏ vì mình và vì người khác (Jean Valjean khẳng định bản ngã bằng cách vừa đối lập mình với người khác vừa hòa tan vào người khác), và cuối cùng là tự xác lập lại (khi không còn ai cần đến mình nữa). Bi kịch của Jean Valjean là dù nhân cách có được hoàn thiện tới mức độ nào thì nó cũng bị cái tên làm cho trở thành vô hiệu. Mối quan hệ giữa cái tên và cái tôi Jean Valjean phản ánh cấu trúc phức tạp của tư tưởng Hugo và tham vọng muốn xóa bỏ không chỉ án tử hình của pháp luật đối với tử tù mà cả án tử hình của thành kiến xã hội đối với các cựu tù. Xây dựng một người tù khổ sai thành một mẫu mực về sự tu thiện cá nhân, Hugo muốn kêu gọi một cái nhìn không thiên kiến đối với con người, vượt lên mọi giai cấp. Điều mong mỏi nhất của ông là xã hội chịu thừa nhận những giá trị mà một người tù khổ sai có thể đạt tới.

1. Cái tên và ý thức về cái tôi của nhân vật

Gần mười chín năm kể từ lúc ra tù đến lúc chết (1815-1833, đúng bằng quãng thời gian trong tù!), đó là hành trình của Jean Valjean từ chỗ cố che giấu họ tên cho đến chỗ tự trả lại tên cho mình. Trong mười chín năm ấy, Jean Valjean đã tồn tại nhờ những cái tên giả và giành được sự kính trọng của xã hội với những cái tên giả đó. Có hai lần Jean Valjean quay trở về với tên thật của mình. Lần thứ nhất, buộc phải tự thú ở tòa Arras, và lần thứ hai tự nguyện tự thú với Marius. Lần thứ nhất ông trở lại nhà tù để rồi tự giải thoát và tiếp tục sống với những tên mới. Lần thứ hai ông cũng vào tù nhưng lần này là nhà tù vĩnh viễn: cái chết. Giữa hai lần tự thú đó là bước phát triển nhảy vọt của ý thức về cái tôi (gắn liền với cái tên) ở nhân vật.

Không phải ngay từ đầu ý thức về cái tôi, về giá trị cá nhân đã có sẵn trong Jean Valjean. Sau khi được linh mục Myriel cảm hóa, Jean Valjean quả thực đã luôn phấn đấu để trở thành một người lương thiện đúng nghĩa. Và để làm được điều này, ông buộc phải sử dụng tên giả. Ông đã làm việc đó một cách nhẹ nhàng, không chút băn khoăn. "*Bây giờ ông chỉ lo hai điều là giấu kỹ tên tuổi và sống một cuộc đời được thừa nhân thoát khỏi bàn tay người đời và trở về với chúa*" (I,VII,III). Vụ Champmathieu buộc ông phải đối mặt với nó, cái tên mà ông ghê tởm. Sau cuộc đấu tranh khốc liệt, ông đã đến tòa Arras, không phải với ý thức khôi phục tên tuổi mà với cái lương tâm thánh thiện không muốn một người vô tội phải bị hàm oan. Jean Valjean tự thú lần này là vì trách nhiệm đối với Champmathieu.

Còn lần tự thú với Marius là vì trách nhiệm đối với chính bản thân mình. Điều này khiến sự việc trở nên giản dị, sáng rõ.

Hugo đã làm cho mọi chuyện rối tung vì những giằng xé nội tâm và những lý do thiếu sức thuyết phục mà Jean Valjean dùng để giải thích với Marius về hành động của mình:

- Không muốn làm nhơ bẩn hạnh phúc của các con: Hơn ai hết ông biết rằng nhờ ông mà Cosette và cả Marius mới có hạnh phúc. Vả lại mười năm sống với ông, Cosette đã thực sự sung sướng và ông đã không hề có cảm giác làm nhơ bẩn hạnh phúc của nàng.

- Ông nghĩ đến hậu quả nếu một ngày nào đó bị phát giác: trên thực tế sự tự thú cũng sẽ chẳng thay đổi gì vì chỉ có mỗi mình Marius biết chuyện.

- Ông cho rằng ông đứng ngoài xã hội, không thuộc một gia đình nào, nhưng trong mười năm qua ông và Cosette đã tạo nên một tổ ấm đúng nghĩa.

- Những lập luận của ông về vấn đề lương tâm cũng đầy mâu thuẫn vì lần này chẳng ai phải chịu nguy hiểm ngoài ông.

Vậy động cơ thúc đẩy Jean Valjean tự thú chính là: "*bây giờ, để sống, tôi không muốn ăn cắp một cái tên*" (V,VII,I). Marius không hiểu được điều này, mặc dù trước đó Jean Valjean đã giải thích tương đối rõ: "*Fauchelevent đã cho tôi mượn tên một cách vô ích, tôi không có quyền sử dụng nó; ông ta có thể cho tôi tên, nhưng tôi không thể nhận.* ***Mỗi cái tên, đó chính là một cái tôi***" (V,VII,I). Đằng sau câu nói của Jean Valjean rằng ông không có quyền nhận cái tên của Fauchelevent dường như vang lên một tiếng gào thống thiết trong im lặng: "tôi có quyền có cái tên của mình". Tội nghiệp Jean Valjean, Marius không nghe thấy và vì vậy mà không hiểu được cái quyền chính đáng ấy của ông, quyền được là chính mình. Marius, chàng luật sư đó cũng đã không hiểu rằng một cái tên là một cái tôi, một giá trị. Jean Valjean còn tiếp tục lý giải cặn kẽ hơn: "*tuy là một nông dân, tôi cũng có suy nghĩ chút ít, có đọc chút ít; và ông thấy đấy, tôi nói năng cũng nghe được.* ***Tôi hiểu được nhiều điều. Tôi đã tự giáo dục tôi.*** *Thật thế, lấy một cái tên và giấu mình dưới cái tên ấy, là không lương thiện.*" (V,VII,I).

Jean Valjean là nhân vật chính nhưng tên ông chỉ được đặt cho phần cuối cùng của tác phẩm. Chỉ đến lúc ấy ông mới thực sự là một Jean Valjean trọn vẹn. Tự thú với Marius không phải là một hành động bất ngờ, đột ngột. Nó được khởi nguồn từ quyết định lên chiến lũy cứu Marius, đồng nghĩa với quyết định sẽ trao Cosette cho chàng. Trên chiến lũy Jean Valjean đã có một hành vi khó hiểu ngang với việc tự thú: Jean Valjean không chỉ tha chết cho Javert mà còn cho hắn biết tên giả và địa chỉ của mình, để hắn tìm ông trong trường hợp ông còn sống sót! Điều đó có nghĩa là Jean Valjean quyết định nộp mình cho Javert, quyết định quay trở lại với chính mình. Vậy giả định (nếu như chúng ta có thể giả định) rằng Javert không chết thì Jean Valjean cũng sẽ không nộp mình cho Marius.

Cuộc gặp gỡ với Myriel là một cú hích quan trọng, nhưng sự tự giáo dục mới là điều kiện thiết yếu để Jean Valjean xây dựng nhân cách. Giám mục đưa Jean Valjean ra khỏi bóng tối của tội ác đến với ánh sáng chói lòa của lòng lương thiện. Quá trình tự giáo dục đưa Jean Valjean từ sự tối tăm vô học đến với ánh sáng hiểu biết của trí tuệ, biến ông thành một ý thức hoàn chỉnh về cái tôi cá nhân. Cái tôi của ông, một mặt, vượt lên trên tính ích kỷ, tự xóa mình vì người khác, nhưng đồng thời đó cũng là một ý thức đầy đủ về các giá trị riêng của mình. Myriel cho ông cái ảo tượng về thế giới bên kia - cái chỗ dựa tinh thần vững chắc giúp ông

vượt qua những nỗi đau khổ trên trần thế. Sự tự giáo dục, sự hiểu biết giúp ông nhận thức về cái bản ngã có một không hai của mình trên chính thế giới này. Georges Piroué đã phát biểu điều mà đa số độc giả Hugo nhận thấy ở Jean Valjean: "Ông là con bướm tương lai mà ở dưới trần gian này chúng ta chỉ biết có con nhộng" [1]. Đấy chính là bi kịch của Jean Valjean: người ta chỉ thấy ở ông con nhộng trong lúc ông muốn được nhìn nhận như một con bướm hoàn thiện. Ông đã tự vứt bỏ cái vỏ kén an toàn mặc dù đổi lại là đau khổ vô bờ bến.

Hugo, trong các tác phẩm của mình không chỉ xây dựng những cái tôi lãng mạn độc đáo hoặc những anh hùng có tham vọng: phải có danh gì với núi sông. Hugo còn đấu tranh cho những cá nhân thuộc về cái tầng lớp vô danh đông đảo trong xã hội, những phận mỏng cánh chuồn, những kiếp người khốn khổ. Ruy Blas, một người hầu trong vở kịch nổi tiếng vào bậc nhất của Hugo được hoàng hậu yêu vì chính tài năng, nhân phẩm của chàng, chứ không phải vì chiếc áo quý tộc khoác bên ngoài con người chàng. Hoàng hậu đã nhận thấy trong đầu chàng một khối óc tuyệt vời và trong lồng ngực chàng một trái tim cao quý và say đắm. Để cho hoàng hậu yêu Ruy Blas sau khi đã biết rõ thân phận tôi tớ của chàng, Hugo muốn trả về cho dân chúng giá trị thực sự, đòi phải thừa nhận họ trong chính tầng lớp xuất thân của họ.

2. Cái tên và sự phán xét của xã hội đối với cái tôi của nhân vật

Có thể hình dung bi kịch cuộc đời Jean Valjean qua sơ đồ sau:

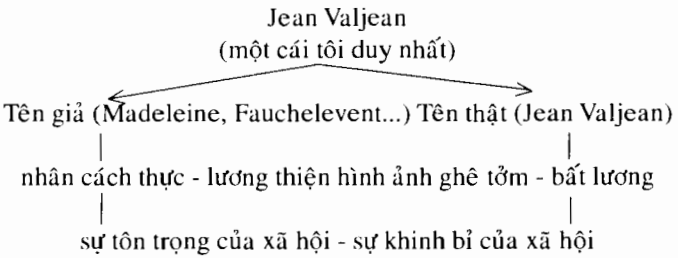

Đối với Jean Valjean đã quy thiện, mười chín năm tù không chỉ là quá khứ, đó còn là một thứ tội nợ đè nặng lên hiện tại và tương lai của nhân vật. Tâm hồn cao quý không thể cứu chuộc cho cái tên nhục nhã. Nỗi nhục nhã đeo vào cái tên dai dẳng. Jean Valjean đã không thể dùng con người mới đáng trọng để xóa đi sự ghê tởm của người đời đối với cái tên, tức là quá khứ, của mình. Hơn nữa, tình hình còn bi đát hơn khi cái

quá khứ đó lại chính là hiện tại: Tù khổ sai tái phạm và vượt ngục.

Nghịch lý của Jean Valjean: Ông là một con người, một cái tôi duy nhất nhưng lại phải chịu những đánh giá hết sức trái ngược của xã hội, mà những đánh giá ấy chỉ dựa vào cái tên chứ không dựa vào bản chất đích thực của ông.

Con người lương thiện, nhân cách thực sự của Jean Valjean được xã hội công nhận và tôn trọng khi ông khoác lên đó những cái tên giả.

Nhưng cũng con người ấy, nhân cách ấy mà được gọi bằng cái tên Jean Valjean, tức là tên thật, thì ngay lập tức biến thành quỷ dữ, bị khinh bỉ, lên án.

Điều trớ trêu là ở tòa án Arras, phải nhờ vào uy tín của cái tên Madeleine thì ông mới có cơ hội để quay trở lại với cái tên Jean Valjean. Thật xót xa cho nhân vật, khi ông được chứng kiến sự nổi tiếng và tôn kính của Madeleine ngay trước cánh cửa dẫn ông trở về với Jean Valjean. Xã hội đã phân biệt rất rõ Jean Valjean và Madeleine, không muốn thừa nhận hai người đó là một. Và thực tế Jean Valjean đã giết chết Madeleine, chứ không phải ngược lại: Madeleine không cứu được Jean Valjean. Hành vi cao thượng của Jean Valjean làm người đời xúc động, nhưng sự xúc động đó chỉ kéo dài trong khoảnh khắc, vừa đủ để ông nhận ra mình ảo tưởng khi hi vọng rằng người ta sẽ "xét đến cuộc đời lương thiện của ông trong bảy năm qua, công lao đóng góp của ông cho xứ sở lâu nay mà tha bổng cho ông."

Như vậy, bao giờ cũng có một độ lệch nghiêm trọng trong nhận thức xã hội về con người thật và cái tên thật của Jean Valjean. Tên giả là biện pháp bất đắc dĩ mà tạm thời Jean Valjean phải dùng để có cơ hội hoàn lương và để buộc xã hội thừa nhận giá trị chân chính, kết quả của sự phấn đấu đầy đau đớn. Tham vọng của Jean Valjean trong lần tự thú cuối cùng là muốn trả tên mình về với những giá trị đó. Tuy nhiên không phải dựa vào việc khoe khoang thành tích (ông đã giấu Marius những việc tốt đã làm) mà mong muốn một cái nhìn công bằng của người đời. Nhưng Marius đã bị cảm giác ghê tởm thiên kiến che lấp mất sự sáng suốt của lẽ phải, mặc dù không phải Marius không hiểu rằng: "Một lương tâm trỗi dậy là một tâm hồn cao cả". Ít nhất Marius cũng có thể nhận thấy trong hành động tự thú của Jean Valjean những biểu hiện của một con người chân chính: sự trung thực, sự can đảm, đức hy sinh. Nhưng sự thức nhận đó cũng không đủ mạnh để át đi ấn tượng khủng khiếp mà cái tiếng "cựu tù khổ sai" mang lại.

Hugo đã làm cho vấn đề trở nên phức tạp với những cảm giác hỗn độn, những giằng xé ngổn ngang trong lòng nhân vật, những lập luận

mâu thuẫn về sự kính trọng, sự khinh bỉ và lòng tự trọng: *"...tôi chỉ có thể ăn cắp lòng kính trọng, sự kính trọng này làm tôi nhục nhã và dày vò nội tâm tôi, để tôi được tự trọng thì đành để mọi người khinh bỉ tôi."* (V,VII,I).

Thực ra Jean Valjean không muốn ăn cắp lòng kính trọng, bởi vì ông xứng đáng được nhận nó một cách đàng hoàng, điều mà ông đã không có được. Những trải nghiệm suốt cuộc đời đủ để ông cay đắng nhận ra rằng người ta không thể nào kính trọng ông thực sự khi họ biết quá khứ của ông. Cả thị trấn Montreuil chịu ơn ông, nhưng sau vụ Champmathieu, *"mới non hai tiếng đồng hồ mà bao nhiêu công đức của ông người ta đã quên sạch, và ông chỉ còn là "thằng tù" thôi."* (I,VIII,V)

3. Cái tên và sự tồn tại của cái tôi Jean Valjean trong ý thức của người khác

Cũng như những cái tôi lãng mạn khác, Jean Valjean là một cái tôi cô độc và kiêu hãnh. Mối quan hệ với các cá nhân khác trong cuộc đời càng làm nổi bật sự cô độc của nhân vật.

Jean Valjean-Myriel

Có hai người được Jean Valjean chủ động xưng tên và lý lịch: Cha Myriel và Marius. Lần xưng danh với giám mục diễn ra gần như bản năng. Đó là sự thôi thúc tự nhiên của một con người lần đầu tiên trở về với xã hội. Jean Valjean đã trình cái giấy thông hành vàng và cái quá khứ mười chín năm tù ngục mà không cần tính đến phản ứng của đức giám mục. Và đấy là lần duy nhất trong đời ông nhận được sự tôn trọng thực sự, sự tôn trọng đối với con người cá nhân ông bất chấp thân phận cựu tù khổ sai của ông.

Cha Myriel, từ đó, đã trở thành người bạn đồng hành vô hình của Jean Valjean. Nhưng ông thuộc về một thế giới khác. Còn ở trên cõi đời này, Jean Valjean vẫn chỉ có một mình. Myriel đã mua linh hồn Jean Valjean dâng cho Chúa. Nhưng ông không cần biết con người bất hạnh đó tên là gì. Đối với Myriel, tên tuổi của con người không quan trọng vì tất cả đều có tên là người anh em. *"Cửa nhà này không hỏi khách vào ra có tên không, mà chỉ hỏi có nỗi đau khổ gì không."* (I,II,III). Đấy chính là khởi nguồn cho sự vĩ đại và sự bất hạnh của Jean Valjean.

Để đến được ngôi nhà của Chúa mà Myriel hứa hẹn với Jean Valjean, người ta không cần phải có tên, chỉ cần có một linh hồn... Nhưng trước khi là một thiên thần, Jean Valjean là một con người. Để trở thành một cá nhân hoàn chỉnh, Jean Valjean không thể không tôn trọng những gì là con người trong chính bản thân ông, và mong muốn người khác cũng có

thái độ đó. Một khi đã có linh hồn thì linh hồn ấy phải được thừa nhận. Noi gương Myriel, Jean Valjean đã phấn đấu thành một vị thánh trên trần. Nhưng sự kính trọng mà đức cha Bienvenu nhận được một cách tự nhiên ở loài người thì Jean Valjean tiếp nhận với mặc cảm đánh cắp. Cha Myriel, vì thế, là một tấm gương mà soi vào đó Jean Valjean thấy được cả vinh quang lẫn cay đắng của mình.

Jean Valjean - Cosette

Có hai người mà Jean Valjean vừa hàm ơn vừa yêu quý hết sức: Myriel và Cosette. Đấy là những người mang lại cho ông cảm giác mình cũng là một con người như mọi người. Người này tặng cho ông linh hồn, người kia tặng cho ông tổ ấm. Tuy vậy giữa họ có một sự khác biệt lớn: Myriel biết rõ Jean Valjean là ai mà vẫn tôn trọng ông, còn Cosette yêu quý ông, nhận tất cả mọi thứ từ ông mà suốt đời không biết thực sự ông là ai. Cosette là tấm gương mà soi vào đó Jean Valjean vừa thấy chan hòa ánh sáng hạnh phúc nhưng lại không thấy bóng dáng mình đâu cả. Cái tôi của Jean Valjean tự huy diệt vì Cosette. Đúng như Marius ví von: phân bón giúp mùa xuân làm nở hoa hồng.

Mỗi nhân vật của Hugo là một thế giới tự đáp ứng đủ cho nó. Nhưng hạnh phúc của nhân vật phục thuộc vào một người khác, người mà nó yêu quý nhất, người đó là cả thế giới đối với nó.

Jean Valjean và Cosette tạo nên một cặp song đề: Bất Hạnh - Hạnh Phúc. Hiện tượng này được lặp lại ở cặp Gwynplaine - Dea. Số phận xô đẩy họ đến với nhau. Bất hạnh gắn họ lại với nhau và đem đến hạnh phúc cho họ. Bất hạnh của người này tạo nên hạnh phúc của người kia. Và khi một trong hai người tìm thấy hạnh phúc ở người thứ ba (Cosette với Marius, Gwynplaine với Josiane) thì người kia chỉ còn lại bất hạnh.

Điều khiến người đọc chúng ta cảm thấy chua xót cho Jean Valjean là Cosette, người ông yêu quý hơn tất cả mọi thứ trên đời, lại không hề hiểu tí gì về ông. Đối với nhiều người Jean Valjean là một bí ẩn, nhưng riêng với Cosette, ông là một bí ẩn tuyệt đối, một bí ẩn không cần tìm hiểu. Vả chăng Cosette hầu như không có nhu cầu tìm hiểu bất kỳ điều gì, kể cả mẹ mình là ai, lai lịch của mình như thế nào. Jean Valjean dằn vặt, giằng xé nội tâm bao nhiêu thì Cosette vô tư thanh thản bấy nhiêu. Nàng điềm nhiên nhận tất cả những gì Jean Valjean trao cho mình, điềm nhiên hưởng hạnh phúc ngay trong những giờ phút đau khổ nhất của ông. Dù Hugo có dùng thời thơ ấu khốn khổ như một vật bảo hiểm cho nàng, thì cũng không thể phủ nhận được rằng chính do sự vô tình của nàng mà mọi cố gắng của Jean Valjean đã thành ra vô nghĩa.

Trong lời giải thích với Marius ông có nói rằng sở dĩ ông tự thú vì

không muốn mất đi sợi dây ràng buộc với Cosette. Như vậy, Jean Valjean phải đau khổ vì ông muốn cả hai điều: được là chính mình và được gần Cosette. "*Nếu tôi không muốn gặp Cosette thì tôi đã không nói thật với ông, tôi đã đi xa rồi, nhưng vì tôi muốn sống nơi Cosette sống, và lại muốn được gặp Cosette nên tôi đã thành thật nói hết với ông*" (V,VII,I). Vấn đề là ở chỗ: tại sao Jean Valjean phải đi xa. Và đi xa theo ông là thoát. Javert chết rồi, ông đâu cần phải đi xa. Như vậy, đi xa không phải để giải thoát mà để có thể trở về với chính ông. Nhưng không có Cosette. Nếu ở bên Cosette thì ông thành hư vô. Để được là chính mình và để được gần Cosette, ông đã phải nói thật với Marius. Điều này giải thích tại sao, ông giấu Cosette mình là tù khổ sai nhưng vẫn bắt nàng gọi mình là: ông Jean, mặc dù tiếng: cha ơi, nghe êm ái hơn nhiều.

Jean Valjean - Marius

Xét về phương diện tình cảm, Marius là địch thủ của Jean Valjean. Chính vì vậy mà Jean Valjean đã thừa nhận rằng có lúc ông đã không ưa chàng, đấy là một điều lạ đối với một người giàu lòng bác ái như ông (ông sợ Javert nhưng chưa bao giờ nói rằng không ưa Javert). Mặc dầu ông đã bất chấp nguy hiểm để cứu Marius và hi sinh hạnh phúc cho Marius, ông vẫn không ưa chàng thanh niên ấy. Và mặc dầu không ưa ông vẫn chọn chàng để nói bí mật của mình.

Tại sao Jean Valjean chọn Marius để tự thú chứ không phải là một người nào khác. Phải chăng ông đã hy vọng vào sự công bằng có thể có được ở chàng luật sư, đại diện cho công lý của loài người. Jean Valjean đã đặt vào canh bạc đó cả cuộc đời mình và kết cục là ông nhận được sự mất mát tuyệt đối, mất Cosette, đau khổ và cái chết. Marius cũng nông cạn và định kiến như tất cả những người khác. Vì vậy mà bản anh hùng ca của Hugo vừa hào hùng lại vừa chua xót.

Jean Valjean chờ đợi ở Marius một sự thừa nhận mà ông gọi là tha thứ. Và Marius, bằng cách lặng lẽ đẩy ông ra xa Cosette, bằng cách từ chối sử dụng món tiền chân chính của ông, bằng sự ghê tởm, đã giết dần ông. Sự suy sụp thật mau chóng. Từ khi ông cõng Marius đi qua cống ngầm cho tới khi ông chết chưa đầy một năm, "một năm mà già đi ba chục tuổi". Một kết cục quá nhanh chóng đối với một sức khỏe siêu phàm và không bệnh tật như Jean Valjean. Và thực ra sự suy sụp chỉ diễn ra và kết thúc trong vòng vài ba tháng sau đám cưới của Cosette. Thái độ của Marius chính là sự phán xét của xã hội dành cho cái tôi của Jean Valjean. Để đánh giá Jean Valjean, Marius đã không có được sự cẩn trọng, công bằng của Thénardier. Trớ trêu thay, phải nhờ cái đồ cặn bã Thénardier mà Marius mới biết được sự thật. Sự hối hận muộn màng

của Marius chỉ vừa đủ để làm cho Jean Valjean cảm thấy được chết một cách sung sướng. Điều đau xót là ở chỗ: bao nhiêu nguy hiểm không hạ gục được Jean Valjean, nhưng sự bạc bẽo do thành kiến của Marius và do vô tâm của Cosette đã nhanh chóng đẩy ông vào cái chết. Jean Valjean không trách Marius và Cosette. Hugo cũng không có ý trách hai con người hạnh phúc đó, nhưng dư vị chua chát, xót xa cứ đọng lại dai dẳng.

Khởi đầu với Myriel và kết thúc với Marius, hẳn Jean Valjean muốn một lần nữa nhận được sự tôn trọng hết sức tự nhiên như ông đã một lần nhận được từ Myriel. Đấy có lẽ là lý do tại sao ông không nói tất cả sự thật, không kể những việc thiện của mình với Marius. Một mặt sự cao thượng không cho phép ông làm như vậy; mặt khác, chẳng lẽ phải cần đến điều đó để người ta thôi khinh bỉ ông sao? Chẳng lẽ lời tự thú của ông chưa đủ vĩ đại hay sao? Jean Valjean không oán trách. Ông chịu đựng và đau khổ. Nỗi đau khổ đó có giá trị hơn cả ngàn lời oán trách, khiến cảm giác có lỗi của Marius và của cả những ai không phải là Marius tăng lên gấp bội.

Jean Valjean - Thénardier

Xuất hiện như một cặp đối nghịch, Jean Valjean là biểu tượng của sự thánh thiện, Thénardier là hình mẫu của sự đê hèn xấu xa. Hai nhân vật này, để tồn tại, đều phải sử dụng một loạt tên giả. Nhưng nếu Jean Valjean buộc phải dùng tên giả để cứu rỗi linh hồn; thì Thénardier tự nguyện vứt bỏ tên thật, cố tình dùng tên giả để kiếm ăn. Một kiểu làm tiền trên cái tên của mình, và bằng cách đó bán linh hồn cho quỷ dữ.

Số phận oái oăm đã để cho kẻ mà Marius tưởng là phải chịu ơn giúp chàng tìm ra người chàng phải chịu ơn thực sự. Thénardier đã đóng vai trò là kẻ trả lại cái tên Jean Valjean về với con người thật của ông.

Jean Valjean - Javert

Javert là cái hộp đen cất giữ cái tên Jean Valjean đã hoàn toàn bị quên lãng. Javert là nỗi ám ảnh, nỗi sợ hãi của Jean Valjean. Nhưng nhờ có Javert mà Jean Valjean có cảm giác đang được tồn tại. Javert đã luôn quan tâm đến ông, và dù đó là một kiểu quan tâm hết sức quái gở thì nó cũng duy trì ý thức về con người đích thực của ông.

Cái chết của Javert, một mặt, là sự chiến thắng của cái tôi Jean Valjean. Jean Valjean đã có được lòng khâm phục của Javet, và thắng lợi của ông là tuyệt đối vì Javert đã tôn kính cả Madeleine lẫn Jean Valjean. "*Hình ảnh ông Madeleine lại hiện lên đằng sau Jean Valjean: hai khuôn mặt đáng tôn kính*" (V,IV). Và đáng lẽ phán xử Jean Valjean thì hắn đã quay lại tự phán xử mình. Mặt khác, cùng với Javert, cái tên và cái tôi Jean Valjean vừa được thừa nhận sẽ biến mất hoàn toàn khỏi

thế giới. Từ khi nhảy xuống biển tạo nên vụ chết đuối giả, Jean Valjean đã chính thức khai tử cho mình. Từ đó ông chỉ còn sống trong ý thức rình rập của Javert. Khi chết đi, hắn sẽ mang theo xuống mồ cái bí mật về ông. Jean Valjean quả thực đã không muốn làm một hư vô để hưởng hạnh phúc bên cạnh Cosette. Javert là sự đe dọa khủng khiếp của đời ông, nhưng hư vô còn khủng khiếp hơn nhiều. Phải chăng đó là động cơ thúc đẩy ông ra trước toà án của Marius. Nếu ông cứ điềm nhiên mà hưởng cái hạnh phúc của ông "Fauchelevent" thì tình trạng sẽ hoàn toàn đúng như ông nhận thức: "*Tôi, một người chết, tôi sẽ cưỡng bức những người sống là các ông bà phải thừa nhận tôi*" (V,VII,I).

4. **Cái tên và sự quên lãng cái tôi của nhân vật**

Mặc dù Hugo quan niệm: cái tôi được xác lập trong lúc nó tự hủy diệt vì người khác. Nhưng bị quên lãng cũng chẳng dễ chịu chút nào. Jean Valjean trước khi chết có nói: "chết có sao đâu, không sống được mới thật là đau đớn". Đó chính là toàn bộ trải nghiệm của đời ông, một cuộc đời bị quên lãng, cuộc đời của một người "không sống được". Tự thú có thể xem là hành vi phản kháng cuối cùng của ông chống lại sự lãng quên. Và ông đã thành công hay thất bại?

Jean Valjean phải chăng là một khởi nguồn cho kiểu nhân vật hiện hữu - vắng mặt sau này trong tiểu thuyết hiện đại? Ông là một hư vô trong chính cuộc đời này. Ông có mặt đó mà không tồn tại. Để xây dựng nhân cách ông phải tự thủ tiêu mình. Rồi cũng thế, để công bố sự tồn tại của mình ông phải chịu mất hết. Tuy nhiên nếu so với phản nhân vật của tiểu thuyết mới thì Jean Valjean là một hư vô có ý thức đầy đủ về sự hư vô của mình và đấu tranh quyết liệt để chống lại nó.

Trước khi chết, Jean Valjean đã yêu cầu Cosette một điều: hãy nhớ lấy tên của mẹ mình: Fantine. Ông đã muốn khắc sâu cái tên đó vào đầu Cosette bằng một lối diễn đạt trang trọng: "*Cosette, lúc này đã đến thời điểm cha muốn nói cho con tên của mẹ con. Bà tên là Fantine. Con hãy nhớ lấy cái tên đó: Fantine. Hãy quỳ xuống mỗi khi con nói đến cái tên ấy.*" (V,IX,V). Mỗi cái tên là một cái tôi. Quả thật Jean Valjean nhận thức về điều đó vô cùng rõ ràng. Fantine cũng là một cái tôi bị quên lãng. Ông muốn trả lại cho cái tôi đó một chỗ trong lòng Cosette. Nhưng rút cuộc Hugo chẳng cho chúng ta biết liệu cái tên nọ sống được trong lòng cô tiểu thư hạnh phúc ấy bao lâu. Khả năng nó tiếp tục bị lãng quên là rất lớn.

Jean Valjean còn đề nghị Cosette và Marius thêm một điều: "thỉnh thoảng hãy nhớ đến ông già đã chết ở đây". Ông còn nhắc lại điều đó

một lần nữa, nghe như một lời cầu xin tội nghiệp: "hãy nhớ đến cha một chút". Jean Valjean đã từng đau khổ vì bị lãng quên ngay trong lúc còn sống, hẳn ông muốn chuẩn bị cho cái tương lai sau khi chết của mình: thỉnh thoảng được gợi lại trong ký ức của những người ông yêu quý. Mong muốn đó của ông có phải là quá nhiều chăng?

Những người như Jean Valjean và Fantine có chung một bà mẹ: Đất, và một đứa con: Quên lãng.

Ngay sau khi vụ Champmathieu kết thúc, cái tên của ông đã bị xoá mờ "hắn không phải tên Madeleine, cái tên gì khó nghe lắm, Béjean, Bojean, Boujean...". Và sau khi chết tên ông cũng sẽ tan biến vào hư vô.

Không phải vô tình mà phiến đá trên mộ Jean Valjean được đặc tả. Bản anh hùng ca *Những người khốn khổ* kết thúc trong một khúc nhạc trầm lắng u sầu. Và cái nốt nhấn trầm buồn nhất trong bản nhạc sầu quên lãng đó là câu văn ngắn gọn được tách ra thành một dòng:

"*On n'y lit aucun nom*" (Người ta không đọc thấy trên đó một cái tên nào.)

Con người hy sinh hạnh phúc cho cái tên của mình (cái tên mà trước đó ông đã hy sinh cho hạnh phúc của người khác) cuối cùng đã trăng trối lại các con rằng không được khắc tên ông lên đá. Cái tên khắc trên đá thì có ý nghĩa gì nếu nó không khắc được vào lòng người. Jean Valjean hiểu rằng mọi thứ trên trái đất này đều là hư vô, chỉ có cái hư vô của thế giới bên kia, thế giới có sau sự sống mới là có thật. Sau khi linh hồn Jean Valjean được thiên thần đón lên trời thì dưới trần phiến đá trần trụi vừa đủ che một con người vô danh đã bị cỏ che mưa xóa. Cỏ và mưa của thiên nhiên chính là biểu tượng của sự quên lãng trong lòng người. Vậy, những nỗ lực, những đau khổ của Jean Valjean liệu có ý nghĩa gì không? Chúng còn có ý nghĩa chừng nào luật của Chúa còn có hiệu lực.

Lãng quên là nỗi ám ảnh lớn được thể hiện trong nhiều tác phẩm của Hugo. Ám ảnh về sự lãng quên tạo thành cơ sở cảm xúc của bài *Đêm đại dương*. Bài thơ không chỉ đơn thuần là sự thương xót trước cái chết của những người thủy thủ, cho số phận của họ trên biển, mà chủ yếu là xót thương cho số phận của họ sau khi chết. Chỉ một số ít người chết đi vẫn còn được nhân loại nhắc đến, còn phần rất đông còn lại đều tan biến trong vực thẳm lãng quên. Hình ảnh đêm đại dương là ẩn dụ về bóng đêm quên lãng, bóng đêm tăm tối trong lòng người, là nơi chôn vùi những cái tên mà Hugo đòi phải được lưu giữ. Những người thủy thủ cũng thuộc vào cái đám đông vô danh mà Jean Valjean là đại diện.

Hugo quan tâm nhiều đến lịch sử, phải chăng cũng là vì ông muốn làm sống dậy những gì có thể bị bỏ quên. Nếu Hugo không nói có lẽ

chẳng ai biết người chiến thắng thực sự ở Waterloo là Cambronne. Bên cạnh sự vĩ đại của Napoléon, người Pháp còn phải ghi nhận sự vĩ đại của Cambronne. Napoléon là một vĩ nhân, không ai quên được. Nhưng Cambronne chỉ là một sĩ quan chẳng tiếng tăm gì, ai nhớ nổi ông? Hugo đã lưu giữ "con người vô danh ấy" (chữ dùng của Hugo) cho lịch sử nước Pháp. Cũng như ông muốn nhân loại lưu giữ cái tên của người tù khổ sai Jean Valjean. Và ông đã thành công.

*

Jean Valjean không chỉ là hình mẫu về sự tu thiện cá nhân. Jean Valjean còn là bi kịch của con người phạm tội đã phấn đấu để trở thành một giá trị nhưng không được thừa nhận như một giá trị. Cái tạo nên tính chất phản anh hùng của nhân vật là ở sự đối lập giữa con người thật đạo đức chói ngời và hình ảnh quỷ dữ mà xã hội gán cho con người đó gắn liền với cái tên. Giám mục Myriel đã mua được cho linh hồn Jean Valjean một chỗ trong lòng Chúa, nhưng không mua nổi cho con người bằng xương thịt Jean Valjean và cái linh hồn đã được cứu rỗi đó cùng với cái tên của anh ta một chỗ trong xã hội loài người. Có lẽ nên bổ sung vào danh sách những cặp tương phản trong tác phẩm Hugo một vài đối cực: Sâu sắc - nông cạn, độ lượng - hẹp hòi, dằn vặt - vô tư... Những đối cực trong tác phẩm Hugo cũng là những đối cực trong tâm hồn Hugo. Một mặt ông kiêu hãnh vì con người, mặt khác ông thất vọng về họ. Có lẽ ông chờ đợi những thế hệ mai sau hóa giải cho ông sự thất vọng đó.■

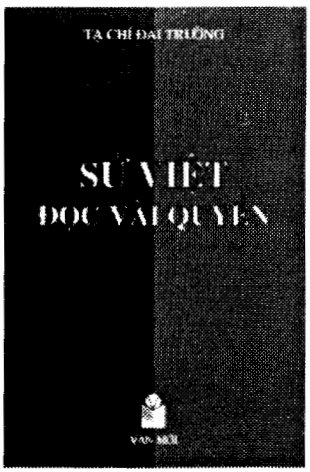

tìm đọc

SỬ VIỆT
ĐỌC VÀI QUYỂN
của Tạp Chí Đại Trường
nhà Văn Mới xuất bản, 2004

Sách dày 523 trang.
Giá 20 Mỹ kim.
Hiện có bán tại các nhà sách.

MDTT

nụ

nụ
chồi
ối đỏ
ôi! thương
ửng hồng
giữa bệ cỏ nương thân này

xôn xao
tóc rẽ
rối tay

tinh sương chớm đọng đầu ngày trổ hoa

xuân thì

gió nam thổi
nở lòng hoa

từ trong noãn nhụy ứa ra xuân thì

rạo rực
chim
xoải cánh truy

chóp môi thiên cổ vẫy si mê tình

cánh buồm nâu thuở ấy

NGUYỄN HUY THIỆP

"Hôm qua dưới bến xuôi đò
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau
Anh đi đấy, anh về đâu?
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm..."
(Nguyễn Bính)

1

Cứ chừng dăm ngày một bận là chiếc thuyền chở hàng của ông Cả Giao lại ngược sông. Được gió là thuyền căng buồm lướt sóng. Bọn trẻ xóm chài chạy ùa ra hò reo. Dù bận thế nào, Nhi cũng chạy theo chúng đến đứng ở gốc cây gạo trên đê ngóng nhìn. Cánh buồm nâu lừ lừ trôi ngược. Đến chỗ ngoặt sang làng Cổ Am thì nó mất dạng vào sau lũy tre, rặng nhãn. Nhi ngơ ngẩn quay về. Bà Hân nhìn con gái, thương, bảo con:

- Nhi này, đàn ông bạc lắm, con ơi...

Ông Hân mắng:

- Cái bà này! Đàn ông có dăm bảy loại chứ!

Nhi chạy vào buồng, úp mặt vào đống mền chăn, nước mắt ứa ra ràn rụa.

Thuyền chở mắm của ông Cả Giao cất từ những lò nấu cốt ở tận Cát Hải. Khi nào gió bấc về, cánh buồm nâu no gió, mùi mắm cốt sực nức bay là là ở trên mặt sông, len vào ngõ. Nhi đứng ở bên cửa tò vò

trông ra, thấy tấm lưng trần của Bằng quẫy ở trước mặt. Bằng gác sào, giơ tay lên vẫy. Nhi chạy dọc triền đê. Bằng nhảy tùm xuống nước bơi vào.

- Dại giai thì khổ con ơi... - Bà Hân ngồi bên cạnh vỗ về con gái - Nó đi, nó lại về. Dăm bữa nửa tháng chứ lâu la gì...

- Nó bảo lần này nó đi Thổ Hà chở hàng cho ông Tị phải không?

Ông Hân thập thò ở cửa, vọng vào.

- Tị nào? Làm gì có Tị nào? - Bà Hân quát.

- Thì ông Tị Ngoám chứ còn Tị nào?

Ông Tị vẫn bán hàng nước ở chợ Cổ Am. Trẻ con gọi đùa Tị Ngoám tức là "ngoạm tí" (!)

- Nhà Tị Ngoám làm gì có tiền mà hàng với họ! - Bà Hân mắng chồng - Đã không biết gì lại còn hay nói!

Ông Hân lụi cụi quay lưng ra ngồi ở hè đan sọt.

- Ừ... Mà thuyền của ông Cả Giao từ xưa chở tuyền mắm cốt chứ chở gì đâu?

Ông Hân nghĩ bụng. Ông Hân chỉ nghe tiếng ông Cả Giao chứ chưa gặp mặt bao giờ. Ông ấy ở bên Hải Thịnh, có tiếng là người nghĩa khí. Bằng là con út, chẳng hiểu thế nào đi lại với Nhi.

- Số con khổ lắm u ơi...

- Phỉ phui! - Bà Hân mắng con - Cô thử xem thày u nuôi cô thế nào? Có đói không? Có rét không? Chị em trong xóm có ai bằng cô không nào?

Nhi nức nở:

- Con lạy u...

Bà Hân dỗ dành:

- Mới tí tuổi đầu đã than khổ người ta cười cho... Nghe lời u, dậy ăn cơm tối rồi hai mẹ con sang bên Cổ Am xem bói. Cô đồng Xuyến ở trên tỉnh về đang trọ ở nhà dì Thảo, nghe nói bói giỏi như thần.

Ông Hân nghe thấy tiếng được tiếng mất cằn nhằn:

- Dào ôi... già rồi còn dại, bói với toán gì!

- Thì mặc u con chúng tôi! - Bà Hân làm ra vẻ giận - Ông thì biết gì, cái đồ gàn dở kia!

- Ừ thì tôi gàn! Tiền mất tật mang. Không khéo mua lo vào mình.

- Thì ai lấy tiền của ông! Đồ keo kiệt... Mà cái ngữ ấy làm gì có nổi được đồng cắc nào trong người.

- Thì có đồng nào bà đều lột sạch lại còn già mồm gì nữa.

Bà Hân cười chảy nước mắt. Nhi nghe hai thày u cãi nhau cũng thấy buồn cười. Ông Hân nổi tiếng thật thà, hiền lành, lúc nào cũng bị

bà vợ bắt nạt. Nhi biết, cả hai thày u tuy thế rất hợp tính nhau.

- U bảo thày dọn cơm rồi hai u con mình ra ăn cơm... Nghe u đi nào!

- Thôi, con không ăn đâu, con không đói...

- Cha bố cô! - Bà Hân kéo con gái dậy - Định nhịn à? Tương tư thì cũng phải ăn phải uống... Lão già kia! Bỏ đấy rồi đi dọn cơm đi chứ! Cứ dỏng tai ra nghe trộm cái gì?

- Ai nghe? Ai nghe? - Ông Hân vội bỏ cái sọt đan dở, vội vội vàng vàng lũm cũm xuống bếp, vừa đi vừa lẩm bẩm - Nóng như lửa! Đúng là cái đồ giặc cái!

2

Bà Hân với Nhi vừa ra khỏi nhà một lúc thì gió bấc về. Tiếng gió thổi sáo ở đầu cột hiên thào thào. Ông Hân sốt ruột đi ra đi vào:

- Bảo mặc thêm cái áo bông thì cứ đẩy ra... Lại còn mưa phùn nữa chứ! Con bé tong teo chỉ thổi một cái là bay... Đêm hôm thế này mà đi đường đê thì có rồ không?

Ông Hân đẩy cửa ra ngoài để đóng chuồng gà thì con chó mực sủa nhặng cả lên. Ông Hân xô phải một bóng đen lù lù trước mặt. Sợ hãi, ông định kêu lên thì người kia xua tay, đẩy lùi ông lại.

Trước mặt ông Hân là một người cao lớn, mặc bộ đồ chàm như ở mạn ngược, ông ta đội chiếc nón dấu rộng vành sụp mặt, chéo lưng là cái tay nải với chiếc đao ngắn bên trong, chỉ thò ra cái chuôi đao bịt đồng xỉn bóng.

- Xin ông đừng sợ! - Người kia thì thào - Tôi là Cả Giao ở bên Hải Thịnh! Tôi đến vì chuyện cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi...

Ông Hân thở phào, khêu ngọn đèn dầu cho sáng. Ông Cả Giao cởi tay nải, cởi đao đặt lên chõng, hai tay ôm ngực. Ông cởi cúc áo để lộ ra một vết chém máu đã đông lại. Nằm vật xuống, ông Cả Giao bảo:

- Phiền ông lấy cho cái gì băng giùm vết thương, mỗ xin đa tạ...

Ông Hân cuống quýt lấy nước nóng, lấy muối để rửa vết thương rồi băng bó lại. Vị khách thều thào:

- Tôi đi suốt ngày suốt đêm đã mấy hôm rồi, không có một hột cơm nào vào bụng. Tôi ở tận trên Móng Cái...

Vị khách nói xong thì cứ thế ngủ thiếp đi, có lẽ không làm sao chế ngự được mình. Ông Hân thương hại, lấy tấm dạ mỏng đắp cho ông khách rồi kéo cái tay nải kê đầu, để thanh đoản đao bên cạnh. Xong xuôi, ông đi xuống bếp bắt gà làm thịt, nấu cho ông khách nồi cháo để chờ khi dậy thì ăn.

Khoảng sang giờ Hợi thì bà Hân về. Cả hai mẹ con rét run cầm cập. Ông Hân ra tận ngoài ngõ đón vào.

- Khổ! - Ông Hân rền rĩ - Bói toán có được gì không?

Bà Hân xuýt xoa vì lạnh, răng đánh vào nhau lập cập:

- Hay quá ông ơi, con Nhi nhà này phúc lộc như giời như biển... Vào nhà rồi tôi kể cho mà nghe...

- Nhà đang có khách - Ông Hân kéo hai mẹ con xuống bếp, sung sướng, đắc ý - Có biết ai không? Ông Cả Giao đấy!

- Cả Giao nào? - Bà Hân ngẩn ra ngờ vực.

- Cả Giao chứ Cả Giao nào! Cả Giao ở bên Hải Thịnh!

Nhi giật mình, mắt long lanh sáng. Ông Cả Giao là thày anh Bằng, chắc là có chuyện...

Ba người xuống bếp. Ông Hân chất rơm để lửa bùng lên cho hai mẹ con sưởi ấm. Ông Hân kể chuyện, chẳng câu nào vào với câu nào:

- Cái con chó mực cứ sủa nhặng lên, nó đi giật lùi ra ngõ... nó biết nó gặp anh hùng nó phải biết thân...

- Nào, nào! - Bà Hân điên tiết - Đầu đuôi xuôi ngược làm sao? Ông ấy nói gì?

- Chẳng nói gì! Tí nữa bà cứ lên cầm cái đao ông ấy mà xem, nặng ơi là nặng... Sức tôi mà cũng phải cử bằng cả hai tay... Như đao Quan Công...

Mùi cháo gà thơm sực. Bà Hân nhìn quanh nhìn quất:

- Thôi chết! Cái lão già này mất nết! U con tôi vừa đi vắng là bắt trộm gà làm thịt đánh chén tì tì... Con cái Nhi! Mày thử mở vung xem còn cái xương nào không?

Ông Hân khổ sở, giấu hai bàn tay to tướng sau lưng:

- Con mẹ này! Chỉ tuyền vu oan giá họa... Ông ấy bị thương, đã mấy ngày rồi không ăn uống gì...

- Sao lại bị thương? Con mực nhà này có cắn người bao giờ đâu? Thế ông ở đâu mà để nó cắn người ta hở giời?

- Không phải chó cắn! - Ông Hân đẩy vợ, bỏ đi ra ngoài - Cứ sồn sồn lên! Đã thế tôi chẳng nói nữa cho xong!

Bà Hân lấy thìa nếm thử nồi cháo, cười:

- Cái lão gàn này! Nấu ngon ra phết! Chỉ được mỗi cái ăn chơi là giỏi! Con cái Nhi! Mày ra ngoài vườn mày nhổ ít hành vào đây cho u!

- Hành đây! - Ông Hân cầm nắm hành đi vào, người ướt lướt thướt - Chỉ được cái hay sai vặt! Càng già tính khí càng ác!

3

Ông Cả Giao đã ngồi dậy. Bà Hân bưng nồi cháo gà thơm phức lên mời khách. Nhi múc cháo ra bát, hai tay bưng lên. Ông Cả Giao chẳng khách khí gì, húp một lúc hết ba bát cháo nóng hổi rồi khà một tiếng. Dọn dẹp xong xuôi, ông Hân định đốt thêm ngọn đèn dầu nữa cho sáng thì ông Cả Giao gạt đi:

- Đa tạ ông, mỗ đang rất vội. Xin mời ông bà ngồi đây mỗ xin thưa chuyện.

Ông Cả Giao mở tay nải, lấy ra một vuông vải điều đặt lên bàn, trong đó đựng đầy vàng bạc. Xong xuôi, ông quỳ xuống đất trước mặt hai ông bà Hân, tay chắp vào nhau cung kính:

- Xin nhị vị nhận của mỗ đây một lạy!

Ông Hân luống cuống, đỡ khách:

- Không dám! Không dám! Sao ngài làm thế?

Ông Cả Giao đứng lên, đĩnh đạc ngồi xuống rồi nói:

- Thưa ông bà, chẳng là cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi hai đứa vốn có duyên phận với nhau. Nhẽ ra nhà tôi phải sang hầu chuyện với hai ông bà đã từ lâu rồi. Chẳng may nhà tôi gặp hạn, bọn cướp đốt nhà, cướp của, người còn người mất. Cháu Bằng bị thương, bây giờ vẫn đang lưu lạc ở xa. Cháu chỉ tâm niệm một điều làm sao có được cháu Nhi bên cạnh... Tôi phải phá vây về đây, cũng là thương con, đường đột dâng lễ, muốn đón cháu Nhi nhà ta đi ngay bây giờ. Nhà tôi có hơn mấy chục mạng người, kể cả người làm người ở, tất cả đều bị giặc kia chém sạch, nay còn có mỗi giọt máu này thôi! Xin hai ông bà với con cháu Nhi cứu nó! Cứu một mạng người phúc đẳng hà sa...

Nói xong, ông Cả Giao lại sụp xuống lạy. Ông Hân, bà Hân không biết nói sao cứ lặng người đi. Ông Cả Giao phủ phục dưới đất, không hề nhúc nhích. Tiếng gà trong xóm bắt đầu gáy dạo canh tư.

Tiếng gà gáy! Thế nào là tiếng gà gáy ở một xóm nhỏ ven sông hả giời? Này nhé:

Canh một là gà lên chuồng. Một ngày bận bịu đã qua. Những con gà trống nhảy lên trên cao ngó xuống những con gà mái đang lục cục dọn chỗ ngủ đêm. Nó đứng trông chừng mắt nhắm mắt mở. Con chó mực đi qua. Con gà trống cảnh giác đập cánh ào ào, gáy lên một tiếng lấy lệ, báo hiệu bình yên. Canh hai thì cô chủ nhà lẻn ra ngoài ngõ đi chơi với bạn. Những con gà mái đã thiêm thiếp ngủ bỗng rộ cả lên, đảo chỗ cho nhau phành phạch. Con gà trống gáy một tiếng cộc cằn thiết lập kỷ luật trong chuồng. Nó đi đi lại lại trên cái gióng tre gừ gừ cho đến khi nào tất cả trở lại yên bình. Sang đến canh ba, con gà trống choàng tỉnh

giấc vì nghe thấy ở bên sông bỗng có tiếng gáy hỗn hào của một chú gà trống choai mới lớn. Mặt trăng khuyết tỏa ra trên sông ánh sáng lăn tăn như thể dát bạc. Có lẽ chú gà trống choai tưởng sáng? Giống như một sự ngộ nhận thiên tài, các chú gà trống choai khác cứ thế hòa theo gáy vang inh ỏi. Đến cả mấy con gà trống cụ lẩm cẩm cũng bắt giọng cùng cục gáy theo. Bực mình, chú gà trống nhà ta, chú gà có bộ lông sặc sỡ với vẻ kiêu hãnh hiếm thấy, phành phạch vỗ cánh rồi cất lên tiếng gáy dữ dội, nao lòng, mê sảng, khinh bạc và buồn rầu, tiếng gáy sâu thẳm như thể ánh trăng sâu thẳm, như dòng sông kia sâu thẳm, như lòng người và cả bóng đêm kia nữa... Những con gà trống khác trong xóm thẹn thùng, gáy thêm vài tiếng đãi bôi lấy lệ rồi im thin thít. Thôn xóm chìm vào giấc ngủ mê man, nặng nhọc. Tiếng khóc của một đứa trẻ khát sữa ngằn ngặt cất lên. Bà mẹ trẻ vụng về vừa dỗ vừa mắng con. Tiếng chó sủa dồn dập ở mấy bụi tre cuối xóm. Những con đom đóm bay vụt trong ánh lân tinh. Sang đến canh tư, đã thấy thấp thoáng nhà ai nổi lửa làm hàng. Tiếng dội nước, tiếng cối xay bột ở lò đậu phụ nghe xa xăm như ở tận đâu. Chú gà trống cất lên tiếng gáy đĩnh đạc bắt đầu cho dàn hợp xướng đón chào ngày mới. Vài ba bóng trắng của các cô hồn ở ngoài nghĩa địa vội vàng biến mất. Hơi sương xuống nặng, trĩu trên lá cây, ngọn cỏ. Tiếng gà gáy vang náo nức, giục giã. Dưới sông, oàm oạp những tiếng chèo thuyền của vài cái mủng đi đánh cá mòi. Những chiếc đèn chai thấp thoáng lập lòe rồi lịm dần bấc, tắt phụt lúc nào chẳng hay. Phía chân trời đằng đông, bắt đầu hừng hừng một vầng ánh sáng gắt gao. Sang đến canh năm, chú gà trống đứng ở cửa chuồng, ngó nghiêng, lựa thế bay vọt một cái ra tận hàng rào, đứng đấy gân cổ gáy vang một hồi lanh lảnh. Những con gà mái cũng bắt đầu lục tục đi ra khỏi chuồng rất là thứ tự. Chú gà trống dõi theo một ả mái tơ của nhà láng giềng rồi sà xuống ve vãn giống như một tên trai điếm. Những con gà mái khác liếc mắt, khinh bỉ đàm tiếu với nhau: mới bảnh mắt ra đã thế, dù hắn gáy hay đến mấy cũng phải tìm ra một kẻ thay thế, không thể để cho phong hóa ngày một suy đồi... "Ò ó o! Đời là thế!". Chú gà trống trừng mắt xua đám gà mái rồi gian manh dụ ả mái tơ ra góc đống rơm vàng óng cuối vườn.

4

Đến canh tư, khoảng đầu giờ Dần thì ông Cả Giao với ông bà Hân cũng đã bàn định xong xuôi mọi việc. Trong buồng, Nhi vừa sụt sịt khóc vừa xếp áo quần vào trong tay nải. Bà Hân khóc ròng, vừa dỗ dành con

vừa than thở:

- Con mẹ đồng Xuyến nói cấm có sai! "Vội vàng như chẳng kịp". Nó bảo về nhà là có "hắc long tiếp dẫn" thì đúng còn gì! Ông ấy mặc áo quần đen... Thế là "hắc long" chứ còn gì nữa...

Bà Hân cởi chiếc áo bông trần đang mặc trên người giúi vào tay Nhi:

- Mang cả đi! Ở nhà u sắm cái khác! Trên ấy rét lắm con ơi...

Nhi lắc đầu, ôm cái tay nải vào lòng:

- Không! Con có rồi. U cứ để nhà mà mặc!

Bà Hân mếu máo:

- Phải! Cha bố cô! Cô chê chứ gì! Có chồng, chồng lo cho hết... thiết gì đến u...

Nhi nức nở, sà vào lòng mẹ:

- U ơi! Con đi rồi, chỉ còn thày u ở lại... con biết lấy gì báo đáp thày u?

Bà Hân khuyên nhủ:

- Đừng lo cho thày u! Thày con tuy thế nhưng còn mạnh chán... Con cứ đi đi, phụng sự nhà chồng. U thấy cốt cách bên ấy khác người u cũng mừng thầm, chỉ hiềm cái hạn người ta lớn quá, chẳng biết thế nào... Con đi đi, dăm bữa nửa tháng phải đánh tin về cho thày u biết...

Bên ngoài, ông Cả Giao đã nai nịt xong xuôi gọn gàng, bồn chồn giỏng tai lắng nghe động tĩnh. Có tiếng cú rúc ba lần giục giã. Ông Cả Giao đứng lên, cầm chắc đoản đao trong tay. Ông Hân vội vội vàng vàng ngó vào cửa buồng:

- U con mày đã xong chưa? Làm gì lâu thế?

Bà Hân khép hờ cửa buồng, quát khẽ:

- Đi ra! Đi ra! Tôi còn cho nó cái này!

Bà Hân đi vào góc buồng, chỗ để mấy cái nồi đất chỏng chơ, với tay lên xà nhà lấy ra một cái gói nhỏ giúi cho con gái:

- Đây là đôi hoa tai bạc của bà ngoại cho u hồi u mới đi lấy chồng - Bà Hân cười - U giấu ở ngay dưới mũi lão già mà lão ấy chẳng biết gì. Con cầm lấy, nó là hồi môn của u cho con. Nhớ nhé! Lên đấy thế nào con phải đánh tin về ngay cho thày u biết.

Bà Hân đưa con gái ra khỏi cửa buồng. Nhi đội khăn vuông, mặc áo bông, khoác tay nải, rực rỡ như một đóa quỳnh trong đêm. Bà Hân gói cả gói vàng bạc sính lễ mà ông Cả Giao mang đến giúi vào tay nải cho cô con gái. Nhi òa khóc, quỳ xuống trước mặt hai ông bà Hân:

- Con lạy thày u... con bất hiếu... Thày u ở lại giữ gìn... tha lỗi cho con...

Ông Hân bỗng khóc tu tu. Tiếng khóc vỡ ra đột ngột khiến con chó mực ngoài sân cũng giật thót mình, sủa lên mấy tiếng ai oán. Ông Cả Giao xốc Nhi dậy, gỡ tay bà Hân. Mấy người dắt díu nhau ra bến sông. Ông Cả Giao bắt chước tiếng cú rúc. Một chiếc thuyền nhỏ neo ở giữa sông sáp vào đón họ. Ông Cả Giao đỡ Nhi lên thuyền rồi quay lại chắp tay chào ông bà Hân. Mặt sông lạnh. Gió bấc cứ hun hút thổi. Tiếng chèo khua mạnh lạnh lùng. Vầng trăng khuyết cuối trời nhòe đi trong dòng nước mắt.

Thuyền ai trôi, thuyền ai trôi rồi?
Kìa con thuyền trôi, con ơi, nước trôi
Kìa con sông đời, lạnh toát, xa vời
Mênh mông bể cả mưa nguồn xa xôi
Ngẫm sự đời...
Tang thương ngẫm những sự đời.
Phù hoa muôn nẻo phương trời
Ai luống ngậm ngùi
Thế gian ai luống ngậm ngùi tình si?
Cái đêm hôm ấy đêm gì,
Để cho ai nhớ khắc ghi trong lòng?
Chân trời góc biển mênh mông
Hỏi ai, ai biết cho không
Não nuột trong lòng
Mẹ cha não nuột trong lòng năm canh
Đêm năm canh, giấc ngủ chẳng thành
Con lấy chồng gần, con lấy chồng xa
Xót lòng nẫu ruột mẹ cha
Những muốn khóc òa
Thương con những muốn khóc òa đêm nay
Nơi xa con hỡi có hay
Thấu gan ruột này?
Trăm đắng ngàn cay
Sầu đong càng lắc càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê
Xứ người trăm nỗi tái tê
Nào ai biết được đường về nông sâu?
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ lòng đau chín chiều...

5

Nhi đi rồi, ngôi nhà tranh vách đất bên sông tiêu điều như thể không có hồn vía. Bà Hân ốm lử khử đến mấy tháng ròng. Lúc đầu, hai ông bà còn hay nói chuyện với nhau:

- Con mẹ đồng Xuyến nó bảo số của con Nhi phải lấy chồng xa. Tướng nó ích phu lợi tử, tiền của đầy nhà...

- Ừ - Ông Hân ngậm ngùi - Tôi chỉ sợ nó dát nước mà nhà người ta làm nghề sông nước...

Bà Hân lặng đi, bùi ngùi:

- Hồi nó ba tuổi, ông còn nhớ đận dì Thảo bị trâu húc chột mắt không, nó lên sởi, chỉ bị tí nước té vào mà người đỏ rực như than hồng, nó sốt đến bốn năm ngày...

- Cũng chỉ tại bà để cái gáo nước thẻo đảnh mới ra cơ sự thế chứ?

- Vâng! Tôi vụng, tôi ngu, tôi dại!

Hai ông bà già ngồi ôn lại ký ức về cô con gái. Họ cãi cọ nhau, hờn dỗi...

Ba tháng trôi qua, không hề có tin tức gì của Nhi.

- Thôi chết! - Một hôm bà Hân bảo chồng - Hóa ra mình cho không con gái người ta. Chẳng cưới cheo gì, có tủi không? Bây giờ chẳng biết ở phương trời nào?

- Thì cứ bảo số nó tốt mãi đi! Cứ nghe con mụ đồng Xuyến rồi bán cả nhà...

- Hay là ông đi Hải Thịnh một chuyến xem sao - Bà Hân dụ chồng - đi ngóng tin tức nó xem thế nào?

- Nhưng bà đang ốm, tôi đi sao được?

- Ốm đau gì? Ông cứ đi đi. Tôi mạng lớn, không chết được đâu...

Hai hôm sau, ông Hân tìm đường đi sang Hải Thịnh. Đây là lần đầu ông lão xa nhà. Bà Hân nằm trên ổ rơm, đắp chiếu, ngóng từng giờ một. Con chó mực nhịn đói, nằm ở góc hè cứ rên ư ử. Sang ngày thứ sáu thì ông Hân về, phờ phờ phạc phạc, hai con mắt lõm sâu vào ở trong hốc mắt, trông lạ hẳn đi.

Bà Hân hốt hoảng, chỉ thốt ra được một tiếng hỏi chồng:

- Sao?

Ông Hân ngồi im, thẫn thờ, không nói câu gì. Bà Hân đâm sợ, cũng không dám hỏi.

Ông Hân ngồi im một lúc, bỗng òa lên khóc:

- Bà nó ơi, mình mất con bé Nhi rồi...

Bà Hân căn vặn một lúc, chắp nối những câu nói rời rạc trong tiếng nấc nghẹn của chồng, cuối cùng cũng hiểu được ra đầu đuôi câu chuyện.

Ông Hân đi khắp cả vùng Hải Thịnh hỏi han nhưng không ai biết về ông Cả Giao. Ông Hân đi sang Cát Hải, người ta cũng nói đến một ông Cả Giao nào đó chuyên cất mắm cốt nhưng nửa năm nay bặt không thấy đến.

Hai ông bà già bàn định, bán tín bán nghi. Ông Hân tính đi Móng Cái nhưng không đủ tiền, đủ sức.

Rồi một năm nữa trôi qua, cũng không có tin tức gì của Nhi. Ông Hân, bà Hân già sọm hẳn đi, mọi việc trong nhà bỏ hết. Cuối năm đó, con chó mực bỗng lăn ra chết ở trước hiên nhà. Tết năm đó là một cái tết hiu quạnh buồn thiu ở trong ngôi nhà trống vắng, nơi mà ngày xưa dù có nghèo túng đến mấy nhưng không hề dứt tiếng cười.

Bà Hân mắt đã mờ đi vì khóc. Ông Hân trở nên lẫn lộn, cứ hay ra ngồi bên sông một mình, lúc nhớ lúc quên.

Sang năm Dậu, nạn dịch tả tràn lan khắp nơi, có nhiều người chết. Nạn dịch lan đến làng Cổ Am, lang sang làng Hạ. Ông bà Hân cũng chết về dịch tả, ông đi trước, bà đi sau, chỉ trong một ngày. Khi còn sống, bà Hân vẫn hay đùa chồng:

- Thế nào lão cũng chết trước cho xem! Số lão vẫn sướng, chẳng là vẫn quen có người hầu hạ ngồi mát ăn bát vàng. Chỉ có tôi đây là khổ! Giời không có mắt, những người gàn dở thì giời lại cứ bênh vực là nghĩa lý gì?

Những khi ấy, ông Hân chỉ cười tủm tỉm. Chắc là ông nghĩ:

- Cái con mẹ này quái ác! Đã chết thì sướng nỗi gì mà còn phân biệt trước sau. Đã gàn dở lại mắng người ta gàn dở!

6

Tôi sẽ là một người kể chuyện nhẫn tâm nếu tôi không thêm vào một cái kết ra trò cho câu chuyện ấy. "Kiếm khách đa tình, vô tình kiếm". Nhiều khi ngòi bút vẫn cứ lạnh lùng không theo ý của chủ nhân, dẫu rằng thực ra có hậu hay không có hậu với một kiếm khách hay một văn nhân đôi khi cũng không có ý nghĩa gì quan trọng. Khi lưỡi kiếm đã vung lên rồi cũng như khi ngòi bút đã vung lên thì ai đó trách rằng vô tình cũng đành chịu vậy. Nhưng mà thôi, đây là một câu chuyện giản dị và tôi cũng muốn có một nụ cười giản dị để dành cho bạn khi kết thúc câu chuyện này.

Khoảng 10 năm sau, sau khi hai ông bà Hân chết thì một hôm có một chiếc thuyền buồm nâu ghé vào bến sông giữa làng Cổ Am và làng Hạ. Hôm ấy đang có hội làng. Người ta rước kiệu từ đình làng Cổ Am

xuống làng Hạ rồi lại quay về. Khách thập phương kéo đến xem hội đông như kiến cỏ.

Lúc đầu, cũng không có ai chú ý đến người thiếu phụ với sáu đứa con bụ bẫm vừa trai vừa gái ở trên thuyền vừa bước lên bờ. Hai cô hầu gái loay hoay với lũ trẻ con nghịch như quỷ sứ. Thiếu phụ bồn chồn, chân như ríu lại. Thiếu phụ hỏi thăm mấy người đi hội:

- Thưa các bác, ở đây có ai người làng Hạ không? Có ai biết nhà ông bà Hân không?

- Có tôi đây! - Một bà cụ già đang ngồi bán củ ấu cho bọn trẻ con vồn vã - Ai hỏi ông bà Hân đấy? Có đúng bà Hân tính hay đùa nhả nhà gần cây gạo phải không?

Thiếu phụ reo lên mừng rỡ:

- Phải! Cụ ơi, cụ biết ông bà Hân chứ? Cháu là Nhi đây, cháu là con gái ông bà Hân đây?

Bà cụ dừng tay gói nắm củ ấu cho một người đàn ông có vẻ như người mới ở tỉnh về, ngạc nhiên:

- Con cái Nhi! Con nỡm! Thế mày không nhận ra dì mày à? Dì Thảo mày đây!

Nhi như quỵ xuống trước mặt bà cụ. Người đàn ông mặc bộ vét-tông màu trắng đã ngả vàng đang mua củ ấu vội vã đỡ lấy cô.

Bà cụ Thảo kể cho cô cháu nghe chuyện cũ. Mọi người xúm xít lại nghe. Nhi òa lên khóc nức nở khi biết tin thầy u mình mất đã chục năm rồi. Cô xua hai người hầu gái với mấy đứa con đi vào xem hội rồi một mình đi về nền ngôi nhà cũ. Người ta chỉ đường cho cô ra mộ hai ông bà Hân. Người đàn ông trên tỉnh lững thững đi phía sau cô, vừa đi vừa lơ đãng nhìn xuống dòng sông nơi có chiếc thuyền buồm nâu neo đợi.

Nhi loay hoay bên hai ngôi mộ, cô ngồi nhổ cỏ rồi phủ phục ở đấy rất lâu. Người đàn ông lạ lùng kia lặng lẽ mang đến cho cô thẻ hương và đặt nắm củ ấu vừa mua lên mộ.

- Cám ơn ông! Nhi lau nước mắt - Thế ông cũng có người thân chôn ở nghĩa địa này à?

Người ấy gật đầu.

- Thưa ông, ông đã nghe câu chuyện của tôi, vậy ông có khinh tôi là đứa con bất hiếu, phụ bạc cha mẹ mình không?

- Sao cô nghĩ thế? - Người đàn ông tỏ vẻ không vui - Cô nghĩ sai rồi! Cô hạnh phúc, thế là thầy u cô dưới suối vàng mừng lắm còn gì!

- Cám ơn ông... Được ông nói thế, thật tình tôi như trút được gánh nặng trong lòng.

Người đàn ông quay ra đứng ở ngoài đường. Nhi thắp hương, khấn

vái một lúc rất lâu rồi về. Cô ngạc nhiên thấy người đàn ông kia đứng đó.

- Phong cảnh ở đây rất tuyệt - Người ấy nói - Những cánh buồm nâu là thứ mà tôi thích nhất.

- Tôi phải về thuyền - Nhi nói - Mấy mẹ con tôi phải về Móng Cái. Chồng tôi là chủ hãng buôn ở đó. Khi nào ông lên Móng Cái mời ông đến chơi. Tôi tên là Nhi, chồng tên là Bằng, hỏi ai cũng biết.

- Có phải Bằng là chữ bằng trong câu "chim bằng bay rợp trời xanh không cùng" không?

- Thưa ông, tôi không biết, tôi dốt lắm. Thưa ông, tôi khó nghĩ quá, việc này tôi không muốn nhờ cậy ai, tôi muốn đường đột nhờ cậy ông liệu có được không?

- Được!

- Thưa ông, ông còn ở đây, tôi muốn nhờ ông khắc giùm cái bia đặt lên trên mộ thày u của tôi để mà đánh dấu, như thế liệu tôi có phiền ông quá hay không?

- Không sao! Tôi cũng muốn có bia ở vùng đất này.

- Đa tạ ông nhiều. Thày tôi tên Hân, u tôi tên Lành, cả hai mất vào năm Dậu.

Nhi và người đàn ông kia trở về đám hội. Nhi vào đình làng gửi tiền công đức rồi mấy mẹ con ríu rít xuống thuyền. Cánh buồm nâu quay đầu, lặng lẽ xuôi dòng tìm đường ra biển.

Nhi không biết người đàn ông lạ lùng mà Nhi nhờ cậy hôm ấy là một nhà thơ nổi tiếng. Người ấy đã tìm được một tấm đá khắc bia. Chỉ có điều, người ấy đã không làm sao nhớ nổi tên hai ông bà già xấu số. Cuối cùng, người ấy đã khắc lên tấm bia đá hình một cánh buồm làm dấu. Bây giờ, nếu ai đến nghĩa địa của làng Cổ Am và làng Hạ, nhìn chếch phía bên phải cây gạo ven sông, vẫn thấy ở đấy có một ngôi mộ đôi trên gắn tấm bia đá sứt sẹo. Trên tấm bia ấy có một cánh buồm. Dưới cánh buồm sau này bọn trẻ chăn trâu nghịch ngợm có khắc thêm hình mấy cái mũi tên xuyên qua trái tim. Người ta gọi đó là mộ "trái tim tan nát". Bài thơ về những cánh buồm vẫn được lưu truyền ở trong dân gian như một chuyện kể về tình yêu trai gái. Mà tình yêu, bạn biết không - cái món quà tuyệt vời mà Thượng đế hào phóng ban tặng cho người đời ấy, bao giờ cũng phải trả giá bằng những giọt nước mắt nghẹn ngào, dù muốn hay không cũng vậy.

Viết xong ngày 19/9/2004

nói riêng

PHẠM HẢI ANH

Sắp rồi, cánh nhà báo sắp đến dí micrô vào mồm bắt em phát biểu. Mà em biết nói gì cơ chứ? Trước đám đông, em nhạt tèo tèo. Hôm qua em ngồi trong bàn tiệc cả buổi mà chỉ nói đúng một câu với chị ngồi bên cạnh. Em hỏi chị ấy Tết năm nay có cúng gà không. Chị ấy bảo vẫn cúng, truyền thống không bỏ được đâu. Em mỉm cười nhã nhặn rồi ăn một miếng đu đủ. Em chẳng thích đám đông, nhưng em cũng không thích một mình. Lúc ấy chỉ ngồi nghĩ là mình vô vị thế nào cũng đủ thất vọng. Thế mà bây giờ em phải phát biểu, như một nhân vật quan trọng. Em không muốn phát ngôn như nói với chị cúng gà. Thế thì tẻ lắm, mặc dù em biết tẻ mới thật đúng là mình.

Anh nhiều kinh nghiệm, anh tư vấn cho em!

Hay em viết thành một bài:

[Tết... ??
<— Trọ —> ng
n Gà Y...
quan cổ # L. **L.**
ễ ... ...à truyền —> <— MỘT /\\.]

Nếu em là một người nổi tiếng thì chẳng có gì phải lo. Người ta sẽ dò dẫm giữa những khoảng trống như dò mìn, túm chặt lấy từng ký hiệu, ở đấy có cả chữ "L." nữa, lặp lại những hai lần và viết hoa, như thế có đủ dùng không? Bài thơ Tết của em có thể chuyển tải một nỗi niềm quan cổ mang mang không ai hiểu là gì, những mũi tên xuôi ngược không biết về đâu. Hoang mang là một tâm lý rất hậu hiện đại. Cả sự cô đơn nữa. Bài thơ kết thúc bằng từ MỘT viết hoa với ký hiệu vút lên đỉnh cao rồi chìm xuống, vì sự độc đáo bao giờ cũng song hành với nỗi cô đơn. Có cả dấu chấm tuyệt vọng ở đấy nữa.

Còn nhớ anh hay nói em cứ phức tạp hóa vấn đề, em làm mọi việc rối nhằng nhịt lên khi anh chỉ muốn em trả lời một câu thật đơn giản. Nhưng mà nếu em trả lời thẳng tuột ra thế nào anh cũng bỏ đi ngay. Anh

sẽ chê em đơn giản, chê em không sâu sắc tâm hồn. Em cắt vụn các từ, viết hoa, xuống dòng lung tung lên. Em thêm vào đó vô số khoảng trống và ký hiệu. Ma trận này rút cục cũng chỉ để giữ anh lại với em lâu hơn một tí. Nếu em nói với anh "Tết là một ngày lễ cổ truyền quan trọng", liệu anh có dừng lại ngẫm nghĩ không? Nhưng bây giờ thì anh biết em viết gì rồi. Cho dù nó thật là một lời nói đúng, anh sẽ bỏ đi cho mà xem. Giống như người ta vẫn xé rách cái vỏ bao có chữ "Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe của bạn", để lấy thuốc hút. Cái gì đúng cũng thường tẻ nhạt không chịu được.

Hay là em nổi loạn nhé.

Em sẽ để hở cả cái nốt ruồi son khép nép ở rất sâu. Một lần em đùa là bà mụ đánh dấu để anh khỏi nhầm em, dù có lạc qua bao nhiêu kiếp. Nhưng lúc ấy thì tất cả mọi người sẽ nhìn thấy nó. Đấy là phát biểu của em. Ai lạc vào chỗ đấy cũng sẽ mù mờ lú lẫn, cũng công nhận là em đúng một nghìn phần trăm dù em chẳng buồn mở miệng. Nhưng nhỡ em chủ quan. Nhỡ người ta không mù mờ mà chính em mù mờ?

Em muốn em hiện đại như ai, mà không mất gì, nhất là không phí cái công đậy điệm nốt ruồi kín mấy chục năm nay. Nó là của riêng em, với anh.

Còn thiên hạ nếu thích tân tiến thì em cho họ ăn chơi hàm thụ.

Cho họ lên lên xuống xuống với các động từ mạnh.

Cho họ mê man rợn da gà với các danh từ không cần tính từ cũng đủ gợi cảm. Chỉ là từ hão thôi nhưng em sẽ chọn những từ thật máu lửa, tô điểm cho cái sự giời ơi người thích ra mặt, người che che đậy đậy. Em sẽ đứng ngoài vui lây, như xem thằng hàng xóm dạy cháu gái chửi, càng tục càng sướng.

"Một. Hai. Ba. Chửi!" thằng hàng xóm hô, tay dứ cái kẹo. Con bé một tuổi rưỡi uốn đôi môi rất hồng "Hịt. Hịt. Mẹ."

Nhưng thằng hàng xóm dạo này chán trò ấy rồi. Hôm qua nó cho con bé không phải kẹo mà là một cái tát, vì cháu nó chửi chú chuẩn quá không cần ai ra lệnh. Cái gì thái quá cũng đâm nhàm.

Hay là em khinh bạc nhé.

Dễ lắm. Chỉ cần chịu khó nghe đài đọc báo một tuần là có đủ lý do để khinh đời. Có ông bà ngoại thua số đề giấu cháu đi để tống tiền con gái. Có công an thế chấp súng và roi điện để vay tiền. Muốn tệ nạn có tệ nạn, muốn suy đồi có suy đồi. Mà cũng chẳng cần đến báo chí. Ví dụ như hôm qua thôi, thiên hạ đổ ra Hồ Gươm xem pháo hoa đón giao thừa.

Chen bẹp ruột. Có một đứa con gái bị ngất. Lại cả mấy ông khùng lên định choảng nhau nhưng chật đến nỗi không còn chỗ để vung tay. Một thằng lợi dụng đông cứ gí sát cà cọ vào mông em. Nồng nặc mùi người. Ở đâu đó người ta đang thiêu hủy hàng nghìn con gà chết dịch. Trong lúc ấy thì pháo hoa trên trời đổ xuống bất tận. Từng chùm sáng rực, nở tung muôn vạn sắc màu. Em co lại chỉ còn mông và mắt. Mắt dán vào bầu trời đêm ba mươi kỳ ảo. Mông căng lên những cọ xát lén lút từ phía sau. Bay lên bay lên, nổ tung bóng Happy New Year, mảnh cao su rách rơi lả tả. Vạt áo phía sau em hình như nhơm nhớp ướt. Rùng mình.

Rốt cuộc khi em quay về phía nó, kẻ thủ phạm không đủ sức để nhìn đi chỗ khác. Mặt nó non búng, nhăn nhúm vì đau, cặp mắt ngỡ ngàng, như không hiểu sao sự tình xô đẩy đến nước này. Chử Đồng Tử chắc cũng nghệt ra như vậy khi Tiên Dung dội nước vào người. Chuyện cổ tích không kể rõ hai người ấy sau này ăn ở với nhau ra sao. Em chắc cũng cãi cọ như bất cứ cuộc tình sét đánh nào phải kết thúc tấp lự bằng hôn nhân. Có thể là vì Tiên Dung cứ thích màn tắm truồng ngoài bãi mà Chử không còn hứng chui vào trong cát nữa. Hoặc là vì một lý do gì đó mang tính giai cấp hơn em không biết được. Dù sao, em đã chẳng thích thú như Tiên Dung. Em chỉ thấy khó chịu, rất khó chịu với cái vạt áo sau ẩm ướt. Nhưng em đã không nói gì với thằng con trai cả. Em thương nó. Em cũng thương em nữa. Em biết uỷ mị vớ vẩn thế là hỏng bét. Thế là không hiện đại. Cũng không đức hạnh truyền thống. Dở dở dang dang mất lập trường.

Hay là em chán chường nhé.

Chán như hôm nọ nhìn thấy người xưa của chị mình đang chở bột mì đi bán. Cái xe ba bét nhè * chất bẩy bao bột mì lớn, ba bao phía trước, bốn bao trên yên, còn anh rể hờ nằm úp bụng trên đó, tay vươn ra cầm lái, hai chân thõng xuống đường đơ đơ. Trông anh giống một con ếch khổng lồ nằm ôm bảy bao bột mì bay lượn khắp ba sáu phố phường, kêu bành bạch và xì khói mù mịt. Con ếch phải ôm mấy tạ bột mì một ngày để nuôi hai con đủ dinh dưỡng vác cặp nặng năm cân đi học. Ngày xưa anh ấy làm nhiều thơ tình tặng chị, em đọc ké cứ xốn xang. Chị kể trước cái hồi đi chở đường thuê, anh ấy còn đến cơ quan tìm chị. Hai đứa ngồi nhìn nhau qua cái mặt bàn gỗ phoóc mi ca bóng lộn, chán như rá cơm khô để nguội, hạt rời long lóc, kiến chẳng buồn bu. Số chị sướng, không phải chia xẻ cái ba bét nhè với những bao bột mì của anh. Chị lấy chồng giám đốc, có ô tô riêng, chỉ có điều chồng chị đi vắng suốt chẳng thấy về. Mẹ an ủi chồng giám đốc là chồng thiên hạ rồi, miễn là được

cái tiếng thơm, ngày Tết cả nhà ngồi ô tô đi đường đỡ bụi.

Đêm qua em mơ thấy mình bị chôn sống trong bụi. Bụi tràn ra từ những tủ hồ sơ lưu cữu, làm thành một cơn lốc xám hoành hành trên toàn thành phố. Bụi bất tận đổ ồn các mái nhà, bàn ghế ken két sụm xuống, bụi đóng nghẹt tất cả các khe hở, lỗ thông hơi, các giác quan, và em là một hình nhân xám chết cứng bên cái tủ rỗng tuếch, tròng mắt đầy bụi, ngực như hai cái túi da nhăn nheo, chảy xệ xuống buồn thảm. Lúc tỉnh dậy, em thấy mình vẫn còn đeo khẩu trang. Em vớ lấy bình nước tu ừng ực. Lẽ ra phải chán chường thì em lại mừng như điên vì mình còn thở. Đêm qua có mấy đứa đua xe máy bị tai nạn. Một phi đội @ tháo phanh, tự chít khăn tang, lao điên đại trên đường. Chúng nó thèm tốc độ hơn mạng sống. Em thì chỉ được cái nhanh hơn xe đạp, chậm hơn ô tô, lủi thủi đi khúc giữa hứng bụi từ hai phía, đã thế còn can tội yêu đời.

Hay là em...
Loay hoay mãi chả biết phát biểu thế nào cho ấn tượng.
Có thể nào ấn tượng mà vẫn là em, như anh từng biết, được không?

Hà Nội, 1 Tết Giáp Thân

* xe máy babetta

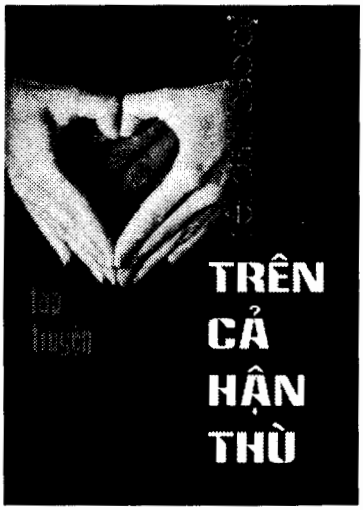

Hận thù có mãi tiếp diễn sau cuộc chiến?
Người trí thức sống và nghĩ như thế nào
trong bước khốn cùng?

TRÊN CẢ HẬN THÙ
Tập truyện của Tiêu Dao Bảo Cự

Ngoài 4 truyện ngắn đầu
và 3 truyện ngắn cuối,
tất cả còn lại được viết
trong thời gian
tác giả bị quản chế

tạp chí Văn Học xuất bản
giá 12 mỹ kim
đã có bán tại các nhà sách

NGUYỄN VIỆT THƯỜNG

ơn anh

ơn anh
một gánh cỏ bồng
gánh đời nhau giữa đường không
cõi tình

ơn anh
gió lửa, mưa tên,
đồi xương, suối máu
vẫn bền chữ tâm

ơn anh
nôi cỏ con nằm
đêm chạy loạn
đêm âm thầm, đời dân...

ơn anh hơi thở thật gần
chén cơm,
muỗng muối,
lát gừng, hạt tiêu.

ơn anh giọng hát liêu xiêu
khuya mông mênh biển
phong phiêu nước trời

ơn anh
nguyện giữa vực đời
đường xa vạn dặm
chỗ ngồi tấc gang

ơn anh điểm tựa bình an
ơn anh
ơn nhé, nhẹ nhàng
ơn nhau
11-10-2004, Rochester, MN

ngũ đổ tường

NGUYỄN TRUNG TÂY

Từ hồi lấy vợ, ông Nghị Viên Joe Diaz đổi màu, người gầy xanh lét, mắt thâm quầng đen, khuôn mặt tóp lại. Hai nhân viên thư ký của Hội Đồng Nghị Viên thành phố thì thào,

- Chắc tại cô vợ mới cưới.

Cô thư ký tóc đen cười tủm tỉm,

- Chồng già vợ trẻ là tiên. Vợ già chồng trẻ là duyên thằn lằn.

Cô thư ký tóc đỏ trợn tròn mắt,

- Hả?

Cô thư ký tóc đen cười sằng sặc,

- Tao muốn nói cô vợ mới cưới của xếp còn trẻ măng.

- Thấy mặt chưa?

- Thấy rồi. Đẹp. Con nhỏ mới mười tám tuổi.

Nhìn quanh căn phòng ăn trưa của thị sảnh rộn ràng bước chân lô nhô đầu người, thư ký gốc Đức nhìn thư ký gốc Việt, giọng nhỏ lại, cười cười, nửa đùa nửa thật,

- Hồi xưa tao tưởng ông ấy với mày.

Cô thư ký tóc đen phá ra cười sặc sụa. Hạt cơm nho nhỏ từ miệng bắn vào áo màu vàng của cô thư ký tóc đỏ,

- Hả? Mày nói chi? Có khùng không? Mày không thấy Nghị Joe rỗ huê hay sao? Hay là mày muốn Nghị Ken cà thọt?

Trong khi đó Nghị Viên Joe, sơ-mi trắng, cà vạt đỏ, quần tây xám, đi ngang qua phòng ăn. Thấy hai nữ nhân viên còn đang lỉnh kỉnh với muỗng nĩa, ông liếc mắt nhìn đồng hồ đeo tay. Nghị Joe nhìn quanh. Căng tin bán thức ăn và phòng ăn phục vụ nhân viên làm việc cho Hội Đồng Thành Phố như thường lệ tấp nập người ra kẻ vào.

Ông Nghị Viên Joe Diaz, Kỹ Sư Điện, mới lấy vợ. Bà Diaz mười

tám tuổi, người Việt Nam. Không biết do ai mối lái, ông Joe và ông Ken, cả hai ông nghị viên thành phố cùng đáp một chuyến bay Eva Air của Đài Loan tới Sài Gòn cưới vợ Việt Nam. Nguyên một tuần lễ tin tức địa phương và phóng viên báo chí sôi nổi bàn tán câu chuyện vu quy của hai cô dâu mới. Giờ ăn trưa, căng tin bán thức ăn của Hội Đồng Thành Phố ngập tràn tin tức sốt dẻo. Có người xầm xì nho nhỏ nói hai ông nghị ế, gái Mễ gái Mỹ chê, phải tới Việt Nam cưới vợ.

Ngoài chuyện ế vợ, người ta cũng hay thì thào bàn tán chuyện Nghị Viên Joe Diaz đặc máu cờ bạc. Tháng Sáu ông nghị đi nghỉ hè ở Las Vegas. Mùa đông, né xứ tuyết lạnh ông bay về xứ nắng ấm. Người ta tưởng ông nghị sẽ đáp xuống đại phi trường LAX của thành phố Los Angeles trốn lạnh. Nhưng không phải. Tháng Mười Hai, ông bỏ tiểu bang tuyết trắng về tiểu bang cờ bạc, tiểu bang Nevada.

Máu cờ bạc thấm sâu vào trong người ông Joe có lẽ từ hồi mới sinh ra. Mười tuổi thằng Joe gác sòng bài gia đình mở lậu cho dân thập phương tại thành phố biên giới Tijuana của Mễ Tây Cơ, cửa ngõ trốn vào Hoa Kỳ. Xe cảnh sát Mễ lấp ló đầu ngõ. Thằng Joe giả tiếng chim. Cúc cu! Cúc cu! Trong nhà sòng bài biến mất.

Ngày nào không nhìn thấy lá bài, Nghị Joe buồn tênh, trống vắng, kiến bò. Những lúc căng thẳng với công ăn việc làm, ông khóa cửa ngồi trong văn phòng, chia bài Blackjack chơi một mình. Trong khi chờ đợi đổ đầy bình xăng, Nghị Joe móc tiền mua vé số cạo, tìm kiếm lô độc đắc. Loto tiểu bang, Loto liên bang, tuần hai lần Nghị Joe góp vốn. Nghị Joe tự an ủi chơi số xố đồng nghĩa với mở rộng cửa nhà đón mời vận hên dừng chân viếng thăm.

Cuối tuần Nghị Joe lái xe tới những sòng bài cách xa thành phố khoảng bốn tiếng đồng hồ. Thứ Sáu đầu tháng lương, nhiều tiền, ông chơi Blackjack 21 hay PaiGow binh hai chi. Thứ Năm cuối tháng lương, ít tiền, Nghị Joe chơi Poker 25 xu với máy. Khi tiền gần cạn, không còn hy vọng, ông chơi Bingo. Chơi Blackjack, 15 nút ông ngưng không kéo nếu bài đang đen; 16 nút ông kéo thêm một lá nếu bài đang đỏ. Chơi PaiGow, ông liếc nhìn những lá bài mầu đỏ mầu đen, Xì, Già, Đầm, Bồi, Cơ, Rô, Chuồn, Bích. Ông sắp xếp những hình ảnh không hồn vào vị thế khiến hai lá bài chi trên và năm lá bài chi dưới chớp mắt mở miệng vỗ tay hét to,

- Tứ quý!

Tứ quý ôm nhau nhảy mừng đốt pháo bông nổ tung trời. Tứ quý bắt tay chào mừng chíp xanh chíp đỏ rớt xuống tưới mát người Nghị Joe. Tứ quý thổi bay Nghị Joe lên đỉnh núi cao. Nhìn xuống, thế giới bao la dưới

chân. Nhìn lên, ông nghị bé nhỏ cao vút. Người người trên thế giới, từ súc vật cho tới ông hoàng bà chúa, mọi sinh vật ngẩng đầu ngưỡng mộ chiêm ngắm Nghị Joe. Cô thư ký người Việt Nam sẽ thôi không để ý tới khuôn mặt rỗ của ông nữa. Người ta sẽ thôi không nhìn ông như một người nghị viên da mầu gốc Mễ.

Từ hồi lấy vợ, Nghị Joe không còn tự do như xưa. Tối tối, đợi cô vợ ngủ say, ông nhón gót đi ra phòng TV. Khóa trái cửa lại, Nghị Joe bật máy điện tử vi tính chơi bài trong máy. Vừa hút thuốc ông vừa chơi Blackjack cả đêm với những sòng bài Las Vegas. Ông hít hơi thuốc, bấm con chuột, Xì Cơ hiện lên. Ông nhả hơi khói, kéo lá bài, Bồi Cơ đỏ chói! Blackjack! Đống tiền nhựa xanh nhựa đỏ trên màn ảnh vi tính vun cao. Keng! Keng! Tiếng vàng tiếng bạc kêu cong cong từ hai cái loa máy điện tử trong đêm tối vang vang khiến ông nghị tưởng mình đang ở sòng bài. Chơi bài xong, Nghị Joe thất cà vạt. Ngáp ngắn ngáp dài, hôn cô vợ mới cưới, ông lái xe tới thẳng văn phòng, mặt mày xanh lét.

Một lần ông Thị Trưởng gọi Nghị Joe vào văn phòng. Ông Thị Trưởng bàn với ông nghị gốc Mễ chương trình đốt pháo bông ăn mừng ngày lễ Độc Lập Mễ Tây Cơ và hội chợ mùa Đông Guadalupe hằng năm của thành phố. Sau đó, ông Thị Trưởng đưa Nghị Viên Joe một số lá thư. Về văn phòng ông nghị mở ra coi. Hóa ra dân Mỹ trắng tố cáo ông Nghị Viên Diaz xuất hiện thường xuyên tại những sòng bài. Nghị Joe tái xanh mặt. Gáy lạnh buốt. Tối đó ông mất ngủ. Hơn hai tuần liên tục, ông sợ không dám bật máy điện tử vi tính trong nhà. Khoảng ba tuần sau, ông nghị bần thần, hồn xác ngơ ngẩn, tay chân ngứa ngáy. Thế là gáy dần dần ấm lại. Gáy thôi không lạnh, Nghị Joe lại lấp ló ở sòng bài. Ông nghị nhận ra trong đám đông đỏ đen một vài dung nhan quen thuộc. Nghị Joe thắc mắc không biết khuôn mặt nào đã viết thư tố cáo ông với xếp lớn?

Cờ bạc, Nghị Joe chỉ đi một mình. Trai gái thì ông đi với Nghị Tony Ngọc Trần. Nghị Viên kiêm Nha Sĩ TNT thỉnh thoảng rủ Nghị Joe tới nhà tắm hơi đấm bóp sau một ngày dài làm việc cực nhọc cho cư dân thành phố. Giờ ăn trưa, Nghị TNT hay bàn về sắc đẹp phụ nữ Bắc Mỹ và Nam Mỹ. Nghị Joe lắc đầu cười sằng sặc,

- Tớ, tớ khoái nhà tắm hơi Phương Đông ở dưới phố Tàu.

Nghị Viên TNT trẻ nhất trong Hội Đồng Nghị Viên. Lớn lên bên Mỹ, ăn bơ sữa, Nghị TNT to lớn, râu quai nón, chân tay rậm rạp lông lá. Nghị TNT nói tiếng Mễ khá giỏi. Hồi còn sinh viên, Nghị TNT tán gái Mễ ròn tan,

- Ke-pá-sa? Tối nay cưng tới phòng, anh cuốn chả giò cho em.

Cô sinh viên học chung lớp Lịch Sử Hoa Kỳ đặt hai tay lên vai thằng bạn học, người lắc lư nhún nhảy điệu Lâmbáđa.

- Ố-là. Chả giò Việt Nam. Si. Không nước mắm.

- Si. Không nước mắm.

- Si. Tối nay.

Cậu TNT ghé vào tiệm bánh mì Tháp Mười mua chả giò. Tối hôm đó, cô bạn ăn chả giò, chấm nước sốt Mễ, uống bia Corona. Cô sinh viên Mễ khoe chả giò Việt Nam với những người bạn. Cậu TNT trở thành nổi tiếng trong đám con gái Mễ của trường đại học.

Việt Nam thì cậu cẩn thận hơn. Đi thưa về trình. Cố lấy điểm với ba má của người đẹp,

- Cháu chào bác.

Cậu TNT cởi giầy ra, ngồi xuống ghế sa lông, dáng ngoan hiền. Ông già khó đăm đăm nhìn thằng con trai. Thấy hình bố người đẹp trong bộ quân phục đóng khung treo trên tường, cậu TNT reo vui,

- Bố cháu cũng lính Thủy Quân Lục Chiến.

Ông già nghi ngờ,

- Tiểu đoàn nào?

Cậu TNT gãi gãi tai,

- Cháu quên rồi. Nhưng bố cháu đánh trận Cổ Thành năm 72.

Ông già cười tươi, thân mật vồn vã,

- Bố cháu tên gì? Coi chừng bố mày chung một tiểu đội với bác.

Ngày hôm sau đến nhà, nó hỏi chuyện đảo chính năm 63. Thằng TNT mở miệng nói chỉ được một câu, dài đúng một phút; ông già thao thao bất tuyệt hơn hai tiếng đồng hồ về biến cố tháng 11 năm 63. TNT về nhà rồi, bố người đẹp khen,

- Thằng này lanh lẹn, mồm miệng đỡ chân tay. Con gái vớ được nó, ấm tấm thân.

Mỹ thì khác, thằng TNT tấn công tới tấp. Không rào trước đón sau. Mới ngồi cạnh nhau trong lớp, nó mời đi ăn trưa liền. Nếu người đẹp lắc đầu, nó đổi ghế kiếm cô Mỹ khác. Ăn trưa hai ba lần xong là ăn tối. Tháng sau, chia tay. Không quyến luyến, không thương tiếc. Ngày hôm sau, người ta thấy cậu TNT lại cặp kè với một cô Mễ.

Trong khi chờ đợi tại phi trường, Nghị TNT hay ghé vào tiệm sách Hudson Bookseller mở báo coi hình thiếu nữ nhà nghèo. Ghé vào tiệm tạp hóa 7-Eleven hay đại siêu thị Walmart, Walgreens, K-Mart, Nghị TNT đi thẳng một mạch tới khu bán sách. Liếc ngang ngó dọc, không

thấy người quen, ông nghị lôi báo phong tình xuống, kẹp trong báo Times đứng coi.

Nghị TNT say mê những trang lưới ba chữ X. Ngồi cả đêm trước màn ảnh máy điện tử vi tính, ông nghị mở hết hình này tới hình kia say sưa chiêm ngắm. Có một lần bà Nghị TNT, một chuyên viên điện toán cừ khôi của Microsoft, gọi ông nghị vào trong phòng sách. Bật máy điện tử vi tính nằm trong góc, bà nghị bấm bấm, hàng trăm tấm hình kiều nữ nghèo khó tuần tự xuất hiện trên màn ảnh. Di chuyển mũi tên, bà nghị bấm thêm mấy nút nữa, những hàng chữ với ngày, tháng, giờ giấc mà ông nghị lục lạo trên mạng lưới ba chữ X lần lượt xuất hiện đen kịt màn ảnh LCD máy vi tính. Không nhìn chồng, trưởng nữ của người lính Thủy Quân Lục Chiến năm xưa bỏ đi. Vừa đi bà nghị vừa nói,

- Lần sau anh đâu cần đợi em ngủ say rồi chui ra phòng khách làm chi. Nếu thích, anh nói một tiếng, em đi lấy chồng khác. Anh sẽ có nhiều tự do hơn.

Ngày hôm sau, Nghị TNT bỏ ăn trưa. Ngồi trong văn phòng, khóa trái cửa lại, Nghị TNT loay hoay bôi bôi xóa xóa tất cả hình ảnh kiều nữ nhà nghèo nằm trong máy điện tử, mà từ bao lâu nay ông đã từng tí toáy mở ra coi trên những trang lưới ba chữ X trong giờ ăn trưa và sau giờ làm việc.

Có một thời, hồi Nha Sĩ TNT chưa được bầu làm Nghị Viên thành phố, bà TNT lục tìm, gom tất cả những tờ báo kiều nữ nhà nghèo trong nhà lại. Bà TNT sắp xếp những tờ tạp chí thật ngăn nắp và gọn gàng trong phòng mạch của Nha Sĩ TNT. Sáng hôm sau, mở cửa văn phòng, Nha Sĩ TNT đứng tim nhìn thấy phong tình cổ lục vươn cao mời gọi trên kệ, Thúy Kiều lầu xanh nằm dài hớ hênh trên bàn gỗ giữa phòng mạch. Đóng chặt, vặn kỹ, khóa chắc cánh cửa văn phòng lại, Nha Sĩ TNT ôm hết đống báo quẳng vào thùng rác. Tâm phục khẩu phục máu lạnh của vợ, từ đó, Nha Sĩ TNT thôi không mua báo tháng nữa.

Nghị TNT nói với Nghị Joe,

- Nếu bà xã đồng ý, mai mốt tớ nhập giáo phái Mormon.

Nghị Joe tròn mắt nhìn Nghị TNT chờ đợi. Nghị TNT cười tủm tỉm,

- Dân Mormon được phép cưới nhiều vợ. Ai như đạo Thiên Chúa của ông. Một vợ một chồng. Cơm nhà quà vợ. Riết rồi cũng ngán. Nhà thơ Tú Xương của tụi tớ nổi tiếng tứ đổ tường. Nhưng ông ấy nói, chừa gì thì chừa, gái thì không.

- Như vậy ông Tú Xương cũng theo đạo Chúa rồi.

Nghị TNT nhìn, thắc mắc, lắc đầu,

- Tớ đạo Phật.

Nghị Joe vỗ vai Nghị TNT,

- Thằng Đất được Chúa lấy bùn nặn lên. Nhưng một mình trong Vườn Địa Đàng, nó buồn. Ông biết tại sao nó buồn không?

Nghị Viên TNT lắc đầu. Nghị Joe cười sằng sặc,

- Tại không có gái. Lúc Chúa mang lại cho thằng Đất một cô, nó cười ha hả!

Nhìn hàm răng vàng khè bám khói thuốc Malboro đỏ và cục cần cổ to của Nghị Joe, Nghị TNT nhớ tới hai cô dâu Việt Nam do văn phòng du lịch của ông mối lái. Lúc đưa hình hai người thôn nữ cho Nghị Joe rỗ huê và Nghị Ken cà thọt coi, Nghị TNT thấy đồng nghiệp thay phiên nhau nuốt nước miếng ừng ực.

Hút xách thì Nghị Joe và Nghị TNT còn có thêm đồng minh là cô Nghị Ann Forest, Mỹ gốc Anh, dân đồng nghiệp. Cô Ann người nghị viên thứ ba của thành phố, gầy, không ăn thịt, thuộc hội bảo vệ súc vật. Nghị Ann nước da hơi khô, cười nhe răng hô, tóc óng mầu tơ, người cứng dáng thô. Cuối tuần gặp nhau ở nhà cô Ann, Nghị Joe, Nghị TNT, và Nghị Ken hút cỏ dại, hít bột trắng, chơi Blackjack. Những tối cuối tuần lắc với E, Nghị Viên Ann hiền lành, mềm mỏng, duyên dáng. Cô bỏ guốc cao gót lê chân đất điệu bộ nhún nhảy chim sẻ. Một vài lúc hứng thú, cô mời Nghị TNT lắc điệu van. Nếu Nghị TNT từ chối, cô nhảy một mình, nhìn đẹp như một con chim thiên nga. Ngoài cỏ dại, bột trắng, Nghị Viên Ann cũng hút thuốc, hút vô địch. Người nữ nghị viên của Hội Đồng Nghị Viên thành phố hút thuốc, nhìn đẹp, dáng sang. Hai ngón tay thon dài kẹp điếu thuốc Kool trắng the the đưa vào đôi môi hồng nhạt. Bờ môi căng mọng rít vào, khói trắng lăn tăn đầu mũi. Cặp mắt cô Ann khi đó nhìn phê phê.

Nghị Viên Ann hút thuốc nặng đô. Ngày nắng cũng như ngày mưa, chiều thu nắng vàng hay đêm đông tuyết đổ, sáng mở mắt ra, hai điếu, khuya nhắm mắt lại, hai điếu, trưa chiều tối không tính. Nhiều đêm hết thuốc, Nghị Ann trần trọc, nhớ đầu thuốc đỏ, tương tư khói trắng. Cuối cùng cô nghị lại phải đề máy lái xe ra trạm xăng Shell đầu đường mua gói thuốc. Nhiệm kỳ nghị viên đầu tiên của cô Ann, cách đây hơn bốn năm, chưa có luật cấm hút thuốc. Hồi đó cô Ann hút thuốc trong phòng họp. Bây giờ nhiều khi đang họp, nghị Ann đứng dậy xin lỗi bước vô phòng vệ sinh. Tuy không nói ra, cả ông Thị Trưởng và ba ông nghị viên đều biết Nghị Viên Forest bỏ phòng họp đi ra ngoài phê với thuốc Kool trong bãi đậu xe.

Nghị Viên Forest hậm hực với phong trào bài thuốc lá đang lan

rộng trên toàn quốc. Nghị Ann nói cấm hút thuốc trong nhà hàng và công sở vi phạm hiến pháp Hoa Kỳ. Ngoài quyền tự do phát biểu ý kiến, nam nữ bình quyền, Nghị Viên Ann tin tưởng ai ai cũng có quyền hút thuốc lá ở nhà hàng quán rượu, tương tự như quyền tự do đốt cờ phản đối. Nếu không thích nhìn cờ quốc gia bị đốt cháy, yêu nước kiểu cổ có quyền cất bước bỏ đi. Nếu không thích khói thuốc, dân không hút có quyền tự do dời gót ngọc đi chỗ khác chơi; đừng bày đặt lên mặt mấng mỏ dậy đời dân hút thuốc.

Nghị Viên Ann lúc nào cũng hôi mùi thuốc. Mùi thuốc từ miệng từ quần áo đâm xông xốc vào mũi người đối diện. Nhưng không ai dám than thở trước mặt cô nghị. Phần vì nể chức nghị viên. Phần vì ngại cô cự nự. Cô Ann học Harvard, hành nghề luật sư, nổi tiếng với cây đũa thần biến trắng thành đen, sát nhân thành bụt đất, hãm hiếp thành vô tội. Cô Ann hãnh diện với nghề nghiệp. Nhiều lần, trong những buổi tiếp tân đón tiếp Thống Đốc tiểu bang hoặc Tổng Thống, cô Ann đại diện Hội Đồng Nghị Viên đứng bên cạnh VIP chuyện trò với tai to mặt lớn. Môi son cong lại, Nghị Viên Ann duyên dáng kể chuyện hàng rào giữa Thiên Đàng và Hỏa Ngục bị hư, đổ sụp một góc. Thiên Đàng không chịu sửa đổ lỗi cho Hỏa Ngục. Hỏa Ngục cự lại Thiên Đàng. Thiên Đàng tức, đe dọa mang Hỏa Ngục ra tòa. Quỷ sứ khoanh tay thách thức, "Tòa thì tòa. Sợ chi. Bên này có nhiều luật sư giỏi". Nói tới ba chữ luật sư giỏi, cô Ann cười chúm chím. Cô lắc lắc mái tóc bạch kim xịt keo làm duyên.

Cô Ann độc thân. Ai lỡ miệng gọi Nghị Viên Forest là Bà, Nghị Ann cự ngay mặt,

- Tôi là Cô Nghị Viên Ann Forest.

Năm vừa qua báo thành phố chọn Nghị Viên Ann là người trong năm. Người nữ phóng viên hỏi,

- Cô là một mẫu người phụ nữ thành công trong xã hội. Độc lập và thành công với nghề luật, thênh thang trong chính trường...

Người nữ phóng viên chưa nói hết, Nghị Viên Ann cắt ngang,

- Tôi chủ xướng lối sống độc lập của phụ nữ. Thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ ba đánh dấu sự xuất hiện của rất nhiều phụ nữ độc thân, đặc biệt những người phụ nữ độc thân này rất thành công trong xã hội. Cô có biết bí quyết của sự thành công này hay không?

Cười chúm chím, lắc lắc mái tóc làm duyên, Nghị Viên Ann tiếp tục nói,

- Bởi họ độc thân, không bị ràng buộc với chồng con.

Người nữ phóng viên cất giọng,

- Nếu vậy, cô nghĩ sao về mối liên hệ giữa phụ nữ độc thân và đời sống tình cảm?

Cô Ann nhớ lại có những đêm uống rượu hút thuốc một mình. Lấy tên "Người Duyên Dáng", cô vô hết phòng chát này đến phòng chát kia tìm người tâm sự. Lúc đó, cô biến thành người con gái tuổi đời hơn hai mươi. Trong phòng chát Độc Thân và Dang Dở, cô quen một người dở dang sau một đời vợ, giờ này sống độc thân xuất hiện trong phòng chát với tên "Người Dở Dang". Hai ba lần "Người Dở Dang" mời cô Ann đi chơi. Mặc dầu cô nghị viên tiếp tục lắc đầu từ chối, "Người Dở Dang" vẫn tiếp tục chờ đợi. Nhiều đêm lên phòng chát, cô thấy căn phòng trống vắng ngoại trừ "Người Dở Dang" đang ngồi cô độc. Cô hỏi đợi ai vậy? "Người Dở Dang" nói anh đợi em. Cô kết luận đàn ông máu đểu, sở khanh, nhưng lâu lâu cũng có đứa chung tình.

Rượu chè thì lại khác, Nghị Viên Joe và Nghị Viên Ann đều thua Nghị Viên Kenneth Bows, Mỹ gốc Tô Cách Lan, con của triệu phú dầu hỏa Texas, nhân vật thứ tư trong Hội Đồng Nghị Viên thành phố. May ra chỉ có Nghị TNT mới cầm cự ngang ngửa được với Nghị Ken. Nhưng Nghị Viên TNT không cùng tửu vị với Nghị Viên Ken. Nghị TNT, gốc Mít, khoái uống Cognac Rémy Martin XO hoặc VSOP. Thứ đó, Nghị Ken không chơi, ngoại trừ Louis XIII. Nghị Ken thích whisky. Ông hợp với Johnnie Walker loại Xanh 750 ml. Loại Đỏ hoặc loại Vàng, ông nói chua không nếm.

Nghị Viên Ken, tốt nghiệp thủ khoa Harvard, uống rượu vô địch. Sáng, rượu. Trưa, rượu. Tối, rượu. Khuya, rượu. Nhưng cuối tuần Nghị Ken mới uống bốn cữ. Ngày thường, ông chỉ uống bữa tối. Người ta, rượu vào lời ra, đập phá đồ đạc, đánh đập vợ con, đi ra đá thúng đi vào đụng nia. Nghị Ken thì ngược lại. Càng uống, Nghị Ken càng trở nên yên lặng, mặt đổi màu trắng xanh.

Chỉ có một lần duy nhất, ông xỉn tại nhà Nghị Ann. Hồi đó, chưa vợ, chắc buồn, ông cất giọng cự lộn với Nghị Joe và Nghị TNT. Cặp mắt đỏ au, da mặt xanh lè, Nghị Ken lè nhè,

- Tụi bay... cả hai thằng... cả hai đứa... da nhuộm mầu. Thằng nâu... thằng vàng. Nhìn da tao này... trắng... trắng như thế này mới là Mỹ.

Quay sang Nghị Viên Ann, ông nói,

- Em tưởng là... là em đẹp lắm hả? Tôi nhắc cho cô nhớ... cô xấp xỉ bốn mươi... bốn mươi rồi đó.

Nói chưa dứt lời, Nghị Ken té lăn xuống sàn nhà. Nghị Joe ngồi bên cạnh nhanh tay đỡ kịp.

Thời gian Luật Sư Ken vận động tranh cử ghế nghị viên thành phố, báo chí lôi chuyện cậu Ken, thời còn sinh viên, từng bị cảnh sát hú còi còng tay về tội say rượu lái xe. Hai ba ngày liên tục, trang nhất của tờ báo địa phương lấp đầy những cột tin dài ngoằng bình luận về tửu lượng của công tử dầu hỏa Kenneth Bows.

Càng uống rượu, Nghị Ken càng hóa thành một người khác. Rượu vào, Nghị Ken yên lặng hút thuốc nghĩ ngợi về cuộc bầu cử kỳ tới. Ông sẽ tranh chức Thị Trưởng. Ông sẽ thay đổi mọi thứ trên đời. Rác rưởi trong thành phố ông sai người hốt, đóng kiện, đem bán, kiếm tiền cho viện dưỡng lão, viện mồ côi, nhà bếp cho người vô gia cư và gái giang hồ trong thành phố. Ông sẽ sai người dẹp mấy cái nhà tắm hơi trên phố. Nghị Ken nghĩ tới cuộc vận động đóng cửa mấy sòng bài nổi trên dòng sông Mississippi. Đặc biệt khúc sông của ba tiểu bang; ngã ba biên giới đêm đêm sáng rực ánh đèn của ba sòng bài nổi. Dân chúng của ba thành phố và những thị trấn lân cận, cuối tuần dẫn nhau về đó tấp nập như ngày hội Độc Lập Bốn Tháng Bẩy của Hoa Kỳ. Có một lần trong phiên họp, Nghị Ken chặt tay xuống mặt bàn,

- Sòng bài Đồng Tiền Vàng phải đóng cửa.

Ông Thị Trưởng và ba nghị viên cùng nhìn ông. Ông Nghị Ken không nhìn ai nhưng liếc nhìn Nghị Joe,

- Sở Cảnh Sát mới đưa ra con số thống kê về tội ác trong năm qua. Vợ chồng đánh nhau, ăn cướp nhà băng, đào tường khoét vách, con gái bán mình, con trai ăn sương tăng lên gấp ba so với hồi sòng bài Đồng Tiền Vàng chưa mở cửa.

Ông Thị Trưởng tiếp tục yên lặng nhìn ông Nghị Ken. Nghị Joe mới động đậy tính phản pháo, cô Nghị Ann chắc giọng,

- Ông còn nhớ phần thuế sòng bài Đồng Tiền Vàng đóng góp vào cho nền thịnh vượng chung của thành phố là bao nhiêu không?

Nhìn thẳng vào cặp mắt của nhân vật đối diện, cô Ann nói nhanh nhưng rõ, giọng sắc lạnh,

- Chưa kể, nếu phải đóng cửa sòng bài Đồng Tiền Vàng, chúng ta phải đóng cửa cả hai sòng bài của hai thành phố lân cận. Và nếu vậy, không phải chỉ có ba sòng bài này mới phải đóng cửa, ông sẽ phải đóng cửa tất cả những sòng bài trên thế giới, kể cả Las Vegas và Reno.

Cô Ann cười nhếch mép, mím môi, nói chậm, tóc lắc lư,

- Chuyện đó, hơi khó.

Nhìn khuôn mặt đắc chí của người nữ luật sư, Nghị Ken nhớ tới những tối cuối tuần ba ông nghị viên họp mặt ở nhà nữ đồng nghiệp. Cả bọn chơi bài, hít bột, và uống rượu. Ông Ken nghĩ ngợi trong đầu chắc

phải lựa lúc cô Ann say với thuốc lắc rồi, ông sẽ vận động người nữ nghị viên duy nhất đứng về phe ông trong vụ đóng cửa sòng bài.

Tối Thứ Bẩy bên ly rượu Johnnie Walker, vợ mới cưới đã ngủ, ông Ken bật máy điện tử. Rượu quyện tròn cổ họng ngọt ngào khơi dậy điếu thuốc. Ông bật quẹt hút xì gà Cuba Havana. Ngồi trước màn ảnh, nghị viên vô sòng bài đỏ đen. Tiền kêu leng keng, đồng xanh đồng đỏ, Già Chuồn, Đầm Cơ, Nghị Ken quên hết thế gian chung quanh.

Ngoài bài, Nghị Ken cũng hay vô phòng chát. Ở trong phòng chát Độc Thân và Dang Dở, Nghị Ken quen một cô gái,

- Em bao nhiêu?
- Già rồi.
- Nói anh nghe đi.
- OK. Hơn hai bó.
- Ba dấu chấm hỏi.
- Tại sao lại ba dấu chấm hỏi?
- Không biết tuổi thật hay giả.
- Anh nghĩ thật hay giả?
- Chắc... Chắc thật

Nghị Ken tiếp tục,

- Cho anh gặp em đi.
- Thôi. Gặp làm chi. Biết đâu anh rỗ huê, cà thọt. Mất vui!!!

Cà thọt. Nghị Ken cười buồn nhìn xuống chân trái của mình. Hồi nhỏ Nghị Ken bị polio. Giờ này chân trái ngắn hơn chân phải.

Nghị Ken nói với cô gái là anh đang độc thân sau một lần dang dở. Cô gái nói em hai lần dở dang. Hai lần vác bao lô. Hai lần hại thằng đàn ông đánh trống bỏ dùi. Hai lần tính phá, nhưng sợ. Sinh xong, em cho viện cô nhi cả hai đứa con. Bây giờ tối tối nhớ con, nhiều đêm em khóc.

Có một khoảng thời gian hai người gặp nhau hằng ngày đúng 6 giờ chiều. 5 giờ, từ văn phòng Nghị Ken lái xe về thẳng tới nhà. Việc đầu tiên ông nghị làm là bật máy điện tử. 6 giờ, khóa cửa phòng lại, ông chát với cô gái. Vợ gõ cửa mời ông ra ăn cơm. Ăn cơm xong, ông rửa chén. Rửa chén xong, ông lên phòng, chát tiếp tục. Vợ, ông để nằm lăn lóc trong phòng. Cô vợ trẻ măng mới cưới chẳng hiểu chuyện chi, cứ nằm trong phòng chờ đợi. Cô nghĩ chắc là tại mình làm điều chi thất thố khiến chồng không hài lòng. Cô hỏi ý bà Nghị TNT và vợ ông Joe. Hai bà nghị viên gốc Việt thay phiên nhau chỉ dạy phương cách chiều chuộng phu quân người Mỹ cho bà Nghị Ken.

Chuyện qua chuyện lại hơn một năm, hai người trở thành tình nhân liên mạng. Cô gái gọi ông, anh yêu dấu. Nghị Ken gọi cô, mèo duyên

dáng. Ông thích những lúc tình nhân liên mạng hút E. Lúc đó cô ăn nói bạt mạng. Không kiêng nể, không giữ gìn. Chuyện qua chuyện lại cả đêm. Những đêm mất ngủ, Nghị Ken trằn trọc bên người vợ gầm gừ ú ớ trong cổ họng tiếng nói lạ tai. Ngồi bật dậy, ông nghị lại đi vào phòng chát tìm kiếm tình nhân. Phòng chát vắng hoe, không có ai. Cô đơn và lẻ loi trong đêm trường, Nghị Ken hút thuốc, uống rượu. Có mấy lần người tình bất ngờ xuất hiện. Cô hỏi anh đang làm chi đó? Nghị Ken nói anh đợi em. Tình nhân liên mạng cười nói anh chung tình dữ, không như bốn thằng đàn ông trong sở của em.

Có những đêm, nhân tình không xuất hiện. Buồn thiu, Nghị Ken lang thang từ phòng chát này sang phòng chát khác tìm kiếm "Người Duyên Dáng". Ông nghĩ người sao tên vậy, chắc người tình của ông duyên dáng lắm.

Hôm nay đầu tuần sáng Thứ Hai, Nghị Joe, Nghị TNT, Nghị Ann, và Nghị Ken mở cửa bước vào phòng họp. Sáng Thứ Hai nào cũng vậy, Hội Đồng Thành Phố họp hai tiếng đồng hồ bàn về thời khóa biểu trong tuần. Đặc biệt ngày hôm nay, Hội Đồng sẽ quyết định có nên đóng cửa chiếc tàu Đồng Tiền Vàng hay không.

Bao giờ cũng vậy, ông Thị Trưởng, Mỹ gốc Đức, Timmothy Schneiders, tới trễ nhất. Đồng hồ điểm 8 giờ sáng, ông Thị Trưởng mới xuất hiện ngay cánh cửa. Linh hoạt nhanh nhẹn, ngồi xuống ghế chủ tọa, ông Thị Trưởng tươi cười chào mọi người. Thị Trưởng Tim, tốt nghiệp Bác Sĩ Đại Học Chicago, khuôn mặt trắng hồng, tóc thưa trán hói, người béo đẫy đà. Ông cười vui vẻ ăn nói liến thoắng khi gặp dân thành phố ngoài đường hay trong thương xá.

Trong bốn người đồng nghiệp cũng là nhân viên của ông, cô Nghị Ann Forest, ông thích nhất. Ông nghĩ sau khi chấm dứt hai nhiệm kỳ Thị Trưởng, ông sẽ vận động tranh cử thống đốc tiểu bang. Nếu trời cao ưu đãi, cơ hội buông dây, Thị Trưởng Schneiders sẽ tranh cử tổng thống. Ông sẽ mời cô Ann Forest đứng chung liên danh với ông. Người nữ luật sư này ăn nói giỏi giang. Tính tình hơi lạnh. Nhưng có tham vọng. Nghị Joe Diaz và Nghị TNT, Thị Trưởng Tim Schneiders không ngán. Kỹ Sư Joe Diaz và Nha Sĩ Tony Ngọc Trần ngồi được ghế Nghị Viên là nhờ những lá phiếu của dân Sì và dân Mít. Nghị Joe da nâu và Nghị TNT da vàng, cả đời chẳng làm được chi. Cả hai rồi cũng sẽ chỉ luẩn quẩn đuổi gà bắt vịt từ sân trước ra vườn sau. Ông Thị Trưởng ngán Nghị Viên Kenneth Bows nhất. Nghị Kenneth Bows tốt nghiệp thủ khoa Harvard chung trường với Nghị Ann Forest. Hai người lanh lợi như nhau. Ông

Ken không rượu chè, cờ bạc, trai gái, hút xách. Nghị Ken chống phá thai, đề cao đời sống gia đình, chống tiền dâm hậu thú, và hôn nhân đồng tính. Chúa Nhật, Nghị Ken và cô vợ mới cưới dẫn nhau đi lễ. Hai vợ chồng ngồi ngay hàng ghế đầu, hát to. Báo chí đang bàn chuyện sang năm ông Nghị Ken sẽ tranh cử chức Thị Trưởng.

Đồng hồ điểm 8 giờ sáng. Ông Joe, ông TNT, cô Ann, và ông Ken nhìn về cửa phòng chờ đợi. Cánh cửa vẫn im lìm.

Nghị Joe sửa lại cà vạt mầu đỏ. Tối hôm qua, ông thức trắng cả đêm đánh bài.

Nghị TNT cúi xuống tiếp tục đọc bản báo cáo của tuần trước. Vừa đọc, Nghị TNT vừa mơ màng nghĩ tới Văn Phòng Giới Thiệu Hôn Nhân mới mở bên thủ đô Mạc Tư Khoa.

Nghị Ken tiếp tục ngáp, tay che miệng. Đêm qua buồn, ông nốc hết cả chai Johnnie Walker. Tối qua, ông lại lên phòng chát tìm kiếm tình nhân "Người Duyên Dáng". Hai người chuyện qua chuyện lại cả đêm.

Cô Ann là người duy nhất thắc mắc không hiểu tại sao ông Thị Trưởng trễ buổi họp. Cúi xuống mở bóp, cô lấy gương soi mặt. Sáng nay cô đánh phấn dầy che lấp làn da tái xanh và viền mắt quầng thâm. Tối hôm qua, Chúa Nhật, cô thức cả đêm chát với "Người Dở Dang".

Cánh cửa phòng bất ngờ bật mở. Bốn người cùng nhìn ra. Không phải ông Thị Trưởng mà là ông Cảnh Sát Trưởng. Xoa xoa mười đầu ngón tay vào nhau, ông Đại Úy dáng vẻ ngần ngại,

- Xin lỗi! Thành thật xin lỗi, ông Thị Trưởng đã... đã bị bắt.

Bốn cặp mắt cùng mở to. Tám con ngươi cùng trợn tròn. Cô Ann kinh ngạc hét lên,

- Lạy Chúa tôi! Sao vậy?

Ông Cảnh Sát Trưởng nói chậm lại,

- Ông Thị Trưởng bị bắt về tội lưu hành và tàng trữ hình ảnh khiêu dâm trẻ vị thành niên.

Ngồi xuống ghế, ông Cảnh Sát Trưởng tiếp tục,

- Tối hôm qua, văn phòng Bảo Vệ Trẻ Vị Thành Niên Liên Mạng của Liên Bang bắt được quả tang ông Thị Trưởng đang phóng hình khiêu dâm của trẻ em lên trang lưới. Cảnh sát tới nhà còng tay ông Thị Trưởng. Trong máy vi tính điện tử của ông Thị Trưởng, chúng tôi còn khám phá ra hằng trăm tấm hình khiêu dâm trẻ vị thành niên...

Ông Cảnh Sát Trưởng tiếp tục nói, ba người ngồi trên ghế bọc nệm đỏ, ngoại trừ Nghị Viên TNT, tiếp tục suy nghĩ tìm cách tiêu hủy những tấm hình đang nằm trong máy điện tử tại nhà và trong văn phòng. Ngoài hình ảnh, Nghị Joe và Nghị Ken còn nghĩ tới những máy chơi Blackjack,

LÝ THỪA NGHIỆP

trăng tan

Hãy đến đây và nghe biển hát
Khi ra đi chưa hẹn buổi quay về
Cây với lá vẫn chung niềm khao khát
Những trái xanh vừa điểm nụ xuân thì.
*
Ngồi xuống đây, nghe rừng xanh nhã nhạc
Gió lênh đênh, đâu biết chốn quê nhà
Này lãng tử, tiếng mưa nguồn man mác
Tha phương hề! lệ đẫm cả xương da!.
*
Này nhơn ngã, cuộc trầm luân vô tận
Những mồ xưa và cỏ dại chập chùng
Sẽ về đất với một ngày đã hẹn
Khi lai sinh, ai biết cuộc tương phùng.
*
Ngồi xuống đây, gió tràn lan trên tóc
Chuông còn vang từ vực thẳm sương ngàn
Ngày đã hết và đêm xanh như ngọc
Mình lên đồi trải áo hứng trăng tan.

PaiGow, và Poker. Riêng người nữ nghị viên, Nghị Ann Forest thở dài, thất vọng. Cô ngao ngán nghĩ tới một người đàn ông khác cho chính trường. Cô liếc nhìn ông Phó Thị Trưởng. Nghị Ken đang phác họa trong đầu lá thư mà Hội Đồng Thành Phố sẽ phải tuyên bố về trường hợp ông Tỉnh Trưởng Timmothy Schneiders. Ông Phó Thị Trưởng nhìn qua khung cửa. Nắng mặt trời chan hòa. Ông liếc nhìn cô nghị viên. Nữ luật sư Ann Forest ngập tràn hứa hẹn. Phó Thị Trưởng Kenneth Bows có cảm tưởng ông vừa kéo máy được sẩn rồng, dính lô độc đắc bạc triệu của sòng bài. Người ông Phó Thị Trưởng phê phê như đang hít bột trắng. Nghị Viên Ken nghĩ tới chai Louis XIII sẽ khui mở uống tối nay chúc mừng tương lai rực rỡ chờ đợi trước mặt. ■

máu chảy về tim

SÂM THƯƠNG

Hạ Nghi không diễn tả được cảm giác sung sướng, tràn ngập niềm vui khi biết mình có thai. Nàng mơ hồ nghe như thân thể mình mọc thêm đôi cánh, bay bổng giữa một thiên đường lạ. Và nàng tưởng khi báo tin cho chồng mình biết, Tường sẽ vui mừng nhảy nhổm lên, ôm choàng lấy vợ quay vòng trong một điệu luân vũ. Anh sẽ đón nhận niềm vui lần đầu tiên được làm cha sau hơn ba năm chung sống. Nhưng khác hẳn với dự đoán của Hạ Nghi, Tường đã nhìn thẳng vào mặt người vợ trẻ với ánh mắt lạnh lùng, xa lạ mà nàng chưa từng thấy nơi anh bao giờ:

- Cô có thai? Chúc mừng cô. Rất tiếc, đó không phải là con tôi. Cô không nhớ bác sĩ đã xác nhận tôi thiếu tinh trùng sao?

Hạ Nghi tưởng như đất trời sụp lở dưới chân mình, nàng thảng thốt kêu lên:

- Anh nói sao? Anh nghĩ tôi có con với ai khác?

Tường không trả lời, quay vào phòng, lạnh lùng sắp xếp đồ đạc, rồi xách chiếc vali bước ra khỏi nhà không một lời từ biệt. Hạ Nghi thật sự không hiểu tại sao anh lại nghi ngờ lòng chung thủy của mình, nỡ nói ra một điều tàn nhẫn và xúc phạm nàng như thế. Nàng đâu có người đàn ông nào khác, vẫn một lòng một dạ với anh. Trước đó, bác sĩ cũng đã cho nàng biết, trường hợp chồng nàng thiếu tinh trùng không nhất thiết không có con. Nhưng câu nói vừa rồi từ cửa miệng anh, đối với nàng, tuyệt đối không thể hàn gắn hoặc cứu vãn cuộc sống chung giữa hai người. Bản tính Hạ Nghi ngoan hiền nhưng cũng rất cương cường. Đó là lằn ranh cuối cùng của sự nhẫn nhục, chịu đựng. Nàng không cho phép

ai vượt qua, kể cả người đó là chồng nàng.

Hạ Nghi nhìn theo chồng đau khổ, phẫn hận đến nghẹn ứ cổ họng, không nói được thành lời. Không kiềm chế được và chẳng thiết tha gì nữa, nàng cắn chặt môi vọt ra cửa, chạy một mạch đến giữa cầu sắt, mà sáng chiều những đoàn tàu như những con bò mộng hùng hục chạy ngang qua. Nhìn xuống dòng nước đục ngầu, cuồn cuộn chảy, không do dự, đắn đo và cũng không một chút sợ hãi, nàng thấy thần chết đứng bên kia đang đưa tay vẫy gọi mình.

Khi dợm chân nhảy xuống, bất ngờ bụng nhói đau dữ dội, nàng chợt nhớ ra cái bào thai đang quẫy đạp trong bụng. Ngay tức khắc, nàng hiểu dù trần gian có là địa ngục, dù thân xác mình có bị đày đọa đến mức nào thì nàng cũng phải sống, đứa con trong bụng phải có mặt trên cõi đời, nó sẽ lớn lên làm người. Như tỉnh cơn mê ngủ, người vợ trẻ bị chồng ruồng bỏ vươn vai, vuốt lại nếp áo, bình thản quay trở về, dọn dẹp lại nhà cửa như không có chuyện gì xảy ra. Nàng quyết định ngày mai phải nộp đơn xin việc làm, nàng có học mà, việc gì cũng không nề hà, và điều cần nhất là phải chuẩn bị mọi thứ để cho đứa con của mình ra đời. Vì nó là giọt máu của chính nàng, nên nó phải sống. Vì nỡ nàng có thể hy sinh tất cả, với nó nàng nhất định sẽ đi tiếp chặng đường trước mặt.

Sửa mấy cành hoa hồng lại cho ngay ngắn, Hạ Nghi đặt chiếc bình lên bàn. Ánh nắng buổi chiều chiếu qua khe cửa lung linh trên mặt kiếng.

*

Thời gian qua đi rất nhanh, căn nhà cũ nằm bên kia cây cầu sắt ngang qua sông, dọc theo con đường sắt đã được sửa chữa lại khang trang hơn. Hạ Nghi, người vợ trẻ năm nào nay gần năm mươi, mái tóc đã điểm sương, vẫn khuôn mặt thanh tú, dáng vẻ dịu dàng, đang thừ người trước bàn nhớ lại quá khứ nghiệt ngã đã đè nặng lên cuộc đời mình.

Sau cuộc chia tay bất ngờ, trong những phút giây tĩnh lặng một mình, nàng băn khoăn tự hỏi: không biết Tường thật tâm nghi ngờ lòng dạ thủy chung của nàng, hay chỉ là cái cớ để anh cắt đứt mối quan hệ với nàng? Hạ Nghi không tìm được câu trả lời, nhưng lâu dần nàng cảm thấy điều này không còn cần thiết nữa. Đặc biệt, sau khi Hạ Uyên ra đời và lớn lên, biết khóc biết cười bên cạnh cuộc đời tưởng như đã héo úa của nàng.

Bất ngờ, cánh cửa phòng trong hé mở, khuôn mặt của một cô gái trẻ xinh đẹp, đồng phục trắng với chiếc cặp da bước ra, nụ cười thật rạng rỡ trên đôi môi huyền hoặc:

- Sáng nay mẹ không đến cơ quan sao?

Bà Hạ Nghi ngước lên mỉm cười nhìn con gái:

- Mẹ có một số công việc phải giải quyết.

Hạ Uyên bước tới trước mặt mẹ, để rơi chiếc cặp, giang hai tay ôm chặt mẹ và hôn mẹ như mưa bấc. Bà Hạ Nghi giẫy nẩy la lên:

- Con quỷ này Năm tới lên đại học rồi mà vẫn cứ như mới lên năm không bằng! Mai mốt cô lấy chồng, tính sao đây?

Hạ Uyên chẩu môi:

- Con ở với mẹ suốt đời, không thèm lấy chồng đâu!

Bà Hạ Nghi đưa tay như muốn bịt miệng con gái, trách yêu:

- Đừng có ăn nói bậy bạ, mai mốt có muốn lấy chồng cũng ngượng nói ra.

Hạ Uyên nhíu mày trêu mẹ:

- Lấy chồng thì hay ho gì, như mẹ đó, có hạnh phúc gì đâu

Hạ Uyên chợt ngưng lại, vì hiểu ra mình đã chạm vào vết thương của mẹ. Đôi mắt cô long lanh dưới hàng lông mi đậm, cong vút nhìn mẹ. Giọng cô thấp xuống như sắp khóc:

- Con xin lỗi mẹ!

Bà Hạ Nghi lắc đầu, mỉm cười nhìn con âu yếm. Hạ Uyên nũng nịu ngồi xuống cạnh mẹ, vẫn giọng liến thoắng:

- Con cám ơn mẹ đã một đời hy sinh cho con. Con thật sự hạnh phúc. Con không đòi hỏi điều gì cả, con chỉ cần có mẹ.

Bà Hạ Nghi nắm chặt tay con gái, bà cố ngăn những giọt nước mắt đang muốn trào ra, những giọt nước mắt hạnh phúc hiếm hoi. Hình ảnh người chồng phụ bạc, những tháng ngày đen tối thoáng đi qua trong ý nghĩ của bà. Cuối cùng, bà nhìn thẳng vào mắt con gái:

- Mẹ cũng chỉ cần có con. Con là tất cả đối với mẹ!

Như để che giấu nỗi xúc động, Hạ Uyên nhìn lên đồng hồ, đứng bật dậy:

- Mẹ! Con phải đi học đây. Các bạn của con đang chờ ngoài kia.

Bóng Hạ Uyên đã khuất sau cánh cửa, nhưng tiếng cười của cô giữa đám bạn bè vẳng lại như sưởi ấm trái tim giá lạnh của bà. Bà mỉm cười, lắc đầu đứng dậy.

*

Chợ Bến Thành, người qua kẻ lại mua bán đông đúc và nhộn nhịp. Hạ Uyên cùng Nga, cô bạn gái cùng lớp đang vừa đi vừa nói cười liến thoắng. Đến gian hàng bán giày dép, cô dừng lại, bước vào, cầm một chiếc, ngồi xuống ghế ướm thử vào chân, hỏi bạn:

- Nga này, thấy có đẹp không?

Nga mỉm cười gật đầu, trêu bạn:

- Chân đẹp, chứ có phải là dép đẹp đâu!

Hạ Uyên nguýt bạn, rồi đưa tay dứ dứ:

- Coi chừng có ngày Uyên cắt lưỡi, đừng có mà cho Uyên đi tàu bay giấy. Nhưng đây là mua cho mẹ Uyên, hai mẹ con cùng một size mà. Ngày mai là sinh nhật của mẹ Uyên đó.

Bất ngờ Hạ Uyên bật dậy, xô dạt bạn ra một bên. Mọi người đang ngơ ngác, rất nhanh Hạ Uyên băng ra, giật cái xách từ tay một tên cướp đang tẩu thoát. Cô gái người nước ngoài bị cướp đang ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì vì quá bất ngờ, nhưng cô đã nhìn thấy hành động của Hạ Uyên. Cô vui mừng bước nhanh tới. Hạ Uyên sửa lại nếp áo, mỉm cười đưa chiếc xách cho cô gái. Cô gái chưa kịp đưa tay đón nhận cái xách, thì Hạ Uyên ự lên một tiếng đau đớn, ngã sấp xuống, chuôi con dao cắm sau lưng, bên ngực trái cô. Những người có mặt ở đó bất ngờ la hét, tháo chạy hoảng loạn, không ai để ý đến tên cướp lẫn vào đám đông trốn mất.

Nga đau đớn cúi xuống ôm lấy Hạ Uyên khóc nức nở, rồi ngước lên cầu cứu, nói không ra tiếng.

*

Ngước lên nhìn viên sĩ quan điều tra đang đứng ngay trước mặt, bà Hạ Nghi cất tiếng hỏi:

- Có lẽ các ông muốn gặp giám đốc?

Viên sĩ quan lắc đầu, nói:

- Không! Chúng tôi muốn gặp bà Hạ Nghi, mẹ của nữ sinh Hạ Uyên.

Như một luồng điện chạy nhanh qua cơ thể, hai tay bà Hạ Nghi run rẩy cố níu lấy thành bàn:

- Tôi là Hạ Nghi. Chuyện gì đã xảy ra với con gái tôi?

Viên sĩ quan cố gắng kiềm chế sự kích động của chính mình:

- Xin bà bình tĩnh! Chúng tôi muốn báo cho bà biết

Hai mắt bà Hạ Nghi tròn xoe, chờ đợi, mặt bà tái ngắt không còn một giọt máu. Viên sĩ quan nhìn thẳng vào mắt bà, nói nhanh như sợ không đủ can đảm:

- Cách đây khoảng một tiếng đồng hồ, cô Hạ Uyên đã bị một tên cướp giật đâm chết tại chợ Bến Thành sau khi cô can thiệp giúp đỡ một cô gái người nước ngoài

Bà Hạ Nghi thảng thốt như không tin ở tai mình:

- Ông nói sao? Hạ Uyên, con gái tôi đã bị đâm chết?

Viên sĩ quan gật đầu:

- Cô ấy đã chết trên đường chuyển tới bệnh viện. Vì lưỡi dao đâm trúng tim, máu ra nhiều quá!

- Trời Phật ơi!

Bà Hạ Nghi cảm thấy như tận thế, lửa bốc cháy ngùn ngụt, mọi vật đang nháo nhào sụp đổ, mặt trời phụt tắt và trần gian tối sầm lại. Người bà tê cứng, tưởng như không còn cảm giác. Trong đôi mắt nhòa lệ, bỗng nhiên bà nhìn thấy lại giấc mơ đã từng làm ba đau đớn, sợ hãi. Giấc mơ như một dự báo về số phận bi thương của con gái bà. Mỗi lần nhớ lại bà tự trấn tĩnh, đơn giản đó chỉ là một giấc mơ, nhưng hình ảnh của giấc mơ vẫn luôn ám ảnh, đeo đuổi trí óc bà. Trong giấc mơ, bà không nhớ đó là buổi sáng hay buổi chiều, hình như trên đỉnh đồi vắng, chỉ có hai mẹ con bà. Hạ Nghi mặc chiếc áo dài màu tím, màu áo mà cô yêu thích. Bà cũng không hiểu tại sao cô lại thích màu tím, màu của sự nghiệt ngã, chết chóc. Cô đang nô đùa, nói cười với mẹ, rồi bất ngờ đứng dậy đuổi theo chiếc bong bóng không biết từ đâu xuất hiện bay chập chờn trước mặt cô. Cô hồn nhiên và say mê với công việc của mình. Bóng hình cô nổi bật trên nền trời, giọng cười của cô âm vang ngọt ngào, thảnh thót làm bà lo lắng. Bà định đưa tay ngăn lại, nhưng cánh tay bà không nhấc nổi. Có lúc tưởng như cô đã có thể nắm bắt được chiếc bong bóng trong tay, bất ngờ một cơn gió vô tình thổi tới. Chiếc bong bóng vuột khỏi tay cô, bay đi như nghịch đùa, như thách thức cô. Cô nhất định không bỏ cuộc, vẫn kiên trì đuổi bắt. Có lẽ vì mải mê với chiếc bong bóng trên cao, cô đã không để ý dưới đất. Một mảng đất đá sụt lở, người cô bị kéo theo, lơ lửng rơi xuống vực thẳm Bà lao nhanh tới, nhưng không còn kịp. Vực thẳm đen ngòm.

Hai tay bà ôm chặt lấy mặt, không dám nhớ lại cảnh tượng đó, dù chỉ là một giấc mơ. Nhưng hiện tại, giấc mơ đã không còn là giấc mơ. Đột nhiên, nỗi đau đớn, đau đớn đến tận cùng trong lòng bà biến đổi, được thay thế, lấn át bởi niềm thù hận, một niềm thù hận thối bùng lên, hừng hực và cháy bỏng hơn cả núi lửa. Không thể tha thứ đối với kẻ đã cướp đi sinh mạng của Hạ Uyên, báu vật duy nhất của đời bà. Bà đứng dậy, quay phắt người ngước nhìn lên, hàm răng bà cắn chặt lại, không một giọt nước mắt. Bà cố đè nén hay đúng hơn, che giấu một điều gì đó thật kinh khủng chính bà cũng không rõ, không lường trước được.

Bà quay lại, nói với viên sĩ quan điều tra, giọng chậm rãi:

- Tôi có thể theo ông đến bệnh viện được không?

Viên sĩ quan bất ngờ trước thái độ trầm tĩnh của bà, anh hấp tấp gật đầu:

- Vâng! Bà có thể theo tôi.

Khi đã vào chỗ ngồi, bà hỏi viên sĩ quan điều tra:

- Tên sát nhân hiện đang được giam giữ ở đâu?

- Hắn đã đào thoát, nhưng chúng tôi đã tìm ra tung tích hắn. Chúng tôi nhất định sẽ bắt và đưa hắn ra tòa.

Bà Hạ Nghi cười khẩy:

- Điều đó cũng đâu làm cho con gái tôi sống lại được!

Suốt chặng đường trên xe đến bệnh viện, bà Hạ Nghi không nói một câu nào nữa. Bà không nghe, không thấy cả những dòng người, xe cộ ngược xuôi chật ních đang diễn ra chung quanh. Sự phẫn nộ đang chế ngự trái tim của bà.

*

Trong phòng khám nghiệm tử thi, chỉ còn mỗi một mình bà Hạ Nghi bên xác con. Trên giường, thi thể của Hạ Uyên được đặt ngay ngắn, đắp lên bằng drap trắng. Khuôn mặt nàng đã được bà Hạ Nghi kéo xuống, vẫn xinh đẹp và thánh thiện như một thiên thần đang chìm đắm trong một giấc ngủ bình yên. Thế giới như đã không còn lay động đến con gái bà, ngay cả giờ phút này, bên cạnh bà, người thân yêu nhất mà cô không muốn xa rời. Cả nỗi đau khổ đến tột cùng vì sự ra đi đột ngột và ngoài ý muốn, cũng không còn tác động đến cô. Hạ Uyên đã thuộc về một thế giới khác, một cõi sống khác, vĩnh viễn không quay trở lại. Căn nhà của bà từ đây sẽ không bao giờ vang lên tiếng cười hồn nhiên tươi vui của con gái. Tất cả đã trở thành vô nghĩa, thế giới đã trở thành địa ngục đối với bà, chỉ vì tên sát nhân.

Nắm lấy bàn tay lạnh ngắt của con gái, bà nói trong tiếng nấc:

- Hạ Uyên, con gái yêu của mẹ! Mẹ thề sẽ trả thù cho con. Mẹ sẽ không để cho kẻ đã hại con yên thân. Hắn phải trả giá cho sự đau khổ mất mát của mẹ.

Bà cúi xuống hôn thật lâu trên khuôn mặt đứa con xấu số, bà cảm giác được một cách sâu sắc và cụ thể sự khác biệt giữa cái sống và cái chết. Nỗi đau của người mẹ cô độc mất đi đứa con duy nhất sẽ khó thể hàn gắn được. Trong phút giây đó, bà thấy mình như bị lạc giữa một vùng sa mạc bóng tối, bà dò dẫm từng bước, cất tiếng gọi con, nhưng chỉ nghe tiếng gào thét, khóc la của bầy âm binh từ những vách núi vọng lại.

*

Sau khi Hạ Uyên bị giết, bà Hạ Nghi đã âm thầm tìm kiếm tên tuổi, địa chỉ và nhân thân của tên sát nhân. Không dễ dàng chút nào đối với một người như bà, nhưng lòng thù hận đã giúp bà vượt qua tất cả mọi khó khăn, và cũng chính lòng thù hận đã giúp bà đứng vững trước một

tai họa khốc liệt như thế. Càng yêu thương con bao nhiêu, lòng thù hận càng sâu nặng bấy nhiêu. Khởi đầu, bà tìm tên tuổi tên sát nhân trong những bài tường thuật trên báo. Nhưng các bài viết đã không ghi rõ địa chỉ của tên sát nhân, mà chỉ nói hắn cư ngụ ở quận Bình Thạnh. Do vậy, bà phải tìm cách hỏi gần hỏi xa để biết hắn thường trú ở phường nào, rồi lại dò hỏi cho ra khu phố, tên đường và số nhà hắn trú ngụ.

Nắm được địa chỉ đích xác của hắn trong tay, bà Hạ Nghi chỉ muốn bay ngay đến đó, để xem căn nhà của hắn như thế nào, gia đình hắn gồm những ai và hy vọng trong một lần nào đó gặp hắn lén lút về nhà.

Sáng hôm đó, bà đi xích-lô thẳng đến địa chỉ đã ghi nhận. Quẹo qua một đoạn, bác xích lô lên tiếng hỏi:

- Bà xuống đây hay còn đi đâu nữa?

Đã chuẩn bị sẵn câu trả lời, bà chỉ tay về phía đoạn đường trước mặt:

- Tôi định đến thăm một người bạn cũ, nhưng đã lâu không đến nên không biết đích xác, chỉ nhớ mang máng ở đoạn đường này. Bác cứ đi chầm chậm cho tôi quan sát.

Khi mới nhìn thấy ngôi nhà, tự nhiên cơ thể bà như bị chấn động, trái tim bà bùng lên ngọn lửa thù hận. Bà nghĩ đến hắn, kẻ đã sống trong ngôi nhà này, và những ai đang cùng sống trong đó đều có liên quan, trách nhiệm với cái chết của con gái bà. Cơn giận sôi lên, bà muốn tự tay thi hành công lý, hắn phải đền tội vì đã giết chết con gái bà. "Mắt trả mắt, răng trả răng". Bà thầm nghĩ: Giá như trong tay có một mồi lửa, bà sẽ thiêu rụi ngôi nhà và cả những người trong đó mới có thể vơi đi cơn phẫn hận trong lòng. Nhưng bà cố đè nén xúc động, không để lộ thái độ bất thường trên nét mặt.

Chiếc xích lô đã chạy lui chạy tới hai ba vòng, nhưng bà cứ làm như không thấy, để được quan sát kỹ hơn. Căn nhà biệt lập, có khoảnh sân rộng, một vài chậu hoa, hai cánh cổng sắt đóng im ỉm. Phía bên này đường, nhà san sát, chung đụng nhau, có cả quán billard, quán giải khát, và một vài gian hàng tạp hóa.

Bà đưa tay ra hiệu cho xe ngừng, bà đến chỗ một cô gái bán thuốc lá bên đường hỏi một vài câu lấy lệ, rồi quay lại nói với bác xích lô:

- Có thể bà bạn tôi đã thay đổi chỗ ở hoặc đi xa rồi cũng nên. Không cần tìm nữa, bác cho tôi về thôi.

*

Đêm đã khuya, bà Hạ Nghi vẫn trằn trọc mãi không ngủ được. Một mình trong bóng tối, bà cố nhớ lại tất cả những gì đã cất công theo dõi, tìm hiểu. Nhà tên sát nhân không có nhiều người như suy đoán ban đầu

của bà, chỉ có một người đàn bà khoảng trên dưới năm mươi, đó chính là mẹ hắn và một cô gái giúp việc. Hằng ngày, khoảng gần 8 giờ sáng, người đàn bà đó lại lên xe taxi đi, đi đâu không rõ, đến chiều tối mới về. Thi thoảng bà ta mới ở nhà, đi ra đi vô, dọn dẹp, tưới cây hoặc săn sóc những chậu hoa. Cô gái giúp việc có khi quá giang taxi theo bà chủ ra chợ, có khi đi một mình, khoảng chừng một tiếng đồng sau trở về với giỏ thức ăn và vài thứ lặt vặt. Suốt tuần qua, ngày lẫn đêm, bà không hề thấy tên sát nhân bén mảng về nhà và cũng không thấy họ tiếp xúc với ai. Như vậy có nghĩa là họ cũng một mẹ một con như bà. Ý tưởng vừa thoáng qua làm bà rùng mình, gai ốc nổi khắp người, lòng bà như nhũn lại. Bà nhắm mắt cố xua đuổi ý nghĩ chợt đến trong đầu. Bất ngờ, bà vùng dậy bước tới cạnh bàn, ôm khung hình của Hạ Uyên áp vào ngực khóc nức nở:

- Không, nhất định mẹ sẽ trả thù cho con. Vong hồn con có linh thiêng hãy phù hộ cho mẹ!

Đặt khung hình vào chỗ cũ, bà đứng dậy đi về phía giường, ngồi xuống. Bà tự nhủ lòng, phải ngủ để có sức lực theo đuổi kế hoạch của mình. Bắt đầu từ ngày mai bà sẽ bám sát người đàn bà mới hy vọng tìm ra kẻ sát nhân. Bà sẽ ra tay trước khi hắn bị cơ quan điều tra bắt giữ và đưa ra xét xử.

Bên ngoài trời đổ mưa, sấm chớp, một vết sáng chạy dài, bức màn cửa lay động. Bà giật mình ngơ ngác, thoáng nghe như có tiếng gọi của Hạ Uyên từ cõi hư vô vọng lại.

*

Bà Hạ Nghi đang đi, bỗng như có một sức mạnh vô hình sai khiến bà đứng lại. Bà nhận ra đoạn đường này bà đã từng đi qua không biết bao nhiêu lần. Bà ngước lên, cái bảng hiệu của trường quá đỗi thân quen, ẩn khuất sau bờ tường là những dãy nhà cao, khoảng sân rộng, hàng phượng vĩ trổ hoa rực rỡ. Ngôi trường mà Hạ Uyên đã theo học. Bà nhớ như chuyện mới xảy ra hôm qua đây, biết bao lần, trước giờ bãi học, bà đứng ngay cột đèn này, nôn nóng đưa mắt tìm kiếm và hy vọng bóng dáng của Hạ Uyên, con gái bà chen lẫn trong đám đông áo trắng ùa ra, chạy thẳng về phía bà. Bà nhớ có lần, bà ngóng mãi mà chưa thấy con gái, hơi sốt ruột, lo lắng; bất ngờ một vòng tay ôm chầm lấy bà từ phía sau, giọng ríu rít:

- Bà tìm ai vậy?

Bà Hạ Nghi quay lại, nghiêm sắc mặt làm như không hề quen biết với cô gái:

- Tôi đang tìm con khỉ !

Hạ Uyên làm bộ ngạc nhiên:

- Nếu vậy bà phải đến Sở Thú, ở đây là trường học làm gì có khỉ!

Bà Hạ Nghi vẫn điềm tĩnh:

- Không, trường này dạy toàn là khỉ, cô không biết sao?

Hạ Uyên lắc tay mẹ, vùng vằng:

- Mẹ ghê thật, dám bảo tụi con là khỉ. Con không chịu đâu!

Hai mẹ con ôm nhau cười. Những cái nhìn ngạc nhiên, bất ngờ quay lại. Hai mẹ con bậm môi bẽn lẽn nhìn nhau như hai kẻ thông đồng phạm tội bị bắt quả tang.

Trước mắt, đám học sinh từ cổng trường đã lũ lượt ùa ra, dáo dác tìm kiếm, có đứa mừng rỡ chạy đến bên cha mẹ hay người thân. Tự nhiên bà có cảm giác mong ngóng, hy vọng Hạ Uyên với khuôn mặt xinh đẹp và rạng rỡ từ trong đám đông chạy thẳng về phía bà như mọi lần. Nhưng bóng dáng con gái đâu, đợi hoài chẳng thấy tăm dạng. Bà quay nhìn lại, thật mơ hồ, trông đợi đôi tay của con gái vòng từ sau lưng tới cùng với giọng cười của cô. Nhưng đám đông đã tản dần cho đến khi trước cổng trường không còn một tà áo trắng, chỉ một mình bà trơ trọi đứng bên cột đèn, và tiếng còi của chiếc xe vận tải chạy vụt qua làm bà giật thót người.

Nhìn đồng hồ, 6 giờ 45 phút. Bà nhủ thầm, phải về ngay thôi. Bất chợt, bà khựng lại, máu dồn lên mặt khi nhìn thấy tên sát nhân từ trong một hẻm nhỏ băng nhanh qua đường, đi thẳng vào siêu thị. Bà buột miệng định la lên, nhờ đến lực lượng an ninh bắt giữ hắn. Nhưng bà kịp ngưng lại, sực nhớ, nếu hắn bị bắt, làm sao bà có thể chính tay xét xử hắn. Gói thuốc nổ trong túi xách, bà vẫn luôn mang theo bên người, nhưng ở đây đông người quá. Bà không sợ bị người ta phát hiện, nhưng không thể chỉ vì muốn giết hắn mà làm nguy hại đến sinh mạng của những người vô tội khác. Điều đó chắc chắn bà không làm được. Bà quyết định theo dõi hắn cho đến khi có được một cơ hội thuận tiện hơn.

Không biết hắn vào đây với mục đích gì hoặc hẹn gặp ai? Bà cố tình chọn một góc khuất từ trên cao, tầm mắt có thể nhìn bao quát. Bà thấy hắn đi qua tất cả các gian hàng, thi thoảng dừng lại trước gian hàng bán áo quần, hình như hắn có ý định mua một cái gì đó. Bất ngờ, hắn đứng yên, đưa mắt nhìn dáo dác, có vẻ như linh tính bảo cho hắn biết, hắn đang bị theo dõi. Hắn cúi rạp người đi rất nhanh. Thoắt một cái, hắn biến mất. Bà chạy nhanh ra cửa, nhìn thấy hắn đã bước lên một chiếc xe taxi vọt đi. Bà đưa tay, một chiếc xe taxi khác trờ tới. Bà hấp tấp bước lên, nói nhanh:

- Anh hãy bám sát chiếc xe kia. Đừng để mất dấu.

Anh tài xế trẻ im lặng cho xe đuổi theo. Đối với anh, chuyện bắt ghen, hay cha mẹ theo dõi con cái hút xách, bỏ nhà đi hoang là chuyện anh thường xuyên chứng kiến trong thành phố này. Nghĩ như vậy, nên anh cứ lẳng lặng làm theo yêu cầu của bà khách. Bà cũng cảm thấy không cần phải giải thích.

Chiếc xe chở tên sát nhân vẫn chạy phía trước. Bà Hạ Nghi vẫn cho giữ một khoảng cách để theo dõi hắn. Bà muốn biết hắn sẽ đi đâu, hoặc trở về chỗ hắn trốn. Bà vẫn chứng tỏ sự kiên trì khi quyết định theo dấu vết của hắn. Hắn ghé vào nhà một người quen của hắn trên đường Nguyễn Đình Chiểu. Có lẽ đó là nhà một đứa bạn gái của hắn, nhưng chỉ một lát sau hắn trở ra, leo lên taxi đi tiếp. Sau đó, hắn xuống xe vào một restaurant trên đường Hàm Nghi, ăn uống với một đám bạn của hắn. Bà Hạ Nghi vẫn kiên nhẫn theo dõi hắn ở một góc khuất.

Gần 12 giờ đêm, hắn đưa tay nhìn đồng hồ, đứng dậy cùng mấy đứa bạn bước ra, lên xe taxi chạy đến vũ trường Đêm Màu Hồng trên đường Nguyễn Huệ. Hắn đi nhanh vào bên trong, có lẽ chỗ này quá quen thuộc đối với hắn. Bà Hạ Nghi bám theo hắn bén gót. Nhân viên bán vé hình như có vẻ ngạc nhiên khi trao vé cho bà. Bà làm ra vẻ tự nhiên đưa tiền và nhận vé bước vào bên trong. Cánh cửa hai lớp vừa bật ra, một luồng âm thanh điên cuồng chát chúa ập ngay vào mặt bà. Một rừng người chen chúc, từng cặp, từng cặp gái trai, có đứa chỉ mới bằng hoặc nhỏ hơn Hạ Uyên con gái bà, đang ôm nhau uốn éo la hét, ngập ngụa trong tiếng nhạc kích động, hòa lẫn màu sắc điên loạn của một thế giới ảo giác. Bà bịt tai, nhắm mắt không muốn nhìn, không muốn nghe. Bà quên mất mục đích của mình khi bước chân vào đây, hình ảnh tên sát nhân đã không còn trong trí óc bà. Nếu không kiềm chế chắc bà đã phẫn nộ muốn gào lên. Bà bước nhanh ra ngoài, chạy một đỗi rất xa, toàn thân bà ướt đẫm mồ hôi. Bà đứng lặng người giữa phố đêm. Quay nhìn lại vũ trường, mường tượng lại thế giới bà vừa được tiếp cận, tim bà đau thắt, tự nhiên bà muốn khóc. Lần đầu tiên bà khóc không vì Hạ Uyên, không chỉ cho nỗi đau của riêng bà.

*

Trên hành lang trước phòng Tiếp Nhận Máu, bà Vân Dung và một số người nữa ngồi trên những hàng ghế dài, im lặng chờ đến lượt mình. Trước mặt họ người qua, kẻ lại . Bỗng có một thanh niên đội nón che kín mặt, bước tới làm như vô tình ngồi xuống bên cạnh bà:

- Mẹ! Con muốn nói chuyện với mẹ!

Bà quay lại, không ngạc nhiên khi nhận ra Duy. Bà lẳng lặng nhìn con trai không nói.

- Con sẽ bị bắt, sẽ chết gục trong tù

Bà Vân Dung mím môi, giọng chậm rãi:

- Con đã tự mình chọn lựa con đường của con, con phải trách nhiệm về sự chọn lựa đó. Dù mẹ rất yêu thương con, nhưng mẹ không thể thay thế con. Mẹ đã suốt một đời đau khổ, tủi nhục vì cha con, bây giờ đến phiên con. Mẹ không đủ sức chịu đựng Thật sự mẹ đã kiệt sức Mẹ chỉ còn biết cố gắng làm những gì mẹ có thể làm được để phần nào chuộc lại lỗi lầm của con.

Duy nhìn quanh trước khi nắm lấy tay mẹ, cầu cứu:

- Mẹ phải cứu con. Con van xin mẹ, hãy cứu con lần cuối. Con không biết tại sao con lại làm thế. Con không thể giải thích. Đứa con gái đó đã ngăn cản con. Con chỉ muốn răn đe bọn chúng, nhưng không ngờ quá mạnh tay. Mẹ giúp con trốn ra nước ngoài. Con biết mẹ thừa sức làm việc đó.

Bà Vân Dung chua chát nhìn con, lắc đầu không nói.

Bất ngờ, một cô y tá trẻ tay cầm xấp bệnh án, hối hả từ trong phòng Tiếp Nhận Máu bước ra, tới trước hàng ghế:

- Thưa quý vị, hiện đang có một nạn nhân vừa được chuyển đến, anh ta bị bọn cướp đâm một vết thương rất sâu, máu ra nhiều, đang được các bác sĩ giải phẫu và cần được truyền máu. Nhưng ngặt là nạn nhân thuộc loại máu O, một loại máu hiếm, mà phòng dự trữ máu của bệnh viện đã không còn. Không biết trong quý vị, ai thuộc loại máu O?

Người đàn bà đứng dậy, giọng nhỏ nhẹ:

- Vâng ! Tôi thuộc loại máu O

Cô y tá mừng rỡ:

- Bà có mặt thật đúng lúc. Bà có thể vào trong. Hy vọng máu của bà sẽ giúp cứu sống nạn nhân.

Một chút ngập ngừng, cô y tá nói:

- Xin lỗi, tôi có hơi tò mò, tại sao bà hiến máu?

Bà Vân Dung lắc đầu:

- Tôi biết, có người cần đến máu của tôi.

Cô y tá gật đầu, nhìn bà Vân Dung, đôi mắt long lanh:

- Tôi nhớ ra rồi, không phải đây là lần đầu tiên bà hiến máu. Xin bà theo tôi!

Bà Vân Dung im lặng, hấp tấp bước theo cô y tá. Trước khi bước vào phòng Tiếp Nhận Máu, bà quay lại nhìn con trai đau đớn lắc đầu.

Cánh cửa phòng Tiếp Nhận Máu đóng ập lại. Người thanh niên thẫn thờ ngồi phịch xuống ghế.

*

Nãy giờ, ngồi ở một góc khuất cạnh đó, bà Hạ Nghi vẫn dõi theo câu chuyện giữa người đàn bà với thanh niên đội nón không sót một tiếng nào, luôn cả động thái của họ.

Nhìn người thanh niên đội nón, dù mặt bị che khuất một phần, bà thừa biết đó chính là tên sát nhân. Nỗi hận thù bừng bừng dậy trong trái tim khô héo của bà. Bà đưa tay vào túi xách, cầm lấy con dao, nắm thật chặt. Bà muốn đứng dậy, đâm cho hắn một nhát, kết liễu sinh mạng kẻ đã giết chết hạnh phúc của bà. Nhưng hình như có một sức mạnh vô hình giữ chặt bà trên ghế, kéo tay bà lại.

Đến khi chứng kiến thái độ của người đàn bà theo chân cô y tá vào phòng hiến máu, bà Hạ Nghi rơi vào thế bị động, mâu thuẫn đến cùng cực. Bà hiểu rất rõ, số phận người đàn bà này chắc chắn còn bi thảm hơn bà. Bà Vân Dung cũng như bà, cả hai đều trơ trọi một mình giữa trần gian. Bà bị cướp mất đi đứa con gái mà bà cưng yêu, nhưng Hạ Uyên đã để lại bao ấn tượng đẹp đẽ, để bà nhắc nhớ, nhớ về. Còn đối với bà Vân Dung, nói theo cách nào đó, bà ta cũng đã bị cướp mất đứa con, dù hắn còn sống, nhưng sống mà như đã chết, tệ hại hơn đã chết. Hắn vẫn tiếp tục là gánh nặng cho mẹ hắn và gánh nặng cho xã hội. Bà Hạ Nghi thầm hỏi: giữa bà Vân Dung và bà, ai đau khổ hơn ai? Bà có nên tiếp tục nuôi dưỡng lòng thù hận? Và nếu như bà giết chết hắn, liệu có làm cho Hạ Uyên sống lại không? Hơn nữa, những gì bà tìm hiểu, thấy được nơi người đàn bà đã sinh ra đứa con sát nhân lại có một trái tim nhân hậu mà không phải ai cũng có được. Liệu bà có đủ nhẫn tâm làm cho người mẹ bất hạnh đó đau khổ hơn, mất niềm tin hơn đối với cuộc đời vốn đã chông chênh? Những câu tự vấn đó làm bà hụt hẫng, chao đảo và đau đớn. Tất cả đều bị đảo lộn: Một cuộc giằng co vô cùng quyết liệt giữa lý trí và tình cảm, giữa hận thù và nhân ái trong cõi lòng u uất của bà. Cuộc chiến đấu khắc nghiệt trong giây phút này, nào khác chi chuyến vượt cạn một mình của bà gần hai mươi năm trước, đã làm bà rướm máu, khô hạn và đau đớn đến lả người, không còn chút sinh lực.

Cuối cùng, như có ai nhấc đi gánh nặng trong lòng, đến nỗi bà không dám tin đó là sự chọn lựa của chính mình. Bà thoáng nghe như có tiếng cười reo vui, tinh nghịch của Hạ Uyên vang lên giữa thảo nguyên xanh bao la khi bình minh vừa ló dạng. Bà đưa mắt nhìn quanh. Chàng thanh niên vẫn ngồi một mình trước mặt, đầu hơi gục xuống. Không biết hắn đang nghĩ gì. Mặc kệ. Bà đứng dậy bước tới, thay vì cầm chặt con dao đâm mạnh vào người hắn, bà đặt tay trên vai hắn. Hắn ngơ ngác nhìn bà, không hiểu. Giọng bà ôn tồn:

- Tôi là mẹ của cô gái mà cháu lỡ tay giết chết. Tôi biết, mẹ cháu

TRẦN THỊ HÀ THÂN

tạ ơn

tạ ơn người
những ân cần
câu thơ sáu chữ
tám phần là thương
tạ ơn người
nên vấn vương
cho tình vàng bóng
hai phương nỗi lòng

tạ ơn người
những vần thơ
câu chờ nỗi đợi
đêm mơ bàng hoàng

thôi em vẫn tạ ơn người
dù tình đứng ngóng
vẫn bồi hồi trông

thôi em vẫn tạ ơn người
dù tình đứng ngóng
vẫn bồi hồi trông

07 Oct. 2004

còn đau khổ hơn tôi, vì mẹ cháu đã mất một đứa con còn sống. Cháu hãy ra đầu thú và làm lại cuộc đời. Ngày mai tôi sẽ làm đơn xin bãi nại cho cháu.

Chàng thanh niên ngước lên nhìn bà, nước mắt ràn rụa không nói. Bà quay người hấp tấp bước nhanh ra khỏi hành lang như trốn chạy. Có thể bà đã trút bỏ gánh nặng hận thù, nhưng không phải nỗi đau trong lòng bà đã được xua tan. ■

5.10.2002

gió qua cửa hẹp

PHAN TRIỀU HẢI

Bây giờ đã rõ rằng, không thể nào diệt được hết muỗi quanh nhà.

*

Những ngày đầu mới về, khi hãy còn hí hửng với cái sàn nhà lát gạch bóng loáng, ô đen xen ô trắng nom như một bàn cờ vua khổng lồ, cả hai không ai nghĩ sẽ có lúc phải bận tâm đến những chuyện vặt vãnh như thế; đẳng cấp của ruồi muỗi nhất định không thể có vị trí trong bức tranh nhã nhặn đen-trắng kia được. Chủ nhà trước cũng từng hà hơi tiếp sức vào mơ mộng đó.

Tụi tôi sinh cả hai đứa con trai trong ngôi nhà này.

Người vợ ngồi bên ông ta mất long lanh nước. Hai đứa con trai, cần vài năm nữa để trở thành những thanh niên mạnh mẽ, ngồi rụt rè trong góc xếp sách vở vào một chiếc thùng giấy.

Chúng tôi đến đây khi hãy còn trẻ như anh chị, gặp toàn những điều tốt đẹp. Người chồng nói, ông ta thực sự tự hào về ngôi nhà. Anh chị sẽ thích ở đây, một khi đã muốn có con trai thì sẽ có những đứa con trai.

Cảm ơn. Chúng tôi đáp.

Thế là xong. Một bước ngoặt cho cả hai gia đình. Đến và đi. Người chồng chào tạm biệt, nghiêng người nắm kín mọi kẽ tay tôi chặt như đóng nêm, tỏa ra một thứ hơi nóng tự tin như vẫn thường thấy ở những bàn tay có ngón ngắn khác. Bàn tay người vợ dài, cứng và khô, rõ ràng đây mới đích thị là người thường xuyên chăm sóc ngôi nhà, làm lụng, giặt giũ, kỳ cọ cửa nẻo. Hai anh chàng sẽ là thanh niên rụt người lại mặt méo xệch khi chúng tôi nắm lấy vai, những bả vai gầy nhom, lọt thỏm.

*

Mi cởi giày, áp chân trần lên những ô đen ô trắng mát lạnh tận hưởng cảm giác thám hiểm một vương quốc mới, tận hưởng quyền lực vừa mới được trao tay.

Em thích dùng đệm cói trải sàn.

Với việc chỉ có mỗi hai người trong nhà mà một trong đó luôn có

chủ trương nhượng bộ, thì ngồi bệt trên sàn, thay vì trên ghế khác người, là điều hoàn toàn có thể hiểu được. Để giới hạn phần nào quyền lực đó, tôi giao hẳn cho nàng một thế giới riêng rộng chín mét vuông tiếp giáp với bếp qua chiếc bàn ăn nhỏ làm bằng gỗ ép, dán giấy vân gỗ xoài vàng nhạt nhã nhặn. Ở đó nàng có thể làm bất cứ gì nàng muốn mà không cần phải sử dụng chiêu bài dân chủ giả hiệu với chồng, ngụy trang dưới những câu hỏi chỉ có một đáp án. Và thế là chẳng bao lâu sau, cái không gian vuông vức nhỏ bé ấy hiện diện đầy đủ những thứ cần thiết cho một đời sống biệt lập, từ hoa cho đến tivi, lò nướng, tủ lạnh đến nỗi, nếu như vì một lý do rất phi lý nào đó, một cuộc cãi vã không tiền khoáng hậu (thứ đến giờ vẫn chưa xảy ra) chẳng hạn, khiến cánh cửa duy nhất ra vào với phòng chính bị khóa chặt, thì bất kỳ ai bị nhốt trong đó cũng có thể sống an nhàn suốt nhiều ngày mà không phải lo đến việc ăn uống hay trễ nãi thông tin với thế giới bên ngoài.

Như mọi gia đình mới khác, chúng tôi lập một chương trình điều hành hoạt động của vương quốc này, mà độ chi tiết chia theo đầu người cũng phức tạp không kém luật của một nước văn minh. Tuy nhiên, chẳng bao lâu cái chương trình công phu lắm chi tiết ấy tự phá sản, như một dây xích sắt gồ ghề hùng hổ, chỉ sau một thời gian ngắn ngủi ngâm nước phèn nước mặn, rã thành một đống mắt xích tròn lổn ngổn, ngoại trừ một mẩu cuối cùng còn thoi thóp, ấy là mỗi tuần một lần, Mi vẫn đi chợ vào sáng Thứ Bảy.

Nhưng giữ gìn cho đều đặn cái nhịp điệu Thứ Bảy ấy cũng thật khó khăn, vì ngay lối vào hẻm nhà là sự quyến rũ ghê gớm của cái quán xép nhỏ xíu, co ro cúm rúm trong cái chiều ngang rộng chỉ vừa vặn tủ kính dài, chất đầy bao bì xanh đỏ vô danh, thứ chỉ có đám học sinh tiểu học chiều chiều lân la quanh đó mới gọi được tên, cùng với cơ man nào là dầu gội các loại buộc thành dây treo tòn teng, rũ dài xuống từ mái bạt. Phía sau khuôn mặt luộm thuộm ấy, cả một kho hàng lớn dường như được gom góp ngày này qua tháng nọ đầy đủ mọi thứ từ gạo, đường, đến những giỏ đựng rác bằng nhựa đủ màu, đa dạng đến nỗi lỡ Thạch Sùng ngày nay thiếu mẻ kho tìm đến thể nào cũng có cơ may thoát hiểm. Vấn đề là làm sao có thể tìm ra thứ cần thiết giữa đống hàng hóa hỗn độn trong căn phòng thiếu ánh sáng ấy. Công việc nhiêu khê đó được cáng đáng bởi đứa con trai chủ quán, một thanh niên trắng trẻo thư sinh chừng mười bảy tuổi, phục vụ khách hàng liên tục từ sáu giờ ba mươi sáng đến mười một giờ khuya, với một phong thái tận tụy chuyên nghiệp không hề suy suyển, sẵn sàng mỉm cười chào đến chào đi bất kể người quen người lạ nào ra vào hẻm.

Mi chỉ một trái dừa nhỏ bằng nắm tay, "Sao nhỏ thế?". Anh chàng hăng hái: "Trái quỷ dừa này nó nhỏ mà ngọt lắm." Ha ha ha. Trái quỷ dừa. Anh biết không, lần đầu tiên em nghe một người gọi trái dừa như thế, âu yếm như gọi một con mèo. Ha ha ha. Thật tức cười.

Rốt cuộc thì những Thứ Bảy đi chợ chưa kịp thành thói quen đã bị đánh gục không chỉ vì sự hấp dẫn của cái quán nhỏ mà còn vì chủ quán, thằng quỷ dừa, đã đường đường trở thành một anh dân phòng của phường, hằng đêm vác một cái gậy dài đi vòng vòng quanh xóm. Việc trở thành khách hàng thường xuyên ấy khiến Mi có cảm giác an tâm rằng ngôi nhà luôn được người có chức năng giữ gìn trật tự trị an để mắt đến, bởi vì dù đã được người chủ trước thiết kế cho hai cánh cổng dầy và nặng, được cài ngang cài dọc tổng cộng bốn chiếc ổ khóa to nhỏ các loại, thì ngôi nhà vẫn có vẻ yếu đuối và phiêu lưu trong thời gian mười tiếng đồng hồ chúng tôi vắng mặt mỗi ngày. Và trong lúc bán hàng ban ngày, theo thói quen nghiệp vụ, hẳn Quỷ Dừa không thể không liếc đôi mắt sắc bén của mình vào hướng ngôi nhà vắng chủ ấy một đôi lần. Ấy là chúng tôi hy vọng như thế.

*

Đời sống cứ như vậy mà diễn ra ngày nọ nối tiếp ngày kia, êm thấm.

Mùa mưa dứt cũng là lúc ngôi nhà hoàn tất cuộc thử thách, mái không rỉ nước, tường không thấm ướt, và khi chúng tôi thực sự tin rằng mình đã tìm ra được một pháo đài thực thụ, một lãnh địa riêng, nơi hai vợ chồng trẻ sẽ tha hồ tận hưởng cảm giác được thoát ra khỏi cái hệ thống vận hành cứng nhắc của xã hội văn minh ngoài kia, thì một người hàng xóm thấp bé, mặt dài, gõ cửa và đề nghị chúng tôi không sử dụng cái quạt thoát gió trong bếp nữa.

Tất cả mùi nấu nướng bay sang nhà tôi.

Anh ta chỉ nói ngắn gọn, với kiểu giọng đều đều, lạnh lẽo mà người cũ thành thị vẫn thường dành cho người mới đến, đủ để kẻ chân ướt chân ráo hiểu rằng, tôi chỉ nói thế thôi, các vị hiểu phải ứng xử như thế nào rồi đấy.

Lòng ấy náy, tôi lấy băng keo dán chặt công tắc. Nhưng vì Mi vẫn quen tay nhấn vào mỗi khi đứng bếp nên tôi quyết định tháo hẳn cánh quạt ra, và từ cái lỗ vuông vuông sát trần ấy, cuối chiều ánh nắng lại rọi vào, in lên góc tường bếp một cái ô vuông vức màu vàng rực, sáng lóa, di chuyển chậm chạp từ thấp lên cao theo dọc ống nước. Căn phòng từ giờ đó về khuya trở nên tù hãm lạ kỳ. Không khí luẩn quẩn đè nặng lên ngực. Mùi ẩm mốc của áo quần phơi trong nhà, mùi hương hoa hồng của

nước xả mềm biến chất bám trên máy giặt, mùi của giấy dán phồng rộp khiến trần nhà mỗi ngày mỗi thấp hơn, tất cả trộn lẫn vào nhau, vừa đặc sệt vừa không danh tánh, mơ hồ khiến tôi đôi khi cũng lầm tưởng cho rằng đó chẳng qua chỉ là sản phẩm của một trạng thái tâm lý. Thế nhưng, việc nấu nướng rõ ràng là bất tiện. Những hạt mỡ li ti bay loanh quanh mỗi lần làm bếp gặp bất cứ gì cũng bám dính vào; lên mặt, lên ngực, lên tường, lên chăn màn, lên những chiếc ly trong suốt mà Mi dày công chăm chút, khiến tất cả chỉ sau vài ngày nhanh chóng ngả màu úa vàng, dính dấp trên đầu ngón tay như một lớp hồ non.

Không có quạt hút gió, nấu ăn khác gì đang rán chính mình. Mi nói.

Tôi hoàn toàn đồng ý với nàng. Bây giờ tôi mới nhận ra rằng, căn nhà này sao mà có nhiều tường đến thế.

*

Trước mắt sẽ tạm ngưng các cuộc nấu nướng nặng mùi, nhưng rất cần phải làm một điều gì đó để bảo vệ nơi chốn vui thú từ bảy đến mười giờ tối của hai vợ chồng, và của riêng tôi từ mười giờ khuya trở đi vào những đêm có truyền hình trực tiếp bóng đá. Một cuộc đời dài phía trước không thể có thỏa hiệp chung sống với những bất tiện như vậy được. Mà giải quyết chúng nào có khó gì.

Chúng ta sẽ mở một cửa sổ.

Thay vì bức tường trước nhà, đó sẽ là cửa sổ. Có cửa sổ, gió sẽ vào ra. Có gió, mọi thứ sẽ được giải quyết. Mi quyết định và không biết từ đâu hai ông thợ bỏ quê vào Sài Gòn kiếm sống được nàng mời đến. Cả hai mặt mũi thiệt thà, vừa làm vừa nói chuyện, rì rà rì rầm, chuyện gì cũng kể, chuyện làng xóm, chuyện ruộng đồng, chuyện một cô gái nào đó chưa một lần nắm tay đang chờ đợi (Mày mơ, một anh bảo). Người linh hoạt nhất tên Quý, nhỏ thó nhưng cánh tay đầy gân cuộn lên chẳng khác gì thanh tre quẩy túi cơ bắp, cuối thanh tre kỳ dị ấy là đôi bàn tay có những ngón vừa dẹt vừa vuông ở đầu. Người kia cao nhồng không giới thiệu tên, nên chúng tôi gọi cả hai bằng một tên chung, anh Quý. Hai ông thợ đi làm bằng một chiếc xích lô, ông cao chở ông thấp. Chiếc xe, xập xệ, kêu lanh canh lét két như một mớ những quả chuông tạp nhạp cũ mới, là niềm tự hào của hai người, nó *kinh tế* hơn một chiếc xe đạp.

Hôm nào rảnh thì *rà rà* xe kiếm khách.

Vào những ngày hai ông chủ loay hoay với cánh cửa sổ, chiếc xích lô không phát huy hiệu quả kinh tế. Nó bị để chồng chơ ngoài nắng, cái yên xe thon dài, rách mướp bùi nhùi túm lại ở một đầu chĩa ngược lên trời. Trong nhà, ông thấp luôn là người ra lệnh cho ông cao, hì hục đục

đẽo tường để lắp khung cửa sổ có chiều ngang một mét tám. Tại sao phải một mét tám? Mi bảo, "Em không biết, đơn giản em thích con số đó. Nhưng tại sao không thể là một mét tám chứ ?" Tôi nghĩ như thế cũng được; đám đông đã đặt ra cho nhau bao nhiêu là nguyên tắc và luật lệ, lắm lúc chúng gò bó như một cái còng. Thế nên chiều ngang một mét tám của cái cửa sổ, xét chừng mực nào đó, cũng là một thứ luật lệ cá nhân ương bướng, phản kháng lại những thứ luật định sẵn khác, một cách thửa riêng chìa khóa để lần mở cái còng ấy.

Ngay từ những nhát đục đẽo đầu tiên, không khí tươi tắn bên ngoài ùa vào phòng, lay động những cái chuông gió từ lâu im lìm. Bụi bay nhè nhẹ, thong thả như chính sự tĩnh mịch trong con hẻm nhỏ. Nắng vàng gắt rọi xuống đám gạch vụn tạo ra bao nhiêu là hang hốc tối om, từ đó thỉnh thoảng lại chui ra một con gián ve vẩy râu nhìn trời nhìn đất. Một trong hai ông thợ đang ngồi uống café đen thể nào cũng la lên đằng đằng sát khí: "Giết chết nó đi." Và nó – con gián – ngay lập tức rụt vào khe tường như thể nghe được tiếng người, trước khi một cục gạch con con bay đến chạm cái *cạch*, tỏa ra một làn bụi nhỏ xíu.

Những buổi tối ấy, qua khoảng trống vỡ toác của bức tường, tiếng bước chân lệt xệt của đám dân phòng đi tuần cùng tiếng gậy gõ xuống nền đường vọng vào khiến chúng tôi mất ngủ như thể bị tiếng nhảy của kim tích tắc đồng hồ treo tường gõ thẳng thắn vào đầu. Trăng chiếu vào nhà, rõ như đèn soi. Những lúc ấy tôi lại được nghe nàng kể chuyện.

Quỷ Dừa bảo: "Em sẽ đi học nghề sửa xe, chừng nào giỏi việc sẽ không bán quán nữa," Rồi nó hỏi rất nghiêm túc, "Anh ấy là *cái gì* của chị vậy?" Em bịa. "Anh trai." Thế mà nó tin thật, mặt ngơ ngác. Nó hỏi anh là *cái gì*, thô thiển như thể hỏi tên một thứ trái cây nào đó. Ha ha ha. Thật quá tức cười.

*

Cửa sổ mở ra và nắng sáng lóa. Đó là ngày Chủ Nhật đầu tiên có gió vào nhà, hai vợ chồng ngồi trên hai cái gối thêu xem chương trình thi hỏi đáp giữa các công đoàn nhà máy xí nghiệp. Mọi người ăn mặc đồng phục, tươm tất, rõ là có đầu tư kỹ cho ngày trọng đại này. Họ đang nói về một đề tài liên quan đến luật lao động mà cả hai chúng tôi đều hiểu rất lơ mơ, nhưng không hề gì, bởi chúng tôi đang sống trong một kiểu sớm mai vô tư lự, sống mà không cần biết hay hiểu những gì đang diễn ra xung quanh.

Bây giờ, thoáng rồi, em có thể nấu nướng trở lại.

Tôi dự tính treo thêm một chiếc chuông nhỏ ở mép cửa, nhưng Mi gạt đi, bảo như thế thì ồn lắm. "Lúc đầu nghe vui tai, nhưng lặp đi lặp lại

thì anh sẽ điên lên đấy." Gió nhè nhẹ phất phơ tấm rèm cửa, một con muỗi vo ve vào theo. Mi kêu lên.

Con muỗi.

Tôi bảo, "Ừ, thì con muỗi, để anh bắt nó." Con muỗi cứ bay loanh quanh, khi ẩn khi hiện theo hàng ô gạch đen trắng. Rình rập đến toát mồ hôi tôi mới bắt được lúc y dừng hơi lâu ở vùng ô trắng. Trong lòng bàn tay xòe ra, con muỗi không còn hình dạng, những cái chân mỏng như mẩu đầu sợi tóc mai gẫy cong queo, rỉ ra một tí máu. Mi nhăn mặt.

Anh biết em dị ứng với muỗi mà.

*

Sẽ có gì đó không ổn ngay khi bạn vừa cảm thấy đủ. Sự thanh bình của tổ dân phố ba mươi chín, phường mười lăm, chấm dứt khi một sáng thức dậy, mọi nhà mở cổng bàng hoàng thấy ngay giữa con hẻm sạch nằm lù lù một đống rác ẩm ướt to tướng ai đó bất lương vứt ra đêm trước. Cứ như thế nhiều ngày sau, khi khoan khi nhặt, rác của kẻ vô liêm sỉ lén lút xuất hiện, khi là đống gạch vữa, khi là đống vải vụn, tệ hơn nữa là một đống thức ăn bầy hầy nhớp nhúa đầy ruồi nhặng. Một cuộc họp tổ dân phố được triệu tập vào lúc 7:30 tối Thứ Sáu để bàn cho rốt ráo cách giải quyết tai họa này. Kết luận của tổ: Mấy anh dân phòng trực đêm phải chuyên cần hơn, phải phân ca khoa học, không phải cả nhóm kéo nhau đi cái ào cho xong việc. Mi họp về, thông báo tóm tắt mọi chuyện và bảo.

Còn với anh, nhiệm vụ là làm sao trong nhà không bao giờ được có muỗi.

Tôi xịt muỗi ở các góc phòng, nơi để báo, nơi đặt thùng rác, trong nhà tắm, trên những màn cửa màu nâu vàng. Những ngày đầu phương pháp ấy thật hiệu quả, nhưng về sau, muỗi quen với mùi thuốc, nhởn nhơ bay, chỉ có xác gián phơi đầy.

Chúng ta nên đóng hẳn cửa sổ lại. Muỗi ngoài sân bay vào đấy thôi.

Mi nói đúng. Mỗi chiều tối, tôi lại ra đóng chặt cửa, tiếc nuối nhìn tia mặt trời bên ngoài lịm dần cùng với gió, rồi tắt hẳn.

*

Nhưng vẫn không ngăn được muỗi vào nhà.

Vào đêm trong xóm xảy ra bi kịch, Mi bị muỗi đốt ở ngón tay, vết muỗi đốt lẫn vào màu da, nhưng đã sưng cộm lên, Mi nói.

Anh giúp em lấy chiếc nhẫn.

Tôi dùng nước xà phòng thoa đầy ngón tay ấy, ra sức kéo, nhưng không được. Máu ùn lên đầu ngón, bầm tím.

Đành chờ đến sáng mai vậy. Tôi nói.

Nhưng ngón tay cứ phình to thêm mỗi giờ. Gần sáng, ngón tay đã bị biến dạng thành một quả chuối con màu hồng thịt, chiếc nhẫn cưới thắt lấy ngón tay như bóp thít lấy một bong bóng nước làm hai đầu phình ra căng mọng. Mi khóc.

Liệu em có bị cắt ngón tay này không anh?

Chính lúc ấy tôi không thở được. Cảm giác bất an bóp nghẹt lấy ngực. Tôi mở toang cửa. Bên ngoài, tiếng người nói lao xao bị dồn nén suốt đêm như chỉ chờ có thế mà ùa vào nhà. Có thể tôi sẽ quên mọi câu chuyện nhưng không thể quên thứ âm thanh lao xao ấy; không thành tiếng nói, mơ mơ màng màng nhưng đầy đe dọa, như tiếng sấm rì rầm xa xa. Lúc bốn giờ ba mươi sáng, *Quỷ Dừa* đi tuần mà không gõ cây gậy xuống đường lách cách như mọi lần nên đã bắt gặp quả tang kẻ đem rác đến đổ bừa ngay hẻm.

Đứng lại. *Quỷ Dừa* lạc giọng.

Kẻ đổ rác vô lương tâm ấy còn hoảng hốt hơn, y hoảng loạn đến mức không biết phải làm gì. Khi *Quỷ Dừa* đến gần y mới giật mình khều cây móc rác bằng thép vẫn cầm trên tay vào anh dân phòng rồi tuôn chạy. *Quỷ Dừa* nằm sóng xoài trong vũng máu, cây móc rác sáng loáng vướng trong đám bầy nhầy ruột non. Một người đàn bà quay lại, nheo nheo mắt nhìn chúng tôi qua lưới cổng sắt, giọng khiêu khích.

Chuyện ầm ĩ suốt đêm, mà anh chị không biết gì hết à?

*

Đêm trước ngày đưa tang người anh hùng, hàng chục thanh niên tụ tập nhậu nhẹt tưng bừng. Mấy cái bàn và ghế nhựa con con bày dọc theo lối hẻm khiến xe không ra vào được. Trên bàn bia lon, bia chai nội địa nằm la liệt. Một người ôm cây đàn lỏng lẻo dây sắt quẹt xập xình. Người chết ngồi trong tấm ảnh im lặng nhìn ra, đôi mắt của người chưa đầy hai mươi tuổi, ánh mắt tươi roi rói của một người mới bắt gặp được ước mơ đời mình, mới bắt đầu khám phá những ngày tuyệt diệu nhất của một đời. Tôi đi mua thuốc cho Mi về không còn lối. Đám thanh niên trai gái hò reo.

Tránh đường cho *anh hai* qua. Tránh đường cho *anh hai* qua.

Cả bọn đứng dậy nhường cho tôi đi qua trên những chiếc ghế nhựa. Một cô gái áo ngắn cũn cỡn hở cái bụng trắng muốt đầy đặn, có những sợi lông tơ mịn màng sạch sẽ chạy loanh quanh cái rốn nhỏ sâu, vịn tường khép mông tránh lối, tay kia vẫn giữ chặt trái dừa hút lấy hút để, môi chúm chím tươi lạ. Người ta đẹp chỉ vì đang ở tuổi hai mươi. Tôi cố ghìm mình để không quay nhìn lại tấm ảnh người chết một lần nữa. Tôi

nhớ cái câu chúng tôi vẫn thường đem ra cười - Trái *quỷ dừa* này coi nhỏ vậy chớ ngọt lắm - mà thấy đời sống này sao mỏng manh thế, bất thường thế, rủi ro cao thế, đến nỗi không biết những thứ chúng ta đang làm đây, những hoạch định lâu dài này, có phải là một sự đầu tư khôn ngoan vào đời sống không, liệu ta có kịp nhìn thấy hoa đơm trái kết từ những hy sinh ngày tháng của mình không. Mi buồn bã, nên tôi phải tìm chuyện kể. Chúng nó gọi anh là *anh hai*, nghe bình dân quá xá. Nhưng nàng chỉ hỏi. Anh có trông thấy *nó* không. Không, tôi đáp. Tôi bảo tôi không dám nhìn. Nàng lẳng lặng vào giường, bảo. Tối nay anh nhớ đóng chặt cửa sổ.

*

Tôi nằm lắng nghe từng tiếng động. Trước mắt tôi hiện lên nụ cười hềnh hệch của *Quỷ Dừa*, rồi hiện lên cái rốn xinh đẹp mịn màng lông tơ của cô gái. Lúc gần sáng, ngạt thở, tôi lê chân ra đứng bên cửa sổ. Không có một con muỗi nào bên ngoài. Làm sao trông thấy được chúng trong ánh đèn đường nhập nhoạng này, qua cửa kính. Nhưng có thể thấy gió, qua những đầu lá đang run rẩy. Chính cái cửa sổ rộng sáng choang không được mở này, đã khiến hít thở trở thành một thứ lao động nhọc nhằn, nhọc nhằn hơn trước đây, khi ở đó chỉ là một bức tường bít bùng không trông thấy gì bên ngoài. Tôi nhẹ nhàng tìm chốt cửa. Chỉ cần hé một tí cửa thôi, chỉ để một tí gió len vào thôi, thứ gió đang lả lướt trên đầu những ngọn cây ngoài kia, thì mọi chuyện sẽ khác, chấm dứt những mộng mị u ám. Tôi đẩy cánh cửa từng tí một. Bên ngoài yên ắng như thể chưa hề có một cuộc tiệc tùng nào cả. Chỉ còn những tiếng gõ mõ đều đều, đều đến nỗi âm thanh của chúng cũng chẳng khác gì sự lặng im, và mùi nhang khói len vào, khiến tất cả vừa trải qua chỉ như là giấc mơ, rằng ngày mai, sáu giờ ba mươi *Quỷ Dừa* lại đường hoàng ngồi sau tủ kính dài, chất đầy bao bì xanh đỏ vô danh, thứ chỉ có đám học sinh tiểu học chiều chiều lân la quanh đó mới gọi được tên.

Em không muốn bị cắt ngón tay. Mi nói.

Tôi quay lại. Nàng sóng soài trên giường, mắt vẫn nhắm nghiền. Một con ruồi ngủ say trên đầu ngón tay. Mắt tôi nhìn dán vào túi da mọng nước bị chiếc nhẫn cưới thít chặt chỉ chực vỡ toang ấy, mà ngạt thở. Không khí trong nhà đặc lại, không dịch chuyển, tịch mịch ép chặt lấy ngực. Tôi nhẹ nhàng đẩy cửa, bắt đầu cảm thấy mùi của sớm mai tràn vào.

Đừng mở, Mi nói, giọng ráo hoảnh. Em không sợ muỗi, nhưng em nhớ *Quỷ Dừa*, em sợ nghe những âm thanh ấy.

Rõ ràng là nàng đã thức dậy rồi. ■

NGUYỄN NAM AN

buổi tối

Buổi tối lắng nghe trời trên nóc
Thở dài nên rớt trận mưa câm
Em có đến chơi này chăn ấm
Một chỗ nằm quen đợi vài năm

30.03.04

bài sinh nhật gửi bạn xa

Gửi La Lương và Hoàng Kim Chi

Chạy về anh móc Hội An
Ngoéo tay Đà Nẵng từ sang trang chờ
Biết đâu đã có những giờ
Rất ư thơ dại mù mờ anh xưa
Biết đâu đã có những trưa
Ngủ quên trên võng đu đưa đời còn
Khi Hội An nhớ Sài Gòn
Và Sài Gòn nhớ nước non xa nào

26 tháng 6, 2004

người chị miền đông đức

VĂN CẦM HẢI

Thương nhớ chị Hà T.

Ngay buổi sáng đầu tiên của Lễ Phục Sinh nhằm ngày quốc tế phụ nữ 8 tháng Ba, tôi lên đường sang Đức thăm người chị, Thúy, con gái của Bố Mẹ nuôi mà tôi chỉ mới được một lần gặp ở Hà Nội mấy năm trước. Bỏ lại sau lưng gần 2000 km từ xứ sở hoa tuy líp vượt qua miền Tây sang miền Đông nước Đức, con tàu như tia máu hoang hoải, lạnh lùng nhưng vẫn chuyển động mạnh mẽ tới cùng như tính cách dân tộc Đức, chảy qua bao núi đồi và thảo nguyên xa xôi mang tôi đến thành phố Halle vào lúc chiều dần dà tắt nắng. Bước xuống nhà ga Halle, tôi có cảm giác mình đang rơi vào một địa danh ngoài trái đất bởi vẻ hoang tàn không bóng hành khách của nó. Với bó hoa ngã màu chiều trên tay, tôi loanh quanh tìm bóng dáng chị Thúy nhưng chẳng thấy đâu cả. Lẽ nào những lời nguyện cầu phước lành của người đàn bà Do Thái tôi vô tình gặp gỡ trên tàu ban sáng ở nhà ga Amerfood lại vô duyên trong chuyến đi xa xôi này.

Nhìn bóng mình nhập nhoạng tối trong nhà ga Halle, tôi bắt đầu nhìn thấy mình trải qua đêm ở một hốc tường nào đó như gã ăn mày bơ vơ không nhà không cửa ở ga Gallieni Paris. Nhưng không, trên ghế đợi tàu, tôi phát hiện hai người tóc đen da vàng. Nếu không phải là người Việt thì chí ít cũng là từ phương Đông đến.

- Anh có tiền không? Tôi muốn đổi ít đồng lẽ để điện thoại cho người nhà đón tôi về- Tôi mạnh dạn yêu cầu.

- Chú em ở Việt Nam sang à...

- Anh là người Nghệ!- Tôi thốt lên cắt lời vì cái chất giọng quen thuộc của xứ Nghệ vang lên từ cửa miệng người đàn ông.

- Phải! Em đọc số điện thoại đi, ta gọi cho. Xa lắc xa lơ thế này mà đi một mình. Liều thế!

Trong khoảng 10 phút chờ đợi chị Thúy, tôi lân la biết người con gái ngồi bên cạnh người đàn ông là một thợ may bên nhà mới sang Đức chưa đầy 6 tháng. Khuôn mặt vẫn đạm bạc chân quê của một vùng đất nghèo khó. Ai ngờ chốn xa xôi này lại gặp những người xứ Nghệ.

Chị Thúy đến! Vẫn khuôn mặt buồn kín đáo mái tóc theo kiểu nữ hoàng Ai Cập, chị đưa tôi về căn hộ ở khu chung cư nằm trên đường Albert Einstein. Hóa ra chị và đứa con gái My Hà đã đợi một buổi chiều ở nhà ga nhưng chuyến tàu đưa tôi đến Halle quá muộn nên chị ra về. Đêm hôm ấy, sau bao ngày thèm nhớ món ăn Việt Nam, tôi được chị Thúy cho một bữa cơm rất Việt. Rau muống. Mắm cà. Đậu phụ rán và nhất là ớt xanh và nước mắm. Một không gian Việt Nam thơm tho trong đêm Halle miền Đông nước Đức.

Chị Thúy xa nhà từ năm 19 tuổi. Thiếu nữ Hà Thúy ngày ấy bây giờ đã trở thành một người đàn bà cô đơn gãy gánh giữa đường. Hơn 15 năm ăn ở với người Đức cùng với bao nhiêu sóng gió cuộc đời, chị như già dặn hơn nét buồn câm lặng trên gương mặt.

Cưới chồng từ năm hai mươi tuổi. Ly hôn sau đó mấy năm vì không chịu nổi người chồng cờ bạc và rượu thâu đêm suốt sáng. Ham cờ bạc đến độ khi chị Thúy đưa con mới sinh về Việt Nam thăm bà con nội ngoài thì bên này, gã mang sổ tiết kiệm ra ngân hàng rút toàn bộ tiền chị Thúy dành dụm suốt bao năm, tiêu tan trong một canh bạc. Những ngày tháng lưu vong đã biến nhiều người đàn ông Việt Nam trở nên cái bóng của thời gian, họ đành tìm nguồn vui qua ly rượu và lá bài. Mất chồng, mất tiền, thế là chị lại phải cặm cụi góp nhặt từng đồng trở lại từ đầu. Sống ở bên quê nhà, không tiền còn có Bố Mẹ, anh em chứ ở bên này mà không xu dính túi chỉ biết ăn bóng trời! Chị vẫn ở vậy với đứa con gái và không lấy chồng, chị bảo sợ đàn ông, rượu và cờ bạc.

Kể ra chị cũng có một người tình với 10 năm gắn bó. Người đàn ông này rất chăm chỉ làm ăn, yêu Hà My như con đẻ trái hẳn với người chồng cũ ăn chơi sa đọa. Tôi nhìn thấy chân dung Mẹ của người tình trên bàn thờ trong căn phòng của chị và tôi hiểu, trong trái tim chị mình, người đàn ông ấy được chị yêu thương và kính trọng như thế nào. Thanh vốn là một bộ đội phục viên đi lao động xuất khẩu ở Đức. Sau khi nước Đức thống nhất, cũng như hàng vạn người Việt đang lao động ở Đông Âu, vì nhiều lý do đã quyết ở lại đất khách quê người, trôi dạt muôn

phương. Để níu lấy nước Đức, Thanh phải khai dối mình là kẻ tỵ nạn chính trị, không hồi hương, không chịu đựng được chế độ cộng sản ở Việt Nam. Vì miếng cơm manh áo, Thanh đã từ bỏ tấm thẻ đảng viên mà anh từng phấn đấu bằng máu và nước mắt ở chiến trường Campuchia. Nhưng cảnh sát Đức không tin. Nước Đức không dung nạp. Rất nhiều lần Thanh bị đuổi về nước, về rồi lại qua qua rồi lại về đến nỗi nhân viên hải quan ở sân bay không cần đọc tên, nhìn mặt đã biết Thanh lưu vong. Thanh bám lấy Halle, sống chui lủi trốn tránh cảnh sát sau lưng chị Thúy cùng cái quán ăn của chị nhưng rồi cũng không thoát nạn bắt bớ. Trong trại tỵ nạn, rất nhiều lần vào đêm trước khi bị dẫn độ về nước, Thanh đã cắt động mạch cổ tay giả vờ tự tử ngõ hầu được đưa vào bệnh viện, mong lỡ chuyến bay và tìm cách đào thoát. Nhưng không may mắn như những lần cắt mạch máu trước đây, lần này Thanh được cứu chữa khẩn cấp và anh vẫn nằm trong diện buộc phải về nước. Thế là chị tôi còn lại một mình với Halle. Khắc khoải chờ đợi ngày qua đêm đến một ngày Thanh trở lại như lời thư anh tha thiết với chị.

Đêm đầu tiên trên nước Đức, tôi cứ thao thức không ngủ. Nơi nào đó dưới vùng trời mênh mông này, cô bé Sơn Tây đang lưu lạc ở đâu. Chỉ có trời xanh mới biết, gã thanh niên ở nhà ga Hannover nói đúng, chỉ có trời xanh mới biết phận buồn con đỏ con đen của mình, mới biết đằng đẵng bao năm trời chị Thúy của tôi đã làm gì với ký ức, đã hy vọng gì với tương lai! Tôi muốn vài ly rượu nhưng thôi đành câm nín! Tôi sợ khi tỉnh giấc, ly rượu sẽ làm chị nhớ lại di chứng buồn về người chồng đã ngâm sống đời mình trong rượu và cờ bạc.

Chị Thúy dẫn tôi đi chơi trong thành phố, ghé thăm mấy người bạn Việt của chị, ai cũng ngỡ tôi dân chờ nhập trại! Cái tịn chị Thúy có người em sang chơi có lẽ tất cả bạn bè chị đều biết, gặp mặt trực tiếp hay gián tiếp qua điện thoại, mọi người cứ đinh ninh tôi sẽ vào trại xin tỵ nạn! Có người còn hỏi tôi là Cộng hay Kiều! Cộng đồng lưu vong của người Việt vẫn có cái kiểu phân biệt người tỵ nạn Việt Nam đi lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa là Cộng, người ra đi trước 75 hay sinh ra ở miền Nam là Kiều!

- Hay chị dẫn em vào trại nhé! - Tôi đùa.

- Thật không! Thằng khỉ! - Chị Thúy gõ vào đầu tôi - Em đừng ngạc nhiên khi mọi người nhầm em là "dân nhảy". Cứ 10 người Việt sang Đức là có hơn một nửa nhảy vào trại tỵ nạn rồi!

Hai chị em ghé vào cửa hàng bán áo quần góc phố cổ Halle. Vừa nghe chị Thúy giới thiệu thằng em từ Hà Lan sang chơi, chị chủ quán hỏi ngay không hề đắn đo.

- Thế bao giờ vào trại?

- Nó đi học! - Chị Thúy trả lời.

- Vậy à! Chị nói thế thôi chứ em nên về nước đi. Đừng như bọn chị thất cơ lỡ vận xứ người - người đàn bà xếp lại đống áo quần trẻ con ngậm ngùi với tôi - Bên nhà có biết đâu tụi chị phải chôn đời mình trong cái gian hàng xó xỉnh này.

- Sao mấy chị không về?

- Ngày trước mình sang đây chỉ làm công nhân đơn thuần chứ có được đào tạo có bằng có cấp gì đâu. Bây giờ về chỉ là thất nghiệp, muốn đi làm công nhân thì đã quá tuổi, muốn buôn bán thì tiền bạc cũng khó khăn. Thôi đành lưu lạc nơi đây cho khuất mắt gia đình!

Câu trả lời ấy không chỉ của riêng người đàn bà mà của hàng vạn người Việt dọc ngang đây đó trên đất Âu châu sau khi khối các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ. Người Việt ở Ba Lan, ở Nga, ở Séc, Bungari, Hungari... lại thêm một lần lưu vong, đa số di cư sang các nước Tây Âu để kiếm ăn. Tại nhà ga Amstel, trước lúc gặp Đào Ly, tôi đã gặp Tuyết - cô gái quê Hải Phòng, hiện sinh sống ở Séc và đang nung nấu ý đồ nhập cư vào Hà Lan. Để làm được điều đó, Tuyết đã mang hai đứa con nhỏ của mình sang Hà Lan ở nhờ một người bà con ăn học.

- Chị nhớ con cái lắm chứ nhưng phải đành vậy. Chúng phải học tập ở Hà Lan để có cái cớ sau này chị xin chính phủ Hà Lan sang đoàn tụ với con thì dễ hơn là đi bằng đường trại tỵ nạn. Không khéo thì bị đuổi về nước như chơi! Trăm sự cũng mấy chữ miếng cơm manh áo mà phải bạt xứ, mà phải thủ đoạn như vầy!

Miếng cơm manh áo và sức tàn phá của một hệ thống chính trị khi bị sụp đổ thật mãnh liệt. Từ trong cửa hàng áo quần của người bạn chị Thúy, tôi hình dung ra hậu quả mang tính toàn cầu của nó. Ngày trước, gia đình nào có con em đi xuất khẩu lao động đều rất hãnh diện, hãnh diện hơn cả là được đi Đức. Một năm đi Đức bằng ba năm đi Tiệp, một năm đi Tiệp bằng ba năm đi Nga mà lại! Xe đạp Mifa, xe máy Simson là nhãn mác cho những gia đình có con lao động ở nước Đức. Bây giờ, tất cả đã lùi vào dĩ vãng. Có thể kiếm được nhiều tiền hơn nhưng cần phải liều mạng, cần phải bụi bặm, tranh chấp hơn cái thời ngày hai buổi cơm nước phân xưởng xã hội chủ nghĩa lo! Nếu không thì cũng phải có một thái độ bất cần đời, xí xóa ngày tháng bằng cách sống nhờ trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp của trại tỵ nạn.

Cũng không nên trách cứ nước đã cưu mang mình vì ngay cả dân chúng của họ cũng bị xáo trộn, bị cuốn phăng vào dòng xoáy của cơn lốc chính trị. Với người Đức, kể từ sau tiếng búa đầu tiên vang lên đập

tan bức tường Berlin ngăn cách hai miền, thân phận người dân Đông Đức đổi thay hoang tàn. Đi từ miền Tây sang miền Đông, càng đi càng thấy xa dần vẻ phồn vinh. Những nhà ga han rỉ, những nhà máy chơ vơ không khói, những khu chung cư vắng người là hình ảnh về một miền Đông Đức sau khi thống nhất đất nước. Quá nửa dân số Đông Đức phải sang làm thuê ở Tây Đức với đồng lương kém một bậc so với người Tây Đức. Hình như, nhà văn G. Grass từng cay đắng với đất nước mình: Sự thống nhất của nước Đức là một sai lầm trầm trọng!

Ngôi nhà của cậu Linh cách nhà chị Thúy khoảng 30km thực sự là một khu tập thể. Cả mấy chị em bên vợ cùng con cháu chung sống với nhau trong BA tầng lầu cũ kỹ. Trừ đêm khuya, mỗi gia đình đều thu mình trong một phòng riêng, còn cả ngày ngôi nhà như một tổ ong lớn. Trong số mấy chị em, có người đã thuộc diện dân tỵ nạn đã mấy năm. Ghi danh ở trại nhưng xin ra sống ngoài, vừa tiện lợi vừa có thể buôn bán thêm hàng lậu mà sống. Giữa không gian bát nháo, tràn ngập tiếng khóc cười đùa nghịch của bầy trẻ con hao hao giống nhau, tôi để mắt đến sự lạc lõng của Cường - thằng bé tôi gặp ở nhà chị Thúy hôm mới đến. Nó gây một ấn tượng cho tôi, không phải vì cái dáng non nớt ở cái tuổi hơn mười lăm của nó mà vì lời nói già dặn, già như một ông lão nếm đủ gian truân cuộc đời.

- Đây không phải là thế giới của cháu. Cháu là một kẻ vong quốc, vô gia đình, vô chính phủ, một kẻ lang thang! - Cường nghêu ngao trên ghế - Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn!

Cường là một đứa trẻ cô đơn dù Mẹ nó vẫn ở trong cái thành Halle này. Bố mẹ Cường bỏ nhau. Bố vẫn ở Hà Nội. Cường theo Mẹ sang Đức từ nhỏ, người đàn bà lấy chồng mới và bỏ mặc đứa con mình bơ vơ hôm ăn cơm nhà này mai uống nước nhà khác vô định.

- Mẹ cháu trả thù Bố. Bà ấy mang giọt máu của dòng họ cháu ném vào nước Đức. Có lẽ từ một đêm vui dưới một bụi cây nào đó, cháu được ra đời. Cháu nhớ nhà lắm, nhớ những ngày bên bà Nội, nhớ bạn bè bên kia lắm nhưng làm sao về được. Nơi nào cũng không thừa nhận cháu. Bố đã lấy vợ, Mẹ cũng lấy chồng, cháu đành lấy cô đơn và lang thang... - Cường cay nghiệt nhìn tôi. Hắn lại biến sắc cười rất điệu đàng ra dáng ăn chơi - Thi thoảng cháu cũng yêu vài bé tây cho vui! Nhưng rồi lại chia tay. Trả thù dân tộc ấy mà! Cháu học nghề sửa máy ở trường và cũng bị đuổi nhiều lần vì chơi lại thầy giáo. Người Đức ỷ mình giàu có và thông minh nhưng cháu chẳng ngán. Có hôm cháu bảo ông thầy là "dân Hit" và nên xấu hổ vì điều đó. Thế là ông xách tai, quẳng cháu ra lớp. Thế giới này không phải là của cháu. Chú biết không, nhiều đêm

cháu trở dậy thèm một lời ru của mẹ quá. Cháu nhìn đứa con của Mẹ cháu và ông bố dượng, thèm muốn mình được một lần âu yếm trở lại nhưng không bao giờ có. Cháu xem cô Thúy như mẹ của mình. Không chỉ cô Thúy mà nhiều người khác đều yêu cháu lắm.

Bên này bên kia nếu có ai nghe được lời tâm tình của một đứa bé lang thang mặt còn măng tơ ấy, có lẽ tình yêu không bao giờ có chia ly và hơn nữa, chẳng bao giờ có cảnh lưu vong tìm vận may xứ người. Nhưng Cường chỉ là Cường. Cường chỉ là hạt bụi có hề chi nhức nhối những bàn chân vốn đã chai sạn buồn vui kiếp lưu vong. Sống với một thế giới biết rằng không phải là của mình nhưng Cường đành phải sống. Điện thoại cầm tay, tiếng Đức như gió là biểu hiện sự hòa nhập nhanh chóng vào xã hội phương Tây của một đứa trẻ Việt Nam. Ngày chia tay, Cường ngồi trên cái bệ cầu vỡ sau vườn nhà cũ kỹ của cậu Linh, Cường chua chát không ngờ.

- Cháu sẽ không lấy vợ đâu! Cháu sẽ không bao giờ sinh con. Cháu không muốn đời mình thêm một lần nữa phải đớn đau. Bản thân cháu là quá đủ rồi chú ạ. Chú là người lớn vậy chú có biết cái gì là đau đớn nhất một đời người không? Đó là khi người ta có tuổi thơ nhưng đành phải ném nó vào bụi cát! Thà không có còn đỡ đau hơn!

- Đừng suy tư vượt quá tuổi mình như thế. Tốt nhất là Cường nên gắng học thật giỏi, sống thật ngoan đừng phụ lòng yêu thương của cô Thúy. Không ai từ chối người giỏi cả, nhất là đối với những người có tấm lòng như Cường.

- Cháu cũng mong như thế. Chú yên tâm đi, cháu sẽ cố gắng. Không phải vô cớ mà cháu tự đặt tên hộp thư cho mình là "chiều vàng", "chiều vàng" là hình ảnh quê nhà nội ngoại ven đê sông Hồng nơi cháu sinh ra, bị bỏ rơi khi lớn rồi sẽ trở về lúc già! Dù có vỡ nát như cái bồn cầu này, cháu cũng mong mình được vỡ nát trên mảnh đất quê nhà chú ạ!

Cho đến lúc ngồi bên mộ Nietzsche ở làng Rosken ngoại ô thành phố Halle, tôi vẫn văng vẳng câu buồn da diết của Cường. Dưới mồ xanh hoa cỏ kia, "siêu nhân Nietzsche" cũng trở về hồn nhiên với đất làng Rosken. Cường của tôi, nó chẳng đòi hỏi phải lớn lao thành siêu nhân, nó chỉ cần một tiếng ru tuổi thơ. Rồi một ngày, nói như Cường, không thành nhân thì cũng thành giang hồ, Cường sẽ được đất ôm vào lòng nhưng là đất xứ người chứ không phải tấc đất ấm mùi nội tổ quê nhà nếu hắn quên mất bóng chiều vàng!

Tôi theo chuyến xe hàng của cậu Linh ghé thăm khu chợ ở đầu ngôi làng nhỏ. Người được xem là ông chủ Việt khá giả ở Halle nói với tôi.

- Trong vòng 30 km không có quán hàng nào lớn như của cậu - Vừa

bốc hàng trên xe xuống cậu vừa nói với tôi - Một năm cũng kiếm được vài chục ngàn đô la từ cửa hàng này. Đợi mãi mới chợp được quả này đấy cháu ạ. Người như cậu hiếm lắm bởi đa số người Việt ở đây cả năm may lắm chỉ kiếm được trên dưới 2000 đô la, thậm chí có người không dành dụm nổi 1000 đô la. Nếu ở Việt Nam lương cháu đều đặn 2 triệu tháng thì đừng bỏ xứ mà sang đây. Khổ lắm! Nhục lắm. Rồi cậu cũng sẽ về lại quê nhà thôi.

Tôi muốn chụp một bức ảnh kỷ niệm nhưng cậu Linh xua tay. Tôi hiểu, có lẽ cậu không muốn gia đình bên kia nhìn thấy cậu là một người tạp hóa chăng?

Trên đường về lại thành phố Halle, xe đi qua dưới bóng pháo đài cổ vùng ngoại ô Waimar nơi lưu dấu cuộc đời và sự nghiệp của Goethe và Bach, cậu Linh vẫn không dứt chuyện văn.

- Bên này, đôi khi gặp người quen không dám hỏi địa chỉ của nhau vì biết đâu sau ngày gặp nhau người ta bị cướp, bị giết họ lại nghi mình là thủ phạm. Halle còn thanh bình chứ trên Leipzig và nhiều thành phố khác, người Việt giết nhau vì tiền nhiều lắm. Có kẻ chết mấy ngày trong phòng không ai biết!

- Cậu có biết Sinh "Nga" không? Anh ta chết cách đây không lâu?

- Không, làm sao biết được. Thời gian đâu mà để ý. Chết chóc chém giết. Trả thù. Bình thường thôi! - Cậu Linh lạnh tanh.

Thay vì theo lời mời của gia đình cậu Linh lên Leipzig dự cuộc thi hoa hậu áo dài do cộng đồng người Việt tổ chức, tôi muốn về thăm nơi ở mới của chị Thúy. Chỉ còn vài ngày nữa là chị sẽ xa Halle. Từ Halle về Zenlensoda cách xa nhau chừng 200 km. Những ngôi làng ngóng cổ cao tháp chuông nhà thờ lúc ẩn lúc hiện trên những cánh đồi mềm mại ánh chiều hôm. Zenlensoda là vùng mà hơn 15 năm trước chị từng sống với cái nghề dệt may khi mới từ Việt Nam sang Đức. Đó không phải là thành phố, đó là một làng quê yên ả, heo hút của miền Đông nước Đức.

Nhưng ở cái chốn tưởng như tận cùng trời đất nước Đức này vẫn có mặt hơn 70 người Việt sinh nhai! Sau thời buôn bán áo quần, mở nhà hàng, bây giờ lại đến hoa quả tươi. Buôn bán ở thành phố khó lòng cạnh tranh với các siêu thị của người bản xứ, người Việt chấp nhận bỏ thành phố, kéo nhau về làng quê làm ăn. Ngôi làng nơi chị Thúy sẽ ngồi bán hàng hoa quả tươi nằm trên lưng đồi, phía bên kia hồ nước xanh bóng rừng thông. Tôi nhìn gian hàng còn trống, bao nhiêu vẻ thơ mộng của vùng quê nước Đông bỗng mặn buồn dòng nước mắt. Cát bụi lưng trời, thân gái dặm trường, chị tôi ngồi đó sau quầy rau quả, bàn tay gọt rửa trái cây bán cho người mà ngỡ như gọt rửa cả tuổi thanh xuân rụng chín

mười ngón tay! Từng mấy năm bán hàng tạp hóa ở chợ Đông Ba kiếm tiền ăn học, tôi biết sự vô vị của thời gian mỗi khi vắng khách. Mỗi khi vắng khách, chị tôi sẽ nhìn ra cửa sổ, tiếng thở dài chắc sẽ chênh vênh nhiều lắm với con đường uốn quanh những ngôi nhà cổ kính, im lìm không dáng người thân quen.

Lại được ăn cơm Việt Nam. Suốt bữa cơm trong nhà người bạn gái của chị Thúy, tôi không khỏi bồn chồn khi bắt gặp đôi bàn tay dăm dúa dao cắt bưng bát cơm của người em trai trong gia đình. Quang, cử nhân khoa Đông Phương học của Trường đại học khoa học và xã hội nhân văn Hà Nội. Ra trường đã mấy năm thất nghiệp. Quang sang Đức sống với anh chị mình. Như bao người đàn ông khác, ngày ngủ đêm thức trắng với những chuyến hàng hoa quả tươi. Chuyển hàng ra chợ phải lựa chọn, cắt gọt hoa trái sao cho thật bắt mắt khách hàng. Bàn tay nhà Đông Phương học đã bị băm vằm vết dao cứa và các sắc tố hóa học trái cây chợ búa phương Tây. Suốt dọc đường trở lại Halle, không biết bao lần, nước mắt tôi ràn rụa trong đêm. Khi gặp lại nhau, bàn tay chị Thúy có còn mềm trắng trên vòng tròn tay lái hay cũng nhừ nát như Quang sau những đêm bốc hàng, cắt gọt trái cây. Phương Tây dịu dàng, phương Tây phồn vinh nhưng phương Tây vẫn có những vết dao cứa lòng như vậy. Buồn thay những vết cứa ấy hầu như chỉ dành cho người lưu vong, cho người Việt Nam!

Hai chị em khuya khoắt về Halle. Không biết bao lần, tôi đã khóc thầm với chị Thúy. Ngày mai tôi về Hà Lan. Hai mẹ con chị Thúy lại trôi qua bốn mùa nước Đức không chồng không cha.

- Em cầm về Việt Nam cho chị cái này - chị Thúy lấy chiếc nhẫn vàng gãy đôi đưa cho tôi - Em cố gắng gặp Thanh, nói với Thanh rằng chị vẫn chờ đợi miễn sao anh ấy phải giải quyết dứt điểm chuyện gia đình! Bạn bè chị, cả em nữa cũng không thể hiểu tấm lòng chị đối với anh ấy. Người ta bảo chị cứng đầu, chị điên vì chờ đợi một điều vô vọng nhưng có còn hơn không!

- Em sẽ nói gì với Bố, với Mẹ về chị đây -Tôi rầm rì - Có lẽ em sẽ nói dối rằng chị Thúy hạnh phúc với một cuộc sống đủ đầy phương xa. Em không muốn tuổi già của Bố Mẹ, vốn đã đau lòng con cái lại gánh nặng thêm lo âu. Rồi Bố Mẹ, rồi gia đình bao người lại được sống hạnh phúc cùng con cái trong ảo vọng thiên đường! Bên nay cứ nhầm lẫn bên kia mà sống!

Tôi lên tàu khi trời mờ sáng. Con tàu chuyển bánh, chị Thúy dõi bước tìm khuôn mặt tôi trên ô cửa. Tôi muốn gào lên nhưng không, tôi không muốn chị nhìn thấy dòng nước mắt rát chảy trên mặt mình. Nhà

ga Halle và dáng hình gầy yếu trong chiếc áo khoác da nâu của chị khuất dần trong sương. Chị trở thành một mảnh trời lưu lạc trên đầu tôi dù bất cứ nơi nào, ngay cả khi trở mình trong giấc mơ về miền Đông Đức hoang tàn.

Về Hà Nội, tôi đi tìm nhà Thanh ở làng Nhật Tân. Đó là một quán gội đầu. Một người đàn bà có thai chào tôi. Trên vòm bụng cao, tôi nhìn thấy đêm Halle và bóng hình mòn mỏi của người chị hụt hẫng bước về xốn xang.

- Chị là...

- Tôi là vợ anh Thanh!

Thực ra, tôi không quá đỗi bất ngờ bởi tôi đã biết Thanh có vợ nhưng cái thai nhi đang hình hài lớn dậy trong bụng người đàn bà làm tôi loạng choạng. Đứa hài nhi kia có biết, người Cha đã ruồng bỏ mình bằng những bức thư gửi cho một người đàn bà không phải Mẹ nó. Thanh nhớ nhung, Thanh dằn vặt, Thanh van lơn được trở lại nước Đức với chị Thúy. Thanh sẵn sàng cắt bỏ người vợ cũ và đứa con gái để làm lại cuộc đời! Đó là những gì Thanh viết trong thư gửi chị Thúy. Thật trớ trêu, bên kia chị tôi mắt sâu chân chim chờ đợi tháng ngày, bên này Thanh lại đang lo tã lót chờ đợi đứa con thứ hai ra đời!

Tôi trao chiếc nhẫn cho Thanh và không muốn nói một lời nào. Quán nước nhỏ, tôi không muốn nghe lời Thanh phân bua, rằng cuộc đời phải đi trong khổ đau mới hạnh phúc, rằng hãy hiểu cho Thanh đứng giữa ngã ba đường, rằng trong đời Thanh, chị Thúy của tôi là tất cả.

- Anh là một kẻ tàn nhẫn. Cùng một lúc anh đã làm cho hai người phụ nữ trở thành kẻ khốn nạn. Anh biến thế giới xung quanh mình thành những nạn nhân, anh không biết rằng anh cũng là một nạn nhân.

Tôi đặt chiếc nhẫn lên bàn, bước chân ra quán. Chị tôi từng cắt bỏ một cánh tay buồn và lần này chị còn đủ sức hay không. Thà tật nguyền để tái sinh, dẫu đau đớn, còn hơn rỉ chảy vết thương năm này qua năm khác vô vọng. Tôi về thăm Hưng Yên, giữa vùng quê bát ngát màu nhãn, bên con đường về làng, tôi nhìn thấy căn nhà hộ sinh - nơi chị Thúy cất tiếng khóc chào đời 36 năm về trước. Ngôi nhà hộ sinh cũ kỹ và vẫn tiếp tục đón chào những tiếng khóc mới, những tiếng khóc thơ trinh dày lên tiếng khóc xa xứ. Mùa nhãn chín đang về phố Hiến, dưới từng chùm nhãn sum suê hoa lá mái nhà tổ tiên, tôi chạnh lòng, có hạt nhãn nào sẽ mát lành bắt gặp bàn tay chị Thúy trong gian hàng trái cây ở ngôi làng xa vắng bên kia miền Đông nước Đức.■

ĐẶNG HIỀN

biển, bên này trí nhớ

Tôi vẫn chạy bên này trí nhớ
Thoáng nụ cười khuất mất cơn mơ
Em ngồi lại mùa thu nắng đẹp
Lần trở về mười năm đi xa

Mặt hồ sớm tàng cây thơ mộng
Quên một chiều lặng lẽ bóng tôi
Lần tôi đến hôm nào rất vội
Hoa sữa cây bàng mỏi mệt mùa đông

Tôi vẫn chạy bên này trí nhớ
Trăng và em biển hát thầm thì
Mùa trăng cũ khéo qua chầm chậm
Nắng ngạt ngào theo em lênh đênh

Tôi vẫn chạy bên này trí nhớ
Em đi qua "trí nhớ" vội vàng
Mùa thu sớm nắng vàng gió nhẹ
Ngày em về biển thức trong tôi...

ĐẶNG HIỀN

đợi

lâu rồi không còn nhớ
đường vòng loanh quanh, con đường kỷ niệm
vẫn chuyện ngày xưa muôn màu mất hết
ngan ngát lênh đênh

em phù sa tình yêu
tình yêu trắng quá
đành thế biết sao

vẫn sóng chưa xô
tháng ngày nắng đổ
bình yên, chìm chìm bất trắc
bên thơ buồn bã lao đao

sóng dâng cao nhào xuống
cùng ảo tưởng
trở lại nơi chưa hề rời bỏ
đợi, một thói quen...

(9-2004)

những người ngủ muộn

TRANG CHÂU

Hội thành hình nhưng không đăng ký. Chủ tịch là Jean Paul. Không ai bầu Jean Paul vào chức vụ đó cả nhưng cũng không ai phản đối khi hắn điều hành công việc y như một ông chủ tịch. Nếu không gặp mặt mà chỉ nghe tên người ta đều tưởng Jean Paul là một anh Tây nhưng hắn là gốc Việt chính hiệu. Cái tên Jean Paul được gắn cho Phúc, tên thật của hắn, là vì thời còn ở Sài Gòn trước 75, những chiều cuối tuần hắn hay lững thững đi trên đường Catinat túi sau của chiếc quần jeans bạc thếch lúc nào cũng cồm cộm cuốn sách loại bỏ túi "Cơn buồn nôn" của Jean Paul Sartre. Dạo ấy chưa quá hai mươi tuổi đầu mà mở miệng ra là hắn như nôn mửa vào cái xã hội đương thời với cuộc chiến tranh ngày một hung hãn, mở miệng ra là hắn triết lý về đủ thứ đề tài. Bạn bè nửa đùa nửa mỉa gọi hắn là Jean Paul, gọi riết rồi quên mất cái tên Phúc của hắn. Jean Paul học trường Jean Jacques Rousseau, gọi tắt là JJR. Năm cuối hắn học ban triết. Bài triết nào của hắn cũng được thầy dạy triết mang ra đọc và phê bình. Có lần bài của hắn gây ra tranh cãi sôi nổi trong lớp, tranh cãi có khi giữa hắn và thầy, có khi giữa hắn và đám con gái. Khi nói đến Sartre thầy chịu câu "địa ngục là kẻ khác"[1] nó cãi lại "chúng ta cõng tật xấu của chính chúng ta trên lưng mình"[2]. Rồi khi thầy hỏi cả lớp giữa trai gái có tình bạn thật sự không, đám con gái nhao nhao bảo có hắn bảo không, hắn xác quyết tình bạn giữa trai gái chỉ là thứ tình yêu trá hình chưa ló dạng mà thôi. Lần nầy chính thầy đồng ý với hắn khiến đám con gái đỏ mặt phản đối luôn cả thầy. Học ban triết, giỏi triết thế mà hắn rớt tú tài II cả hai kỳ. Chỉ vì hắn chê không thèm

học toán và vật lý. Học lại hắn biết lo hơn nên đậu ngay kỳ đầu. Cái mộng được đi Pháp học ở Sorbonne của hắn không thành vì gia đình hắn không hiểu sao dở chứng không muốn cho hắn đi du học nữa. Bất mãn, hắn muốn sống tự lập nên thi vào đại học sư phạm ba năm. Ra trường hắn được bổ đi dạy môn Pháp văn cho một trường trung học ở Cần Thơ. Hai năm sau hắn bê cô học trò lớp đệ nhất của hắn về làm vợ. Lấy vợ được hơn năm hắn sắp tính có con thì miền Nam mất. Chạy ra hải ngoại, tự do hắn giữ được nhưng địa vị xã hội thì tuột dốc. Từ một ông giáo sư Pháp văn được học sinh và gia đình học sinh kính nể hắn rớt xuống làm công nhân viên của một hãng làm bố thắng. Trong hai năm hắn thay đổi sở làm ba lần. Cái tật hay tỏ ra hay chữ, hay triết lý khiến hắn đi làm đâu cũng bị đì. Vợ hắn khá hơn xin được một chân thâu ngân viên trong ngân hàng. Đời sống tưởng sẽ yên ổn, đùng một hôm vợ hắn bỏ nhà ra đi. Truy ra mới biết thằng giám đốc chi nhánh ngân hàng mê vợ hắn bỏ vợ nó mà bê vợ hắn. Mất vợ hắn đau lắm nhưng ở cái thế tuột dốc như hắn bây giờ thì làm được gì. Hắn chỉ còn nước triết lý vớt vát để tự an ủi. "Trước kia mình lấy học trò mình làm vợ mà chẳng sao, nay thằng giám đốc chi nhánh ngân hàng có lấy nhân viên của nó làm vợ thì cũng chẳng sao." Nhưng cùng lúc hắn nhận thức ra được một điều: Ở xứ người, thành phần tị nạn đến từ một xứ nghèo như hắn muốn vươn lên trong xã hội đầy cạnh tranh nầy phải có bằng cấp Đại Học. Nghĩ mình dù gì cũng là dân trường Tây, một thằng JJR,ở một xứ nói tiếng Tây mà không ngóc đầu lên nổi là kém. Hắn còn cảm thấy nhói đau khi nghĩ con vợ hắn bỏ hắn có thể một phần vì hắn xuống cấp trong xã hội nầy. Jean Paul mất mấy đêm suy nghĩ xem đi học lại nên học ngành gì. Mọt sách như hắn chỉ có ngành quản thủ thư viện là thích hợp nhất. Học ngành này xong, kiếm được việc rồi, hắn sẽ không những có đủ tiền để sống, địa vị xã hội được nâng cao mà còn có vô số thì giờ để đọc sách nữa. Jean Paul như vừa tìm được một sinh khí mới, hắn hăng hái ghi tên đi học lớp đêm. Hắn được xếp học lại năm cuối trung học. Hắn mài đũng quần một năm ở trung học và ba năm ở Đại Học. Ra trường hắn xin được một chân quản thủ thư viện ở một thành phố cách Montréal chừng nửa giờ xe hơi. Đời sống vật chất coi như được bảo đảm hắn bắt đầu nghĩ đến chuyện làm lại cuộc đời. Nhưng hắn lại tự thề nếu không gặp được một người đàn bà đủ trình độ để hiểu hắn, hiểu không có nghĩa chịu đựng mà để khâm phục hắn thì thà rằng hắn ở vậy suốt đời. Không vợ không con rảnh rỗi, hắn hay tối tối ra quán Van Houtte uống cà phê đọc báo, đọc sách. Ngày thường hắn ngồi cho đến 11 giờ đêm, cuối tuần hắn ngồi đến 12 giờ, 1 giờ sáng mới về ngủ.

Ở quán Van Houtte, Jean Paul tình cờ gặp lại một thằng bạn thời lê la đường Catinat: Thằng Khâm. Trước 75, Khâm là nhà báo chuyên nghiệp tuy còn trẻ tuổi. Nó chuyên viết phóng sự. Ngòi bút nó nhọn lắm. Dạo ấy phong trào chống tham nhũng đang có đà. Mấy ông có máu mặt mà có tật kín sợ nó khui chuyện mình. Muốn nó để yên phải kín đáo tỏ ra biết điều. Khâm sống khá rủng rỉnh nhờ vào sự biết điều đó. Trong bốn cái dị tướng xấu của đàn ông, Khâm có hai: lùn và răng hơi mái hiên. Nhưng bù lại nó kể chuyện tếu rất có duyên nên phụ nữ vào thuở trai thiếu gái thừa ấy có người cũng chịu cái tài mà tạm quên cái sắc của nó. Thế nhưng khi bỏ của cứu lấy người chạy ra khỏi nước năm 75 nó chạy đi có một mình. Khâm biết thức thời đi học nghề và trở thành thợ máy sửa xe hơi. Nghề tuy vất vả, tay chân mặt mày lấm lem nhưng cũng đủ sống. Tuy vậy con ma báo chí vẫn ám ảnh làm nó ngứa tay muốn quẹt bút những khi rảnh rỗi thì giờ. Đúng lúc một tờ nguyệt san ra đời tại nơi nó đang cư ngụ. Khâm tự nguyện xin làm phóng viên để viết tường thuật các sinh hoạt văn nghệ trong cộng đồng. Cái lối viết ngắn gọn, dí dỏm của nó được ông chủ nhiệm kiêm chủ bút tin tưởng. Khâm sắm thêm cái máy hình để có được những tấm hình đăng kèm theo bài viết của nó. Khâm khôn ngoan hiểu rằng ở cái xứ mà đụng chạm nhau một tí, không vừa lòng nhau một tí, là nhận ngay thư của luật sư đòi bồi thường vì tên tuổi, nhân phẩm của thân chủ họ bị tổn thương, bị chà đạp. Cho nên thay vì đâm chọc, Khâm nghiêng ngòi bút mình sang phía bốc thơm. Ở đời ai chẳng thích khoe, ai chẳng thích được khen. Cụ Tú Xương cũng đã biết như thế hơn cả trăm năm trước đây rồi: "Chí cha chí choét khoe giày dép, đen thủi đen thui cũng lượt là". Thành phố nó ở đang có phong trào ca hát nghiệp dư. Thế là Khâm có mặt ở mọi sinh hoạt văn nghệ, văn nghệ bỏ túi, văn nghệ ái hữu, văn nghệ lạc quyên, văn nghệ hội thảo v.v... Giọng hát nào cũng được Khâm khen. Giọng hát nầy cao vút, giọng hát kia ngọt ngào, giọng hát nữa trầm ấm. Nếu không khen được một cách văn hoa như giọng hát tuyệt vời hoặc bình dân hơn như giọng ca hết sẩy, nó cũng rán vớt vát giùm là giọng hát hồn nhiên, hay giọng hát chân phương. Và Khâm được những người thích hát nhất là phái nữ yêu mến. Nó vẫn thầm mong trong đám phụ nữ yêu mến nó có một người cảm tài nó hay ít ra nhận thấy sự ưu ái của nó dành cho mình, đám cầm kéo cắt phăng chữ mến để chỉ còn lại chữ yêu cho nó nhờ vì nó bây giờ cũng đã quá tứ tuần rồi mà vẫn chưa lợp nổi cho mình một mái nhà. Nhưng thời gian cứ trôi đi và nếu có một vài dịp hiếm hoi Khâm quanh co muốn tỏ tình với một vài đối tượng lần nào nó cũng nhận được một câu trả lời na ná nhau: "Cảm ơn tình cảm đặc biệt anh

dành cho nhưng chỉ xin coi anh như một người anh tinh thần".

Sau lần tình cờ gặp lại nhau, Jean Paul và Khâm hẹn nhau mỗi tuần phải ra quán hai tối Thứ Ba và Thứ Sáu, những tối khác tùy nghi. Nhưng trên thực tế chúng nó gặp nhau ít nhất năm tối trong một tuần. Khâm nẩy ra ý kiến tìm cách kết nạp thêm những người cùng cảnh ngộ để cảm thông nhau và để cùng nhau nhìn quãng đời còn lại.

Hội viên thứ ba do Khâm dẫn tới là Hợp, cựu sĩ quan thám báo. Lúc bỏ nước chạy mang lon Trung Úy. Ra nước ngoài chỉ đi làm nghề "thợ lặn" một thời gian ngắn. Thợ lặn được dịch từ tiếng Tây là plongeur. Plongeur ở đây là nghề đi rửa bát trong tiệm ăn. Sau đó Khâm nhất quyết thực hiện giấc mộng "phi thương bất phú" của nó. Hai vợ chồng mở một tiệm ăn Việt Nam. Gánh nặng đè trên hai vai vợ nó, là một người đàn bà vừa đảm đang kỹ lưỡng vừa nấu bếp giỏi. Hợp chỉ có tài chỉ tay năm ngón. Tính nó lại độc tài và cọc. Thêm vào đó nhậu một tí vào là hay to tiếng gây gổ. Thất thế nhưng nó không chịu lép vế. Không còn mang lon nó vẫn không bỏ cung cách của một ông sĩ quan chuyên ra lệnh và không ngừng coi vợ như một thượng sĩ thường vụ. Cho đến một hôm vợ nó quá mệt mỏi lớn tiếng chỉ trích con người vô tích sự của nó. Hợp nổi dóa đánh vợ. Bất ngờ có anh chàng Ấn Độ hàng xóm cao bự bất bình vì chuyện hành hung đàn bà nhảy vào can thiệp. Nó giận dữ bỏ đi. Rồi khi nguôi giận tính trở về thì đã muộn. Vợ nó đã đâm đơn xin ly dị. Và anh chàng Ấn Độ hào hiệp đã nhảy vào thế chỗ của nó. Ở đời bao giờ cũng thế, có trong tay thì coi thường mất rồi mới thấy tiếc, thấy quí. Bây giờ nó mới thấy kiếm được một người vợ vừa giỏi dắn vừa nhẫn nhục như vợ nó không phải dễ. Cái hôm, cách cả năm sau nó bắt gặp vợ nó mặt hoa da phấn y phục đắt tiền âu yếm đi cạnh anh chàng Ấn Độ mặt mày hớn hở đẩy cái xe nôi trong có thằng bé con da bánh mật đang nằm mút ngón tay, nó mới thấy rõ vợ nó khi ra đi đã nhất quyết không mua vé khứ hồi.

Thời gian đã hơn một năm rưỡi mà vết thương lòng của Hợp vẫn chưa đâm da non, nên nó đến trình diện hội với bộ mặt của một anh chàng chưa tỉnh ngủ. Chờ cho mỗi đứa qua vài ngụm cà phê, Jean Paul mới bắt đầu giảng đạo. Bao giờ cũng thế, uống cà phê với Jean Paul đồng nghĩa đến ngồi nghe hắn thuyết pháp hay triết lý bất cứ về vấn đề gì bất chợt được nêu ra. Thằng Khâm trước khi dẫn Hợp đến có báo cho Jean Paul: "Thằng nầy đang sa sút tinh thần nặng mầy rán nâng cấp nó lên một chút". Jean Paul hớp một ngụm cà phê, đặt tách xuống không nhìn Khâm, không nhìn Hợp, hắn nhìn ra đường và bắt đầu thao thao:

- Khi mình hy vọng một điều gì quá độ, mình có cơ chuốc lấy thất

vọng. Còn nếu mình biết mình không hy vọng gì nữa mình sẽ hết thất vọng, không hết ngay cũng sẽ hết từ từ. Đừng dại để tim mình bị khóa chặt bởi thất vọng. Tao nghĩ khi mình thất vọng là thời điểm mình đang ở trong đêm, đêm dài hay ngắn tùy trường hợp nhưng qua được đêm sẽ thấy được trời sáng. Bọn mình ngồi với nhau đây là để chờ bình minh. Chưa biết bình minh đến với đứa nào trước nhưng có chờ nó mới đến chứ. Bọn mình là những thằng đã nếm mùi bất hạnh. Thời gian đã giúp cho tao nhìn nỗi bất hạnh của tao bằng con mắt lạc quan hơn. Tao coi đó như một thử thách và xuyên qua thử thách đó tao nhận thức rõ hơn về cuộc đời. Tao thấy có cái mình muốn lắm khi cũng làm mình khổ không thua gì cái mình muốn mà không có. Cho nên khi mình đang khổ vì ở vị thế nầy đừng nghĩ rằng nếu được ở vị thế kia mình sẽ không khổ. Tao đã vượt qua được giai đoạn muốn buông xuôi tất cả, tao tự nhủ nếu mình bỏ cuộc nửa chừng thì bất hạnh sẽ không bao giờ rời bỏ mình, nó sẽ đeo đuổi mình dài dài. Tao cho bất hạnh lớn nhất của một đời người là khi mình không còn tin tưởng vào chính mình nữa. Như tao đã nói tao nhìn nỗi bất hạnh của tao bằng con mắt lạc quan nên có lúc tao thấy những bất hạnh của tao không chỉ hoàn toàn là những bất hạnh. Tao tìm thấy hạnh phúc trong nỗi cô đơn của tao, một thứ hạnh phúc không mấy tốn kém, một thứ hạnh phúc không tìm thấy trong hôn nhân. Trong hôn nhân mầy phải chạm mặt hằng ngày với những gì mầy phải làm, phải gồng mình làm những việc nhiều khi trong thâm tâm mầy mầy không muốn làm. Còn trong cô đơn trái lại mầy chỉ chạm mặt với chính mầy, với tất cả cái gì mầy đang có, với tất cả cái gì mầy đương là mà thôi.

Bài thuyết pháp vòng vo của Jean Paul thế mà có tác dụng tốt trên thằng Hợp. Nó nói nó sẽ xắn tay áo gây dựng lại sự nghiệp. Nó nói nó sẽ không chỉ tay năm ngón nữa, nó sẽ lăn mười ngón tay của nó, lăn sao cho nhuyễn. Phong trào dân Việt mở tiệm ăn Nhật đang thịnh hành. Hợp xoay xở khá nhanh để thành chuyên viên cuốn *sushi* cho một tiệm ăn Nhật khá lớn ở trung tâm thành phố. Tuy bận rộn với nghề mới, chỉ được nghỉ ngày Thứ Ba trong tuần, tối Thứ Ba nào Hợp cũng mò ra tiệm Van Houtte uống cà phê với anh em. Thằng Khâm bỗng nổi hứng muốn đặt một cái tên cho hội. Nó thỉnh ý thằng Jean Paul. Jean Paul cười cười chỉ tay mắt nhìn qua phía bên kia đường rồi hỏi Khâm và Hợp:

- Tụi mầy có thấy tiệm bên kia đường là tiệm gì không?

- Tiệm tạp hóa "*Couche-Tard*".

- Thì lấy tên "Hội Những Người Ngủ Muộn" nó hợp tình với bọn mình lắm.

Hội có thêm hội viên thứ tư do thằng Hợp giới thiệu. Nó tên Trầm.

Năm mươi tuổi, chưa vợ, hình như cũng không có bồ nữa. Cha mẹ chọn cho nó cái tên thật đúng với con người nó. Trầm lầm lì ít nói, có nói cũng không dài dòng, giọng lúc nào cũng nghiêm trang như nét mặt của nó. Nghe nói gia đình nó tìm cách giới thiệu nhiều mối cho nó mà vẫn không xong. Thiên hạ có người xấu miệng nghi ngờ Trầm có cái gì không ổn bẩm sinh nơi bộ phận sinh dục. Hợp và Trầm biết nhau vì hai đứa là cựu học sinh trường Nguyễn Đình Chiểu. Cựu học sinh trường nầy ở đây trẻ già cỡ 15 mạng nhưng cũng lập hội, bầu ban chấp hành đàng hoàng cho có mặt với các hội ái hữu khác. Hợp chỉ là hội viên trơn còn Trầm nhờ phong cách đứng đắn bị tóm làm Phó Chủ Tịch Nội Vụ hết nhiệm kỳ nầy sang nhiệm kỳ khác. Biết Trầm hay đi uống cà phê một mình, Hợp rủ nó nhập hội của Jean Paul. Ban đầu Trầm từ chối nhưng Hợp nói riết nó nể nhận lời. Nhưng nó rào trước là nếu không thích hợp nó sẽ rút. Jean Paul được Hợp mách lối trước rằng Trầm là mẫu người hơi yếm thế và có vẻ không cần đàn bà. Biết thì biết nhưng Jean Paul thuộc loại nói những gì hắn nghĩ mà không cần, không sợ người ta nghĩ gì về những điều hắn nói. Cho nên sau mấy ngụm cà phê, Jean Paul đăng đàn thuyết pháp:

- Tao thấy cùng nhìn vào một sự việc mà thằng bi quan lúc nào cũng có cái nhìn ngược hẳn với thằng lạc quan. Lấy một thí dụ: ổ bánh mì ăn mất còn nửa ổ, thằng lạc quan vui mừng hô "còn nửa ổ bánh mì" trong khi thằng bi quan lầu bầu: "bánh mì mất đi nửa ổ". Một thí dụ khác, lấy con đường đang đi, thằng lạc quan luôn luôn nhìn đằng trước, thằng bi quan chỉ nhìn đằng sau.

Bất ngờ Trầm chận Jean Paul lại để phát biểu:

- Nhìn đàng sau hay nhìn đàng trước đều sai cả.

Jean Paul đập mạnh tay xuống bàn một cách đắc chí:

- Mầy nói đúng, nhìn trước nhìn sau gì cũng sai tuốt. Đi trên đường phải nhìn cả hai bên mới là khôn ngoan.

Người thứ năm vào hội là tôi, do Khâm móc nối. Khâm lò dò đến tiệm thuốc của tôi gạ bán cái CD của một nữ ca sĩ vừa qua Montréal trình diễn. Tôi chính thức ly dị vợ được ba tháng. Một cuộc chia tay không sóng gió. Vợ chồng sống với nhau đến một lúc nào đó cả hai đều nhận thấy có tiếp tục cũng không gây lại được cái hứng thú của thuở ban đầu. Chi bằng chia tay để mỗi người may ra còn có cơ hội tìm được một cái thuở ban đầu thứ hai. Chúng tôi trở nên không thù không bạn nhưng cũng không là người dưng vì chúng tôi còn là cha mẹ của hai đứa con, một trai 19 và một gái 17. Chúng nó buồn nhưng không đến nỗi khổ, vì giữa chúng tôi không có tranh giành quyền lợi, không có tranh giành

ảnh hưởng với con cái. Cả hai chúng tôi cùng nghề được nên chúng tôi sắp xếp khá ổn thỏa: Nàng lấy cái nhà ở với hai đứa con, còn tôi giữ tiệm thuốc. Tôi thuê ấp ở một mình. Sau giờ làm việc buổi tối, tôi khá rảnh rỗi nên khi Khâm rủ tôi nhập hội tôi hưởng ứng liền.

Tôi ra tiệm Van Houtte lần thứ nhì thì gặp đủ mặt. Jean Paul nhập đề ngay:

- Bọn mình hiện nay có năm mạng, ba thằng hết có vợ, một thằng muốn có vợ mà chưa có, còn một thằng chỉ biết nó đang một mình. Tao đề nghị hôm nay mình luận về đàn bà. Nhưng mình chỉ nên đề cập đến khía cạnh tốt hay ít ra khía cạnh khiến mình cảm thông được họ mà thôi. Mình nên làm người giới thiệu chứ không nên làm người phê bình. Phê bình phải khen chê, còn giới thiệu mình chỉ trưng ra cái hay cái chấp nhận được mà thôi. Phần tao, nói về đàn bà, tao thấy câu thơ sau đây của Racine nói lên hết cảm nghĩ của tao về phái nữ: "Nàng bồng bềnh, nàng do dự, nói tóm lại nàng là đàn bà.[3].

Thằng Khâm chen vào:

- Tao đọc đâu đó câu nầy tao thích lắm: "có hai cái đẹp trên đời: đàn bà và hoa hồng; có hai miếng ngon trên đời: đàn bà và trái dưa[4]. Thằng cha nào nói câu nầy hợp ý tao quá Jean Paul?

- Triết gia Malherbe.

Trả lời Khâm xong Jean Paul quay qua hỏi Hợp:

- Còn mầy, mầy có ý nghĩ gì tốt, có kỷ niệm gì lành về đàn bà không?

Thằng Hợp gãi tai, gãi tóc mấy cái rồi nói:

- Con vợ trước đây của tao thế mà hay. Nó tập cho tao được một thói quen là trước khi rời chỗ làm nên vào phòng vệ sinh đi tiểu và đại tiện. Một thói quen làm cho tao cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng trên đường về nhà mà lại còn tiết kiệm được giấy vệ sinh cho ở nhà nữa!

Jean Paul nhìn tôi:

- Sang, mầy có ý nghĩ gì hay về đàn bà?

Tôi chuẩn bị sẵn câu trả lời, một ý nghĩ riêng của tôi về đàn bà, một ý nghĩ mà tôi cho có lý và không hàm một ác ý:

- Tao thấy đàn bà giống như thiên nhiên, nếu mình chỉ nhìn ngắm thôi đừng đụng tới thì họ rất dễ thương.

Đến phiên Trầm, nó lơ đãng nhìn lên trần nhà rồi nói giọng bình thản:

- Khi mình tới được cái mức không cần đàn bà thì mình có thể không cần bất cứ gì còn lại trên đời nầy nữa.

Đó là lần họp chót và lời nói chót của Trầm với hội. Nó không đến

sinh hoạt nữa. Hai tháng sau cả bọn hay tin nó uống thuốc ngủ tự tử. Trong thư để lại cho gia đình nó giải thích hành động của nó như một việc phải đến khi cuộc đời nó đang sống "có sống thêm cũng không ích lợi gì".

Hội mất thêm một hội viên thứ hai: thằng Hợp có bồ. Nó cặp được một em làm chung tiệm Nhật với nó. Chúng nó dự tính để dành vốn, học hết ngón nghề rồi ra mở một tiệm riêng. Con bồ nó muốn ăn chắc, trước khi chung vốn, chung giường, đòi nó làm đám cưới. Nhận được tin vui của Hợp, Jean Paul lên lớp sau lưng nó một câu:

- Đứng dậy lại lần nầy thằng Hợp phải biết nó không vươn lên từ một thất bại, nó vươn lên từ một kinh nghiệm đắt giá.

Ba đứa còn lại họp bàn có nên đi dự đám cưới của Hợp không. Thằng Jean Paul phán:

- "Hội Những Người Ngủ Muộn" dành cho những hội viên đơn chiếc đến tìm hạnh phúc trong bầu không khí cô đơn tập thể. Đi lấy vợ là bước ra khỏi vùng trời đó và những người đơn chiếc như bọn mình không nên có mặt ở những nơi có đôi. Tao đề nghị mình không đi dự đám cưới, chỉ chung tiền và viết mấy lời chúc là đủ.

Khâm lãnh trách nhiệm viết lời chúc. Nó hí hửng:

- Tao sẽ có hai câu thơ tặng thằng Hợp.

Jean Paul trố mắt:

- Mầy làm thơ? Trường phái nào? Có phải trường phái đêm ba mươi không?

- Tên gì kỳ vậy, tao chưa nghe bao giờ.

Jean Paul cười khúc khắc:

- Trường phái nầy chủ trương thơ càng tối mò càng sáng giá.

Khâm lắc đầu hóm hỉnh:

- Tao thuộc trường phái thơ Bút Tre.

Hôm thu tiền, Khâm cho Jean Paul và tôi xem hai câu thơ của nó viết thay mặt hội tặng thằng Hợp. Đó là hai câu thơ của Hàn Mặc Tử bị nó thay đi một chữ, chữ đó lại được cố ý viết sai dấu, dấu nặng được thay bằng dấu huyền "Ngày mai trong đám xuân xanh ấy, có kẻ theo vờ bỏ cuộc chơi."[5]

Hội đến hồi mạt vận. Thằng Khâm, thợ sửa máy xe hơi, sau một chuyến âm thầm về Việt Nam với tấm danh thiếp rất kêu "Chuyên Viên cơ khí hãng G.M.", trở lại Montréal chạy ngược chạy xuôi làm thủ tục đưa một em sang. Nghe nó tả con vợ sắp qua của nó, Jean Paul và tôi lạnh người. Đẹp và còn trẻ, bé Phượng của Khâm nhỏ hơn nó 15 tuổi và nhan sắc theo nó tả chứ không cho xem hình, na ná cô hoa hậu áo dài

Long Beach được tổ chức bên Hoa Kỳ cách đây mấy năm. Tôi thực tình lo lắng cho Khâm:

- Mầy có nghĩ em Phượng lấy mầy vì thương mầy hay chỉ vì muốn đi ra khỏi nước?

Khâm đang lúng túng chưa có câu trả lời, Jean Paul bất ngờ đỡ đạn cho nó:

- Chẳng sao, thắng trong hiểm nguy thắng mới vinh, mà lỡ có bại trong hiểm nguy bại cũng không nhục. Tao chỉ khuyên mầy phải giữ vững tinh thần khi bại, nhất là khi mầy chưa biết mùi bị đàn bà bỏ rơi nó như thế nào.

Trước khi ra về Jean Paul kéo tôi nói riêng:

- Phải có những thằng chấp nhận hiểm nguy như thằng Khâm hội mới hy vọng còn hội viên, chứ cứ nồi nào vung nấy hội sẽ khó tồn tại lâu dài, mầy hiểu không?

Hội viên thứ sáu do tôi giới thiệu làm Jean Paul sửng sốt là một người nữ, một nha sĩ tên Cúc. Cúc là bạn học của tôi thời trung học. Nói là bạn chứ thật tình thuở ấy nếu tôi nguýt mắt một cái là nó đã trở thành bồ của tôi rồi. Tôi không sợ nhan sắc của Cúc, chỉ sợ cái nói nhiều của nó. Lấy nó về nghe nó nói, nói nhẹ thôi cũng đã xốn tai huống hồ nói nặng chắc vỡ toang cả màng nhĩ. Cúc lấy chồng có một con rồi ly dị. Tôi chẳng muốn hỏi lý do làm gì, cặp vợ chồng nào đổ vỡ quanh đi quẩn lại cũng chỉ vì vài ba cái lý do cũ mèm.

Sau lần tôi dẫn Cúc ra Van Houtte uống cà phê, hôm sau Jean Paul gọi điện thoại cự nự tôi:

- Sao mầy dẫn đàn bà vào hội?
- Điều lệ có chỗ nào cấm hội viên phái nữ không?
- Không, nhưng...
- Mầy không được kỳ thị.
- Tao chỉ ngại mình không được tự nhiên cô đơn thôi.
- Cô đơn không phân biệt giống đực, giống cái. Cúc nó cũng đang cô đơn như mầy và tao, thế là nó đủ điều kiện vào hội rồi.

Nhưng rồi đến lượt tôi sửng sốt. Một con nói nhiều như Cúc lại có vẻ hợp với một thằng hay triết lý dạy đời như Jean Paul. Rất mau Cúc tỏ ra thán phục Jean Paul. Mắt nó mở lớn, miệng nó há to, như chờ sẵn để hớp từng lời của Jean Paul. Cúc như một tín đồ đang say sưa nghe lời giảng của giáo chủ.

Ba tháng sau Jean Paul gọi điện thoại cho tôi biết hắn sắp dọn về ở chung với Cúc. Hắn cười sằng sặc trong máy:

- Tao nhường chức chủ tịch lại cho mầy. Rán ngồi uống cà phê một

XUYÊN TRÀ

lục bát chiều

xuống hàng
quên lửng
chấm câu
bài thơ lục bát
không đầu không đuôi
nửa ta trong dạ bùi ngùi
nửa em còn chút tình vui bên trời
xanh ngàn sóng vỗ trùng khơi
trắng, muôn năm cũ, mây trời còn bay
thơ chín mùi, rượu đà say
nhớ, quên, oan khổ những ngày nổi trôi
lòng em bờ cát tinh khôi
ta sông mấy nhánh tình bồi chỗ mô?
bãi chiều giọt nắng vàng, khô
gió lay, rụng, giữa mặt hồ long lanh
biển tình lục dục màu xanh
biển đời bát quái ngọn ngành tại tâm
ai ngồi niệm chú lâm râm
nhân gian, trắng, khúc nguyệt cầm canh thâu
đã đành sau cuộc bể dâu
bài thơ lục bát hai đầu so le

Atlanta, 9/04

mình vài tháng đi. Thế nào cũng có hội viên mới. Và không chừng sẽ có hội viên cũ trở về sinh hoạt lại.

(1) "L'enfer c'est les autres". Jean Paul Sartre.
(2) "Nous portons nos vices sur nos dos"?
(3) "Elle flotte, elle hésite; en un mot elle est femme". Jean Racine (Athalie)
(4) "Il n'y a que deux belles choses au monde, les femmes et les roses, et que deux bons morceaux, les femmes et les melons". Malherbe
(5) *"Ngày mai trong đám xuân xanh ấy*
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi". Hàn Mặc Tử (*Gái quê*)

bướm vàng đậu ngọn mù u

ẤU TÍM

Anh Tư đó ha anh Tư. Lâu dữ vậy hông, mấy chục năm rồi chớ ít sao? Anh khỏe ha, tóc bạc ráo rồi. Tui cũng thường. Anh dìa thấy sao, chòm xóm thay đổi hết rồi há. Năm Thung hư gan chết bỏ vợ con lại thương hết sức. Anh nhớ vợ của Năm Thung hông? Con Ba Ngọc á. Mà anh vợ con gì chưa? Chưa là sao? Anh nói anh không quên được tui? giả ngộ ha anh. Chuyện xưa lắc mà anh nói vậy thành tui mắc nợ anh sao chớ?

Muốn nghe chuyện đời tui hả anh Tư, trong tuồng Vương Thúy Kiều đoàn Dạ Lý Hương đóng, anh có nghe cô đào Bạch Tuyết ngâm nga:

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên

không? Tui chưa thấy đất trời nổi cơn gió bụi ra sao, mà cái cuộc đời tui ngẫm ra sao nhiều đoạn trường cay đắng.

Tui dạo đầu dị đặng anh chuẩn bị tinh thần mà nghe, đừng để chuyện tui kể, động tới ba cái mạch máu mà mang họa nghen anh.

Uống miếng trà ướp lài đi anh, bụi hoa lài, tui trồng bên mé hiên, ngay sàn nước. Dòm cái lu con rồng, tui nhớ hoài anh mang nó từ Bình Dương về chớ chơi sao, còn cái gáo dừa lên nước đen mum thiệt tốt. Anh nhớ hồi tui chặt hai trái dừa khô, nửa cho tui, nửa cho anh không? Anh cạo anh mài cho sạch nhẵn ba cái râu rìa. Nửa của tui còn y nguyên đó, còn nửa của anh chắc mất tiêu rồi chớ gì? Nhiều khi nắng chiều rọi vô rổ gạo tui đang vo, nước sóng sánh đẹp gì đâu. Tui nhớ hồi còn con gái, cũng tại ba cái lãng nhách ngược đời của tui mà thành chuyện chia lìa loan phụng.

Ừa thì tui là loan, anh là phụng. Con phụng múa cánh khoe lông, vờn con loan e dè như đám cỏ mắc cở, hễ chạm nhẹ nó khép hết trọi hết trơn đám lá. Bị dị con Ba Ngọc nó phá tui hoài.

Thời đó anh trẻ trung mạnh khỏe, đám rạ anh đánh cái một, cây rơm anh vun cái ào. Con gái trong xóm, đứa nào đứa nấy dòm anh chết trân, mà anh lùi lũi đeo tui hoài. Anh mang nếp mới qua nhà cho má tui, đặng má biểu tui mần cốm dẹp, anh qua nhà phụ gánh lúa, tui xẩy anh xàng, chiều về, má cho anh mang tui đi coi cải lương tuồng tích. Má tui thương anh biết mấy, bả nói anh hiền, ba anh đi tập kết mất biệt, má con anh bù lây bù lất, vậy mà anh hiếu để ngon lành. Ba tui thì theo vợ bé bỏ má con tui bơ vơ. Má tui để bụng, hận ổng bây nhiêu tui biết bấy nhiêu nghen anh. Nghe má tui ru miết con bà Sáu Lèo câu:

"Bướm vàng đậu ngọn mù u
Lấy chồng càng sớm tiếng ru càng buồn"

Rồi thêm câu

"Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ
Con thơ tay ẵm tay bồng
Tay dắt mẹ chồng đầu đội thúng bông"

Là tui hiểu má tui rầu trong bụng dữ lắm. Mà hên nhà tui có hai chị em, chớ có một đàn, má tui còn khổ tới nhiêu. Bị dậy mà tui nghi ngờ ráo hết, từ anh trở lui. Dĩ nhiên đối với tui hồi đó, anh cũng có hạng, cỡ hạng cao lắm lận, mà lỡ ngặt cái lòng hận của má tui, truyền qua tui hồi nào tui không hay, tui tính xa tính gần, tính tới tính lui, coi như chuyện chồng con là chuyện hại. Tui nhắm chuyện nhờ vả anh cho đỡ cực thân tui là chính, chớ ý tình với anh tui chặt dạ hổng thương là hổng thương mà. Tui nói ra hết đặng anh hiểu, tới giờ tui cũng hối hận bời rời nhiều nỗi lắm chớ. Phải chi hồi đó tui đừng ghim trong bụng nỗi hận truyền kiếp từ má tui, thì có chừng đời tui đâu đến nỗi trái ngang phải hôn anh Tư.

Ăn miếng bánh đi anh Tư. Ăn 'ngậm mà nghe đi hen', tui nhớ hồi đó anh ưa nói dị đó khi tui mời anh ăn bánh tui mần. Cái bánh da lợn này, muốn đổ khéo cũng theo lớp theo lang, chớ đâu có dễ. Y hì cuộc đời muốn suôn sẻ cũng chần thần. Anh bỏ đi sau khi anh đánh tiếng xin cưới mà tui không chịu, anh đi cái ọt, không một lời từ giã, không thèm sân si coi tại sao tui không chịu nhận lời. Giờ tui lớn rồi, nên tui hiểu dạ tui, chớ hồi đó anh có hỏi, cậy răng tui chưa chắc ra nửa chữ.

Con gái người ta mười sáu trăng tròn, biết gì chiện vợ chồng mà anh a thần phù đòi cưới. Tui thấy má tui khóc thầm hằng bữa, ra thở vô

than cho thân phận bẽ bàng, bị chồng ruồng rẫy. Bả trù bả ẻo cho ba tui gặp hung nhiều hơn kiết. Tui nghe riết bất tò mò muốn kiếm coi ba tui ra sao, đặng hỏi sao ổng nỡ lòng nào bỏ má con tui bơ vơ cầu bơ cầu bất. Ngay thời đó mà anh đòi cưới, tui biết anh có thiệt dạ thương tui không mà chịu chớ, nói thương lấy con người ta cho được, tới chừng phụ phàng, đặng đó quên đăng, đặng trăng quên đèn mấy nỗi.

Mà tui thấy anh cũng ngộ chớ. Con Ba Ngọc nó theo anh tò tò, thêm con Huệ trắng, không tiếc tiền bao anh ăn uống ngoài sạp bà Năm, rồi một đám con gái khu nhà ông hội đồng, mắt tụi nó dòm anh có chừng không muốn chớp, mà anh cứ tà tà theo tui, theo con Hai Lụa nghèo hèn, da màu bánh ít, không trắng như bông bưởi, không tươi tắn hớn hở như con chim quyên, không duyên dáng như con sáo sậu mà cái bản mặt ưa chầu bậu lì trân. Nhưng bà ngoại tui nói, tui có duyên ngầm. Mỗi khi tui cười hai cái lỗ dế, kế bên khóe miệng tui sâu hõm, rồi giọng tui nói ra ấm áp êm đềm, y như mang đường phèn đổ vô lỗ tai người nghe, cái này là ông nội tui nói, mỗi khi tui qua nhà, xin ổng thóc lúa, bạc tiền. Con em tui qua xin, không bao giờ ổng ừ cái rụp, mà tui qua nói chừng hai ba câu, ổng mát dạ cho tui xúc thí nhiêu thì xúc.

Ba cái thư anh dúi vô thúng gạo, dùi vô cái nia cá khô, tui đọc ráo đó chớ, đọc đặng biết có người theo, có người tơ tưởng tới mình, có người khen tui giỏi, khen tui đẹp, khen tui lung tung, khen mái tóc tui dầy, khen con mắt tui bự, khen luôn cái tướng tui đằm thắm không biết điệu đàng. Đọc dị đặng tui đỏ hường đôi má, đặng tui mắc cở mỗi đêm. Cha! nói tới đây mà tui còn nhớ cái hừng hực đôi má của tui ngheo anh Tư. Nó không giống cái nóng tui ngồi canh thùng bánh tét, canh nồi cháo heo, bị lửa phừng vô mặt mà nó nóng hơ mình ên dị đó. Tui nghe tiếng tỉ tê của con tim tui thổn thức chớ anh, nó cũng có nhớ tới anh thấy mẹ đó chớ phải không đâu. Sớm nào anh không qua, theo tui ra chợ huyện bán rau là tui bồn chồn chờ đợi. Một hai giờ sáng, con trăng có khi còn thức chong, sao mai chưa mọc mà lủi thủi qua nhà ông Ba xe đò, in hình hai cái chơn tui nặng chịch hổng muốn bước, mà có anh gánh phụ hai cái gióng, bước tui đi nhẹ tưng như múa lăng ba.

Thời đó tui nhớ hoài, má tui bả bịnh, giao chiện gánh gồng lại cho tui, anh nghe dị mở lời sẽ cùng đi dí tui cho có bạn. Sẵn anh đi giao gạo cho sạp luôn. Khoảng đó là khoảng thời gian làm cho anh muốn cưới tui hung đó chớ gì. Có lần tui vấp cái rễ tre chụp ếch, anh hết hồn kéo tui dậy, tui đau thấu ông trời, đâu hay tui lọt vô vòng tay anh che chở, chừng hoàn hồn tui nhớ mài mại anh có hun tóc tui.

Uống miếng nước đi chớ, mắc chi ngó tui chết trân dậy ông, mèn ơi

chuyện hồi nẫm á mà, xưa lắc, xưa lơ, kể lại nghe như chiện người ta à ha, cái rồi không cưới được tui, anh bỏ đi mất biệt, con Ba Ngọc lấy Năm Thung. Ngày nhóm họ tui qua nhà nó nguyên đêm, nó biểu tui ngu, được anh thương mà không lấy, gặp độc đắc mà không hay, năm đó tui cũng lên tuổi mười bảy rồi. Thấy nó bận áo cô dâu, tay cầm bó bông ngộ gì đâu. Tui cũng thấy tiếc tiếc.

Sau đám cưới nó tui lên tỉnh, kiếm ra ông già tui, ổng có bà nhỏ đẹp hơn má tui, dân thành mà anh Tư. Bả dịu nhiểu xin lỗi tui, bả biểu bả không hay ba tui đã có vợ dưới quê. Thì ra mọi chuyện truân chuyên của đờn bà khởi đi là từ đờn ông, tui ngẫm dị cho tới giờ luôn đó anh Tư. Phải mà ba tui ổng:

Trồng trầu phải khéo khai mương
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng

Thì đâu có chiện, đàng này ổng chăm chút một mương, mương kia ổng bỏ luống. Nói tới cũng phải nói lui, bà nhỏ cho ổng hai thằng con phương phi Tống Ngọc, còn phần má tui, có hai con lủng quí giá gì mà ổng phải lo chớ. Tui hồi đó cũng hầm trong bụng, tính từ mặt ổng, mà rồi thương cho phận đờn bà của má hai tui, cũng bị ổng dụ ngọt dụ bùi, chớ khi khổng khi không ai mang thân đem cho thí.

Rồi tui làm huề với ổng, sao thì sao ổng cũng góp phần tạo ra cái hình hài tui mang tui vác, chớ mình ên má tui làm sao có tui. Mà ngộ, tui khó mà nói chiện được dí ổng, chào hỏi ba câu là tui dông chỗ khác, qua má hai tui, tui mới biết ổng cũng bị lương tâm cắn rứt dữ hồn chớ đâu có chơi. Ổng sợ mang tội dí má hai tui, chiện lường gạt ái tình đó anh Tư. Lường gạt đây là ổng không nói ra chuyện, đã từng có vợ chọ má hai tui nghe. Đờn bà thì bị biết ra có còn trinh tiết hay không dễ òm, chớ đờn ông không nói ra, lấy gì đặng bắt tội nó chớ. Bị dị nên ổng tò tò bên bả, lo cung cúc phụng thờ, nhứt là hồi bả hạ sanh cho ổng thằng qúi tử. Rồi chiện mần ăn, chuyện lo toan sau trước, ổng có chút giờ nào mà trốn dìa coi má con tui sống chết ra sao, nhứt là ổng còn ỉ lại vô bà con nội ngoại ê hề, bà con chòm xóm chung quanh, hông lẽ bỏ vợ con ổng chết đói. Nghĩ lại cũng ngặt cho ổng. Hồi cưới má tui ổng có ý cò ý kiến gì đâu chớ, ông nội tui mang khay trầu qua nhà ông ngoại, hai ông cụng ly cái cụp, ông ngoại tui biểu: "tui gả con gái tui cho con trai anh", rồi xong, ông già tui có vợ. Có vợ tức là phải có con, má tui ôm cái bụng thè lè, ngay sau ngày cưới đâu chừng một tháng. Bị mau mắn như vậy mà má tui khổ, còn tui thì bị bà ngoại tui chưởi hoài cái chiện ưa tà lanh tà lọt...

Má hai tui cũng biết điều lắm hen, hồi biết rõ trắng đen, bả sắm đủ thứ mang dìa quê ra mắt má tui. Xấp lụa màu đồng có hình lồng đèn chữ

thọ, đặng may áo bà ba, thêm xấp sateng đen bóng lưỡng, đặng may quần. Cái khăn san thiệt mỏng màu khói nhang mần bên xứ Phú Lang Sa, thêm đôi guốc vẽ hình hai con chim bằng sơn, đóng đôi quai da thiệt đẹp cho đủ bộ com-lê. Tui còn nhớ bả dắt tui dô tiệm Chà Và mua cái quạt xếp, khi xài nó có mùi trầm thiệt nhẹ. Nhiêu đó đủ làm má tui mát dạ tha thứ cho bả sau lần đầu gặp mặt. Dù má tui cũng thả nhẹ mấy câu chì bấc:

"Sao không giữ giả luôn đi, cô mặt hoa da phấn, tui mặt đất da mồi, cô người học cao biết rộng, tui con cóc trong hang, cô dìa đây gặp tui chi cho tui thêm tủi chớ".

Má hai tui sụt sùi:

"Chị Hai thương cho tui mà đừng nói dị, tội nghiệp tui chị Hai. Chuyện dĩ lỡ như vầy có ai mà muốn chớ. Hồi đó tui cũng cãi cha cãi mẹ, một hai đòi lấy ổng, tới giờ ba má tui mà biết có chị đây, chắc ổng bả đập trên đầu tui ổng bả đập xuống, cái tội tui kén tới chọn lui, nhè ngay cái bóng đèn bể lấy mà."

Dòm hai người đờn bà, nói chiện về một người đờn ông họ cùng chia sẻ, tui cũng thấy ứ hự cho phận đờn bà. Nội tính cái dụ ổng hun bà này, không hun bà kia tui cũng đà nổi ốc, kể tới chiện phòng the kín đáo, bà này hai lần nằm lửa, bà kia cũng hai thuở cưu mang toàn thân tui nổi hột đa gà. Hồi đó tui nghĩ thầm trong bụng, tui mà dính dô chiện chồng chung, chắc thiên hạ bàng hoàng, giùm cho cái người đờn ông phụ rẫy tui, chớ hổng chơi nghen anh Tư.

Mà cái rồi tui dính thiệt. Tui tròm trèm mười tám, sống trên thành, được má hai tui dậy dỗ điểm trang, cho đi học tiếp chương trình trung học, kèm dí ba món nấu nướng vá may, tui nõn nường ra dáng con nhà biết mấy. Ba cái đám dưới quê tui cho xếp de ráo, mấy anh trên thành bảnh bao công tử hơn. Nội cái đầu chải bóng lưỡng, tướng tá ngon lành quần tây áo phin, là ăn đứt đám miệt vườn, quần tà lỏn áo bà ba, phì phèo thuốc vấn hôi rình hôi rẹt. Tui gặp giả lãng nhách lãng nhơ, hồi đi mần căn cước, thấy giả bận đồ ông cò ngon lành, cầm máy chụp hình tui, mỗi người đặng chụp một tấm chứ mấy, mà tới tui, chả biểu máy chụp hư, vô chụp lại, tới ba lần mới rồi. Sau chả tới nhà đưa tui cái tấm căn cước, có hình tui thiệt đẹp làm thân. Nhờ làm trong tòa tỉnh, oai phong, ba tui khoái ổng, má hai của tui cũng bị cái mã của chả hớp hồn, muốn chả làm rể cho có tiếng có tăm với người ta. Tui cũng bị cái đẹp trai làm mờ con mắt, quên mẹ nó chuyện hận thù đờn ông giả trá của má tui truyền lại, mà đánh đòng xa theo chả ngọt ơ. Má tui hồi gặp chả bỏ nhỏ tai tui:

"Củi tre dễ nấu chồng xấu dễ xài nghen bay, thằng này tao thấy mắt nó trai lơ coi chừng khổ à con".

Chèn ơi tui khổ thiệt, khổ vì ghen, khổ vì thằng chả nay đào mai mận, nay con miệt quận tám, mốt con miệt quận năm. Chưa tính khuya Thứ Sáu chả đưa con đào đoàn hát đi ăn cháo cá, mờ sáng Thứ Bảy chả đưa con cave đi ăn chợ Cũ cao lầu. Nội cái tui theo chả đánh ghen, đập lộn cũng ứ hự tấm thân. Tui xỉa xói chả nhiêu mà nói, mấy con đó có gì hơn tui, dòm tụi nó trên sân khấu, bóng đêm che chở thấy rực rỡ hoa màu, chớ dưới ánh sáng mặt trời, mét chằng mét chẹt, ốm nhách như con tép phơi khô. Anh hỏi sao tui ghen ha, ghen là tại vầy nè, nội cái chuyện bỏ tui chèo queo ở nhà đi xãnh xẹ với gái là một tội, tội thứ hai hễ theo con khác nghĩa là tui xấu tui già, chưa kể túi tiền của giả bị hao bị hụt. Anh đừng cười khi dễ chớ. Đàn bà không ghen là đàn bà thua thiệt nghen, hễ tui cũng đưa cũng đẩy với thằng này thằng nọ anh tính sao? Mấy anh có chịu hôn, mà mấy anh la làng trai thì thê thiếp hổng sao, mà hễ đờn bà mới dòm thằng cha xe kéo cái bị táng bạt tai chớ.

Mới kể thôi nghen mà tui đã sân si dị đó anh thấy hôn. Tui ghen tui dữ có lý do chánh đáng chớ, một tay tui lo trong ngoài tươm tất, hạt bụi cũng khó đậu lâu trên cái tủ thờ, thêm cái tủ chén dĩa kiểu, tui sắp xếp đẹp mắt biết nhiêu, những món tui bầy tui nấu cho chồng con ăn, tìm ngoài cao lâu đâu mà ra anh. Má hai tui mỗi lần tới thăm đều khen rối rít dí má tui: "Cỏn coi dị mà khéo hen chị". Hồi xuất giá theo chồng xong, ra đường mắt mũi tui nhắm kín mít, không dòm ngang dòm dọc, chưa kể cái não tui gôm sạch ráo chuyện hồi xưa, có mấy thằng đi theo ngắm nghía. Nói anh đừng buồn chớ, bóng hình anh tui cũng nạo sạch ráo, nạo ráo như tui nạo trái dừa khô, không còn miếng cơm nào dính lai. Anh nghĩ đi, tui mà lưu luyến anh có phải tui mang tội ngoại tình hông. Tui trong ngọc trắng ngà tui có quyền ghen chớ, chả trăng hoa mà báo cho tui nghe, tui cho phép liền, tui không tức, đàng này lén lén lút lút, nói xạo nói trây, tui phải dằn cho chả biết mặt chớ.

Anh khoan cãi giùm giả, rồi một bữa, giả đi luôn, không để lại một chữ từ biệt, như trong tuồng tích, đặng có hồi kết cuộc. Mới đầu tui nghĩ vài bữa sẽ tái hồi Kim Trọng, ai dè mấy tháng lờ lững trôi, sang qua mấy năm bặt chim tăm cá, tui biết rồi rồi, con sáo xổ lồng bay xa, bay tít tè không muốn quay đầu dòm lợi mà. Hồi chưa biết đục trong, tui nghĩ hễ bị chồng phụ rẫy, tui bằm tui chém, không thôi cũng đốt chồng y chang cô Quờn đặng thiên hạ bàng hoàng, dè đâu khi biết đục trong rồi, tui bị thiên hạ dòm lom lom, vì thằng chồng bỏ rơi tui cái bịch. Mới đầu tui che, tui giấu, tui giếm, tui kiếm chiện đẩy đưa cho qua dí bà con lối

xóm, sau chịu đời không thấu, nói láo riết bắt mệt, tui bán nhà đìa lại nhà này nè, tui mà không đìa quê, anh tìm sao mà ra tui chớ.

Anh nói sao? Còn ai nữa hôn ha? Chèn ơi, tui khôn như con chim bị ná, thấy cành cong sợ tới xù lông, tởn tới giờ anh tính coi tui còn cho ai xía dô đời tui làm chi nữa chớ. Tui đìa quê, trong túi dằn mớ bạc bán nhà cửa, bộ tràng kỷ, đám chén đĩa kiểu, cái xe đạp cua rơ của giả, bọc thêm mớ đồ tế nhuyễn vàng vòng, tui gom góp từ hồi tui gả cho chả, tui thành con mẹ nhà giàu trong đám dân lùi xùi, bữa no bữa đói ở đây đó nghen anh Tư. Tui sửa sang nhà cửa cho má tui hưởng già, tui mở sạp bán chạp phô ngoài chợ huyện, tui cho vay lấy lời, tui gầy hụi ăn huê hồng, nói chung về đường bạc tiền tui gặp kiết nhiều hơn hung, má tui bả biểu, nhờ tui có cái cánh mũi, hình dạng y hì cái túi đựng mật của đám ong bầu. Đường duyên tình tui lận đận tại cái sóng mũi của tui thấp chủn hổng cao sọc như cái dọc dừa.

Anh nói ngộ hôn, lấy chồng nửa đường đứt gánh, chưa đủ đoạn trường cay đắng ha anh. Anh biểu tui lấy tuồng tích dẫn chuyện đời tui không đúng ha, cô Thí Kiều lận đận từ thằng này qua thằng khác, tui có một thằng mà lận đận chi ha? Chèn ơi, một thằng mà lo không xong, để nó chạy mất biệt như vậy là tui thua đậm, thua hơn má tui hồi nẳm chớ. Má tui có hai đứa con, tui có một đứa một là hết. Ông già tui bỏ đi còn tìm ra tung ra tích, ông chồng tui đi biền biệt sơn hà mà. Bị chồng bỏ, ruột tui đứt đoạn khúc khúc chớ chơi ha. Chưa kể tim gan tui, đổi sang màu tím ráo trọi, tui giận quá mà, tui tức quá mà, có ai cho tui xả chớ. Con gái tui mỹ miều đẹp đẽ, tui không muốn học cách má tui, chưởi rủa sau lưng người khuất mặt, quất ngựa truy phong, nên tui đành nuốt ngược vô trong, anh biết dị hôn? Ngoài miệng tui ngọt ngào kể lể cho con tui hay đìa cha nó, nào là cha nó áo mão khương phi, nào là hiền lành nho nhã, nào là thương con thương vợ nhứt trong thế giới loài người, có bao nhiêu điều tốt đẹp về đờn ông, tui tặng ráo cho con tui, đặng trong tim nó bình thường, mơi mốt lớn, khi biết yêu, nó không mang mối thù truyền kiếp, làm hành trang dung dủi chốn tình trường, như tui. Tui học từ tui đây nè, tui mang trong lòng nỗi nghi ngờ to lớn, tui thủ tui cung, tui hằn tui học, tui chưa vui chuyện xum vầy, đã tính tới hồi bị lừa gạt, nên tui khổ, tui buồn, tui tạo nghiệp tui mang, tui quàng luôn vô vai người khác. Người khác là anh trước tiên, kế là ông chồng phụ bạc tui, thành ra ai cũng thành con trâu ì ạch mang cái bừa ứ hự.

Hồi con tui nó hỏi: "ba đâu má" tui ngọt hơn đường cát, mát hơn đường phèn mà trả lời dí nó dầy nè: "Ba con đang đi mần, trúng gió té

đùng xuống đất, dẫy dụa như con gà mắc toi, rồi tắt thở chết ngắt". Nó lớn chút hỏi tui: "sao ba của bạn con chết nhà nó có để bàn thờ" tui trả lời lạnh tanh: "Tại má muốn coi như ổng còn sống dí con". Hồi tui nói câu đó hai hàm răng tui nghiến xít rịt muốn bể.

Bị chồng bỏ không lời từ biệt, tui có thời gian ngẫm ra dầy, tại tui thương thân tui nhiều quá, tui bảo vệ phần tui nhiều quá. Tui nấu nướng cho ngon cho ngọt, cho đẹp cho bùi, cũng là để phần tui, tui khoe hay khoe giỏi, chớ chồng tui hưởng có nhiêu đâu? Ngồi ở bàn cơm, tui không càm ràm chiện này, cũng rầy rà chuyện khác, tui quên mẹ nó tay gắp miệng mời: "Anh ăn coi vừa miệng hôn" rồi chớp mắt đưa mày, làm duyên làm dáng, cho chồng tui vui sướng, sau ngày mần việc mệt mỏi. Nhà cửa tui chưng tui dọn gọn gàng đẹp đẽ, cho bàn dân thiên hạ khen tui ngăn nắp gọn gàng, chớ chồng tui có được hưởng chi đâu? Dìa tới ngay cửa tui đã dòm chả từ đầu đến móng, coi có cọng tóc con đĩ ngựa nào không? Dòm lom lom từ áo tới quần coi nếp nhăn có gẫy hông, lo ba thứ ruồi bu dị, giờ nào tui đưa tui đẩy, tui ngọt tui ngào, tui hun tui hít đón chồng chớ. Chưa kể điêm dìa, tui lo tra lo khảo, coi chả có tò tí với ai ngoài tui hông, tui lo rờ lo nắn, lo ngửi lo dòm coi có tì có vết, có mùi chi lạ, có dấu chi kỳ, đáng nghi đáng sợ không, ba cái chiện này làm chả chán tui tới cần cổ là phải, chưa kể ba cái chuyện, làm xấu mặt chồng ngoài hàng, ngoài quán.

Ghen tương làm mặt mày tui thay đổi, thay vì tươi rói, nó quạu đeo, thay vì sáng trưng, nó xám ngoét. Áo quần tui bận có mượt mà, cũng không cân được lằn ngang lằn dọc tui nhăn tui nhíu. Tui tưởng tui đẹp hơn mấy cô đào hát, mà thiệt ra tui xấu như chằng, như Chung Vô Diệm mắc đọa tiên sa. Thì tui cũng mắc đọa ghen tương mà, cởi bỏ đọa, Chung Vô Diệm đẹp hơn tiên nga tái thế. Tui cởi bỏ tật ghen, tánh hận, chăm chú lo cho con, quên chiện phiền hà phu quân phụ rẫy, cái bản mặt tui hây hây trở lợi. Nói không phải khen mình ên chớ, mấy bà chơi hụi dí tui, cùng niên kỉ mà coi già háp. Tui bắt bịnh được liền, già là tại hằn học, ngúc ngắc dí chồng, chớ lẳng lơ yêu chiều, tôn kính ổng coi, muốn gì hổng được, đờn ông mà, cho ăn ngọt, tọt tới xương sườn, xương sống, bày đặt lên chơn, mấy ổng phản thùng là ôm phòng trống co ro. Biết hối, ôi thôi! cũng muộn màng rồi. Khi chồng cưng, bông mù u, quần sateng ổng tặng hà rầm, son môi má hường ổng mua cho, hổng còn chỗ mà để, chưa kể ổng nựng má, ôm vai khen thôi là khen: "Má mày lúc nào cũng đẹp". Ai da tui tưởng tượng dị mà cũng đà thấy màu hạnh phúc vương trong khóe mắt.

Tui nói tá lả, kể tràng giang, rồi chiện anh ra sao, anh ngồi gật nhịp dậy sao anh Tư.

"Cô Hai à, tui bỏ quê ra tỉnh, xung vô lính. Mang hình bóng cô trong đầu, trong óc, trong tim. Tui đi cho quên cô, mà tui nhớ thêm cô à. Hồi về thăm, nghe Ba Ngọc nói cô ra tỉnh, lấy chồng sang trọng, tui mừng cho cô nhiều lắm. Vận mệnh tui cũng không suôn sẻ, quên cô không xong, gặp ai tui cũng lừng chừng, má tui bả cũng rầu dữ lắm. Hồi bả nhắm mắt, còn để lại một câu: 'Rán kiếm ai giống con Hai mà lấy nghen con.' Tui kiếm đâu ra ai giống cô bây giờ cô Hai. Hồi cô gả con gái, tui cũng có hay mà không dám về thăm, sợ cô không dòm mặt. Tui hỏi thăm Ba Ngọc mỗi ngày đó chớ. Hồi đám ma Năm Thung tui đứng dưới rặng ô môi, thấy cô đìu Ba Ngọc mà tui đâu dám ra mặt. Rồi tui nghe Ba Ngọc nói, cô mời tui ghé nhà chơi, tui mừng quá ghé liền đây nè. Cái gáo dừa cô Hai nhắc đó, tui giữ nguyên chang. Má tui xài nó hồi tui xa xóm, giờ tui tiếp tục dùng nó dặng múc nước nấu cơm. Hễ cô có đòi thì tui mang trả, mà trả lại cho cô rồi, tui biết lấy chi múc nước nấu cơm.

Chuyện đời tui có nhiêu đó đó, cô muốn đoạn kết nó ra sao, cô cứ tiếp vô ha cô Hai". ■

2004

NGUYỄN HẢI HÀ

VIỆT NAM

THI VĂN HẢI NGOẠI

1975-2003

TRÍCH TUYỂN & CHÚ THÍCH

Học Thuật xuất bản
2004
270 tr. Giá $10.00

Sách dành cho học sinh
đang học Việt ngữ tại hải ngoại

Đã có bán tại các nhà sách

đồi hồng

TRỊNH Y THƯ

1.

Bốn giờ sáng, sau giấc ngủ chập chờn đầy mộng mị, ông Hảo tỉnh giấc và thấy dương vật mình cương cứng.

Sáng sớm còn nằm trên giường, hai mắt mở thao láo, thường là giây phút tỉnh táo nhất của ông Hảo. Trời bên ngoài còn tối bưng, hai mắt dán lên trần nhà trắng nhờ nhờ loang lổ vì ẩm ướt lâu ngày, đầu óc ông không tăm tối chút nào. Ông thấy rõ lắm. Trong đầu ông, lúc chậm rãi, lúc dồn dập, là những hình ảnh như những đoạn phim câm vàng úa hay xám xịt tuần tự hiện về. Những đoạn phim câm rời rạc, xập xoạng dẫn dắt ông đi từ quá khứ này sang quá khứ nọ, những quá khứ cách đây cả mấy chục năm khi ông còn là chàng thanh niên trẻ tuổi đang hăm hở bước chân vào đời. Cuốn phim quá khứ bắt ông quan sát lại cuộc đời mình như thể ông không còn khả năng làm chủ ý nghĩ của chính mình nữa.

Nhiều lúc ông tưởng như đang mơ. Nhưng ông không mơ. Ông đang sống rất thật, sáng nào ông cũng sung sướng thầm khi tỉnh giấc và nhận ra mình vẫn còn hiện hữu trên cõi đời này. Từ lâu cái chết ám ảnh ông. Người ta bám víu vào cuộc sống vì hai lí do: Hi vọng và sợ hãi. Nhưng với người già, hi vọng đâu còn ý nghĩa gì nữa! Và cũng chẳng có gì để sợ hãi, ngoài cái chết.

2.

Đàn ông đêm ngủ nằm mơ—không hẳn những giấc mơ của Bồ Tùng Linh—dương vật cương cứng là chuyện bình thường. Điều đó sách vở y học có đề cập. Nhưng ông Hảo từ lâu chẳng bao giờ nghĩ mình còn

khả năng tình dục. Năm nay ông sáu mươi bẩy tuổi rồi. Ngay khi hồi bà Hảo còn sống, ông bà cũng chẳng bao giờ gần gũi nhau như thời thanh xuân. Sách vở nào nói về chuyện tình dục ở tuổi 60, 70 ông cho là chuyện tào lao, vớ vẩn. Ông hoàn toàn không nhớ nổi lần cuối cùng ông gần vợ cách đây bao lâu. Ông chỉ biết những ham muốn thể xác dần dà phai nhạt, tỉ lệ nghịch với tuổi già.

Vì thế sáng nay, sau giấc ngủ chập chờn đầy mộng mị, ông Hảo kinh ngạc lắm khi thấy dương vật mình cương cứng. Ông không dám cử động mạnh như thể ông sợ chỉ một động tác nhỏ cũng đủ khiến cảm giác đó vụt tan biến. Ông nằm yên như khúc gỗ để cái cảm giác râm ran lạ lẫm đó lây lan khắp châu thân. Nhưng rồi chưa đầy phút đồng hồ người ông bỗng nhoãi ra như tay ghiền thuốc phiện vừa rít thật sâu vào hai buồng phổi làn khói phù dung đậm đặc. Ông nằm đờ người ra nhưng rồi, một lúc lâu sau, như những buổi sáng khác, dậy thật sớm và còn nằm nán trên giường, đầu óc ông như không điều khiển được, nó lại dẫn dắt ông trở về thời gian khi ông mới tốt nghiệp trường Chiến Tranh Chính Trị và được bổ về làm phó quận cái quận lị nhỏ xíu ở tỉnh B.

Một nghìn chín trăm năm mươi chín. Chiến tranh Quốc Cộng chưa mở rộng. Ông Diệm đang củng cố quyền lực, dẹp Bình Xuyên, đàn áp đối lập. Ông Hảo vẽ ra trong đầu viễn ảnh cho sự nghiệp chính trị của mình: Ông về đây tạo chỗ đứng, lấy lòng dân địa phương, và sau ít năm chẳng lẽ cái ghế dân biểu không lọt vào tay ông sao? Ở Sài Gòn hay các vùng đô thị lớn khác, cơ hội đó khó khăn hơn nhiều. Ông tính toán hơn thiệt như vậy.

Nhưng tham vọng của ông bị cắt ngang đột ngột khi ông gặp Lê. Lê là cô giáo dạy học—săn sóc thì đúng hơn—lũ trẻ nít trong trường tiểu học quận. Thỉnh thoảng ông lái xe díp thấy cô ôm xấp bài vở của lũ học trò, đánh qua đánh lại đôi mông láng lẩy trong cái áo dài ni lông nội hóa trên đường từ trường về nhà. Ông nuốt nước bọt ừng ực và chỉ là vấn đề thời gian trước khi cô giáo Lê ngoan ngoãn theo ông về nhà trọ.

Những gì xảy ra sau đó y như vở tuồng trên sân khấu ban ca kịch cải lương thỉnh thoảng về trình diễn tại rạp hát quận cho già trẻ lớn bé trong vùng chen chúc đến xem. Lê có bầu và ông bắt cô phá thai. Cô khóc lóc đòi ông làm đám cưới. Ông không chịu. Ông không muốn chôn vùi cuộc đời mình trong cái quận lị nhếch nhác bụi bặm, lúc nào cũng nóng thiêu như cái đít chảo này. Nếu lấy vợ ở đây, ông phải lấy cỡ con gái lớn ông tỉnh trưởng hai mươi tuổi lúc nào cũng má hồng môi đỏ hoặc em gái ông thiếu tá tiểu đoàn trưởng thùy mị đoan trang chứ đút đầu vào làm rể gia đình cô Lê, chủ vựa trái cây tầm thường ngoài chợ quận, thì

biết bao giờ ông mới có cơ hội thăng tiến? Ông xin thượng cấp thuyên chuyển đi nơi khác và một buổi sáng tinh sương ông lặng lẽ xách ba lô nhảy lên xe đò bỏ cái quận lị đó đằng sau như người ta vứt bỏ vào bãi phế thải món đồ vô dụng từ lâu vẫn vướng víu quanh mình. Ông không nhớ lúc bỏ đi như vậy tâm trạng ông ra sao, có ân hận, đau xót gì không. Nhưng ông biết ông có mọi lí do biện minh cho việc mình làm. Thế hệ ông những chuyện như vậy thật ra chẳng có gì đáng nói. Nó xảy ra hằng ngày, khắp nơi. Người ta nói đến nó như nói về trận bóng đá tối hôm qua. Những đứa con rơi sống vất vưởng đầy xã hội, đứa đi ăn xin, đứa nằm trong trại tế bần, thêm đứa nữa có sao đâu.

Nhưng lúc này ông Hảo thấy xót xa khôn tả khi chạnh nghĩ đến đứa con rơi của mình, và ý nghĩ đó cứ xoáy vào tim óc ông. Suốt cuộc đời bận bịu với những mưu đồ quyền lực, ông không hề bận tâm. Đến cuối đời khi mọi chuyện tưởng có thể yên ổn xếp lại trước khi nhắm mắt, nó trở về, quay quắt. Ông không biết mẹ con Lê sống ra sao sau khi ông bỏ đi. Chắc chắn cô bị mọi người trong ngoài gia đình mắng chửi, khinh khi. Chắc chắn cô không được tiếp tục hành nghề dạy học. Không ai chấp nhận một cô giáo chửa hoang đứng dạy học lũ trẻ thơ non nớt. Có lẽ cô phải thuê cái sạp nhỏ ngoài chợ quận buôn bán đắp đổi qua ngày. Có lẽ đứa con không được đi học. Có lẽ mới bảy tuổi nó đã phải bưng rổ trứng cút hay rổ cam ra đứng trạm xe đò năn nỉ từng người khách mua giùm. Không biết lớn lên nó ra sao. Nếu là con trai biết đâu nó phải đi nghĩa vụ sang Kampuchia và bỏ xác bên đó? Nếu là con gái nó có bị bán vào nhà thổ năm mười hai tuổi hay không. Ông Hảo như điên lên vì những câu hỏi như thế bủa vây tâm trí ông. Còn nhiều lắm. Hàng chục nghi vấn không có giải đáp. Nó dai dẳng cứa vào tim ông những nhát thật mạnh, thật đau. Sự đau xót gia tăng bội phần vì không có cứ điểm nào cho ông bám víu kiếm tìm sự thật. Mọi nghi vấn đều là giả tưởng, và càng tưởng tượng ông càng đau xót.

Tất cả chỉ vì giây phút bất chợt dương vật ông cương cứng khi trông thấy đôi mông láng lẩy của cô giáo Lê.

Nhưng tại sao hình ảnh cô giáo Lê lại quay về vào lúc này gây phiền nhiễu tâm trí ông nhiều vậy? Cuộc đời ông—năm chìm bẩy nổi, có thể gọi là vùng vẫy một thời—có không biết bao nhiêu chuyện ghê gớm in sâu trong tiềm thức. Tại sao là cô giáo Lê mà không là chuyện kinh khiếp như chuyện giết Năm Thung lần đó?

Năm Thung là đồng chí của ông trong đảng Dân Việt Cách Mạng. Đó là thời gian sau vụ đảo chính ông Diệm, chính trị miền Nam rơi vào tình trạng hỗn loạn chưa từng thấy. Qua móc nối và giới thiệu, ông gia

nhập đảng được ba năm và nhờ hoạt động đắc lực, ông được giao thi hành những công tác mật trong ban Hành Động, tức là ban chuyên ám sát, thủ tiêu những kẻ thù của đảng, những kẻ nếu sống chỉ có hại cho đảng—tức là có hại cho dân tộc, đất nước. Năm Thung phản đảng. Cộng Sản là kẻ thù của đảng, nhưng những kẻ phản đảng còn đáng bị trừng trị gấp trăm lần. Lệnh trên đưa xuống như vậy, và ông biết mình phải làm gì. Ông gọi hai tay sát thủ thân tín, trong đó có gã người Việt lai Miên chuyên móc mật kẻ khốn nạn sau khi bị giết ra ngâm rượu đế. Nhà gã có cả chục chai rượu như vậy. Toàn mật người. Trước khi thi hành nhiệm vụ sát thủ, gã ngồi một mình trong nhà uống cạn chai rượu ngâm mật đoạn nhét dao vào người ra đi. (Khi về gã sẽ có chai khác thế chỗ.) Năm Thung bị tóm cổ dễ dàng sau hai tuần lùng sục. Nằm trong bao bố, tay chân bị trói nghiến, miệng giẻ nhét chặt, chỉ nghe tiếng ùng ục trong cổ họng gã trong lúc gậy của hai tên sát thủ giáng xuống như mưa bão. Đó là hình phạt cho kẻ phản đảng. Ông Hảo đứng trong góc phòng khoanh tay nhìn thủ hạ mình ra tay, mặt ông lầm lì như có màn sương đen bao phủ. Ông quay mặt đi khi Năm Thung ngưng tiếng ùng ục và gã người Miên trút xác Năm Thung ra khỏi bao bố, một tay lăm lăm lưỡi dao nhọn sắc, tay kia cầm sẵn lọ thủy tinh chờ hứng lấy túi mật. Nhưng chuyện bất ngờ xảy ra. Lưỡi dao vừa chạm vào người Năm Thung thì gã Miên lai bỗng hốt hoảng la lên một tiếng, vứt cả lọ lẫn dao xuống đất, lùi lại sát tường vì cái xác đầy máu bỗng rướn lên. Ông Hảo giật mình quay lại nhìn và mắt ông chạm phải đôi mắt Năm Thung đang tóe máu trừng trừng nhìn lên. Mặt gã đẫm máu và đôi mắt như đang phun máu bắn vào người ông. Nhưng gã chỉ rướn lên như thế trong thời gian hai giây đồng hồ ngắn ngủi, sau đó gã co giật vài cái rồi thân xác gã chỉ còn là đống thịt bầy nhầy bất động. Thời gian hai giây Năm Thung nhìn ông Hảo mà ông tưởng như hai thế kỉ. Ông về nhà đêm đó đổ bệnh và nằm liệt giường suốt hai tuần lễ; nhưng ánh mắt hãi hùng của Năm Thung theo ám ông hai mươi năm trời chưa hết.

Năm Thung không phải là người duy nhất ông thủ tiêu theo lệnh đảng. Nhưng những con người đó đáng tội chết. Họ là kẻ thù của đảng ông, kẻ thù của dân tộc, của đất nước. Ông chẳng bận tâm chút nào. Lương tâm ông không chút cắn rứt về những cái chết đó. Ông không bao giờ đặt câu hỏi biết đâu trong số đó có người bị giết oan. Ông không bao giờ thắc mắc cha mẹ vợ con những người chết cái chết thảm khốc đó sống ra sao sau đó. Bây giờ về già, ông lại càng ít nghĩ đến họ. Bây giờ chỉ có cô giáo Lê và đứa con rơi lẽo đẽo đi theo ám ảnh ông thôi.

3.

Sáu giờ sáng. Ông Hảo uống đến tuần trà thứ ba. Căn phòng lạnh giá. Ông ngồi thu mình trong ghế bành, hai chân rút cả lên ghế, áo len dày, uống bao nhiêu trà vẫn thấy lạnh. Ông ngồi trong tư thế đó suốt hai tiếng đồng hồ suy nghĩ mung lung về cô giáo Lê và đứa con rơi.

Trời bắt đầu có những tia nắng ửng hồng của buổi ban mai. Nhưng khác với mọi hôm, ông không ra vườn sau săm soi những bụi hồng trồng gần kín khoảnh đất nhỏ sau nhà. Ông ngồi chờ kim đồng hồ chỉ con số tám. Ông có hẹn với Tâm đưa ông đi xem mảnh đất nơi ông sẽ gởi nắm xương tàn của mình.

Người ta gọi vùng ông Hảo cư ngụ là Little Saigon quả không ngoa chút nào. Người Việt là cộng đồng tiêu thụ đông đúc và các công ti lớn nhỏ ở đây thi nhau tìm cách moi tiền họ. Cơ sở làm ăn buôn bán nào cũng có nhân viên tiếp thị người Việt đi chào hàng. Nghĩa trang cũng thế. Ở Mĩ, nghĩa trang là dịch vụ kiếm tiền dễ dàng và béo bở nhất. Tâm làm việc cho công ti—vâng, nghĩa trang cũng là công ti với đầy đủ các nhân viên có thẩm quyền như Tổng Giám đốc, thư kí, loong toong, tiếp thị viên, và gần đây để theo kịp cuộc cách mạng tin học, một trang mạng—hơn sáu năm nay và anh am hiểu tâm tính các cụ già Việt Nam lắm. Giọng anh ấm áp trên máy điện thoại khi ông Hảo gọi vào tìm hiểu giá cả, điều kiện chôn cất trên Đồi Hồng.

"Thưa bác, Rose Hills là nghĩa trang uy tín nhất vùng này..."

Thế rồi anh tràng giang đại hải kể lại lịch sử của Đồi Hồng, những nhân vật tiếng tăm lừng lẫy nào gởi nắm xương tàn trên đó. "Vâng, thưa bác, đúng như tên gọi, Đồi Hồng là ngọn đồi thơ mộng trồng đầy hoa hồng, các loại hồng hiếm quý trên thế gian này đều có. Bác biết không, từ điển Bách Khoa Hoa Hồng của Hội Hoa Hồng Mĩ Quốc liệt kê trên hai nghìn loại hoa hồng trên thế giới thì Rose Hills có đến gần chín trăm loại khác nhau, một cảnh trí đẹp đẽ như thế rất xứng đáng cho bác yên nghỉ giấc ngủ nghìn thu..." Khả năng tiếng Việt của anh chỉ ở mức độ vừa đủ để giao thiệp, buôn bán thông thường, nhưng nhờ ở nhà thỉnh thoảng ngồi xem phim bộ với vợ, anh học lóm được đôi ba câu văn vẻ đem ra dùng làm lợi khí bán hàng.

Xe dừng trên đỉnh dốc. Tâm nhanh nhẹn chạy qua đỡ ông Hảo xuống xe. Ông đứng nhìn quanh ngọn đồi. Đúng như lời anh chàng Tâm lẻo mép này nói trên điện thoại, Đồi Hồng quả là nơi xứng đáng cho ông "yên nghỉ giấc ngủ nghìn thu."

Tâm chầm chậm dạo bước bên cạnh ông Hảo, anh đưa ông đi quanh những khu đẹp nhất trong nghĩa trang. (Dĩ nhiên, khi đi chào hàng, có ai

chìa ra món hàng xấu nhất bao giờ đâu.) "Bác xem nấm mộ này. Người Việt mình đấy. Hai vợ chồng già. Các con sang Mĩ ai cũng thành đạt, người luật sư, người bác sĩ; bố mẹ chết, xây cho bố mẹ nơi yên nghỉ như vầy thật đáng khen. Toàn những người con có hiếu." Ngôi mộ đẹp thật. Ông Hảo cũng phải công nhận. Nó trông như mảnh vườn con con có hàng rào gỗ sơn trắng thâm thấp ngang đầu gối bao quanh. Bên trong, hai phiến đá cẩm thạch phẳng phiu hình chữ nhật nằm cạnh nhau, trên ghi tên họ người quá vãng. Hoa hồng, cỏ xanh và đá tảng trắng trồng tỉa, xếp đặt mĩ thuật. Phía đầu mộ lại còn có cái tháp nhỏ tạc bằng đá xanh như thể đó là nơi linh hồn lên ngự mỗi khi nhàn tản. (Chết rồi lúc nào chẳng nhàn tản?)

"Anh Tâm này, ngôi mộ như vầy giá chừng bao nhiêu?" Ông Hảo chợt quay sang hỏi Tâm.

"Dạ, thưa bác, chính cháu là người lo mộ phần cho hai cụ đây nên cháu nhớ rõ lắm. Tổng cộng mọi thứ vào là một trăm hai chục nghìn đô. Nhưng đây là mộ cho hai người. Nếu chỉ mình bác thì công ti sẽ tính ít hơn vì đất hẹp hơn ngôi mộ này. Tuy nhiên giá cháu vừa nói là giá cả cách đây ba năm, bây giờ có lên chút đỉnh..."

Ông Hảo chợt rùng mình, tai ông nghe nhưng không hiểu anh chàng Tâm này nói gì nữa. Tư bản có khác. Muốn có hiếu cũng phải có tiền.

Ông Hảo đang nghĩ đến những người con của ông. Ngoài anh Ngọc, người con trai đầu, những đứa khác, dưới mắt nhìn của ông, đều tương đối khá giả trong cái xã hội vật chất tiêu thụ này. Khi vợ chồng ông sang Mĩ năm 75, Ngọc mới mười ba, nhưng vì được nuông chiều, khi lớn khôn anh ham chơi bời lêu lổng chứ không chịu khó ăn học. Khác với đám em, anh không tốt nghiệp đại học và khi lấy vợ đẻ con bắt đầu tu tỉnh chí thú làm ăn thì anh đã ngoài ba mươi. Anh đành chấp nhận chân thợ trong một hãng điện tử. Nhưng mấy người em, người nào cũng thành đạt kha khá. Loan dược sĩ. Phong kĩ sư lương năm trên trăm nghìn đô làm việc ở San José. Thành tuy tốt nghiệp đại học nhưng nhảy ra làm thương vụ. Bé nhất là Thúy cũng có bằng kế toán, lấy chồng, sinh con.

Ông Hảo đứng nhìn bao quát khu đồi. Bóng cây cao và bãi cỏ xanh thật thơ mộng, trữ tình. Xa xa bên dưới, nhà cửa san sát như bát úp. Chỗ ông đứng cao lắm, có lẽ là đỉnh ngọn đồi. Ông bảo Tâm, dù giá cả cái sinh phần cho ông đắt cách mấy chăng nữa mảnh đất anh chọn phải thật cao, càng cao càng tốt.

"Anh nhớ đấy, phải thật cao."

Tâm sốt sắng dạ vâng luôn miệng. Như bất cứ một tiếp thị viên giàu khả năng nào khác, anh không bao giờ thắc mắc tại sao ông muốn thế.

Nhưng giả như anh hỏi tại sao ông muốn ngôi mộ ông phải nằm trên cao thì có lẽ ông chẳng biết trả lời sao cho thuận.

4.

Ông không thể bảo anh, ngoài mẹ con cô giáo Lê, hiện giờ tâm trí ông còn nỗi ám ảnh lớn khác là ông sợ có ngày ngôi mộ ông bị nước cuốn trôi đi mất. Chen lẫn với cuốn phim cô giáo Lê và đứa con rơi là cuốn phim mùa nước lụt nơi làng H. ngoài Trung, nơi ông mở mắt chào đời cách đây sáu mươi bảy năm. Cái làng nghèo xơ xác và càng nghèo hơn sau mỗi mùa mưa nước lũ cuốn trôi bất kì thứ gì nằm chắn lối đi của nó, kể cả những ngôi mộ cũ kĩ nằm rải rác quanh làng. Thằng bé năm tuổi đứng bên trong cửa nhìn xuống dòng nước xám đục chảy cuồn cuộn dưới chân đồi. Mưa liên tiếp năm sáu ngày trời, chỗ nào cũng thấy nước, nước lênh láng đến tận chân trời.

Khoảng trũng dưới chân đồi biến thành con sông lớn, nước chảy băng băng. Dòng nước cuốn theo không biết bao nhiêu rác rưởi, đồ vật. Một khúc cây. Một cái bàn. Một cây chổi. Một con mèo chết. Một cáiquan tài. Thằng bé chợt tê tái khi thấy cái quan tài xỉn cũ nhấp nhô trôi đi như cái phao nổi. Mới lên năm nhưng nó biết quan tài là gì. Không biết nó trôi về đâu? Người chết nằm bên trong có hay biết mình đang bị nước cuốn đi không? "Chao ui! Chết rồi mà còn bị nước cuốn đi như rứa. Răng mà tội dữ hè." Thằng bé nghe tiếng mẹ nó nói như vậy sau lưng. Bà đóng xập cánh cửa lôi nó vào nhà. Nhưng nó vẫn lén bò ra cửa sổ nhìn xuống lúc bà và chị nó đi lấy thau hứng nước dột. Những cái quan tài cũ xỉn trôi dềnh trên dòng nước lũ đục ngầu ăn sâu vào tâm não nó, sâu đến nỗi hơn sáu mươi năm sau vẫn còn rõ rệt từng chi tiết.

Vâng, ông Hảo chẳng thể nào bảo Tâm ông sợ có ngày nước cuốn trôi quan tài của ông ra biển. Làm sao anh hiểu được nỗi âu lo đó của ông? Có bao giờ anh nhìn thấy cái quan tài bằng gỗ tạp cũ xỉn nhấp nhô trên dòng nước băng băng trôi về nơi vô định kia không? "Chết rồi mà còn bị nước cuốn đi như rứa!" Tội lắm! Kinh khiếp lắm! Có ai hiểu cho ông không? Sẽ không bao giờ có chuyện đó xảy đến cho ông. Quan tài ông sẽ không bao giờ là cái phao nổi dập dềnh, vài ngày sau tấp vào nơi nào đó để con cháu nháo nhào bổ ra tám hướng kiếm tìm, nhiều khi còn lại chỉ là dăm khúc xương lỏng chỏng. Bao nhiêu tiền cũng mặc, nơi ông ngủ giấc ngủ miên viễn phải là nơi cao nhất của ngọn đồi này, dưới bóng cây rợp mát và bên cạnh nghìn đóa hoa hồng tươi đẹp. Đôi khi đọc sách báo thấy nhà thơ nhà văn nào đó ước ao có ngày về ngủ trong lòng đất mẹ, ông bảo toàn là lũ láo khoét. Cái làng H. khi sống ông còn

không thèm về thăm huống chi sau khi chết. Quê hương ông là nơi nào ông thấy yên ổn hạnh phúc. Nó là quận lị N. khi ông ôm cô giáo Lê trong tay. Nó là Sài Gòn khi ông ngồi trên quyền lực. Nó là tỉnh L. khi tiền bạc chui vào túi ông như nước chảy. Và nó là xứ Mĩ sung túc giàu có cho ông yên nghỉ lúc tuổi già.

Ông chẳng cần đám tang ông phải rềnh rang long trọng. Chết rồi còn biết gì nữa? Nhưng ông biết thể nào người ta cũng bày vẽ đủ trò. Sẽ có lá quốc kì phủ trên quan tài. Sẽ có những bài điếu văn bi tráng ca ngợi lòng ái quốc và một đời tận tụy hi sinh cho đất nước, dân tộc. Đôi khi ông thấy lợm giọng vì những trò lố bịch của con người.

Ông Hảo vẽ ra cảnh đám tang của ông, một đám tang lớn chưa từng thấy trong cộng đồng người Việt ở đây. Ông là một nhân sĩ quan trọng trong cộng đồng. Những buổi hội họp trọng đại, như ngày Tết, ngày 30 tháng Tư, người ta đều mời ông lên ngồi trên hàng ghế danh dự, bên cạnh các nhân sĩ khác và linh mục, hòa thượng. Ở đây người ta e dè ông. Họ biết rất ít về thân thế ông. Chỉ biết khi còn ở trong nước ông từng có thời làm tỉnh trưởng. Nhưng chuyện đó chẳng có gì ghê gớm. Chuyện đáng kể là ông từng nắm quyền sinh sát trong đảng Dân Việt Cách Mạng. Hai mươi bảy tuổi ông làm trưởng ban Hành Động, ba mươi sáu đã giữ chức Chủ tịch Ban Giám sát Trung ương Đảng. Sát thủ hay giám sát đều có chữ "sát". Sát là giết hay sát là xem xét nghe y như nhau thôi, đều kinh hãi, đều có cái gì ghê hồn, sắt máu, khiến người yếu bóng vía phải khiếp đảm, kinh tâm. Khi càng biết ít về cái gì người ta càng thêu dệt nhiều về nó. Ông Hảo biết chung quanh ông, tiếng xầm xì không ít về quá khứ ông. Nhưng ông mặc kệ. Họ càng thêu dệt ông càng thích, và đi đâu ông cũng bắt gặp những con mắt e dè, sợ sệt. Bọn đó chỉ biết ăn hiếp người yếu ớt; gặp kẻ hung dữ, chúng co lại như con cuốn chiếu.

Nhưng ông không cần một đám tang long trọng. Ông chỉ cần một ngôi mộ nằm trên cao, càng cao càng tốt.

5.

Tối Thứ Sáu tuần trước, tại nhà anh Ngọc có buổi họp mặt gia đình khá bất ngờ do anh yêu cầu. Anh Ngọc gọi các em lại để bàn chuyện quan trọng liên quan đến ông Hảo. Anh Ngọc năm nay ngoài bốn mươi, người anh to béo phục phịch. Anh có tất cả nét điển hình của người đàn ông trung niên ở Mĩ: đầu hói, bụng phệ, hai má chảy xuống hai bên cái cằm bạnh, và đôi mắt lờ đờ vì rượu hấp háy sau hai tròng kính. Tám giờ tối, mọi người đến đông đủ, ngoại trừ Phong ởSan José góp tiếng qua điện thoại. "Đến một mình thôi nhé. Chuyện trong nhà." Anh dặn các

em như vậy trên điện thoại. Mọi người tuy không nói ra nhưng ai cũng biết anh Ngọc muốn bàn chuyện gì. "Cái bướu lấy ra từ tụy tạng của ba là bướu lành. Tuy ba không bị ung thư, nhưng ba cũng lớn tuổi rồi, vì vậy phải tính chuyện hậu sự cho ba ngay từ bây giờ kẻo lúc đó trở tay không kịp." Anh bảo các em anh như vậy.

Mọi người ngồi xuống ghế trong phòng gia đình. Chị vợ anh Ngọc ăn cơm xong lên phòng ngủ đóng cửa lại, bấm TV lên xem. Hai đứa con cũng rúc cả vào phòng riêng mỗi đứa. Anh Ngọc đợi mọi người vơi chuyện vãn rồi a hèm cất giọng nhừa nhựa dù tối nay anh chưa có tí rượu nào trong máu. Anh nói:

"Có hai chuyện anh cần bàn với các em. Thứ nhất, theo lời khuyên của bác sĩ, cần có người săn sóc ba trong nhà. Ba thích sống một mình nên anh thấy cách hay nhất là đăng báo tìm người cơm nước cho ba, sáng đến chiều về. Còn chuyện thứ hai là việc hậu sự cho ba. Anh suy nghĩ nhiều về chuyện này và anh thấy cần hội ý với mấy em để làm một đám tang thật xứng đáng cho công lao ba nuôi dưỡng anh em mình..."

Mọi người mau chóng đồng ý với anh Ngọc về giải pháp cho vấn đề thứ nhất. Nhưng khi bàn sang vấn đề thứ hai, buổi nói chuyện chuyển sang đề tài tự thú và tự thán.

Loan lên tiếng trước vì cô là con gái lớn trong nhà, cô kém anh Ngọc hai tuổi. "Chồng em vừa bị mất việc, ba đứa con đứa nào cũng tốn kém. Thằng Jason như mọi người biết đó, tụi em tốn cho nó không biết bao nhiêu tiền rồi mà có thuyên giảm gì đâu." Nói đến đây cô rơm rớm nước mắt. Mọi người biết trong ba đứa con của Loan, đứa út với đời chồng sau bị bệnh *Autism*, chạy chữa mấy năm nay không thuyên giảm. Loan còn nói nhiều lắm, hoàn cảnh gia đình cô hiện tại thật bi đát và có lẽ cô phải bán căn nhà vợ chồng con cái đang cư ngụ, đi thuê một căn phố nhỏ nào đó cho đỡ chi phí hằng tháng. Trước khi dứt lời cô còn tiết lộ một chuyện khác khiến mọi người khá chưng hửng, đó là gần đây cô thường vô cớ thấy nhói đau bên vú trái. Cô đi bác sĩ khám và đang chờ đợi kết quả thử nghiệm. (Mọi người nhớ mang máng cách đây đâu mười năm, trước khi lập gia đình lần thứ hai, cô tốn cả chục nghìn đi sửa bộ ngực cho hấp dẫn hơn.)

Loan dứt lời, mọi người như thầm cám ơn cô vì cô đã thẳng thắn mạnh miệng kể lể nỗi khó khăn của mình. Kế đến là Thành. Anh là thương gia giàu có, nhưng nay đang khai phá sản vì nợ nần chồng chất và thương vụ đi xuống ngoài dự kiến. Thành là tay chơi. Anh đốt chục nghìn một đêm trong sòng bạc Las Vegas là chuyện thường; cần lấy lòng gái đẹp (anh độc thân) anh có thể tặng cô nàng cái nhẫn kim cương

ba ka-ra. Nhưng bây giờ, anh bảo, một đồng anh cũng không có trong tay.

Thành dứt lời tiếng Phong từ loa điện thoại cất lên. Phong tốt nghiệp Cao học ngành Khoa học Máy Tính, làm kĩ sư công nghệ tin học cho một công ti lớn ở San José, công việc anh vững chắc và anh là người con ngoan ngoãn nhất trong gia đình ông Hảo. Phong nói chậm rãi như thể anh cần mọi người thấu hiểu tận tường khó khăn hiện tại của anh. Anh là nhân viên ưu tú của hãng. Để khen thưởng và cũng là cách giữ chân, họ cho anh cả chục nghìn *stock options*. (Chẳng ai ở đầu dây bên này hiểu *stock options* là gì.) Cách đây ba năm, hãng lên vù vù, giá cổ phiếu vọt lên theo, "Em thấy vậy bèn dốc hết tiền của trong nhà ra *exercise* tất cả *stock options* của mình." Chẳng may, ngay sau đó thị trường chứng khoán Mĩ tuột dốc thê thảm, và giá trị những cổ phiếu của anh chỉ còn lại một phần mười. Nhưng vấn đề của anh không nằm ở đó. Đến đây giọng anh lắp bắp như thể đến giờ phút này anh vẫn không tin được vận mình có thể xui xẻo đến thế. "Khi *exercise stock options*, em không ngờ là cuối năm phải đóng thuế AMT. Khi khai thuế mới lòi ra em thiếu IRS gần hai triệu. Tụi em phải bán nhà, bán hết *stocks*, tổng cộng được hơn triệu để đóng thuế. Hiện giờ em vẫn còn thiếu IRS gần chín trăm nghìn." Phong làm việc "*high tech*" nên vấn nạn của anh cũng "*high tech*" quá, mọi người trong phòng chẳng ai hiểu anh nói gì, chỉ biết anh đang thiếu IRS gần triệu đô. Trốn nợ Mafia còn họa may chạy thoát chứ thiếu tiền Sở Thuế Vụ Liên bang Hoa Kì thì chỉ có nước trốn lên trời.

Còn lại Thúy, cô gái út. Nhưng mọi người chẳng trông mong gì ở cô. Vợ chồng ông Hảo sang Mĩ mới sinh ra cô. Vợ chồng ông cưng chiều cô lắm nhưng năm mười tám tuổi cô chỉ muốn tách ra khỏi gia đình. Hai mươi tuổi cô lấy chồng, đúng hơn cô xách túi về sống chung với một tên nhóc người Mĩ hơn cô một tuổi. Hơn năm sau cô đẻ được đứa con, cùng lúc thằng chồng bỏ đi. Nó bảo nó phải ra đi để "tìm kiếm ý nghĩa cho cuộc sống phi lí này." Cô giận lắm nhưng làm gì được nó? Cô cắn răng vừa nuôi con vừa đi học thêm buổi tối để kiếm việc làm khá hơn. Hoàn cảnh cô hiện nay tuy không đến nỗi túng bấn như dạo mới sinh con nhưng vẫn còn chật vật lắm.

Mọi người trong phòng im lặng cúi mặt nhìn mười ngón tay của mình đan vào nhau trên đùi. Từ ống loa máy điện thoại thỉnh thoảng phát ra tiếng lách cách. Hình như Phong đang mở máy vi tính làm gì đó. Anh Ngọc trầm ngâm không nói gì. Mãi chặp sau anh nói vài câu vu vơ đoạn mọi người đứng dậy ra về. Anh chẳng buồn giữ ai lại làm gì, nãy giờ cơn thèm rượu khiến ruột gan anh như có lửa đốt. Anh mở tủ lấy chai

rượu ra ngồi uống một mình. Từ lâu anh không uống cô-nhắc nữa mà đổi sang uýt-ki loại Jack Daniels; anh uống thẳng, không bỏ đá lạnh, cạn một li là thấy rần rần nơi cần cổ, và mặt nóng bừng như hơ lửa.

6.

Anh rót li thứ hai rồi ngồi thừ ra trên ghế sô pha. Tiện tay anh bấm máy truyền hình, nhưng mắt anh không nhận ra những hình ảnh nhảy múa trên màn ảnh, tai anh không nghe thấy tiếng nhạc vui nhộn phát ra từ hai ống loa âm thanh nổi. Anh đang buồn bực trong lòng. Đúng ra, tối nào anh cũng buồn bực trong lòng. Anh không buồn các em anh thờ ơ với cái chết của cha anh có thể ập đến bất cứ lúc nào. Từ lâu anh đã biết chúng nó như vậy. Giả như cha anh ngày mai đột ngột ngã ra chết, anh cũng chẳng thấy đau đớn nhiều. Cha anh sống cuộc đời đầy đủ quá, cuộc sống phải có lúc chấm dứt chứ! Anh buồn vì không có tiền làm ma chay thật linh đình để lấy tiếng với thiên hạ là đứa con có hiếu? Chao ơi, sao mệt vậy! Thiên hạ ở đây có ai tử tế với anh đâu. Cha anh chết, anh làm gì là quyền của anh, có tiền ra mua mảnh đất ngoài nghĩa trang, không có, hỏa thiêu! Ai cho mấy người quyền chõ miệng vào bình phẩm người khác như vậy? Vâng, anh chẳng buồn phiền về mấy chuyện vớ vẩn đó chút nào. Anh buồn vì vợ chồng anh chắc đến lúc phải chia tay thôi.

Anh biết vợ chồng anh đang sống với nhau cách đầy tạm bợ, tình nghĩa sạch trơn từ lâu. Vợ anh là người đàn bà ích kỉ lạ lùng. Ích kỉ với người ngoài còn hiểu được, nhưng với con cái cô cũng thế. Ngoài tính xấu đó, cô còn riết róng với mọi người trong nhà. Chỉ cần chuyện nhỏ cũng đủ cho cô cằn nhằn đến nhức xương. Có lần vợ chồng lái xe đi chơi xa, cô bảo anh ghé đổ xăng trong thành phố vì giá xăng ngoài xa lộ thường cao hơn. Anh lười, không muốn chạy lòng vòng hai ba khu phố trong thành phố lạ tìm trạm xăng. Sau khi anh đổ xăng ngoài xa lộ với giá khá cao, cô nhiếc mắng anh không tiếc lời suốt đoạn đường ba trăm dặm về nhà, còn gọi anh là thằng ngu. Những chuyện như vậy xảy ra luôn. Nhưng chuyện làm anh bất mãn nhất là lần cô giang tay tát thật mạnh đứa con gái nhỏ trước mặt bao người lạ trong Disneyland chỉ vì con bé ham đi xem Mickey Mouse làm cô phải chạy đi tìm nó.

Vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Nhưng có lẽ anh vẫn chịu đựng được cảnh sống đó nếu không có chuyện gần đây cô thường ăn diện thật đẹp rồi một mình lái xe đi đánh bạc. Đôi khi suốt đêm ở một sòng bạc nào đó gần thành phố, nhưng cũng có khi cô vắng nhà cả hai ba ngày. Mỗi lần về nhà mùi thuốc lá thấm vào từng lỗ chân lông trên da thịt cô.

Cô đi đi về về lặng lẽ như thể anh không hề hiện hữu trong ngôi nhà. Anh không nói cô được. Anh biết nói cũng bằng thừa. Anh bị bất lực. Mỗi lần nhìn cô trong chiếc áo ngủ màu đen ngắn cũn cỡn hấp dẫn phơi cặp đùi dài trắng hồng nằm khiêu khích trên giường anh có thấy tim đập mạnh, anh có thấy mặt mũi nóng bừng, nhưng anh không đè ngửa cô xuống bất cứ nơi nào trong nhà, giật phăng chiếc áo và làm tình với cô như khi hai người mới về với nhau. Anh quay mặt sang bên làm như không thấy và thu mình cố dỗ giấc ngủ. Anh ngủ thật. Nhưng ngay trong giấc ngủ anh cũng biết nằm bên cạnh cô đang làm gì. Cô đang dang rộng hai chân, cái áo ngủ tốc lên phơi hạ thể cô lồ lộ dưới ánh đèn ngủ mờ mờ. Cô lấy gan bàn tay xoa xoa lên khoảng tam giác trái cấm ướt mượt của mình. Anh nghe tiếng cô thở hổn hển khi cơn khoái cảm dồn dập, rồi cô thở hắt ra. Tiếng thở hắt thỏa mãn sung sướng như thể mọi hệ lụy trong cuộc sống này đột nhiên tan biến. Anh thấy cô độc, vô cùng cô độc nằm bên cạnh cô và anh đoán cô cũng thế. Nỗi cô độc không biết trút đi đâu. Cô độc nếu làm tình, cô độc nếu không làm tình. Thân hình thon đẹp mềm mại của cô sinh ra để làm gì, ngoại trừ gieo nỗi cô độc chín nẫu vào từng tế bào li ti trong cơ thể anh.

Anh có thể đi bác sĩ xin thuốc chữa, nhưng người ta chỉ có thể làm tình với nhau, nếu đã hết sạch đam mê, thì chí ít phải còn chút tình nghĩa chứ. Anh chỉ thấy chán chường, nỗi chán chường như cuốn hút anh vào trạng thái u mê vô tận, vào cái gì tối đen thăm thẳm anh không sao giải thích nổi. Anh không biết cái gì làm anh mệt mỏi đến thế, lúc nào cũng như muốn buông xuôi.

7.

Anh uống đến li thứ tư vẫn chưa đã cơn ghiền. Lát nữa lên lầu nằm xuống giường anh biết cô sẽ mở miệng cằn nhằn nhiếc móc khi ngửi thấy mùi rượu. Anh sẽ im lặng làm như không nghe cô nói gì. Nếu cô vẫn tiếp tục lải nhải, lại còn giở chuyện cũ ra như chuyện năm ngoái anh không chịu nghe lời cô bỏ tiền mua thêm căn nhà để giá nhà bây giờ lên vùn vụt thấy mà tiếc, anh sẽ quay sang quát to bảo cô im mồm cho anh ngủ sáng mai còn phải đi làm. Nếu cô gân cổ mắng anh là thằng chồng ngu dốt vô tích sự anh sẽ lôi cô dậy rồi bặm môi lấy hết sức tát cô một cái nổ đom đóm. Có thể anh sẽ chồmlên đè cô xuống giường rồi bóp cổ cô cho đến khi nước mắt nước mũi cô giàn giụa đầy mặt mới lơi tay. Và nếu cô gào lên, tay vớ điện thoại gọi cảnh sát, trong lúc hai đứa con, đứa mười một đứa lên tám, đứng ôm nhau khóc thét nơi hành lang, anh sẽ bình tĩnh xuống mặc quần áo rồi ngồi chờ cảnh sát đến còng tay

dẫn đi. Vâng, anh mặc kệ. Đời sống anh ra sao cũng được, miễn sao anh có rượu uống khi lên cơn thèm.

Tuy vậy, đêm đó không có chuyện đáng tiếc nào xảy ra trong ngôi nhà lạnh lẽo của vợ chồng anh Ngọc. Anh uống rượu đến say mèm rồi gục xuống sô pha mà ngủ.

8.

Ít năm sau khi ông Hảo qua đời, thật kì lạ, những người con ông lần lượt lâm vào những hoàn cảnh hết sức bi đát. Anh Ngọc sau khi li dị vợ, một hôm lái xe trong lúc say rượu, bị tai nạn gãy hai chân và trở thành người tàn phế. Loan chết vì ung thư tử cung (ngực cô chẳng sao cả, hai túi *silicon* còn nguyên theo cô xuống mồ). Người chồng vứt lại hai đứa con riêng của cô rồi đem thằng bé bị *Autism* gửi vào viện phục hồi ở City of Hope. Thằng bé mỗi ngày ngồi trong gian phòng kín giương đôi mắt vô hồn nhìn bốn bức tường vô vọng; không ai biết nó đang nghĩ ngợi điều gì. Phong bị kêu ra tòa vì tội gian lận thuế. Anh lãnh án hai năm tù. Vợ anh cũng bỏ anh đi lấy chồng khác. Chỉ có Thành và Thúy là không có tai họa gì đáng kể xảy ra.

Người kể tôi nghe chuyện gia đình ông Hảo thở dài, chép miệng sau khi dứt chuyện: "Đúng là *đời cha ăn mặn, đời con khát nước*." Người kể hẳn có ý chê trách khi sống ông Hảo làm quá nhiều chuyện "bất nhân ác đức" khiến con cháu bây giờ phải lãnh nhận mọi hậu quả không hay.

Cha ăn mặn, con khát nước? Từ lâu tôi vẫn nghĩ ông bà mình để lại câu nói đó như lời răn đe nhiều hơn là Sự Thật. Nếu nó là Sự Thật có lẽ con cháu Thành Cát Tư Hãn uống hết nước sông Hoàng Hà vẫn không khỏi khát, bởi hành vi giết người, nhất là người vô vội, phải là cái gì ác nhất trong những cái ác, và Thành Cát Tư Hãn khi sống đã giết không biết bao nhiêu người vô tội, đến nỗi ở Ba Lan cho đến ngày nay người ta vẫn ghi nhớ, vẫn khiếp hãi khi nhắc đến bọn Hung Nô hung bạo cưỡi ngựa từ phương Đông ào ạt xông đến thẳng tay chém giết, hủy diệt bất kì thứ gì nằm chắn lối đi của chúng. Còn những tên đồ tể khác ở ngay thế kỉ XX vừa qua thì sao? Adolf Hitler. Josef Stalin. Mao Trạch Đông. Pol Pot. Bạn tính sao với những tên giết người khủng khiếp này đây? Nước đâu cho đủ để con cháu chúng uống?

Cái ác ở trong tôi và trong bạn. Nhân chi tính ác. Điều đó Tuân Tử khẳng định rạch ròi cách đây trên hai nghìn năm. Thế kỉ XX, William Golding cũng bảo thế qua tác phẩm trứ danh nhất của ông, quyển *Chúa Ruồi*. (Văn học phương Tây, từ Fyodor Dostoevsky đến J.D. Salinger

đến William Golding, hình như chẳng nói gì khác hơn cái bề trái đen tối đó của con người.) Nhưng tính ác từ đâu ra? Các nhà khoa học ngày nay có lẽ sẽ giải thích tính ác là cái gì nằm sẵn trong nhiễm sắc thể con người. (Gần đây trên một tạp chí uy tín, khoa học giải thích hiện tượng béo phì nơi dân Mĩ là do nhiễm sắc thể khiến người ta thèm ăn.) Người tiền sử phải chống chọi với thiên nhiên và biết bao hiểm nguy khác để sinh tồn. Do chọn lựa tự nhiên, con người phải ác để tồn tại. Dần dà tính ác "nhiễm" vào nhiễm sắc thể. Xem ra nhiễm sắc thể có thể giải thích mọi bí ẩn nơi con người kể cả cái ác. Cái ác rành rành trên những vòng xoắn đôi DNA trong mỗi con người như dấu ấn và chúng ta đừng mong gột rửa nó được bởi lịch sử con người, cho đến bây giờ, vẫn là một lịch sử cực ngắn trong quy trình tiến hóa của vạn vật. Còn lâu lắm, vài triệu năm nữa không chừng, nếu biết "tu nhân tích đức"—như lời ông bà hằng khuyên bảo—tính ác mới dần dà tan biến khỏi con người chúng ta.

9.

Bởi thế tôi thương cảm ông Hảo. Tôi nhìn thấy ông rõ lắm buổi sáng hôm đó đứng trên ngọn đồi mượt cỏ xinh tươi của nghĩa trang Rose Hills nhìn xuống thành phố và tưởng tượng ra ngôi mộ của chính mình. Ông không hề biết các con ông sẽ hỏa thiêu ông khi ông nhắm mắt lìa đời. (Ba sợ nước cuốn đi chứ ba đâu có sợ lửa. Hình như câu nói đó nghe từ miệng Thúy trong ngày đám tang ông.)

Ông nhìn xuống nhà cửa san sát dưới đồi. Dòng sống chảy trôi bình yên như thể trên đời này chẳng có gì đáng kể xảy ra. Bên trong những ngôi nhà đó, có những cặp vợ chồng; họ ăn uống, cãi cọ, làm tình, ngồi xem TV, uống cà phê, đọc báo, kí ngân phiếu trả tiền nhà và hàng trăm các thứ lỉnh kỉnh linh tinh khác. Họ không bị cái chết ám ảnh và ông thấy ghen tức với họ. Nhưng ông làm gì được bây giờ? Cái chết rồi sẽ đến thôi. Sớm muộn rồi cũng đến. Và mọi thứ vẫn đều đặn tiếp diễn sau khi ông lìa bỏ cõi trần này. Ông nhìn xuống bộ quần áo ông đang mặc trên người, bộ com-lê anh Ngọc mua tặng ông cách đây cả mười năm nhưng có lẽ mười năm sau khi ông chết nó vẫn lành lặn như thường. Ý nghĩ đó làm ông buồn bã hết sức.

Tôi càng thương cảm ông hơn khi biết ở những ngày cuối lúc nào ông cũng nghĩ đến mẹ con cô giáo Lê. Niềm an ủi của ông bây giờ là mẹ con cô giáo Lê chứ không phải những lời thăm hỏi gượng gạo, giả trá từ những người chung quanh.

Đúng thế. Phải chi mình gặp lại cô giáo Lê một lần trước khi mình nhắm mắt. Ý tưởng đó lởn vởn trong đầu ông nhiều lần và một hôm tình

cờ ông gặp người tòng sự cũ ở quận lị N. và người này hình như có quen biết gia đình cô giáo Lê. Ông mừng lắm lôi anh ta ngồi xuống ghế hỏi han tới tấp, nhưng càng nói chuyện ông càng thấy anh ta chẳng biết gì nhiều về cô giáo Lê, nhất là thời gian sau khi ông bỏ đi. Nhưng ông bớt thất vọng khi gã tòng sự cũ bảo ông:

"Ông thầy tin em đi. Kì này về nước thăm gia đình em sẽ đi kiếm cổ cho ông thầy."

"Chú nhớ đừng để ai hay chuyện nhé." Ông Hảo bảo nhỏ gã đàn ông.

"Dạ, dạ. Ông thầy đừng lo. Em bảo đảm với ông thầy là sẽ giữ bí mật tới cùng."

"Tiền bạc cần bao nhiêu chú để tôi lo."

Ông đưa gã ba nghìn đô để về tìm cô giáo Lê. Dĩ nhiên, sau đó ông không bao giờ thấy mặt gã đâu nữa. "Thế cũng hay. Gặp lại biết đâu sinh nhiều chuyện đau lòng hơn." Ông tự nhủ như vậy và ông tạm yên nỗi sôi sục đi tìm mẹ con cô giáo Lê.

Nhưng ông không quên được hình ảnh cô.

Trong những giấc mơ quái quỷ nhiều đêm thời gian gần đây, lúc cơ thể ông gần như gục ngã với tuổi già, ông vẫn thấy đôi mông cô giáo Lê đánh qua đánh lại trong chiếc áo dài bằng hàng ni lông nội hóa mỏng dính trên đường từ trường về nhà, và có lẽ đó là lí do tại sao sáng nay, sau giấc ngủ chợp chờn nhiều mộng mị, dương vật ông cương cứng. Không thể có lí do nào khác. Ông không nhìn thấy cô giáo Lê là bà già hom hem xấu xí, miệng móm, răng rụng, da dẻ nhăn nheo. Vẫn là cô giáo Lê trẻ trung, hai mươi tuổi, môi mỏng mà đỏ tươi, đôi mắt tròn đen nhìn ai cũng như dọ hỏi điều gì, và tha thiết sung sướng như tín đồ ngoan đạo nhận lãnh ân sủng của Thiên Chúa khi lần đầu nằm trong vòng tay ông. Ông thèm ôm cái thân hình tròn lẳn và mát rượi như miếng thạch đó. Ông thèm nhìn đôi mắt nhắm hờ trên khuôn mặt trắng đỏ lấm tấm mồ hôi, lòa xòa mấy sợi tóc rối.

Từ nghĩa trang Rose Hills ra về, đầu óc ông bỗng lóe lên muôn vàn ý tưởng lạ lùng, choáng váng. Ông biết ông muốn làm gì.

10.

Càng ngày đầu óc ông Hảo càng mụ mẫm. Mê muội thì đúng hơn. Ông mê muội đến độ ông quên ở xứ Mĩ đầy luật pháp này tội sờ mó trẻ thơ là tội nặng vô cùng, có thể ngồi tù suốt đời. Nhưng ngoài tôi ra có lẽ chẳng ai nghĩ ông vô tội lúc ông ôm ấp thân hình trần truồng của cô gái hàng xóm mười chín tuổi mắc bệnh tâm thần trong phòng cô trong lúc

gia đình cô đông đủ ngồi ăn uống ồn ào dưới bếp. Cô sung sướng hai mắt lim dim nằm trong vòng tay ông. Nệm giường trắng tinh, trắng như tấm lòng thanh khiết của cô. Cô im lặng nghe ông thủ thỉ về dự tính tương lai. Ông sẽ đưa cô lên Sài Gòn sinh sống, sẽ có người ăn kẻ ở trong nhà, cô không phải ngày ngày ôm xấp bài vở của đám học trò phá phách hỗn xược đi bộ từ trường về nhà, vừa đi vừa tránh né những tia mắt sống sượng như muốn lột trần cô ra của đám lính tráng đói đàn bà lâu ngày. Cô sẽ ăn sung mặc sướng vì dầu sao cô cũng là vợ ông dân biểu. Tay cô đeo đầy vàng lá. Bộ quần áo trên người cô bao giờ cũng là hàng lụa đắt tiền, mặc vào thấy mát như đang đứng lênh đênh trên mặt nước sông Tiền. Cô sai chị người làm đi chợ mỗi sáng mua thức ăn để chiều chiều cô tự tay nấu những món ăn ông ưa thích. Khi thì gà hầm bát bửu, khi thì cá thu kho mặn, canh khổ qua nhồi thịt. Và mỗi đêm cô nằm ôm ông ngủ thật say. Người cô sạch sẽ thơm tho. Tính tình ông sạch sẽ nên ông thích cô lúc nào cũng trắng trẻo tươi mát. Cô chiều chồng lắm. Gái Nam kì nổi tiếng chiều chồng nhưng cô còn hơn những cô gái khác một bậc. Cô xem chuyện chiều chồng là tôn giáo của cô, cái gì cô thờ phụng, tôn sùng. Cô rên lên khe khẽ khi ông đưa tay lần cởi nút áo và kéo quần cô xuống.

11.

Bọn cảnh sát Mĩ thật chẳng biết kính trọng người già cả là gì. Chúng bẻ hai cánh tay ông quặt sau lưng rồi còng tay ông lại. Cái còng cấn vào cổ tay ông đau điếng. Ông rên la nhưng chúng lờ đi như thể chúng là những người câm điếc. Về đến ti cảnh sát, chúng còn bắt ông cởi hết áo quần trên người cho chúng khám xét. Có cả một con mụ da đen to béo đứng nhìn. Nhục nhã đến thế là cùng. Chưa bao giờ trong đời ông chịu nhục như vậy. Đoạn chúng bắt ông choàng vào người bộ đồ như đồ thợ sơn nhưng màu da cam thay vì màu trắng. Bộ đồ ông mặc rộng thùng thình, trông người ông như co rút lại. Ông ghét lắm nhưng bọn chúng hung tợn quá, đứa nào cũng to lớn như hộ pháp, ăn nói giấm giẳn, cục cằn. Mặc áo chưa xong ông đã bị chúng lôi vào một gian phòng nhỏ, trong phòng đặt cái bàn sắt, ghế cũng bằng sắt, nặng chình chịch. Chúng ấn ông ngồi xuống ghế rồi hai tên cảnh sát mặc thường phục, hông đeo súng ngắn, ngồi lấy cung. Có cả một tên nói tiếng Việt làm thông ngôn. Chúng hành ông trên ba tiếng đồng hồ, đến lúc ông gục mặt xuống bàn vì mệt chúng vẫn chưa chịu buông tha. Chúng hỏi ông những câu thật vớ vẩn, bậy bạ như ông gần đàn bà cách đây bao lâu, ông có mua tạp chí *Playboy* về xem không, ông có lên mạng xem hình trẻ nít cởi truồng

không. Ông trả lời đúng với những gì ông nghĩ, ông biết, nhưng hình như chúng chẳng tin lời ông chút nào. Một tên, râu tóc đỏ như râu ngô, thỉnh thoảng lắc đầu. Tên kia, đầu hói, mặt mày nhẫn nhụi, hình như kiên nhẫn hơn hỏi ông những câu tương đối còn lịch sự. Ông chán quá, sau cùng chúng hỏi gì ông cũng ừ, cũng gật. Ông chỉ muốn chúng tha ông để ông còn nằm xuống dỗ giấc ngủ. Ông phải ngủ vì ông biết sắp đến giờ ông nói chuyện với mẹ con cô giáo Lê. Mẹ con sắp về. Sắp đến giờ hạnh phúc của ông. Và chỉ có mẹ con cô mới giúp ông can đảm sống nốt những ngày tháng còn lại trên cõi đời này. Phải chi hai tên cảnh sát này câm họng cho ông yên để ông tiếp đón mẹ con cô. Ông có nhiều chuyện kể lắm, kể suốt đêm chưa hết...

"There'll be no fucking psychiatrist. For Christ's sake, he's just a fucking dirty old man."

"How do you know? You're no psychiatrist yourself."

"I just know it and let me tell you, I'll do everything in my power to give the DA a good case... I promise you this old man will die in prison. He'll never see the sun again."

"You're just a fucking racist..."

"Fuck you! People like this fucking old bastard shouldn't be around raping children."

Hỏi cung ông xong hai tên quay sang nói chuyện với nhau. Chúng tưởng ông không hiểu chúng nói gì. Nhưng ông hiểu hết. Chúng hiểu lầm ông rồi. Ông có hiếp dâm trẻ nít bao giờ đâu! Nhưng ông không có thì giờ giải thích cho chúng rõ, ông phải đi nằm, ông phải đi gặp mẹ con cô giáo Lê. Thôi, chào các ông, các ông ở lại vui vẻ nhé. Tôi đi đây. Tôi đi gặp vợ con tôi. Có gì vui nơi cõi trần này nữa đâu. Tất cả chỉ là một lũ nhếch nhác, lúc nào cũng gấu ó, đâm chém nhau. Tôi chán cảnh này lắm rồi. Tôi chán mấy người lắm rồi. Nhưng thôi, mấy người làm sao hiểu được, tôi chỉ phí thì giờ vô ích. Một lần nữa, chào các ông, tôi đi.■

Văn hữu gửi bài cho Văn Học, xin email theo địa chỉ tapchivanhoc@yahoo.com. Nếu gửi theo bưu điện, xin nhớ kèm theo disk và gửi về địa chỉ Văn Học P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA. Văn Học không nhận bài viết tay. Và xin quý văn hữu đừng gửi bài đã đăng, kể cả trên net.

Văn Học đã có một web site mới, mời độc giả và văn hữu vào xem Văn Học online ở www.vanhoc.net.

ngày sống thứ một trăm

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

"Chú nhanh lên, sắp tới 'thung-lũng-gian-nan' rồi!"

Cô gái chạy phăng lên trước nói vọng ra sau. Chân cô như lướt trên mây. Vạt váy hấp hửng đùa gió. Màu trắng đỏ của bụm da phía dưới khiến ông rùng mình. Ông thầm nghĩ, "Giống hai gót chân của nàng biết mấy!" Ông mỉm cười. "Bắp chân hơi to; khỏe thì có khỏe, song kém thanh; nếu cô bé chịu khó tập chạy bộ thêm vài tháng nữa (cứ lấy mốc đến kỳ sinh nhật sắp tới của cô cho dễ nhớ) là lúc đó mình không còn phân biệt được đâu với đâu." Ông bình thản giữ nguyên tốc độ của những bước ngắn, và cả từng chữ nói ra, "Ừ, chú sẽ cố, nhưng Phiên không được đi xa hơn gốc hướng dương kia đấy. Đến đó, đứng chờ chú." Ông không mong lắm là cô gái sẽ nghe. Ông nói để làm yên lòng chính ông. Ông ngừng nửa bước lấy hơi. Trời rét rất dễ chịu. Ông không cảm thấy lạnh. Song, cứ cẩn thận là hơn. Ông tở cao cổ áo, thọc tay vào túi cho ấm. Mũi nhọn của chiếc kẹp tóc mà cô gái nhờ ông giữ hộ đâm vào khóe tay. Ông lầm thầm, mày cứ gai bướng đi! Sẽ không còn nhiều dịp nữa đâu, con ạ. Ông vỗ trán, ồ, vừa rồi, ông nói gì với cô gái? Ông quên phéng. Nhưng kìa, cô đã đứng lại chờ nơi mấy đọt hướng dương (cô đang cúi xuống ngửi). Ông cố bước nhanh lên. Ngọn gió nào vội đi qua, va phải má trái ông, rát rạo. Rồi chính nó cũng lao đao: cọng vàng anh bên ông vừa thóp bụng.

Dạo này ông hay đối thoại với mình qua trung gian của một nhân vật tưởng tượng nào đó (không chắc là nhân vật của ông). 'Đoạn đường gian nan!' Cô bé dùng chữ đến ngộ! Ít ra cũng chứng tỏ là cô còn giữ được khá nhiều bông trái của tiếng mẹ đẻ. Nhưng, có gì lạ đâu nhỉ?

Những khúc phố, nhựa có, cát pha đất có, và sỏi đá có, trong đời, ông đã trăm lượt ngược xuôi. Chín mươi chín lần lọt trót. Còn lần thứ một trăm: hình như (có cả chín mươi chín cái hình như là đúng; cái hình như thứ một trăm: cũng như lần thứ một trăm): vướng! (sao mình bi quan đến vậy?) Chỉ một lần vướng cũng đủ làm tung tóa tất cả những gì ông cầm trên tay, dùi khằn trên da thịt. [Cô gái thét lên, chú chỉ được cái nói xàm. Đã chín mươi chín lần chú hứa với cháu là từ bỏ. Còn lần thứ một trăm này, cả chú lẫn cháu (ồ, có lẽ chỉ mình cháu) (đều) hy vọng là lọt trót. Cứ nghĩ thế đi, chú nhé! Tiếng hét hôm nào trong trí của cô lôi ông về quãng đường chưa đi hết.]

Ông hít sâu, dấn lên để gặp cô. Khúc lộ cong. Từ đây, một lối dẫn ra lộ chính, một đưa lùi về nhà ông. Nước ven rãnh lề bốc hơi nồng nóng. Đêm rồi, mưa. Gốc khuynh diệp mảnh khảnh bên phải ông, lưng chừng dốc, xanh lá hơn, và mùi dầu vương vất chung quanh cũng mát cay hơn. (trong đám cùng loại, chỉ có cây này là cho hương thấm nhất, nên những lần đi dạo, ông thường đứng nghỉ chân dưới bóng nó lâu nhất.) Bóng lá che hết nắng trên tóc cô. Màu tóc đen mát. Nó lấn cả màu đen dưới chân của một vạt nhựa đường mới vá đang thổi hơi. Cô còn trẻ quá. Nhất là trong buổi sáng hôm nay. Không hẳn là ông dừng bước, nhưng hình như khoảng cách bỗng như cuồn chỉ trớt tay bong xa. Ông nghe tim đang dội máu lên óc; và bộ óc nói với ông là hãy cố mà hạnh phúc, nếu ông còn thương ông, thương cô (vạn sự mất, còn lại một), và còn muốn máu vẫn đến được với nó. Ông quay sang cô, cười thật thư nhiên:

"Thật là dễ chịu khi biết mình đang sống cuộc sống thật dễ chịu, và sống bên người mình mến yêu; và cả hai đang cùng thở chung bầu không khí trong lành của trời đất. Phiên đồng ý với chú không nào?"

Cô gái chợt buồn. Ông không nghĩ là cô đã biết; và ý nghĩa của câu nói, theo ông, chỉ mình ông là cảm. Vô tình ông đã gạt cô khỏi cuộc sống cùng xúc động của ông. Bây giờ nguyên do không còn là tuổi tác, ngôi thứ; nó còn buồn thảm ngàn lần hơn thế. Buổi sáng nay có thực; quá thực đến độ cô vô tri. Cô cố gửi đủ hân hoan cần thiết cho giọng nói:

"Vâng. Sau cơn mưa, thời tiết bao giờ cũng dễ thương hơn." Cô cười ông nửa mắt, "Mình đến đó được chưa, chú?"

"Chú cháu mình bước song song nhau. Phiên cứ vừa đi vừa hát làm đãng trí bước chân. Có thế chú mới theo kịp cháu." Ông thoải mái thực tình.

Cô thả chậm. Cô không muốn ông cố gắng nhiều. Mỗi vận động hơi quá trớn là mỗi khiến ông mau kiệt quệ, là mỗi tấc ông bị dấu chấm hết:

cái dấu mà ông muốn dùng thân mình che lơi tầm mắt người khác, nhưng cô còn nhận rõ hơn chính ông, kéo ngược lại hướng cô đang đứng.

Mấy hôm qua trời bão. Gần như là suốt ngày, cứ mỗi mươi lăm phút đứng lên khỏi bàn máy vươn vai cho đỡ mỏi (bài tập thể dục mà ông học được những năm đi làm nhiều khi nom rất buồn cười, song khá hiệu nghiệm), ông lại nhìn thấy màu xám thịt đông phủ kín gốc xuân đào trước cửa. Ông thích ngồi đây viết, tuy chiếc máy của cô gái út dạo này hay gặp trục trặc và con chuột cứ nhá lầm chữ làm tốn công ông không ít, vì nỗi mong mỏi độc nhất mà không phải lúc nào cũng thành sự thật: cô gái bên kia xóm sẽ leo rào gõ cửa, phớt lơ núm chuông điện gắn trên tường, vào chơi. Nhà cô tuy gần, khoảng 15 phút đi bộ, nhưng phải băng qua một dẻo đường lắm xe. Khúc lộ lại nằm sát thung lũng. Bởi nơi này chỉ loáng nhoáng vài ba ngôi nhà và quanh đó vài mươi thước cũng không cơ sở kinh doanh nào nên hạt công chánh không vẽ vạch ngừng bằng sơn trắng. Mỗi lần đến thăm ông, cô phụng phịu, không thua gì vượt qua 'đoạn đường chiến-binh' của chú. (nghe ông kể chuyện lính, cô thích, và dùng nó đặt tên cho bất cứ công việc khó khăn nào.) Mà đúng thế. Trước mặt chập chũng là xe nối xe, người bộ hành bị tạt ngả nghiêng như các nhóm sỏi non chung quanh. Lũng sâu phía sau với các luồng gió bốc lên, rồi hút xuống (không biết lực gì đã hút chúng xuống) là một mặt đường khác, không xe, nhưng vẫn ngầm tiếng động và chông chênh. Ngoại vi không êm ả chút gì. Nhưng khu phố cô ở nhích trong thì rất tĩnh mịch. Một phía là bờ hoang với một đoạn trũi xuống để gặp khu dân cư xa tít bên kia. Một phía có nhà ở, mà cũng rất thưa: khoảng chục ngôi villa cổ với vườn cỏ và bồn hoa đủ màu được chăm sóc kỹ lưỡng lặng lẽ dàn hết chiều dài của con đường. Nó như một lòng vịnh nhỏ cảm thấy tự hài lòng vì đã tách rời được hai đầu biển lộng. Cô thích căn nhà phần nữa cũng vì nó nằm cạnh thung lũng (cái lòng chảo chập-chùng, 'gian nan' cho những bước chân chưa dám men xuống, nhưng vẫn [và vì thế] hết sức mời gọi); và mỗi đêm mất ngủ, cô nói, cô muốn tìm ông để rủ ông... (ông nghĩ thầm: nhảm!) xuống dưới kia nằm nghe... nhạc gió (lạ quá! dưới đó, không là ngổn ngang của lá cành gẫy mục, mà là một nệm đan bằng vô vàn cây cỏ con con, xanh mướt). Đứng ven cạnh của ngôi nhà đầu ngã ba nhìn xuống, ông và cô mường tượng nhìn thấy một rãnh suối nhỏ, có thể chỉ là một mội nước trong rất nhiều mội nước của rừng rú. Ông nghe lạnh, vì nước của dòng suối mơ hồ, và vì sự rực rỡ của tuổi trẻ bên ông. Ông thấy mình già thật rồi.

Mươi phút đi chân chỉ là món thể dục trẻ con so với những bài aerobics mất đến hai phần buổi sáng của cô. Cái cô, nhiều hơn: ông, sợ

là thân hình son sẻ của cô, tuy khá nở nang, sẽ chỉ là chiếc lá trước cơn phong giật xói lên từ những đợt xe. Mỗi lần qua lộ là mỗi lần thực nghiệm tốc độ của hai bàn chân. Thường thì, đương nhiên, cô lọt trót. Tính cho ra lẽ, chỉ tại cơn chóng mặt của ông đã lây cho cô. Lâu dần, nơi cô, nó biến thành mối tự thị. Dăm khi, trên lộ trình đi bộ 'theo-toa-bác-sĩ' về, ông tiện tạt vào thăm cô. Hôm ấy, sửa soạn qua đường thì cơn choáng dâng lên. Ông nghe rõ từng tấc da thịt mờ mịt như đang bị vây bằng hơi nóng. Ông không thấy từng đôi mắt xe nối đuôi qua, và sắp qua; mà chỉ thấy thảm cỏ mãi tít dưới thung đưa ngang tầm mắt. Trên đó, trong hồ ống bệch của trăng, cô gái đang trần truồng cười, vẫy. (cô láu quá, vặt cả cỏ tươi rẩy lên đùi!) Không biết do bệnh tình hay do cảnh trí xúi giục, ông mê muội dúi đầu mình vào tâm hõm lông đen. Mùi hương xông ấm; cái mùi tưởng tượng nhưng bởi đã chín từ muôn nghìn ngày u mê nên rất thực, và rất thân quen. Ông sắp trưng dụng đến vị giác và đang lập lại hành động nho nhỏ thường khi vẫn để tăng hứng khởi là nhìn lên: cô gái đã hóa hình người ông yêu: nàng! [Chỉ những phút cực cùng phiêu lửng đó, khi đối mặt sát sạt với lạc thú và cái chết, nàng mới hiện ra với ông. Và bởi (nhờ) cái biên giới mờ nhạt mà hiển linh đó, nỗi ao ước được một lần nếm qua mùi vị của cái khối thịt da thần kỳ kia, với ông, chẳng những không mang chút gì tính cách đọa lạc, mà còn là trọn vẹn ý vị tôn sùng.] Không hiểu niềm hạnh phúc hay mối não nề đã vực ngược ông lên; ông tỉnh lại; và nhận rõ rằng mùi thơm da thịt của cô mới là thực. Sự trẻ trung vẫn đồng nghĩa với sức mạnh (hút, và đẩy). Ông đang đứng nhấn chuông. Gió và nhiệt cùng lúc từ trong thổi chui qua trăm ngả lỗ tròn của khung cửa sắt. Cô hớn hở chào và mời ông vào. Ông ngồi, cười vu vơ trước tách trà và những câu cô hỏi và bị bít trước câu hỏi ông tự đặt cho ông từ trước: làm thế nào ông đến được đây: bóng đèn báo trên nóc không hề sáng khi ông đứng chờ; làm thế nào ông vào được, và đang ngồi đây?

Nhưng cũng có lần không phải do xây xẩm mà là do ngẩn ngơ: lục túi hoài không thấy miếng thẻ nhựa mua hàng, ông định quay lại đoạn đã đi may ra bắt gặp thì cô gái quá giang xe người bạn về ngang. Cô bảo bạn ngừng xe, tất tả chạy đến dắt ông sang đường. Việc trái với yêu cầu của ông, song cô vẫn xem đó là cách giúp giật. Sau này, nhỡ bực mình với ông về điều gì mà không dám thẳng thừng cãi lại, cô hay chu mỏ kể công, "Nếu chú chịu khó nghe cháu uống thuốc đủ liều lượng và đúng giờ thì không bao giờ nữa chú còn phải nhờ cháu đỡ chú, dìu chú về; và chú biết đó, mỗi cháu, vượt qua đường đã là cả cực hình, huống chi còn có chú: trong khi độ nhanh của chân giảm đi hơn nửa thì độ nhặt của xe

hình như tăng hơn nửa..." (!) Tội nghiệp! Đi đứng độc lập, ông thấy mình nặng không hơn chiếc nút chai. Nhưng 'được' cô nắm tay giữ vai lần bước, ông trở nên là tảng đá. Con bé khá có lý. 'Con bé?' Có lẽ ông nên bỏ ngay thói quen xem cô vẫn là cô bé ông thường bảo chạy ra tiệm 'mua giùm chú ba điếu thuốc lẻ; tiền thừa, cho cháu quà vặt.' Cô chẳng những đã tới được chiều cao của mẹ, mà còn lấn hơn mẹ đến non chỏm tóc. Và nhiều thứ thuộc nữ chất nữa, cô, nếu không hơn, thì cũng xấp xỉ mẹ. Trên cô, ngoài nét nhí nhảnh nhí nhóc, không điểm nào khác có thể gọi là 'bé con'.

Với cô, vũ khí duy nhất để chống lại ông, và phần nào yêu sách ông là "sức khỏe của chú là tất cả. Mẹ bảo (?) chú phải cố mà lên cân, nếu không, có ngày cháu phải dùng cách 'vận tải' nhanh hơn là... công kênh chú sang đường đấy!" Câu đầu, nghe được. Sang những câu sau: buồn cười; và phải công nhận, cô bé ranh ma hơn ông nghĩ (điều mà mẹ cô chẳng chút bén gót).

Mỗi lần đến hay về từ nhà ông là mỗi lần giúp cô lấy trớn nhanh hơn. Cô nói, hôm nào cháu phải ghi tên thi chạy nước rút 100 yards. Cô có thực hiện lời với ông (cô) hay không, ông quên hỏi (đây có lẽ chỉ là cách nói 'con nít' của cô: tính con nít mà càng ngày càng bị thay thế bằng những thứ mà thường ông không thích nhưng chỉ biết cười khổ mà chịu). Nhưng dầu sao, ông kết luận, nó cũng không thể bì với đoạn đường chiến binh mà chú đã nếm mùi trong quân ngũ. [Cô xuýt xoa hoài khi nghe kể (về sau, ông chỉ ngồi nghe: cô cải biến kinh nghiệm cũ của ông, thuật lại cho mẹ và ông, hay và 'toát mồ hôi lạnh' hơn ông!).]

Cô vẫn đến thăm ông. Khi còn ngây thơ, không mang hậu ý gì thì cứ thẳng thừng: đến thăm chú; thế thôi! Tức là không cần lý do khách quan hay chủ quan. Nhưng khi tâm hồn đã bớt thanh bình đi một, rồi hai, ba... chút, lý do cần, hoặc tăng lên về số lượng, hoặc khúc mắc hơn về tính chất: nhi-đồng-tính được thay bằng 'thủ-đoạn-tính' (định hỏi chú một việc; đến nơi, quên phắng!). Nếu bị gạn hỏi bằng lời hay bằng mắt thêm nữa, thủ đoạn sẽ không cần đến: nó sẽ bị bẻ cong thành sự dấm dớ kỳ cục: nó trở lại với nhi-đồng-tính: thì thăm chú, vì nhớ! Đã sao chưa? Rồi được vớt ngay khỏi chiếc ao đã bị đắm trong, cô cong cớn: mẹ bảo, và cháu làm theo di chúc — không, di ngôn chứ —: phải năng đến 'xem chú thế nào!... Nhỡ đêm hôm khuya khoắt, gió máy... Một thân một mình, ai biết đâu mà cứu!'

*

Hai người đã bén ranh đoạn phân nhánh. Từ nơi họ đang đứng, lối tẻ trái đưa xuống freeway. Lối tẻ phải dẫn về đầu ngõ đưa vào nhà cô.

Khúc lộ dưới: ồn, bụi. Khúc trên: ồn bụi không kém. Nhưng được cái, chạy thêm hơn trăm bộ thì nó được xẻ ngang hông trái để (bao nhiêu bụi cứ theo đà quay của bánh xe mà phi thẳng) hợp với khúc nhựa thành ngã ba, với bảng vẽ hình chữ T nằm. Cô hít hà, phải chi sở giao thông vẽ thêm lằn sơn hoặc dựng thêm bảng stop thì hay biết mấy. Ông cười, nó hay thật, nhưng có lẽ chỉ hay cho Phiên thôi. Cô mở to mắt. Ông chậm rãi, Phiên nên lấy làm may được sống trong khu không có hàng quán và ít nhà cửa. Càng thiếu những thứ đó, mình càng hưởng dư giả yên tịnh. Trên đường chú cháu mình đi về, cái lũng kia chẳng phải là cảnh trí đáng nhìn ngắm ư?

{Lũng sâu và cong như đáy võng lớn, nằm bên hướng nhà ông. Từ mặt đường, họ có thể thu tóm toàn cảnh vào mắt. Tít trong có lẽ gần hết độ dài của tia nhìn, sắc bạc của mặt lá dưới của loại cây chiếm non một phần diện tích bên phải óng ánh như dính thủy ngân dù ngay những hôm không mặt trời: hình như chúng tự phát quang. Gần hơn, chục gốc cọ lớn với táng buông rũ che rợp cả một góc hố phía trượt lên nhà dân. Đây là tổ ấm lý tưởng của cả ngàn chim muông, nhiều nhất có lẽ là loài sáo mỏ dài, đen, cổ và đuôi dài, cùng màu xanh. Một lối mỏng lá nõn giống như lối mòn vắt gần nửa bề ngang của đáy. Cũng từ ranh đây, đẩy vào trong, một thảm cỏ thật rộng, các cọng chen cao bằng nhau như vừa được cắt tỉa không lâu, sắc mạ non — sắc xanh đối chọi hẳn với các màu già cứng chung quanh —, lồng lộng (chính trên đám cỏ này mà ông mơ thấy cô gái hái cỏ rắc lên đùi nằm khỏa thân vẫy tay gọi ông!) (Có thể tận cùng là một dòng suối?). Gần tầm mắt nhất là cả chục cây dâu rừng. [trên đường cái cũng trồng vài cây. Họ đã hái dọc đường, và đã nếm trái. Rất ngon. Vị không kém; và noãn trông không khác dâu ta. Chỉ khác ở lớp vỏ không mịn lông, thường trơn khô, kém đẹp. Cô gái tỏ ra đặc biệt thích. Cô ăn đến rõ no và còn nài xin ông tỉa thêm cho vài cành mang về. Nhìn cô thương quá, ông nghĩ, hôm nao đẹp trời, nếu không quá mệt, sẽ rủ cô tuột xuống lật đầy bọc. "Có lẽ sẽ trầy vi tróc vảy đấy," ông bảo cô gái. "Nhưng có ngày chú sẽ trẩy quả về cho Phiên để dành ăn cả tháng." Cô gái nhân câu nói, bắt đầu gọi đó là 'thung lũng trầy da.'] Và sát mặt đường lở, trăm ngàn thứ hoa dại. Đặc điểm của cửa lũng là màu tươi mát quanh năm của lá (cô gái cho là nó nhận được quá nhiều sương: sương do chính cây cối thở ra, thoát lên. Sương, nếu không mưa, sẽ tưới tắm cho cây.) Và rất sạch. Ngay cả mép dưới của vệ đường, hoa lá dại cũng hầu ít dính nây bụi.}

Hai người đứng nhìn xuống. Đôi cánh buổi sáng dưới kia hình như bay hơi chậm. Trong khi bóng nắng trên đây đang vuốt ấm một phần má

của ông, thì nơi cán trũng ngoắt về hướng tây, nó chỉ suýt chạm vào vành đai sương, tức là khoảng gang bàn tay. Ở phương ngược lại, cây cành thoáng hơn, nắng dễ lấn lên ranh đường nên nhà ông cách đó mấy căn vẫn nhận được đôi chút sáng nóng. Lũ chim trên các cành cọ cổ thụ làm tan không khí tịch mịch bằng những hồi hót lên xuống ứng với các vòng lượn thấp cao. Cái họ để mắt là vô vàn chấm vàng đỏ của dâu. Chúng gần nhất, hấp dẫn lạ lùng. [Ông thèm nhìn (và nhót tim) khi hai hàm răng trắng tươi cắn ngập lòng thịt ứ nước.] Ông nắm tay cô gái lò dò xoãi thấp, tìm lối tiện nhất để xuống. Chiếc xe tải vụt ngang. Mùi dầu khét khê. Ông ngoảnh mặt tránh. Mắt ông vướng vào hàng cọc sắt của chiếc sân đang xây dở. Một bề ngang đủ thân hình lách khéo giăng giữa chồng bao xi-măng và vại nước. Dưới chân, lổn nhổn đá cát và mẩu thép vụn. Ông ngó thẳng: lối chạy cong, đến hông nhà là mất dấu (hình như chúi tuột). Ông mong nó dẫn đến nơi ông muốn. Nắm tay cô gái, họ đến gần. Căn nhà im vắng. Ông bước vào. Cô gái chần chừ, chú quen với chủ nhà này à? Ông lắc đầu, khoác tay thành nửa cung ra sau, ngón trỏ chĩa xéo. Phiên hình như hiểu; và cô mỉm cười thú vị.

Lối đi chỉ thuộc căn nhà có một đoạn ngắn. Nó bị cắt nửa vời bởi một bụi hoang. Đám khúm tụm này là biên giới thiên nhiên giữa nó và căn nhà kế cận. Đứng từ ngoài nhìn vào, nó chẳng hơn gì mớ lùng nhùng hỗn tạp, lố bịch nhức mắt. Nhưng từ phía trong của bụi mà bức rào cây cảnh trả lại bên ngoài mọi tia nhìn, người ta mới phát giác có một ngõ dốc đưa xuống bờ bên phải của thung lũng. Ông reo lên, kéo mạnh tay cô gái bước nhanh về hướng đó. Đạp lên cỏ dại còn ướt, hai người giữ chặt tay nhau, lần vuột theo chiều dọc. Được khoảng thước rưỡi, vượt đám lau, vật đầu tiên lọt vào thị giới là khóm lá bạc. Mặt trời khá sáng trên cao. Như vậy, họ phải men về hướng trái mới đến được mục tiêu. Chặng đường tuy mấp mô, nhưng không đến nỗi buộc hai người bỏ cuộc. Rặng cọ vượt cao là dấu mốc và niềm khích lệ tuyệt vời. Bãi cỏ non dưới kia, nơi cô bé xé cỏ đắp người bảo sẽ rủ ông xuống nằm, không xa lắm. Lỡ có rơi, ông khấn thầm, dầu chiều rơi rất tréo, vẫn xin cho rơi ngay đó, trước, làm gối đỡ để cô bé không bị thương.

Độ thấp có lẽ đã đụng đáy. Khí lạnh; và gió (không hiểu thổi từ đâu?). Sau lưng họ bị thổm vào một vách đất: chỗ dựa rất tốt nếu bỗng dưng cơn chóng mặt leo lên ông lúc này. Gió tát như chiếc lưỡi dựng đứng. Cô gái rùng mình. Bàn tay cô run khẽ trong tay ông. Ông đùa cô gần lại, âu yếm, Phiên lạnh lắm không? Cô cắn chặt răng (cử chỉ duy nhất giống mẹ!). Ông ơn ớn dọc theo lưng. Dầu giá nào, cũng cần hái mớ dâu kia để được nhìn cô cắm hai hàm răng vào bổ tươi từng quả. Và

sau đó ông sẽ nói, sẽ yêu cầu, sẽ xin, khi nào muốn, cháu ơi, hãy chờ chú đến, hoặc điện thoại bảo chú đến, rồi hãy ăn. Chú muốn ăn cái thần lúc cháu đang cắn ngậm; chú muốn là khoảng cách thoi thóp giữa quả và răng đang cầu chờ cháu nghiến vào. Buồn cười thật. Sao hôm nay ông buông tuồng như trai tráng thế? Cái ý đó chỉ có thể được đưa vào và chỉ sống được trong sáng tác của ông. Ông không sợ cô cười khi nghe, ít nhất là câu thứ nhất. Ông sẽ: (khó khăn gì đâu chứ?) chú nhường hết cho cháu mớ quả trời này. (Trong hai, chỉ cô là mê; và cô đã chẳng ngượng nghịu gì mà không đứng giữa phố xá ăn lấy ăn để bỏ qua phần vệ sinh tối thiểu đã trở thành thói quen là rửa sạch trước khi bỏ vào miệng.)

Vẫn gió. Ông chưa tìm ra hướng xuất phát. Hai hàm răng cô gái va sấp đánh vào nhau. Ông kéo cô gần thêm để giữ cô ấm, và để gặp mẹ cô qua cô. Hồi xưa, ông thích nhất khi ngắm bà cắn hạt dưa. Hai hàm răng bà không đều như đám vỏ đỏ bị tách tuyệt đẹp giữa môi, nhưng lại kích thích ông lạ kỳ. Chúng như những nhát dao miệng xẻ rãnh ống thèm tình đang rịn trong ông. Chỉ lúc này, ông mới biết điều mà ai nấy gọi là tình yêu đã thực sự nhập xác. Nó là một cái gì sống, một thực thể. Những chiếc răng của bà nhọn, đau không khác gì mươi móng tay cắm phập lưng ông vừa vì tình tứ vừa để giữ an toàn tuần sáu ngày ông đưa bà đi học và về bằng xe gắn máy. Những lần có người quen hồi hương, món duy nhất ông nhờ mang sang làm quà cho bà là mấy cân hạt trây dầu và mực đỏ. Cô gái có hàm răng đẹp, đều hơn mẹ. Nhưng vì chúng toàn hảo nên rất hiền, (hơi thất vọng vì) ít khiến ông 'sờ-sợ.' Vớt vát lại, đôi môi cô dầy hơn, gợi cảm hơn. Rãnh giữa môi trên hình như sâu hơn dính hơn 'cạm bẫy' hơn nên đôi khi tinh thần kém khỏe, ông không dám nhìn lâu lên đó. Mặt cô tái nhợt; hơi thở ngắn, dồn như sắp ngất. Đã quá quen với trạng thái hô hấp không bình thường này, ông cởi vội chiếc áo khoác choàng lên cô. Gió như nhóm quân nhỏ đang tiến lên. Lối cỏ cao ngang đầu đồng loạt nghiêng sang bên nhường lối. Đợt gió này dông tuốt và ông có thể nhìn dấu vết xa nhất của nó là vài hồi cúi chào của (có lẽ) nhóm trúc đào hay loài thảo hoa đỏ. Từ dưới chân, sát mặt đất nơi cư ngụ của tụi cây có lá tròn ngắn nụ vàng như mimosa, cơn thứ hai cựa mình như rắn phun. Đà của nó tạt chéo phần lớn lên hàng cọ. Phần còn lại lả ngang. Cơn gió này mang theo chút ấm. Cũng chính nhờ nó mà nhiệt độ đã dịu. Ông đùa, có thể nó đính theo chút mùi núi lửa mang từ đâu về. Cô gái cười và da mặt ửng ửng. Ông lót áo, kéo cô ngồi xuống nghỉ. Lũ chim đã tản mát. Buổi sáng hình như chỉ dài được đến đây. Lặng. Chung quanh hai người, chỉ còn luồng 'hỏa sơn' kiên trì làm việc.

Khoảng mươi gốc dâu trong một cụm. Đa số gốc có quả nhiều hơn

lá. Và quả chín nhiều hơn xanh. Ông hỏi cô gái đã bớt lạnh chưa? Cô tháo trả áo cho ông. Ông tuốt kín các khoen cài sắt, buộc dây hai đầu: chiếc áo biến thành túi. Ông leo, vất cành xuống cho cô lặt quả. Họ bụm những quả tuyển lựa vào áo và vài túi nylon mang theo. Ông ước lượng bằng mắt: dễ tổng cộng cũng bằng bao gạo 25 pounds. Được. Cô gái có thể giúp ông hai bọc nhẹ nhất. Còn lại, ông có thể mang tất về. Chẳng lẽ sức khỏe ông tệ đến nỗi. Ông đang phấn chấn; và mỗi lúc như vậy, ông khỏe hẳn lên. (vấn đề tâm sinh lý: ông nhớ lại lời giải thích tình cảm và khích lệ của ông bạn bác sĩ.) Ông sẽ áp dụng bài học: vừa đi vừa thở (cũng rất kiến hiệu) cho đỡ mệt. Cử động hái nhặt sau cùng của ông là nhón hết chiều dài thân thể và bàn tay, víu lấy chùm to nhất, níu sát mày. Ông chỉ chọn lấy chòm quả đôi đủ cả lá và cuống, trả cành lại chỗ cũ; duỗi tay sang cô, "Cho Phiên!" Cử chỉ trẻ trung này khiến ông lấy làm lạ với chính mình, và khiến cô gái... òa khóc! Ông hốt hãi, đứng trơ như bị đám cỏ dưới chân cột chặt. Cô gái cười tươi lại ngay, chưa để ông sang hết chiếc cầu phân vân. Cô níu tay ông, giọng rộn ràng nhất mà ông được nghe:

"Chắc đủ rồi. Thôi, mình về, chú ạ. Trời đã thấy nóng."

"Ừ. Chú đi trước mở lối cho."

Cô nhắc:

"Còn mớ dâu! Chú không định dành cho lũ chim chứ?"

Cô xuống giọng:

"Chúng nó sẵn cơ man là quả. Quả trời bao giờ cũng hào phóng. Mình để lại cũng chỉ góp củi cho rừng."

Ông chỉ lên hai bàn tay cô (ông đang lui cui lua nốt bụm dâu cuối cùng):

"Chúng nó có nhiều thật, nhưng không quả nào sánh được với hai quả to nhất, chín vừa nhất, và ngon ngọt nhất cháu đang nắm trong tay."

Phiên gật gù, hơi mỉa:

"Cái gì qua tay lựa chọn của chú đều (phải) nhất thế cả." [không ư? mẹ đó? bao nhiêu kinh lạch không đấm, đấm ngay vào dòng suối thương đau của mình!]

"Kìa... Phiên!... " Ông chưa hiểu hết ý của cô. Cô gái xoay người, vọt lên. Đường trơn dốc, cỏ chỉ rậm. Cô gượng; ngã; gượng. Ông vất bọc dâu trên tay xuống, nhoài cao, ngửa tay giữ chân cô lại. Gót giày cứa vào, đau điếng. Ông bám chặt hơn. Vết bầm khắc một góc tròn rỉ đỏ. Ông ao ước được một giây trống để thọc nó vào miệng mút chận máu. Cô gái nằm trên thở hốc. Chiếc váy là cánh bướm khổng lồ vừa thoát thai từ chiếc ngài nào đang phật phờ từ chân cỏ. Một dãi thẫm giữa hai

mông chúi xuống như sắp đốt lửa rụi thiêu bụi bờ ngay đó. Ông ngoạm sâu vào cánh tay để giúp mình định thần. Cô bò dậy. Tay ông tê rần không giữ được chân cô. Cô phủi áo; ngồi xuống tóm gọn bao dâu vào lòng tay. Nhạt:

"Chú cháu mình về!"

"Thì mình đang ấy thôi." Ông thở ra thật dài.

Cô bặm môi. Ông nhanh lời, cứu vãn:

"Mang hết dâu về nhà cháu. Tủ lạnh cháu còn trống chắc chứa hết ngần này. Để dành ăn dần. Hết, chú lại xuống trổ về cho."

Cô cười (ồ, lạy trời! phải thế chứ):

"Khá nặng. Nhưng bỏ lại thì tiếc công. Đường lên xuống nhiêu khê thật. Suýt nữa cháu làm rách cả cái quần mới mua."

(đường cỏ không nhiêu khê lắm đâu; có chăng là những thứ cháu mang trên người, ông nghĩ.) Ông gật:

"Cháu hộ chú hai gói giấy. Chú bê chiếc áo túm."

Cô vuốt ngực: áo cô dính xanh cỏ dập; cô nhặt từng cọng vê trong lòng tay:

"Khi mệt, chú cho cháu biết; mình đổi tay. Sắp đến lộ cái, mình ngừng lại chút nghỉ dưỡng sức trước khi băng qua đường, chú nhé!" Cô đứng lên trước. Lưng váy sau kẻ một rãnh nhăn. Lạt cỏ từ cổ lăn xuống rãnh thì nằm gọn vào. Ông định phủi giúp. Hình ảnh cô nằm dưới lũng bụng đầy cỏ lặt nát mở lớn đập vào mắt hất mấy ngón tay ông xuống.

*

Buổi sáng còn lại dài bằng một đuôi mái thiếc. Bóng nắng đã đọng lưng chừng nửa mặt nhựa. Khoảng 30 phút nữa là nó bò đến phần mái bên này của căn nhà đầu tiên trong ngõ đưa vào nhà Phiên. Hai người ở dưới thung lũng gần hai tiếng đồng hồ. Họ vui vẻ với ba gói chiến phẩm trên tay. Quả đã tước khỏi cành, dễ gói, và gói được nhiều. Nhưng chúng tròn trịa nên dễ trượt lên nhau, lủng củng vắt thòng qua vai ông. Ông thấy sung sức như thời trai trẻ đeo ba-lô leo núi cắm trại. Ông vui trên đường đi, và vui hơn khi nghĩ đến lúc về, ngồi an vị trong chiếc ghế bành cổ cao, nhìn cô nhơi quả. Cô gái đi trước, được mươi bước cách quãng thì đứng lại chờ. Hai bọc dâu buông thõng. Màu đỏ của váy vẹt xéo lên hai rìa trắng.

Đã nhìn thấy nửa lưng đen xì của con lộ lớn. Nắng đổ sơn bỏng trên đó. Mắt ông hoa lên. Ông như từ nơi tối bị đẩy ra ngoài. Từ lúc hay bị chóng mặt, ông không còn thích nắng; và đôi khi còn thấy rất dè chừng. Như lúc này. Nó đốt rụi ngay cảm giác trẻ trung vừa định hình trong ông. Cơn chênh choáng tăn tăn trên má. Luồng sóng lan của nó giống

như trong khi ngủ mà hai tay bị kẹt dưới gối hoặc bị gập cong lại. Ông gặp nó quá nhiều lần để có thể kinh hoàng và bị ám ảnh. Nó đến thăm ông, đặt ông lên đu, và đẩy. Rõ nhất là tuần lễ sau khi về từ phòng cấp cứu. Buổi trưa nào, khi chân ông từ phòng họp mát rượi bước ra thì nó như đã phục sẵn ngay song cửa, chui tọt vào ông, rồi ngoi lên từ dưới bụng. Nó đạp vào ruột gan ông mà chòi lên. Nó chận máu tim, bóp hơi phổi. Nó như một ống phun khói cợn lên bầu trời xanh. Nó là vòi chì xám, đang điềm nhiên xịt khuôn từng gang cơ thể ông. Ông nặng dần cùng với sự tê điếc nhẹ tênh của cảm giác. Không gì dễ hơn là ngã vật xuống, trải cuộc sống vào đất. Ông nghe mình đang chết. Cái chết đếm giọt, không vào, mà từ cơ thể ông ra. Đã mất bao nhiêu rồi; và còn bao nhiêu giọt sống trong ông? Ông nhẩm đếm, và bàng hoàng với sự tinh nhạy phù du lạ kỳ của các giác quan: khoảng con số 100. Vội vã, và như một phản xạ, ông thọc tay vào túi áo trước, nơi ông nhét lọ dầu xanh. Run tay, mở nắp. Hít lấy hít để. Còn hít vào được còn cảm được mùi thơm hăng của nó là còn hy vọng sống sót. Ông liếm vài miếng. Vát lưỡi chun lại vì cay. Thế là ổn. Ông nuốt ực, nhắm mắt, tập trung và tập thở ngoài hành lang đến gần 60 phút mới tịnh được mà lái xe về. Có lẽ cơn váng cũng có trí khôn. Nó biết nên tấn công ông lúc nào, và lúc nào nên ẩn mình chờ thời. Suốt ba ngày ba đêm trong bệnh viện, nồng nặc mùi thuốc sát trùng, dao kéo mạ kền bóng loáng, dầu mệt và ăn uống ít, kém nhu cầu vệ sinh, nhưng tuyệt nhiên ông không hề bị nó quấy rối. Đầu óc ông hết sức sáng tỏ và đôi mắt trăm phần tinh anh. Ông có thể nhìn cắm đinh một vật trong suốt 10 phút mà cơ mắt vẫn không mỏi. Chiếc hình nàng (mẹ Phiên) chụp chung với cô con ngày Phiên mãn khóa lớp 12 mà ông nhờ anh bạn thợ ảnh quen phóng to gấp đôi là cuốn sổ thời gian chính xác nhất. Nó đã cùng ông mấy lượt nhìn qua cửa sổ ngắm trăng sao. Nó đã cùng ông hàng chục phen ngồi xe lăn đi về từ các phòng quang tuyến siêu âm. Chưa bao giờ ông rời nó (vì khổ lớn, ông phải kẹp vào sách để nó khỏi bị rách nhầu; cũng tiện: nó thay cho bìa đánh dấu). Ông đã cắm đinh từ mẹ sang con, rồi thầm cho điểm: bằng nhau. Màu của mẹ: cam, hửng đỏ; của con: xanh. Vị của mẹ: ngọt, hoặc trên ngọt phần tư nấc; của con: chua, đắng, ngay cả những lúc nó muốn trở thành ngọt cho vài giây. Đôi mắt được sử dụng nhiều mà vẫn linh động.

Đã mất đi rồi bao nhiêu tinh hoa kể từ ngày thứ bảy sau khi xuất viện!

[Ông bác sĩ chuyên khoa chỉ biết lắc đầu, vỗ vai bạn (hai người hơn hai mươi năm trước vào cùng khóa lính): cách duy nhất để khiến cho tình trạng không tệ hại hơn là thể dục và dinh dưỡng. Hai lá phổi của

ông bây giờ 'chẳng ra làm sao cả,' chỉ là hai hõm cao-su đã giãn hết mức. Chúng, ngay hình thù đã kém đẹp, và càng kém hơn trong chức năng: không co lại đủ để từ vị trí đó nở ra, hấp thụ đủ lượng dưỡng khí cần thiết cho mắt nhìn và cuộc sống khỏi chao nghiêng. Vì tình bạn, và bởi họ cũng đã vượt qua mức tuổi 'biết mệnh trời,' vị bác sĩ thẳng thắn: "nếu cho là đủ thì chúng mình đã sống đủ; với tôi, nhất là với bạn, một ngày sống là một ân thiêng. Đôi vây hô hấp như đôi cánh bướm lão vượt trời giông: chúng có thể không còn lực nâng bất cứ lúc nào. Bạn cố giữ cái đầu: nó là mặt biển, và sinh mạng của bạn là con thuyền; biển càng bớt xôn xao, càng tốt."]

Hình như lớp xe buổi sáng nay dồn hơn. Hai má ông lúc này như đang bị ong châm. Tiếng động bên ngoài không vào ông qua ngả thính-giác, mà nó nhói và rung ông từ dưới rốn. 'Đôi cánh bướm!' Không hình ảnh nào hơn về mức thơ mộng và não nề! Cánh bướm thì tơ mà tiếng động thì thép. Bóng cô gái trước mặt là cánh bướm vĩ đại. Ông nhắm mắt, chịu thêm lực xoay khác: chiếc váy tốc và ẻo quần lót đỏ ngầu của cô! Ông bỗng rùng mình (không hiểu vì sướng hay sợ): lỡ ông gục chết giữa đường, hoặc... (đừng, đừng nên thô lậu quá như vậy!)... nơi (nhà) cô gái! Ông móc túi, mở nắp chai dầu xanh đưa lên mũi. Ông nhấm vài lượt, thoa mạnh lên hai thái dương. Mùi dầu thật dễ chịu. [Nó dìu ông bay giữa rừng bạch đàn. Khúc gỗ đốn theo chỉ tiêu nằm trơ dưới bụi lau. Một số bạn tù vẫn còn đang hì hục với cưa và rìu. Dòng suối đưa về trại. Hôm nào kia ông nằm sấp sát bờ bất tỉnh vì kiệt lực. Lá bạch đàn vắt hương, bay, vỗ an ông. Rồi hôm nào nữa, tìm được nhánh suối lạ nước rêu thẫm và đặc như thau sương sa; thả gỗ, vắt tay tựa cằm lên thân tròn còn hăng nhựa mới; bên trái, gần nhất là trại tù, bên phải, trước sau: những hướng bờ xa hơn nó, là tự do; thôi, cứ tìm cái thường ngày vời vợi mà lúc này đang ôm ông và được ông ôm vào, gạt bỏ mọi thứ khác sẽ đến cuối buổi lao động, trôi dòng: ông hạnh phúc hơn nhiều chứ cái chú Tom Sawyer trong truyện của Mark Twain? Vì bên cạnh ông, chung quanh ông; và trong chính ông nữa: thứ hương, vừa thơm, mà vừa chữa thương được... Nó, đây: theo ông đến nửa vòng địa cầu.] Mùi khuynh diệp đang lay tỉnh ông, nếu không lâu thì ít ra cũng giúp ông sang được bên kia đường. Nó đã là cứu tinh của ông, lôi ông lên từ cõi nửa mê nửa thức, bơm máu vào hai tay ông tê dại, bóp nhay hai thớt phổi chai lì, lái thay ông suốt mấy mươi dặm đường trong những lần chạy lo công việc. Sức phù trợ của nó thật phi thường. Nó giúp ông nhắm mắt vân du mà vẫn không va đụng. Nó đưa ông đến nơi ông muốn đến. Ông chỉ còn mỗi việc thở phào, "Rốt lại, lần nữa, mình đã thắng!" Ông, và chỉ mỗi

ông là biết được năng lực đáng ca ngợi này của nó.

Nó lại lần nữa cứu ông. Nó đưa ông vào nhà cô gái yên bình. Ông tự nhủ, đoạn đường về hãy khoan nhớ tới. Cuộc sống của ông giờ phút này chỉ gom vào hiện tại. Cô gái bóc đưa cho ông vài quả dâu ngâm trong ly đá tẩm tí mật ong. Ông nhấp, ngửa đầu, dựa lưng nghỉ trên chiếc ghế xoay cạnh bàn máy chữ, trên đà ngang có tấm ảnh của nàng (giống hệt không gian nhỏ bé trong phòng ông, nơi càng ngày càng thân yêu với ông; nơi mà ông nguyện, trước khi ngủ mãi, sẽ dùng vài hơi lực cuối cùng gõ lên đó ba chữ mà trong kiếp đời này chưa được nói với nàng).

Ông quá mệt nên đành nghĩ được thấy cô nhai quả trong mắt nhắm. Dầu sao, nếu lỡ có xuôi xa, ông cũng đã hoàn tất lời hứa đưa cô thăm 'thung-lũng-gian-nan.' Hôm nay, ô, hé nhìn lên quyển lịch, ông chợt nhớ: đúng 100 ngày sau khi ông rời bệnh viện!

*

Chú vẫn muốn hoài đóng vai người lớn. Mình biết. Nhiều lần mình vờ như giận dỗi để 'cảnh cáo' chú về việc này. Người ta không thể cứ bó khuôn trong một vai trò, cho dù đó là vai trò hay ho nhất. Vai trò của chú thì ngược hẳn (chú không nghĩ vậy, tất nhiên!). Mình đọc sách, và hơi băn khoăn (tuy có chút mừng rỡ) với nhận định: càng lớn tuổi, người ta càng như con nít. Có thể con người muốn đốt lại ánh nến đầu tiên của đời trong những giây phút cuối? Hoặc như đốm lửa quẫy rực trước khi lụi tắt? Mình không, rất không thích chú là trẻ con (còn gì nhão lòng hơn khi nhìn thấy sự chênh lệch khôi hài kia nơi một con người!?). Chú phải chững chạc với vị thế mà tên gọi đã đặt để. Mình sẽ không cam chịu bỏ ra lấy một cái liếc mắt ném vào cái con người đã tự nguyện hay vô tình uống vào liều thuốc hồi xuân. Nhưng trong sức khỏe thì có lẽ khác. Nhìn một đứa con nít đi đứng vững vàng; nhìn thấy trong da thịt của nó những chấm sống và những giọt máu giàu sang vẫn nức vui hơn khi phải chạm mặt với một khối bàu nhàu tan tác (ồ, mình không định quá độc ác trong tư tưởng như vậy, nhất là đang trên đà giao tiếp với chú). Nhưng chú ơi, vị bác sĩ nào kia, ngay cả chú nữa, chắc không ai trong hai 'cảm' được lồ lộ (chữ dùng thật đau xót!) sự suy sụp của một thân xác bằng đứa con gái 'trẻ-con' này. Trẻ con thì trung lập, không thành kiến. Chúng đứng bên này chiếc cầu nhân gian. Đoạn bên này cầu, dù triệu bước chân đã giẫm đạp, nhưng bởi đó là những bước ngây thơ, quá nhẹ nhàng (nghĩa đen, lẫn bóng), nên các thanh cầu không bị xáo xác, cỏ lá trên cầu không chịu mấy tí xới vò. Và trước chúng là cả một chiều dài hun hút, kích thích hơn là đe dọa.

Chú Hiểu? Chú đang đứng phía bên kia cầu. Nhưng đoạn nào? Số tuổi của người thọ trung bình là bao? Chắc không tệ lắm, với thủ thuật của nền văn minh hiện đại. Vậy thì với tuổi của chú, tuy chú đứng phía bên kia cầu, nhưng chưa hẳn là quá xa đến nỗi tầm mắt mình không vươn tới. Ấy là nói về cái bình thường. Chú Hiểu! Chú có bình thường như những con người bình thường? Mình không đá động đến cá tính (ở chú, hẳn là 'không giống ai,' nhưng tổng thể thì chưa đến độ 'nguy kịch' [về điểm này! xin lỗi chú yêu của cháu, nhé!]). Chỉ muốn bàn về thể lý. Từ lúc mình có trí khôn đến giờ, mười mấy năm qua, chú vẫn mảnh khảnh như vậy. (thế mà dám xin vào ngành chiến đấu cơ đấy!) Và từ lúc có trí nhớ đến giờ, hình như chú ít khi bệnh (ngay cả sau khi rời trại giam; những chứng dị ứng thông thường [thứ mà mẹ hay mắc nợ], chú cũng được miễn trừ). Vậy thì nên xếp chú vào hạng: khỏe (hiểu theo nghĩa ít đau ốm, nhất là đau ốm vặt, như mẹ; ồ, xin lỗi mẹ thương yêu của con!). Nhưng vấn đề không đơn giản, và không ngừng ở đây.

Chú yêu mẹ. Mẹ lại chỉ xem chú như người em trai. Đó là lời 'tự thú' của mẹ với mình đêm của ngày mình lãnh chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông. (nguồn vui của mình đã đánh động nỗi niềm của mẹ? Từ nhỏ, mình chỉ được biết mẹ có người em họ xa đang sống bên này. Mẹ cho mình xem lại một vài món quà chú gửi.) Mẹ thêm, mối dây liên hệ gia tộc nối mẹ ở đầu này và chú ở đầu kia dài đến độ hai người phải 'chạy suốt ba ngày mới gặp được nhau.' (mẹ có nhiều lối so sánh rất 'Bắc kỳ' hết sức đáng yêu.) Giá chú và mẹ cặp đôi thì cũng chẳng phạm lễ nghi gì. Nhưng, tình yêu! Mẹ chỉ chép miệng, và mình thoang thoáng hiểu được. Trước khi được mẹ giải thích, mình không để ý lắm mối giao thiệp giữa hai người. Nhưng từ đêm đó, mình bắt đầu quan tâm; và nhân vật được mình 'chiếu' kỹ hơn là chú. Thu thập thêm nhiều sự kiện, mình hiểu và tội nghiệp cho chú biết mấy! Nhưng trước, và trên hết là mối cảm phục. Sự kiện một người yêu một người, vượt không gian và biến cố, ở thế kỷ này, tình yêu đó đáng được dựng miếu tưởng niệm. Trong khi sự liên quan giữa mẹ và chú là ngàn trùng xa thì giữa chú và bố quá gần, gần đến như 'chỉ ngước lên là cụng đầu nhau': hai người là anh em chú bác. Thuở học trò, mẹ và chú vẫn thường đi về chung xe. Tình cảm chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình. Nhưng từ khi mẹ gặp và quen bố (bố vào thư viện trung ương mượn sách, quên thẻ! Thấy bố tuyệt vọng ra mặt [bôn ba khắp chốn, lúc tìm được tài liệu thì lại không mang giấy tờ mà sáng sớm đã phải nộp bài; nhà thì xa mà thư viện sắp đóng cửa], mẹ thương, hỏi, và mượn cho bố) thì tình cảm của chú với mẹ chuyển sang trìu mến, nồng nàn. Đang vốn rất tùng phục và kính trọng anh, chú bắt

đầu ngấm ngầm ghen tức, đôi khi công khai buông lời kích bác. Hai người đàn ông, người nào cũng muốn xích gần mẹ; và vì thế, càng cách xa nhau hơn. Mẹ không làm tròn vai trò hòa giải. Mẹ khổ sở vì khi vừa tìm được cái mới thì lại đánh mất cái cũ. Tình cảm, và tình yêu: thứ nào cũng dạt dào sức mạnh riêng của nó. Mẹ không đủ mạnh để lướt trên chúng.

Đã làm rách thì phải tìm cách khâu vá (mẹ trích lại lời chú): chú tình nguyện vào quân đội; ra trường, xin tác chiến. Mỗi năm chỉ một lần lên thủ đô thăm mẹ cho mẹ khỏi trách móc. Chen giữa thời gian hội ngộ của hai người, lúc thuận tiện, chú nhờ bạn bè hay thuộc cấp mang về biếu mẹ (và bố) món quà (lính, địa phương) nào đấy. Những ngày chen lấn kinh hoàng, chú đến gặp mẹ lần cuối, nói là Sài Gòn sẽ chỉ còn là nơi để nhớ về, cũng như mẹ từ bấy nay. Chú chỉ là con sóng nhỏ trồi hụp theo độ gió. Chú sẽ tự ký giấy 'thuyên chuyển' về một nơi thật xa, để mẹ bình tâm quyết định. Chú lên tàu, rời nước. Yên ổn rồi mới biên thư về thăm chị và anh. Biển đã thực sự ngăn cách chú và mẹ, nhưng lại hàn nối tình cảm giữa chú và bố (trong thư, phần thăm bố vẫn dài hơn). Bố và mẹ gửi thiệp sang báo tin ngày cưới của họ. Chú gửi quà thật đẹp, và cả tiền về mừng (quà cho chị; và tiền cho bố). Năm mình sắp vào mẫu giáo thì được làm chuyến ngao du thật xa, vòng vo tít tắp bên kia địa cầu, đến nỗi ngay tên (họ) của mình cũng bị xoáy ngược từ trước ra sau!

Chuyến phiêu du vỡ nửa! Bố bị mất tích cùng vài ba người khác trên thuyền trước đòn hung bạo của biển!

Mẹ âm thầm đơn chiếc nuôi con. Ong bướm xin mời sang chơi vườn khác, hút nhụy hoa khác!

Chưa biết người em xưa của mẹ đang ở phương nào. (những ngày mới sang, chiều ý mình, mẹ cho phép mình gửi chú một bưu ảnh; năm ngày sau, ảnh được trả về, lý do: người nhận không còn ngụ chỗ cũ; từ đó, vừa không biết phải làm gì [mình còn quá bé bỏng], mà mẹ thì quyết tâm bịt kín hành tung.) Mình thì quá đau lòng với mặc nhận của mẹ: người thứ hai, người cuối cùng trong gia đình, cũng đã... mất tích!

Cuộc sống nơi này hình như không có quá khứ. Không có chỗ cho cái gọi là hôm qua. Ngay cái gọi là hôm nay, hiện tại, trời đất cũng không cung cấp đủ thời lượng và không gian cho nó. Con người phải tìm cách bành trướng, nới rộng nó hơn, bằng mọi cách. Người ta sống mà cảm tưởng như hôm nay là ngày cuối cùng. Chưa bao giờ cuộc sống mong manh và đáng nâng-niu, đồng thời bị ngấu nghiến bạo hành đến thế.

Sài Gòn, với mình, càng chỉ là một tên để gọi: tất cả là do âm dễ

thương của nó: sự dễ thương của quá khứ, mà mình muốn mang nó vào hiện tại, và cả tương lai (ai đoán được ngày nào đó mình sẽ đối diện và nếm?).

Sự không thể tiếp xúc với chú, trong hiện tại, mong không là con nước chảy vào rãnh lửa hy vọng của mình.

Quả đất tròn. Thế giới hóa ra không bao la như mình tưởng. (nỗi thất bại quá dịu dàng!) Đất nước kỳ vĩ này vẫn không đủ chỗ cho những gót chân khỏi giẫm lên nhau. Từ tiểu bang miền đông sang một góc biển miền tây dự lễ cưới người quen; nhân buổi chiều đưa cô bạn gái đi làm tóc lót thảm cho đêm hội, chú 'lạc' ngay vào tiệm của mẹ! Hơn mười năm. Thế mà giữa họ không có (biết) gì để nói! (cảnh hai người lặng lẽ nhìn nhau giữa khối vài chục người chộn rộn trong tiệm quả là hình ảnh 'lạc-lõng' khó hình dung trong đôi mắt và cảm nghĩ người bản xứ! Con thuyền giữa biển khơi. Một con thuyền đang tìm được bến, giữa ngàn nước: cũng là điều khó hình dung!) Chỉ hành động sau đó nói thay: chú tự ký lệnh 'chuyển công tác' đến một nơi thật xa để được 'gần' mẹ. Quê hương thứ hai chính thức được thừa nhận. (lời chú.)

Chiếc va-li và hai món quà nhỏ trên tay: tất cả hành trang của người chuyển bến.

Dự tính tương lai với người bạn gái bị hủy bỏ với sự đồng thuận từ cả hai phía.

Chú xuất hiện trước mình như ánh sáng; với mẹ, lại là bóng đêm. Nhưng thời gian (cảm ơn mi!) đã mài mịn các cạnh góc nhám nhúa của đòn hất hủi của mẹ với chú. Mẹ lịch lãm (có lẽ mẹ học được từ bố), tiếp đón sự gia nhập thân ái của người em từ nơi xa xôi. Mẹ dịu dàng gỡ khỏi vòng 'vây' của chú, tha thiết xin chú nghĩ đến tương lai của đứa cháu bất hạnh. Mọi nắp dự định, nếu còn ấp ủ, xin được mở lại sau ngày thành đạt của cháu.

Chú già hơn, so với tưởng tượng, song trẻ hơn khi mình đặt chú lên bàn cân đối nghịch cùng những ông bố ông bác của lũ bạn. Chú cần cỗi, nơi những gì chú chưa (hoặc không) bày tỏ (mình chỉ đoán qua sự bỏ lửng câu nói, nét nhăn trán, cau mày), nhưng rất tươi ngon ở giọng cười – giọng cười mà sẫm tối nào đó, trời chuyển mùa gây lạnh, lúc mình ngóng chú nhất (mình cứ ví chú như ngọn đuốc) thì (tạ ơn trời!) chú đến, mừng cuống đến làm tõm chùm chìa khóa xuống bụi bông giấy mò hoài chưa tìm được. Chú cười làm rung động buổi chiều của trời và buổi mai trong lòng mình, "Cô bé này hay ghê! Vờ hay thật đấy hả cô? Cô không nghe bước giá của đêm đang về trên tai, tóc cô sao? Cô định bắt ông chú của cô đứng chờ ngoài trời đến hóa thành snowman cho cô kịp có món

quà đón Giáng Sinh?" Chưa giọng cười và tiếng nói nào gây bàng hoàng cho mình đến thế (kể cả anh chàng đẹp trai nhất lớp; đọc thơ kịch của Shakespeare hay nhất đời; và bền bỉ nhất hạng trong việc theo đuổi mình)! Chưa lời nói nào vừa vờ vừa thật mà lại quyến rũ đến vậy! Và mình có quá đáng không khi bảo rằng, nó, thứ ngôn ngữ bình thường kia, và ngay từ rễ nguồn đã làm nẩy lên thứ ngôn ngữ đó: chú; ở tất cả: đã mang đến tặng cho thứ thực phẩm mình rất thèm thiếu tuy chưa biết nếm song đã có thể định ngay danh tính: quê hương. Chất quê hương quấn vào ánh mắt, nằm trên nụ cười, quạt lên mái tóc; và (kỳ cục quá, nhưng sự thật hết sức xôn xao, lấn trội, cần được cạy khui)... mùi vị của 'con-người' của chú! Mùi đồng ruộng chăng? Rừng đồi chăng? Những vật thể thiên nhiên này, nếu tựa trên tên gọi thì nhìn đâu không thấy? Cái mà nơi đất nước này, và bất cứ nơi nào khác cũng không thể tìm, là hơi hồn, màu máu, dậm tim; tóm, là tinh tủy... là giọt lỏng pha-lê trát mịn màng tận mỗi khía, là sự ngập ngừng khiêm tốn và rất mực ôn tồn, khoan dung, dù đứng bên hoặc cúi xuống khổ đau. Cái mùi vật chất mà linh nhã. Cái mùi tinh thần mà cắm dọc mình xuống đất như quy tụ trong sức đóng của bao ngọn núi. Chúng kết tủa nhau, chừng như phân định được mà cũng chừng như lãng không. Đó là sự dung hòa hảo hạng. Chính tính chất này, đang thong dong mở lối thoát qua giọng nói của chú đã khiến mình... bất an! Mình như bị đổ khuôn khắp người. Hoạt bát như mình thế mà mồm vẫn bị dán keo! Lá cỏ cọ vào hai cánh tay trần nhột điếng. Con tim mình hóa lỏng. Thế mà mình biết, những nơi khác của mình đang đóng băng. Mình đang là 'người tuyết' với con tim biết cảm, biết thèm được là thành món đồ chơi cho... Lần khân mãi thì mẹ ra. (Mẹ nhìn thấy chú từ trên bao lơn, xuống định mở cổng cho chú.) Mẹ á lên đầy kinh ngạc khi bắt gặp cô gái cưng lò mò vọc tay 'bắt sâu' trong bụi hoa. (rồi không hiểu tại sao mẹ lại) Biết chuyện, mẹ cũng cười, song dáng cười và tiếng cười của mẹ là sự tội nghiệp của kẻ lỗi đời với đứa thơ dại; của người không-bao-giờ-lầm-lỗi với đứa hay vi phạm. Tự dưng (ôi, con xin lỗi mẹ kính yêu của con, đấng tạo hóa của con!) mình cảm thấy... bớt thích mẹ (phần bớt kia, mình sẻ sang cho chú!). Ôi, giọng cười, mùi cười, ngàn đời khó được nghe từ người thứ hai. Ánh cười và mà nếu tắt đi rồi, cảm tưởng đất trời cũng vói hụt theo và thế gian không cần đến nữa những sáp đèn ước lệ.

*

Chú đang ngồi kia. Mặt đã bớt đỏ; và hơi thở đã khá điều hòa. Ly nước nóng chanh đường mà Phiên pha cho chú đã vơi gần hết. Cô đã ép chú nằm xuống nệm nghỉ. Chú, giọng nực mùi bia, nếu cháu bắt chú

nằm là chú không bao giờ ngồi lên lại đấy. Cháu có biết nhiều khi chú phải ngủ với một mắt mở, mở để liệu còn tìm cách đánh thức con mắt kia cùng nhắm hướng bơi đến bờ sống. Chú cười sau câu nói. Âm cười nặc vị đắng của bia và của điều gì kia mình biết lắm không sợ sai chạy. Chú say nhầu mà còn tỉnh và láu để đùa và thực với mình như vậy sao? Và cô cất lên kệ ly nước chanh đang định bảo chú uống cạn. Phiên bỗng muốn tinh nghịch; và trong cô như có lực đẩy bảo cô làm thế nào cho chú đừng giã rượu hẳn. Trạng thái ngầy ngừ lửng lợ của chú, cô nghĩ, là cửa ngõ giúp cô xâm nhập được vào cõi riêng và thực của chú. Cô, rất ngoan, trả lễ trước cho phần tai quái mà cô sẽ áp-dụng:

"Chú đừng nói vậy, cháu sợ lắm!"

Ông cựa lưng khỏi ghế, rồi ngã bật lại:

"Cháu khiến chú nhớ đến mẹ," ông rướn người để thở. "Cháu biết? giữa sáu tỉ sinh linh trên trái đất này, mẹ cháu là (đắn đo) người mà chú... và... sợ nhất!" Ông chừng muốn ho, nhưng nén được. "Nhưng, chú không sợ cháu như sợ mẹ cháu. Và cháu chớ..., nhé! Ôi chao, chú... chú nhức đầu quá! Lâu, không uống, mất cả tính... miễn nhiễm!"

Cô yên lặng; ông bóp trán:

"Phiên biết không? Nhức đầu là chứng bệnh mà chú ghét nhất, và khủng khiếp nó nhất. Chú chịu đổi nó với bất cứ chứng bệnh nào khác, dầu hiểm hóc hơn nhiều.

...Cháu thấy không? Có những thứ mình thương mà vẫn sợ; nhưng cũng có những thứ mình sợ mà không chút thương. Như cơn nhức đầu đang gõ dùi trong óc chú đây. Nó đục lỗ cần mẫn và liệt bạo không thua gì cái máy chẩn đoán sọ não trong nhà thương!... Ồ, chú lẩm cẩm thật! Cháu đi nghỉ đi, hay học bài gì đó. Mặc chú! Nếu có thể, cho chú xin một chút nhạc-thuần-nhạc."

Phiên yên lặng. Cô muốn nghe. Cô không muốn âm thanh chen vào giữa chú và cô. Cô tự ý (và thích được) làm trái lệnh chú. Ít ra, cô vừa biết thêm được một điều. Cô không nghĩ mẹ quá 'đáng sợ' đến nỗi chú cũng phải e dè, nhưng vẫn có phần tin vào chú. Mệnh đề trước đó, một chữ để trống thì từ lâu cô đã hiểu. Cô nhận thấy chứng đau đầu mà chú đang chịu đựng chừng như không đáng ghét lắm như chú tưởng. Nó, nhờ rượu mà biết. Nhưng nó không do rượu mà có. Cần quyết đoán ngay, nó là hậu quả của những năm thương nhớ; và cái nhân tình cảm cô đơn này như điều cô vẫn quan niệm: đáng dâng lên bệ thờ. Cô muốn thêm vào trong ly của ông một chút chanh và một chút nước nóng. Cô muốn mang nó đến, giữ nó trong hai tay khum, cho ông uống từng ngụm. Trong kia, vẫn có chút rượu. Cô có thể sẽ thêm vào vài giọt rhum. Rượu, lúc này,

sẽ mang tác dụng xoa dịu ngược lại. Nhưng cô vẫn đứng dậy, đến cửa kiếng nhìn ra. Một vạt thung-lũng gian-nan mở òa về mép trái. Nơi đó, mặt trời đang xuống. Màu đỏ tươi lên mọi vật được pha thêm màu của chính vật đó khiến cho vùng trời ửng lên nhiều tiểu sắc rất ngoạn mục. Nhưng cái màu trung tâm, cái màu của rượu dâu mà cô rất thích thì không khác gì màu da mặt của người đàn ông ngồi dựa ghế cách cô mươi bước. Lũ sẻ trước sân nhà đang chia nhau hoa lợi của một ngày tìm mồi. Biến khúc chuyn chuýt nghe thật yêu đời. Phiên muốn khóc như sáng nay đã, dưới thung lũng. Hoạt cảnh đáng yêu dàn trải mỗi ngày hai lần sáng chiều kia mọi khi khiến cô rơi nước mắt vì hạnh phúc bởi biết mình được sống được nhớ người sống và người chết thì trong giờ chiều hôm nay lại khiến cô rơi nước mắt u sầu. Cô hiểu thêm, khó tìm lại được cảm giác của buổi sáng nay. Đó chỉ là ý thoáng về một mùa tươi chợt nhiên quay về. Về, nhờ gió; và tức thời bị gió mang xa. Cô trở vào. Ông vẫn đang nhắm mắt. Phiên không nghĩ ông ngủ vì thỉnh thoảng cô thấy ông gật đầu. Ông đang tự trò chuyện, tự bảo ban, và tự thi hành các lệnh. Trong bộ óc dưới vầng trán với năm, sáu đường kẽ sẫm của da mặt cau có đang sôi nổi những hò hét bố trí. Ông như con rối, chẳng khi nào yên ổn với chính mình và với chung quanh. Ông tự đuổi, đấm giữa con thác trong chính ông. Phiên mỉm cười, sao mình cứ cho rằng chú đang nghĩ những ý nghĩ của mình? Mình đã không sống cuộc sống của chú; không giúp được chú gia hạn cuộc sống của chú thì tại sao cứ bắt chú khổ sở vì những tranh chấp do mình tạo nên? Phiên nhớ câu chú vừa nói, "Cháu bắt chú nằm là chú không bao giờ mở mắt lại đấy!" Cô đau đớn biết mình nhớ, thích nhớ, tự dưng nhớ tất cả những gì dính dáng đến ông. Ông không nói để dọa cô. Trong cơn say, bộ óc ông chỉ làm nhiệm vụ hóa nhập thành lời điều nó chiêm nghiệm từ hơn ba tháng nay. Phiên xót xa hiểu rằng ông đã khốn khó dường bao khi buộc phải chia một phần cuộc sống vốn đã không còn cứng cáp gì lắm cho nó! Nó là kẻ cướp; là nhát dao của kẻ cướp bủa xuống một xác thân đã mất lắm phần tính bén nhạy; ác hơn nữa, lại dừng dao giữa chừng. Ông là biểu tượng huy hoàng và khốn đốn nhất của chân lý nghịch "sống= hết-sống".

Mẹ nằn nì con hãy cho phép mẹ bán nhà (căn nhà càng ngày càng rộng, và mẹ càng ngày càng cảm thấy như bơi trong nó!) rồi mẹ con mình sẽ dọn sang thành phố Atlanta. Con chẳng từng bày tỏ với mẹ là con mê mẩn thế nào miền đất từng vinh dự được đón bước chân nàng Scarlett chanh chua trong cuốn phim mẹ con mình vừa xem lại? Đây là dịp may bất chợt, và chắc là độc nhất. Ngoài việc thỏa lòng con, nó cũng thỏa lòng mẹ. Phiên mượn cớ khí hậu nơi này rất lý tưởng cho việc

xoa êm các cơn dị ứng của mẹ; cô đã quen thầy, quen bạn; con đường học tập của cô đang trên chiều thẳng tắp. Còn năm cuối; và trong năm này, cô cố gắng duy trì thứ hạng hiện nay. Sau một hay hai năm đại học, cô hy vọng gần như tuyệt đối là sẽ xin được học bổng của một Viện danh tiếng ở Chicago vẫn hằng năm dành cho một vài sinh viên xuất sắc.

Mẹ buông dây đang nắm, "Vì việc học của con, tất cả vì tương lai của con: mẹ làm theo ý con!"

Mẹ lơi là dần dự định đổi chỗ.

Ông thuê phòng gần nhà Phiên. Ông nói ông thích khu yên tĩnh này. Sau một ngày làm việc, về nhà là về với nghỉ ngơi hoàn toàn. Bình minh, trước khi vào sở; và ban tối, trước khi vào giấc, thả bộ quanh khu phố, tâm tư hòa lắng với khúc nhạc thiên nhiên, niềm khoan khoái là vô giá. Vết thương do đạn bắn chạm phổi trong những năm tác chiến vẫn đôi khi khiến ông khó thở. Không được gần, nhưng gió biển vẫn thổi vào thành phố: những cơn gió lành đối với bệnh tình của ông. Mỗi tuần, ông đến thăm mẹ cô một hoặc hai lần. Thỉnh thoảng mời hai người ra bãi tắm nhảy sóng hoặc mua sắm. Đa số lần, người mẹ từ chối, viện cớ công việc làm ăn đã làm bà mệt mỏi, khó thể ngồi xe chơi xa, cần nghỉ ngơi. Cô gái tiếp bạn thay mẹ. Phiên rất mến người chú khi thì đãm chiêu như đá tảng, lúc cợt đùa tựa gió vịnh. Ông hay nhắc về Đà Lạt, thành phố mà ông cho là có rất nhiều nét giống với thị xã này. Ông hỏi cô về bài vở, và thích thú khi biết cô định chọn môn Tâm lý học khi học lên. Cô hay hỏi ông về cuộc đời, về tình người, về quá khứ lúc bố cô còn sống và mối giao tình giữa ba. Số vốn mẫu ngữ của cô không quá tệ (nhờ mẹ rèn cho luôn) nên cô có thể hiểu phần lớn các ý niệm tế nhị mà ông đề cập. Ở nhà, mẹ cô, tuy rất dịu dàng với ông, nhưng hình như bà muốn 'nhường' đa số thời giờ tiếp cho con.

Ông không muốn tiến xa. Với ông, được gần gũi với người ông yêu đã là hạnh phúc. Vì ông, bà đã lậm thú uống trà đặc và cà-phê không sữa. [bà cười: lần thứ nhất từ khi gặp lại, bà vui đến như vậy; bà thao thao: mấy ngày đầu làm quen (trà, cà-phê) là cả bao gian khổ: mất ngủ, người cứ như mây không hớp được gió; miệng nhạt phèo... Nhưng mặt khác, hình như chúng, nhất là trà, giúp bà nhạy bén và giải quyết công việc nhanh hơn.] Ông được đền bù bằng nguồn an ủi mới: đối ẩm cùng bà. Những cuối tuần, họ có thể ngồi thật khuya. Câu chuyện có thể về bất cứ, trừ mối giao thù giữa hai người. Bức tường ngăn cách đã bị phá sập một góc lớn.

Người vui nhất trong ba, là cô gái. Cô có thể trêu chọc ông ngay với sự có mặt của mẹ (điều mà trước kia không hề!). Ông 'trả đũa' lại cũng

bằng ngần ấy tính ranh mãnh. Hai chú cháu đã làm nên phiên chợ. Bà dăm khi cảm thấy mệt, xin phép lên gác nghỉ trước.

Và sự đùa cợt này hóa ra lại có mặt tích cực: nó giúp hai người trong cuộc bắt đầu nhích bước về nhau hơn, dầu có thể chính họ không tự phát hiện.

Có thể đó là tiềm thức chủ động; có thể gọi đó là tình cờ; có thể cho là thần giác của con tim đã đến hồi nhả tiếng. Sự hòa hoãn giữa người mẹ và ông là dấu khắc của một bước trở. Buồn thay, đó lại là bước trở lui. Không ai tưởng là nó đã đến. Những cơn mệt mỏi thường được diễn dịch là do thời tiết, công việc, tuổi tác, nỗi nhớ nhà... Không ai dám, dầu chỉ thoáng, nghĩ tác nhân của nó là thứ mầm của quỷ. Bà mẹ, giữa trang sổ với những con số không lấy chi phấn khởi, nghe nặng ngực. Cơn nghẽn không chịu nằm im như con bệnh. Nó dội lên, bóp lay chặt hơn. Con người trở lại là cây sậy ẻo lả trước trận hồng thủy. Bà không xê dịch nổi hai chân dưới sức nặng của cơ thể. Xe cấp cứu đến đúng 15 phút sau. Bà đang vật vã từng hồi với sự nhồi lắc của nước: nước trong cuống họng; tít dưới kia; ngay bên vú trái. Nước; nước khắp nơi!

Kỹ thuật tân kỳ; chỉ có nó, chỉ nhờ nó, thứ siêu-kỹ-thuật của đầu thiên kỷ do con người chế tác và trang bị thêm vô vàn móng vồ cấu tuyệt hảo và các cặp mắt thần mà các bóng ma mới bị chiếu tướng và bị cào tung khỏi mặt da thịt và trong máu người. Cùng với sự khám phá nó là bước thoái của một thân sống: bản án đã được tuyên; và bản án dành cho kẻ bị mai phục! Bây giờ, với bà, không còn là lúc đếm đời từng năm, từng tuổi. Mà là từng ngày; phúc đức hơn, từng tuần, bán nguyệt! Con tim bị teo nhỏ chỉ bằng quả tim của chú thỏ con chỉ cấp cho bà bình điện giới hạn để chạy máy các cơ năng, và vị bác sĩ đo đạc: định mức ngày lung lay phồng phễnh ở con số 200.

Những ngày cuối, lợi dụng khoảng hở trong vài đợt ngưng công kích của bệnh, bà khuyên con, hoặc chuyển lên thành phố của nàng Scarlett ở với bà cô; hoặc mời một người bạn gái về sống chung, nếu cô cứ nì nằn yêu mến thị xã bé nhỏ vùng biển này. Bà cố gạt phắt viễn ảnh quá bi quan về mối thân cận giữa hai người thân còn lại. Chỉ có cách là tin vào họ. Đó cũng là phương thuốc an lành duy nhất khi không còn phương thuốc chữa trị nào.

Có lẽ mẹ không cần phải lo sợ. Cái mà mẹ lo sẽ xảy ra (tuy không nói bằng lời, nhưng mắt mẹ và cử chỉ của mẹ còn nói hơn nhiều), chính nó đã xảy ra trước các cuộc nói chuyện thường không trọn vẹn của hai mẹ con. Những ngày tháng tiếp sau chỉ là những bước nện cho mặt đất được dẽ hơn.

Nhưng cô cũng nghe lời mẹ, mời cô bạn thân đến chia phòng. Người bạn Mỹ-Tây-Ban-Nha, ngoài sách vở và chân chào hàng bán thời gian cho một cửa hiệu điện thoại vô tuyến thì đổ hết thời gian còn lại cho công tác trồng trọt, nấu ăn, khâu vá. Cô ta khỏe, mạnh ăn, mạnh làm, thương bạn, tranh hết mọi việc trong nhà nên hầu như Phiên không còn gì để mó tay vào. Cô mỉm cười, lát nữa xong bài, sẽ thắp hương cảm ơn mẹ. Nhờ mẹ, cô rảnh rỗi thêm, để nghĩ đến... chú!

Ngoài vẻ phờ phạc của kẻ thức khuya điều khiển 'đội quân' phím chữ, ông không khác gì những người bình thường. Nghĩa là ông vẫn có hai buồng phổi để hít vào khí bổ và phun ra khí độc. Nếu nhìn ông bằng đôi mắt bình thường như những đôi mắt khác thì ông là như vậy, có thể còn hơn tí nữa chứ: lượng dầu, cholestérol trong máu: trung bình; áp huyết: trung bình; dạ dày, ruột non ruột già...: tốt; tuyến tiền liệt: không bị... liệt! (đó là căn cứ vào bản sao kết quả khám tổng quát ông mang về, nhân lúc ông ra ngoài trồng cây với mẹ, cô tò mò đọc được.) Như thế, quả là đáng mong ước. Đúng: nếu cô vẫn bị bưng mắt với chính cô vì tờ tường trình với một loạt hàng dọc ngay ngắn chữ 'normal' kia.

Bởi đầu óc cô, ngoài mẹ, không bị chia sớt cho bất cứ bạn trai nào. Bởi còn giữ lại một lượng nhỏ luyến ái, sau khi chia sớt cho mẹ, cô có thể dành tất cả cho... cậu em họ xa của mẹ. Biết nó là nhỏ, là không đủ, tự cô 'sản xuất' thêm để bù vào. Cô không tự trách, bởi cô hiểu, hai tình thương mà cô cho mẹ và cho người khác (chú; còn ai vào đây?) không thể là đối thủ của nhau. Bởi cô là con gái, mắt tai còn tươi non, và trực giác thông suốt; và khi yêu, hiểu theo nghĩa tốt đẹp nhất của từ ngữ, mọi mật hoa của cô được dồn về đối nhân. Với những tính năng kia, cô phát hiện điều mà nếu tình cảm của cô chưa cao đúng mức như hiện giờ thì chắc cô không làm được. Hơi thở của người khác đó, phần nào trân quý hơn chính hơi thở của cô, và được cô cân nhắc tinh vi và chuẩn xác hơn hơi thở của chính cô. Có cái gì không ổn nơi ông chú! Da mặt hồng hào của ông là bức màn hóa trang tận tình. Ông thoảng khi hẫng một bậc giọng đang lúc nói chuyện với mẹ, hoặc (và) cô. Tách trà ông đưa lên môi hoặc đặt xuống bàn, hình như qua lớp sương của mắt cô, bị giữ và hơi sánh giữa đường đi của nó. Ông khẽ nhướng người, và lồng ngực ông như đang cố vẩy hơi ra. Ông hay lấy cớ về vội vì 'chợt nảy ra một ý tưởng mới.' Ông ít còn nhận lời chạy bộ với cô. (nếu có đi chung, ông chỉ lẽo đẽo theo sau.) Và đôi mắt, khi nhìn mẹ, trong và sau đấm đuối là một buông rời sững-sờ!

Ông bảo dạo này cơ thể hơi bất an, phải uống thêm vài thứ thuốc.

Bác sĩ dặn không nên thức khuya. Bác sĩ bảo kiêng mỡ dầu. Bác-sĩ khuyên... Còn cháu, Phiên, cháu lệnh cho chú gì nào? Ông cười dòn. Tiếng cười xưa kia làm tim cô xao xuyến. Tiếng cười lúc này bóp nghẹt lồng ngực cô.

Thật như đang chơi trò trinh thám, mà tệ hơn chứ. Ngượng lắm, nhưng không thể bị lường gạt mãi bởi màn sương trong mắt. Cô đến văn phòng bác sĩ chăm sóc cho ông. Cô bịa với anh y tá, cô là người quen của bác sĩ, xin gặp ngay, 'có việc nhà.' Tự giới thiệu với bác sĩ cô là con gái độc nhất của ông. Cô xin được biết hồ sơ bệnh lý của 'bố.' Cô buồn rầu, khóc (không vờ), bố cháu dạo này sao ấy! Mẹ và cháu gặn mãi, bố cũng không chịu nói. Thuốc uống xong là bỏ vào tủ, khóa chặt. Bố hay mệt, bỏ ăn, giảm cân...

Vội ký vào mảnh giấy nom như một loại đơn từ (không cần đọc nội dung), cô cảm ơn và giã từ vị thầy thuốc. Ông giấu vẻ buồn, siết chặt tay cô, bảo cô nhớ nhắc 'bố' thực hành càng đúng càng hay những lời khuyên của ông. Ông lập lại nhiều lần nhóm chữ 'giữ vững tinh thần.' Và câu nói sau cùng của ông khiến cô phải cúi đầu sau khi nghe, "Cuộc sống của bố cháu tất cả bây giờ tùy thuộc vào cháu!"

Quá nóng lòng, dầu đường về chẳng xa xôi gì, cô tấp vào mall kế bên, ngồi ngay trong xe, mở xem. Xấp giấy trong tay là số phận của một người được chú thích hẳn hoi bằng văn tự. Cái gút chính: hai lần của hai tháng trước, mỗi lần dài đến nửa tuần chú không ghé thăm (việc, mà dù đã động đất hay sắp tận thế cũng không ngăn cản được chú) đã được giải mã... Bảng tóm tắt những lượt chiếu điện, lấy máu, thử treadmill...; những thứ thuốc chích và uống với tên và cách dùng; những lời chỉ dẫn vô cùng chi tiết nếu xảy ra biến chứng; những cảnh cáo, khuyên nhủ; và chúc lành... Tất cả mọi thứ cô muốn biết túm tròn trong đó. Và hơi sống của ông, của cô, của hai đang bị bó nẹp trong đó.

Cô cố khóc cho hết khối nước đang ứ trong mắt và trong cổ. Cô dè một chút thời gian cho chúng khô hết trước khi bước xuống xe. Cô muốn khi vào nhà là chú (nếu chú đến) hoặc chị bạn không phát hiện gì khả nghi trên mặt và nơi cử chỉ của cô. Nụ cười; chưa bao giờ nụ cười là báu vật đau thương của loài người với cô đến như buổi trưa về từ phòng mạch bác sĩ.

Cô đến trước bàn thờ mẹ thắp một nén nhang. Cô quỳ (vòng váy đủ rộng để cô dễ xoay trở) thì thào với mẹ, mẹ ơi, trong kiếp đời, mẹ đã thua, đã mất. Bây giờ, đến lượt con. Nhưng con không buồn, vì con mất là để cho mẹ được. Những ngày chú còn với con, mẹ đừng khe khắt quá

với con như xưa, mẹ nhé! Con sẽ xa thị trấn vùng biển này. Con đã đạt được ý- nguyện trong việc học như đã từng tâm sự với mẹ lúc mẹ 'đòi' dời chỗ. Và con cũng đã mất. Không biết giữa việc chú sẽ hoài được ngơi nghỉ và việc con sẽ phải tất tả với 'vinh dự,' việc nào xảy ra trước. Ba tháng nữa. Non 100 ngày. Chú liệu có thể cùng con qua hết thời gian chớp mắt đó không? Không biết (mà chắc là không): không, con không thể đắp bù cho chú chút nào đâu! Dầu con có cho đi bao nhiêu chăng nữa, chú cũng sẽ không sẵn lòng đón nhận, không sẵn lòng biết. Trong chú, đã chật. Con không thất vọng vì thụ hứng được điều này vì mẹ ơi, không phải là con cao quý chi, bên kia đầu dây chính là mẹ yêu bất khả thay thế của con. Và, đầu dây này, tất cả, con, tất cả... là vì chú. Con cam tâm nhận lại hồi âm từ chính tiếng gọi của con. Con đang mò mẫm; trên đó đã khắc sẵn dãy số ngày thở chắc là chẳng bao nhiêu [cầu mong cho được] rối ren của chú (ôi, gẫm nghĩ, số phận của chú còn bi thảm hơn của mẹ nhiều!).

*

Dầu sao ông đã rờ được dấu mốc 100. Từ lúc bà mất, các con số dính líu đến các phen cúng kiến cho người quá vãng bỗng dưng trở nên hết mực dễ nhớ với ông. Con số 100 kia cũng vậy. Ông bạn bác sĩ không xác định con số nào là con số sau cùng (chỉ bàn tay của số mệnh là đang giữ chặt con số nầy; ông chỉ theo kinh nghiệm mà liệu đoán). Nhưng tự ông đặt chốt cho nó là 100. Giỗ 100 ngày của bà đã qua từ mấy tháng nay. Ông dùng lại con số đó cho ông. Yên trí thế rồi, ông chú ý từng sự thay đổi trong cơ thể. Giữa lúc ăn, ông tạm ngưng vài giây (y hệt như chuyên viên đang theo dõi qua màn hình trong phòng quang ảnh) để (và) trông rõ sự nhượng bộ của hơi thở cho công-tác xê dịch chậm rãi của nguồn dinh dưỡng xuống hố bụng trong kia. Ông thích thú: ông kiểm soát được nhịp chuyển lưu của dòng sống. Từ căn bản đó, thật bình tĩnh, ông thường xuyên nghĩ và nhìn về bờ bên kia của dòng sống: cái chết. Trong lặng ngắt của chính ông và của chung quanh, ông trông thấy nó: dầu nó mang vô vàn hình dạng, nhưng vẫn tự khải thị trong mỗi bước biến của mỗi một. Ông ngửi được, cảm được, đánh hơi được mùi, và cả vị của nó: nó giống như sợi dây điện đang dí vào da thịt ông: da thịt ông không cháy lên, nhưng chỉ nồng khằn khặc tựa như mùi của kim loại rỉ sét, và tê tưng tức như khi một vùng nào đó của da thịt bất thần nhận phải hơi gió quá lạnh, hay không được, hoặc không nhận đủ số máu ấm cần thiết. Nhưng cái mà ông muốn biết, muốn nhìn thì mờ ảo sau màn khói: đó là con số cuối của lộ-trình: đó là con số mà cái chết đã chọn cho ông. Dầu sao, ông đã làm hết tâm sức. Không cần bất mãn với bất

cứ gì, ai, và chính mình. Cái chết hình như cũng không hằn học gì với ông. Nó đã làm, đã phải thực thi nhiệm vụ với hết tâm sức của nó để không bị gọi bằng bất cứ tên gì khác. Nó là kẻ được sai phái của cái chức-vụ-mang-đầy-tính-tất-yếu của nó. (Như viên đạn ghé thăm một bên phổi của ông là tác nhân được sai phái của cái chức-vụ-mang-đầy-tính-tất-yếu là xói lở của chính nó.) Ông: sống quả là hạnh phúc, nhưng chỉ thực sự hạnh phúc nếu đáp ứng điều kiện này: sức khỏe. Với trường hợp của cá nhân ông, cuộc sống trở nên rất tơ mảnh; và dẫu thế, vì đã cùng cái chết sóng bước trong từng phút thở, cái chết không còn là đối cực căm thù của nó. Đôi phen hài hước với chính mình, không chút chua cay, qua trò chuyện với bè bạn hay những ai gặp gỡ giữa đường, khi nghe họ khen ông có nước da hồng hào, ắt-thế-nào-cũng-sống-lâu-trăm-tuổi, ông cúi xuống bảo hai vây hô hấp, vui đấy chứ? Nhớ hít vào và hòa tan niềm vui quý hóa này! Tuy chưa hẳn nó, nỗi hài hước (mãi cuối đời mới ló dạng) sẽ đỡ đần hai chân ông chạy mấp mé lên ranh số tuổi thọ mà họ thành tâm chúc tụng (với tí ước ao được đồng hóa với người được chúc, được món mén gần), nhưng ít ra nó cũng bào láng được đôi tấc lồi nhọn trên phần đất đá ông sẽ ngả lưng lên sau này. Ông đã qua được cửa ải 100 và chu toàn được ước muốn của cô gái (của cả ông) bằng cuộc rong chơi với cô dưới thung-lũng gian-nan. Ông lâng lâng; ông có thể dừng gót ngay phút này; và ông nhớ đã bảo cô lấy bia cho ông uống. Tiết trời sáng nay rất mát; ông đã trả xong món 'nợ' sau cùng, có thể ung dung bước qua mép cầu bên kia với ý nghĩ đó sẽ là nơi ông vui hưởng kết quả tối hậu của quãng thời gian sống với hình ảnh, kỷ niệm của người ông yêu và mấy năm gần đây, của cô gái mà ông vừa san sẻ với cô trọn vẹn buổi sáng. Trong nửa say, ông thấy lại chiếc váy tốc lúc cô ngã nằm mở òa cung rãnh bó giữa cặp đùi căng mát của cô. (cô bé liều thật! Picnic một nơi đã biết là rừng rú mà vẫn mặc váy [may mà nó xòe!]. Ôi chao! Cánh bướm của cô mới xứng với danh gọi trữ tình đó!) Ông lắc đầu và tự ám thị, dù chúng non, chắc, đen lông hơn, nhưng ông xin ông thông qua cho sự lừa dối có lợi này: chỉ có cặp đùi của bà là đẹp! (một lần được ngắm bà nơi bãi Nha Trang đủ làm nên kết luận ngàn đời: ôi, mảnh vải tấm màu xanh biển bị pha nhạt hai bên mông, rò rõ nước; làm sao ông quên?) Hãy cho ông dừng mãi nơi này. Ông đã qua cửa ải 100. Ông có thể ngừng luôn ở đây. Được sống, với hình sống trước mắt này, cả với bóng 'sống' trong cùng tận tâm tư kia, dầu biết sáng mai mình sẽ không còn được như vậy, cuộc sống đúng là được sinh sôi gấp trăm ngàn! Ông đã ngấu, nhơi, thưởng thức trọn vẹn mùi mẽ của chiếc bánh đời được dành cho. Ông không bỏ cuộc. Chỉ là một sự-không-

thể-vượt-chướng-ngại. (con người vẫn chưa là thượng đế của chính nó.) Hai cánh bướm của ông đã dang hết độ dài, đã không hề phàn nàn vì bị mũi đạn thép xén ngang, đã bay với hết công suất và trọn vẹn sự ngoan phục của chúng. Chúng đã làm tròn sứ mạng. Ông nên vinh danh chúng (như vị chỉ huy vẫn vinh danh những chiến sĩ oai hùng, trong đó một vài lần có ông, nơi mặt trận). Ông tội tình cho chúng và không nỡ bắt chúng vì ông mà rợi rã theo. Đó là điểm tưởng sau cùng của ông. Ông, dầu rất chuyên chút hoa quả đèn nến cho nàng với niềm thích thú trẻ con: lần đầu tiên ông được hoàn toàn tự do làm sự ông thích cho người ông yêu mà không còn sợ nàng từ khước hoặc cấm đoán nữa, vẫn không cần nghĩ sẽ gặp và được yêu nàng nơi thế giới bên kia: thế giới đó, ngay ngày đầu tiên nàng không còn ở bên ông, đã được ông mang sang bên này: nó thực, và lần hồi thế chỗ luôn cho cái dành cho những người 'sống' như ông.

Như một cuộn phim quay chậm mà cô là người chụp ảnh và cho ảnh vào máy: con lộ hình như thưa xe đi trong nửa phút cho ông được thảnh thơi qua đường (ông bảo đã tỉnh hẳn rượu, có thể tự về mà không cần cô tháp tùng). Từng nhịp lên xuống của bàn chân ông được phóng đại lấp đầy khung trời trước mắt. Cặp bên chúng là từng con số đếm. Ảnh và tiếng động; đan xéo và hỗ trợ nhau gõ vào các dây của chiếc hộp cảm ứng của cô.

Ông đã khuất nơi đầu ngõ vào nhà. Hoàn toàn tin vào tai mắt và đôi môi nhâm nhẩm của mình: từ khi ông sang được hè phố bên kia cho đến khi bóng ông mất vào lối rẽ, cô đếm được đúng 100 bước. Nhưng rồi cô lại tự chế nhạo và đánh đổ ngay niềm tin đó: làm gì ngắn thế: dễ phải mấy lần con số 100 đó mới đúng. Quái thật! Mình trông đâu cũng thấy chú! Dầu sao, con số bỗng dưng lên da và máu. Nó không chỉ nói về người bên kia, mà còn thích hợp cho người bên này (chú vẫn còn là người bên này, là của cô). Cô mỉm cười. Cô lại nhớ (lúc đó cô hoàn toàn vô tư, song lúc này thì rất sôi nổi) cô nói với chú là cô sẽ dự cuộc thi chạy nước rút 100 yards. Ngay sáng mai, cô sẽ, vì chú, ghi tên; và hy vọng cuối tháng (ôi, cô vừa gọi mà cũng vừa xin nó đừng đến sớm) ngày cô nhập đấu, chú còn đến bãi được để xem cô trổ tài.■

tháng 6. 03

HOÀNG XUÂN SƠN

thổ nhưỡng

trắng lên đồi cây sao không nhương
đìu êm mối buồn thất thổ
xôn xao đến trong ngày
xanh chưa cồn ngực khó

chưa kịp sắp xếp gì cho nương náu
mấy mươi lướt qua như vệt chiều
chim bay ám thu về xứ ngạ
đợi tuổi xương rồng vê ngón khẳng khiu

áo trật một bên lộ sương. và nắng
gió máy hiu hiu mùa này ra sao
con người chớ sắt thép chi mà nông nổi
lấn lướt đi đâu hình tướng lào xào

nhấn với tử quỳnh hương trơn. nuối
cong queo hết cả vàng mơ
giấc không sâu mà nằm chi vội
trăng nâu non khuyết một bệ thờ

thơ. gượng đưa quá trình thiu thỉu
ngắn lại. thun lại bấc đèn hao
đom đóm bay đêm tràng tịch
nơi thăm thăm. bỏ dấu lúc nào

trung thu giáp thân

HOÀNG XUÂN SƠN

nếu. đọc một câu chuyện

đã *đi hết biển* rồi. quơ
năm phên bốn dậu viết tờ hoa âm
trái tim rớt đáy hồ cầm
dạng háng ngược. dốc. tơ tằm thiết thao
xuyến đi đâu mà rượu trào
như nghe đắm tiếng rì rào của đêm
đi hết biển rồi đấy
em!
con mắt lục lạc
chong thềm mộ bia
vạch cỏ
tìm dấu chia lìa
con sâu. ôi con sâu đã ngoài kia
sát trùng
ảo hồn đâu dễ thất tung
cứ nương theo cánh bập bùng mà trôi
đi hết biển rồi đấy thôi
hếtbiểnhếtbiển
tới hồi
dung nham.

hăm bảy chín không bốn
chữ in nghiêng: của người dựng chuyện

những bài học về một bộ phận của cộng đồng người việt thành phố s.

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Như rất nhiều con bệnh có đường trong máu khác, gã rất béo. To béo khác thường vậy nên mọi người ở S. mới gọi gã là Quyến Béo. Có một dạo, nhân khi ghé qua chơi ở H, một thành phố nhỏ khác cách S. chừng hơn trăm cây số, gặp một tay chủ quán Nguyên lại được nghe hắn gọi gã là Quyến Lợn, chắc cũng không ngoài ngụ ý là béo. Vợ Quyến Béo tên là Hồng Anh. Hồng Anh trông khá dễ thương và có lẽ dễ thương nhất là đôi mắt nâu huyền lúc nào cũng mơ màng xa xăm và cái miệng hay nói hay cười rất tươi. Thời kỳ làm ăn phát đạt nhất, cặp Quyến Béo - Hồng Anh có tới ba cửa hàng ở ba thành phố khác nhau. Ngày đó, Quyến Béo lúc nào cũng com lê củ sếch bóng lộn, lái chiếc Mercedes mới cáu cạnh, xách cái cặp to đùng, bệ vệ đi ra đi vào hết cửa hàng này đến cửa hàng khác, trông cực kỳ ra dáng một ông chủ lớn.

Vợ chồng nhà Quyến Béo có một nhà hàng Tầu đặt ở ngay trung tâm thành phố D do hai thằng em, một đằng vợ, một đằng chồng, quản lý. D là một thành phố du lịch, trên bến dưới thuyền với những cung điện, lâu đài, thành quách nguy nga cổ kính, bốn mùa lúc nào cũng nườm nượp du khách nên có thời kỳ nhà hàng này có doanh thu rất được.

Công bằng mà nói thì Quyến Béo thuộc tạng người có đầu óc kinh doanh. Gã nắm bắt thị trường cũng như học hỏi, bắt chước người ta rất nhanh và từ đó mà có những chiêu tiếp thị rất ngoạn mục. Trong nhà hàng, Quyến không dùng con gái Việt Nam làm tiếp viên như mấy ông chủ bà chủ người Việt khác vẫn thường thích công nhân là người nhà người cửa hoặc đồng hương đồng khói, mà thuê toàn gái Tầu. Theo Quyến Béo thì so với gái Việt Nam, bọn gái Tầu này vừa dịu dàng, uyển

chuyển vừa biết cách khéo léo chiều khách, nói chung là có nhiều ưu thế. Chúng lại cũng rất biết thân, biết phận, chăm chỉ, tự giác. Dù có khách hay không có khách, đứa nào cũng biết tự động tìm việc mà làm, khi nào cũng luôn chân luôn tay chứ không cứ lúc lúc lại đứng xì xị, mặt đần thối ra trông rất ngứa mắt như mấy thị mẹt An Nam mít. Lại đứa nào cũng biết thêm một tí hát xướng, một tí múa may nữa. Chính vì đội tiếp viên rất sinh động cùng với những chiêu hát xướng múa may này mà nhà hàng của vợ chồng Quyến Béo vừa câu vừa giữ được khách, đánh bạt mấy cái nhà hàng khác cũng cùng trong khu vực.

Một dạo, Hồng Anh thấy chồng dành thời gian cho cái nhà hàng Tầu này nhiều một cách không bình thường thì đã có ý hơi nghi nghi. Thấy thằng cha đã cả ngày ở đó rồi đến đêm cũng không thèm về nữa, cô mới gọi vào di động, hỏi, và lần nào cũng nghe Quyến Béo xơn xớt trả lời: Ấy... À... Đông khách quá mà em à... Mấy đứa làm không hết việc, lại vẫn chưa tìm thêm được người nên anh phải ở lại giúp chúng nó một tay. Một đêm khác, lúc nhà hàng nào cũng đã quá giờ đóng cửa từ lâu rồi, đoán chừng là mọi người đã hết việc, Hồng Anh lại gọi nữa thì thấy Quyến tắt máy. Gọi đi gọi lại, gọi cả vào di động của mấy thằng em cũng thấy vậy, nóng ruột quá, cô mới thuê taxi phóng thẳng tới quán thì thấy trong phòng ngủ, ba anh em Quyến Béo đang ôm mỗi thằng một con Tầu, trên người chẳng thằng nào con nào còn lấy một mảnh vải nhỏ. Như những người khác thì đã nổi ba máu sáu cơn, xông vào chồng, vào em, vào mấy con Tầu kia mà cào cấu cắn xé cho mỗi thằng mỗi con một trận, hả dạ rồi muốn ra sao thì ra. Nhưng Hồng Anh khéo léo, đáng nể là ở chỗ ấy. Người phụ nữ dễ thương nhất của thành phố S. chỉ cần biết đến thế thôi rồi im lặng ra đi, và kể cả về sau cũng vẫn tuyệt nhiên không đả động một câu nào về vấn đề này. Còn cái nhà hàng Tầu, thì tất nhiên là ngay sau đó được sang lại cho một ông chủ mới, hơi tiếc một tí thật nhưng còn hơn là vợ mất chồng, con mất cha.

Một hôm Quyến Béo rủ Nguyên: Ông có rảnh không? Rảnh thì đi với tôi sang chơi bên thằng Khôi một lúc đi. Nguyên mới về S. được một thời gian ngắn, chưa tìm được việc gì làm thích hợp nên đi với Quyến cho vui và biết đó biết đây. So với Quyến Béo thì Khôi cũng một mười một chín, nhưng dân ở S. chẳng ai gọi Khôi là Khôi Béo mà lại lôi cái tật của gã ra mà kêu là Khôi Méo. Có cân vội thì Khôi Méo cũng phải dư chín chục ký. Vợ Khôi Béo tên là Hoa. Phải nói ngay là Hoa trông rất thô, trán thì dô, da thì đen, răng thì chín sáu ba không, cái nào cũng muốn tranh làm tiểu đội trưởng nên chẳng muốn đứng cùng hàng với đồng đội, người đã to ăn mặc lại vô duyên, xộc xà xộc xệch. Nói chung

là ở Hoa chẳng có gì đáng để gọi là xinh đẹp, nhưng vì thói quen ghép tên vợ với tên chồng của người Việt ở S. này mà cô ả được người ta gọi một cách khôi hài là Hoa Khôi. Cũng đã có vài người ở vùng khác đến, nghe ở đây có Hoa Khôi, tuy chẳng biết đẳng cấp nào nhưng cũng cứ tò mò tìm đến cửa hàng của hai vợ chồng nhà này xem, đến khi thấy mặt cả hai rồi thì mới đều ngã ngửa người ra. Giời ơi là giời, tưởng là hoa khôi thật chứ ai biết đâu là Hoa thì xấu như ma còn Khôi thì méo xệch méo xẹo.

Khôi Méo cũng là dân hợp tác lao động như Quyến Béo và cũng mới đón vợ, đón con sang được mấy năm nay. Thằng cu, con của hai vợ chồng có tên Việt là Quang Anh và tên Đức là Tony. Chắc chắn rồi sẽ có ngày thằng Tony này sẽ to béo hơn cả mẹ lẫn bố. Mới hơn mười tuổi có mấy tháng mà nó đã nặng tới gần sáu chục ký. Vì núc na núc ních chỗ nào cũng thấy thịt là thịt nên thằng bé vận động rất khó khăn. Nói chung là nó không thể nào chạy nổi, còn khi bắt buộc phải đi thì vừa đi vừa thở phì phà phì phò như kéo bễ.

Từ lâu rồi, vợ chồng Khôi Méo đã muốn có thêm một con bé nữa, gọi là để có nếp có tẻ và cũng là để thằng Tony có anh có em mà chơi nhưng vẫn chưa được. Nghe người này bảo có khi là tại hướng nhà, Hoa thúc Khôi tìm thuê ngay một cái nhà khác, lại nghe người kia mách có khi là tại cái giường nằm của hai vợ chồng, Hoa lại cũng lập tức bắt Khôi phải vứt béng cái giường cũ đang nằm đi mà mua cái mới... Nói chung là hai người đã làm đủ trò, đủ kiểu, nhưng rồi đâu vẫn cứ hoàn đấy, vừa kiêng lại vừa ăn đủ thứ, bớt chất này, bổ sung chất kia, nhưng chỉ thấy hai người càng ngày càng béo ra chứ còn bé bi thì vẫn ở tận đẩu tận đâu. Tới thời gian gần đây, khi đã áp dụng hết các cách mà vẫn không đạt được tí kết quả gì, sốt ruột quá Khôi Méo mới đưa cả vợ và mình cùng đi khám ở bệnh viện thì được bác sỹ chuyên khoa thông báo cho biết là người đàn ông mắc bệnh vô sinh. Chẳng biết là căn bệnh quái gở ấy có lâu chưa, nhưng từ hôm đi khám về, Khôi Méo nhìn thằng Tony với cặp mắt rất khác. Với chàng, tự nhiên nó trở nên đáng ghét một cách lạ lùng, và tuy vẫn như trước, nghĩa là vẫn chẳng có lỗi gì đáng kể ngoài bệnh ăn nhiều uống lắm thì giờ đây thỉnh thoảng nó lại bị bố cho một cái đá đít nên thân hoặc một cái bạt tai đến hoa cả mắt.

Trên đường đi, Quyến Béo bảo Nguyên: Thằng Khôi mới mua được của bọn ăn cắp hơn một chục cái di động. Giá trong cửa hàng mỗi cái phải hơn ba trăm Euro* mà nó mua chưa đến một trăm, tôi phải đến lấy mấy cái. Lúc nghe Nguyên hỏi lấy làm gì mà nhiều vậy thì Quyến Béo nói: Có để làm gì đâu, trang bị cho mấy thằng bạn thân ở Việt Nam thôi.

Quyến Béo có bốn thằng bạn nối khố thì cả bốn đều còn đang ở Việt Nam cả. Ba thằng bên công an, một thằng thiếu tá, đội trưởng đội chống tệ nạn ma túy, một thằng thiếu tá, đội trưởng đội chống mãi dâm, một thằng thiếu tá đồn trưởng. Một thằng không bên công an thì làm chi cục trưởng bên kiểm lâm. Di động của cả bốn thằng này đều được Quyến Béo trang bị. Chẳng phải là chúng nó lợi dụng gì mình hoặc là vì mình phải lợi dụng cầu cạnh gì chúng nó. Cũng chẳng đáng là cái gì. Tính ra tiền Việt Nam mỗi cái cũng chỉ vài triệu bạc, không bằng một phần bữa nhậu. Chẳng qua là chỗ bạn bè với nhau. Quyến Béo thích nhất là cứ có dịp tụ lại là bốn thằng lại tổ chức nhậu nhẹt. Và lần nào chúng nó cũng gọi thẳng từ di động sang. Lần mới đây nhất chúng gọi sang là lúc cả bốn thằng đang ở trong một quán karaoke, mỗi thằng ôm một con ca ve, thay nhau hát sang cho Quyến Béo nghe cả tiếng đồng hồ đi cả triệu bạc mà thằng nào cũng dửng dưng như không, chẳng thằng nào thấy có vấn đề gì phải áy náy.

Quyến Béo kể tiếp: Đợt nào tôi về Việt Nam năm thằng cũng tụ bạ với nhau, chí ít cũng phải vài chục bận. Sáng thì cà phê cà pháo, tối thì nhậu nhẹt, bia bọt, karaoke, ôm ấp lung tung. Tiếng là đãi mình nhưng đến lúc phải thanh toán đã có mấy thằng đàn em, thì kiểu gì mà chúng nó chẳng đãi. Ông tính, bây giờ thằng nào cũng đã thiếu tá, không đồn trưởng, đội trưởng thì cũng chi cục trưởng cả rồi. Dưới tay chúng nó thiếu gì đàn em. Mà bọn lâu la này thì bảo chui vào chỗ chết cũng phải chết chứ được phục vụ các sếp đớp hít nhậu nhẹt thì sung sướng quá. Mà phải nói là chúng nó cũng biết tính, biết cái máu của mình. Thế mới gọi là hiểu nhau chứ. Biết nhậu nhẹt xong mà không được đục một cái là mình không chịu nổi. Vậy nên, tối nào mấy thằng cũng phải dắt cho mình một con. Đội trưởng đội chống mãi dâm mà dắt gái cho thì cứ gọi là an toàn tuyệt đối, cứ vô tư, yên tâm mà nhảy ngựa, chẳng phải lo lắng, vừa đéo vừa run làm gì cho khổ. Chúng nó đối xử tử tế với mình thế thì mình cũng phải chơi đẹp. Toàn bộ di động của mấy thằng là do tôi trang bị đấy chứ. Đổi mấy lượt rồi, bây giờ lại đổi nữa cho các cậu sướng.

Tay chủ quán mà Nguyên mới quen ở H. là Dũng Điện. Điện đây không phải là tên vợ, tên con hay bồ bịch gì mà là biệt danh của Dũng. Nguyên Dũng bị lác khá nặng, không nhìn thẳng được cái gì bao giờ nên được mọi người ở H. gọi là Dũng Lác hoặc Dũng Lếch. Rồi từ Dũng Lếch mà thành Dũng Alexandre, Dũng Electro, tức là Dũng Điện lúc nào không biết.

Tính ra thì đến lượt mình, Dũng Điện đã là đời chủ thứ bảy của cái

quán Tầu này. Thì nó cũng mới khai trương được khoảng sáu bảy năm nay. Sáu tay chủ trước, không tay nào cầm cự được lấy trọn một nửa năm. Vậy mà, đến đời Dũng Điện, chỉ bằng mấy chiêu vớ vẩn mà gã lại đứng được ba bốn năm rồi. Tuy nấu đồ Tầu và chủ yếu là nấu cho bọn Tây ăn, nhưng món nào Dũng Điện cũng cho thêm nước mắm vào, lúc đầu cho ít thôi, sau tăng dần lên, đến một lúc nào đó khách hàng đâm nghiện nước mắm mà không biết, có đến các quán khác ăn thử một bữa thì cũng thấy không hợp khẩu vị mà phải quay lại. Đấy là Dũng Điện nói vậy. Còn dân ở H. thì lại nghĩ khác. Họ cho rằng sở dĩ quán Dũng Điện bán được như vậy là vì gã có cô bồ rất xinh. Cô gái người Quảng Bình này, tiếng Việt nói hơi khó nghe một chút nhưng tiếng Đức thì lại rất chuẩn. Đấy cũng là một lý do, nhưng có lẽ vẫn chưa phải là lý do chính. Cái chính là cô biết cách trang điểm, ăn mặc rất đẹp và thoáng. Váy thì ngắn, cổ áo thì cái nào cũng được khoét rất sâu, để đôi gò bồng đảo chẳng bao giờ biết đến coocxe là cái thứ gì lúc nào cũng thấp thoáng, khêu gợi đến độ có những ông già rỗi việc chẳng ngày nào là không đến vừa nhâm nhi cà phê vừa ngắm. Tất nhiên, đối tượng phục vụ của quán Dũng Điện không chỉ có vậy. Nhưng với những đối tượng khác không phải là những ông già thì cô lại cũng có những chiêu khác.

Dũng Điện thuê được cái nhà hàng này với giá khá rẻ, có chưa tới sáu trăm Euro một tháng. Từ ngày thấy gã có vẻ ăn lên làm ra, ông chủ nhà tự nhiên lại thấy ân hận. Đã mấy lần lão đòi thương thuyết lại, hòng đòi tăng tiền thuê nhà lên. Song Dũng Điện cũng không phải là tay vừa. Gã tỏ vẻ bất cần, và thậm chí, tính đến ngày sắp hết hợp đồng, gã còn mang dăm cái ghế cũ, ba cái bàn cũ ra cố ý quăng ném đập phá ầm ầm làm ra vẻ ta sắp chuyển đi chỗ khác làm ăn đến nơi. Những động tác ấy của gã vậy mà có ảnh hưởng đến tâm lý của ông chủ. Lập tức, lão phải xuống nước, không những ký một hợp đồng dài hạn với Dũng Điện một cách dễ dãi mà lại còn giảm giá thuê nhà cho gã được dăm chục. Thì thế mới gọi là Dũng Điện, Dũng Electro, Dũng Alex, Dũng Lếch, Dũng Lác chứ.

Dũng Điện hỏi Nguyên: Ở S. các ông có biết thằng Trực Chó không? Trực Chó ở S. thì Nguyên không biết. Nguyên chỉ biết có thằng Trực Say. Gọi là thằng nhưng thực ra thì Trực Say cũng đã ngoại tứ tuần khá khá nhát rồi. Và, sở dĩ có cái biệt danh ấy là vì thằng này nghiện rượu nặng. Ngày nào cũng như ngày nào, mở mắt ra, vừa từ trên giường bước xuống đất là gã đã nốc vào rồi. Trong nhà gã, nhìn chỗ nào cũng thấy những rượu là rượu và cứ chốc chốc gã lại ngửa cổ nốc ừng ực.

Lúc nào cũng ở trạng thái biêng biêng, đi đứng lảo đảo, vậy mà

Trực Say cũng đứng tên làm chủ một cái quán Tầu, và ngoài sở thích uống rượu ra gã còn khoái nói chuyện qua telefon với bất kỳ ai mà gã có số điện thoại. Thao thao bất tuyệt chán chê rồi, nhưng cứ vừa bỏ ống nghe xuống được một tí, nghĩ ngợi thế nào gã lại bốc lên, lại bấm số bồm bộp rồi lại tiếp tục tràng giang đại hải hàng hồi lâu nữa. Cũng có nhiều người hỏi gã rằng gọi nhiều thế thì lấy tiền tiền đâu ra mà thanh toán, Trực Say cười hề hề trả lời, giọng hết sức coi thường: Ôi dào. Có đáng kể gì. Có mà muỗi đốt inox. Cước phí điện thoại di động ở Đức đắt là thế, mỗi phút là cả gần Euro vậy mà gã cũng chẳng coi là cái quái gì, vẫn vô tư gọi đi tán gẫu những chuyện trên giời dưới biển chẳng đâu vào với đâu.

Bốc phét muỗi đốt inox thế, nhưng rồi có tháng nào Trực Say thanh toán được tiền điện thoại đúng kỳ đúng hẹn đâu. Tháng nào gã cũng phải đợi đánh giấy về thúc đến năm lần bảy lượt mới chịu trả cho người ta. Đến mấy tháng gần đây, chẳng biết là do lú lẫn, do cù nhầy hay do cháy màng túi thế nào mà Trực Say không thanh toán nổi cước phí điện thoại nữa, người ta buộc phải cắt hợp đồng với gã và đưa gã ra tòa. Từ đấy, do vì không còn ai có thể gọi đến để đặt đồ ăn nữa mà quán của Trực Say vắng dần có nguy cơ sắp phải đóng cửa.

Dũng Điện bảo Nguyên: Thôi! Thế thì chính cái thằng mà các ông gọi là Trực Say ấy với thằng Trực Chó cũng chỉ là một mà thôi. Hình như gã thích gọi người ta là chó là lợn và nói chung là các loài súc vật. Mấy tháng trước Trực Chó rắp tâm định lừa mấy hãng giao hàng lớn ở H. này mấy quả nhưng bị lộ tẩy. Dũng Điện kể: Chẳng biết thằng chó nhặt đâu được bản thực đơn của cái quán này, trong đó có ghi rõ tên quán cũng như địa chỉ và số điện thoại của tôi. Nó đến cửa hàng, lừa người ta là đi mua đồ cho tôi mà không chịu trả tiền. Nhưng nó không ngờ rằng, tay chủ cửa hàng này lại biết quá rõ về tôi, tuần nào mà nó chẳng đưa bồ đến ăn ở cái quán này ít ra cũng một vài lần. Khi đã biết chắc chắn rằng tôi toàn tự đi mua hàng chứ chẳng bao giờ sai thằng chó nào đi hộ cả thì người ta quyết định giữ nó lại khi thằng chó muốn lấy tên tôi để lừa một quả đậm nữa. Bây giờ thì xong rồi, trước mặt của cảnh sát và bao nhiêu nhân chứng khác, với chữ ký giả mạo nhưng rành rành là của nó, thằng chó đã phải cúi đầu nhận tội và chấp nhận phải bồi thường thiệt hại cho người ta rồi.

Khôi Méo đưa cho Quyến Béo bốn hộp đựng bốn cái di động mà theo gã là đang thuộc top ten mode nhất. Trong tuần này ở S. có người về Việt Nam, cùng lắm đến cuối tuần là bốn thằng bạn của Quyến Béo có di động mới để xài rồi. Gã lẩm bẩm: Mẹ, nhân dịp này mấy thằng lại

không tụ bạ đú đởn, nhậu nhẹt rồi lại không gọi sang đây trình bầy thì chớ kể. Mặc dù việc làm ăn hiện tại ở đây khá tốt, cô vợ trẻ đẹp, mấy đứa con ngoan ngoãn thường xuyên ở bên cạnh, nhà cửa chẳng thiếu thứ gì, nhưng lúc nào Quyến Béo cũng ước mơ cuộc sống ở Việt Nam. Phải như mấy thằng bạn tôi mới thực sự là sướng, muốn gái là có gái, muốn tiền là có tiền, muốn cái đéo gì cũng được. Gã nói với Nguyên như vậy. Nếu còn ở Việt Nam thì đến bây giờ chí ít tôi cũng phải leo lên đến đại úy hay thiếu tá rồi. Nhưng đến khi nghe Nguyên hỏi, thế sao ông không về đi, ở mãi đây làm gì, thì gã bảo: Nói thật với ông, nếu không vì hai đứa con tôi đang đi học rồi, với không vì cái bệnh đường trong máu này thì cái đất này chẳng là gì với đây nhé. Đây sẵn sàng từ biệt, bái bai, ở Việt Nam bây giờ sướng như giời ấy, ông đừng tưởng. Khôi Méo cũng xác định: Ừ! Đúng như vậy thật. Nói thật là tôi cũng chẳng thiết tha chó gì với mảnh đất này. Mấy thằng bạn cùng học với tôi ngày xưa ở nhà, bây giờ thằng nào cũng khá, cũng sướng như vua ấy. Đúng lúc đó, thằng Tony phụng phà phụng phịch lặc lè đi vào, Khôi Méo nhìn thẳng vào mắt nó, quát thật to: Cút. Xéo ngay ra ngoài kia. Rồi lại thong thả nói tiếp: Ở Việt Nam tôi chưa thấy thằng đéo nào béo như thằng này. Mà đéo hiểu tại sao nó lại chóng béo đến thế không biết. Ngày mới đón sang đây hai mẹ con nó trông cứ như hai con mèo hen, vậy mà bây giờ thì thế này.

Dũng Điện hỏi: Dưới S. ông có chơi thân với thằng nào không? Và khi thấy Nguyên lắc đầu, gã cười tít: Đúng rồi! Ông thân thế chó nào được với mấy thằng chó ấy. Gã nhắm mắt lại một lúc như muốn nhớ lại cái gì, xong mở ra, hỏi tiếp: Mà ở dưới ấy thỉnh thoảng ông có thấy thằng Tuất Mực cháu thằng Thực Chó lảng vảng không. Rồi không đợi Nguyên trả lời, gã cứ thế kể nốt: Mẹ kiếp, bây giờ mà tôi gặp thằng chó ấy thế nào tôi cũng phải đánh cho nó gẫy vài cái răng rồi ra sao thì ra. Hôm nọ, đương đêm nó bấm chuông xin vào nhà ngủ nhờ. Mình cũng chẳng nghi ngờ gì, nghĩ rằng nó lỡ độ đường hay xe cộ có vấn đề gì đây, vậy mà sáng sau ngủ dậy thấy tủ rả bị lục tung, có mấy nghìn vừa chuẩn bị sẵn định trả tiền nhà, tiền hàng bị thằng chó cuỗm mẹ nó mất. Xong, gã kết luận: Cái đất S. nhà ông toàn những thằng chó như thế cả. Tôi còn lạ chó gì chúng nó nữa. Nhưng ông thì phải cẩn thận. Ông mới về đấy, hãy còn lạ nước lạ cái, tôi khuyên ông phải hết sức đề phòng.■

Tháng Tám, Mùa Thu xanh thẳm

* Đơn vị tiền tệ của các nước trong liên minh châu Âu

cậu ếch cứu tokyo

MURAKAMI HARUKI
PHẠM VŨ THỊNH *dịch*

Lời người dịch: *Truyện ngắn sau đây, "KaeruKun, Tokyo Sukuu", phát biểu trên tạp chí Shincho tháng 12 năm 1999, là truyện thứ năm trong tuyển tập "Các Con Của Thượng Đế Đều Nhảy Múa - KamiNo KodomoTachi Wa Mina Odoru", được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật, và đã được kiểm đối chiếu với bản tiếng Anh của Jay Rubin, Giáo sư Văn học Nhật Bản của Đại học Harvard, trong tập "After The Quake" do nhà Harper, London xuất bản năm 2002.*

Nước Nhật là nơi thường bị động đất. Người Nhật có truyền thuyết dân gian về một con trùn khổng lồ sống trong lòng đất, khi nổi giận thì quẫy cuộn gây nên động đất.

Katagiri trở về phòng thì thấy một Con Ếch khổng lồ đang đợi anh. Con Ếch đứng thẳng trên hai chân sau, toàn thân cao còn hơn 2 thước, vóc vạc to lớn. Với tấm thân gầy gò chỉ đến 1 thước 60, Katagiri choáng váng trước cái vóc dáng bề thế của Con Ếch.

"Xin anh gọi tôi là Cậu Ếch". Có tiếng nói giọng chững chạc vang lên từ phía Con Ếch.

Katagiri đứng như trời trồng ở cửa vào, miệng há hốc nhưng chẳng thốt ra được một lời nào.

Con Ếch lại nói:

"Xin anh đừng ngạc nhiên đến như thế. Tôi không làm gì hại đến anh đâu. Vào đây rồi đóng cửa lại đi anh".

Tay phải buông thõng chiếc cặp da đi làm, tay trái còn ôm chặt bao giấy siêu thị đựng rau cải và hộp cá hồi, Katagiri vẫn đứng chôn chân tại chỗ.

"Nào, nào, anh Katagiri. Đóng cửa, cởi giày nhanh tí đi anh".

Nghe gọi đến tên, Katagiri mới hoàn hồn trở lại. Anh ngoan ngoãn làm theo lời, rón rén bước vào phòng, đóng cửa, đặt bao giấy xuống sàn, kẹp cặp da vào nách rồi cúi xuống cởi giày. Xong, như Con Ếch khổng lồ ra dấu cho anh, riu ríu ngồi vào chiếc ghế bên cạnh bàn ăn trong phòng bếp.

"Nầy anh Katagiri". Con Ếch nói. "Tôi đường đột vào nhà trong lúc anh đi vắng, làm anh sửng sốt đến như thế, thật là có lỗi đối với anh. Nhưng mà xin anh hiểu cho, không làm thế nào khác được, thưa anh. Thế nào, anh uống trà nhé? Biết là anh sắp về rồi nên tôi đã đun sẵn nước sôi đấy".

Katagiri vẫn còn kẹp cứng chiếc cặp da bên nách. Anh nghĩ thầm: có thể là trò đùa gì đây? Có thể là ai đấy chui vào lớp áo giả trang để trêu chọc mình đây? Nhưng mà len lén nhìn Con Ếch đang vừa ậm ừ hát trong miệng vừa rót nước vào ấm trà, cái dáng dấp ấy, cái động tác ấy, thì đúng là của loài ếch thứ thiệt chẳng lầm vào đâu được.

Con Ếch đặt lên bàn một cốc uống trà trước mặt Katagiri và một cốc trước mặt mình.

"Thưa, anh đã bình tâm lại được phần nào chưa?" Con Ếch vừa rót trà vào cốc vừa hỏi.

Katagiri vẫn chưa thốt lên được lời nào. Con Ếch nói:

"Đáng lý ra thì tôi phải hẹn trước với anh rồi hãy đến. Thưa anh Katagiri, tôi cũng hiểu phép tắc là như thế. Vừa về đến nhà mà thấy ngay một con ếch to tướng đang chờ mình thì ai cũng phải sửng sốt cả thôi. Nhưng mà, tình thật là có chuyện quan trọng cần kíp lắm, nên xin anh tha lỗi cho".

"Chuyện gì?" Cuối cùng rồi Katagiri cũng đã thốt lên được vài tiếng nghe như lời nói.

"Thưa anh Katagiri, dù gì đi nữa, nếu không có chuyện gì thì tôi cũng đâu có đường đột vào nhà ai. Tôi đâu đến nỗi là đứa không biết lễ nghi".

"Chuyện gì quan hệ đến việc làm của tôi à?"

"Quan hệ nói có thì cũng có, mà nói không thì cũng không". Con Ếch nghiêng đầu như suy nghĩ rồi nói tiếp. "Không cũng đúng mà có cũng không sai".

Katagiri nghĩ đến nước nầy thì mình phải bình tĩnh mới được.

"Thưa, tôi có thể hút điếu thuốc được không?"

"Ấy, mời anh, mời anh". Con Ếch vồn vã nói. "Nhà của anh cơ mà, đâu có cần mỗi chút mỗi hỏi tôi làm gì. Xin anh cứ tự nhiên cho. Hút thuốc, uống rượu, tùy anh. Bản thân tôi thì không hút thuốc, thế nhưng đến nhà người ta mà lại đòi cấm chủ nhà hút thuốc vì mình ghét khói thuốc, cái chuyện trái luật ấy thì tôi không dám đâu anh".

Katagiri lấy thuốc lá trong túi áo khoác ra, châm lửa hút. Anh chợt để ý tay mình đang run lên khi châm lửa. Bên kia bàn, Con Ếch quan sát chuỗi động tác của anh, có vẻ thú vị.

Katagiri thu hết can đảm hỏi:

"Có phải ông có liên quan gì với băng đảng bạo lực nào đó không?"

"Ha ha ha ha ha". Con Ếch cười phá lên một tràng dài khoái trá, bàn tay to lớn có màng nối các ngón tay đánh đét lên đùi một cái thật mạnh.

"Anh Katagiri cũng có óc hài hước ghê đấy nhỉ. Chứ gì nữa. Trên đời nầy, cho dù có thiếu nhân tài đến đâu đi nữa, có băng đảng nào lại đi mướn một con ếch? Làm thế, thiên hạ cười cho thối óc ấy chứ".

"Nếu ông đến đây để thương lượng chuyện trả nợ, thì chỉ làm chuyện vô ích thôi". Katagiri nói dứt khoát. "Cá nhân tôi không có quyền quyết định đâu. Tôi chỉ làm theo lệnh mà thôi. Cấp trên tôi mới quyết định được. Dù ông có làm gì tôi đi nữa cũng vô ích thôi".

"Anh Katagiri này". Con Ếch đưa một ngón tay lên, nghiêm nghị nói. "Tôi không đến đây vì những lý do nhỏ mọn thế đâu. Tôi vẫn biết anh là Phụ tá Chủ nhiệm ban Quản Lý Tiền Nợ của chi nhánh Shinjuku, ngân hàng Tín Dụng An Toàn Tokyo. Thế nhưng mà chuyện nầy thì chẳng dính dáng gì đến việc trả tiền nợ cả. Tôi đến đây là để bàn chuyện cứu thành phố Tokyo nầy khỏi bị phá hủy đấy".

Katagiri nhìn quanh. Anh ngờ rằng có máy quay phim ẩn giấu đâu đó đang thu hình mình cho trò đùa tai quái đại quy mô gì đấy của mấy đài truyền hình. Nhưng anh chẳng thấy máy quay phim nào quanh đấy. Phòng trọ thì nhỏ, đâu có chỗ trốn nấp cho ai.

"Trong phòng nầy không có ai khác ngoài chúng ta cả đâu, anh Katagiri ạ. Hẳn là anh đang nghĩ con ếch nầy điên khùng gì đây, hay là anh tưởng anh đang mơ ngủ giữa ban ngày. Nhưng thực tế là tôi không điên mà anh cũng không mơ ngủ gì đâu. Chuyện đứng đắn thật sự đây".

Katagiri nói dè dặt:

"Thưa ông Ếch ..."

Con Ếch lại đưa một ngón tay lên, đính chính:

"Xin anh cứ gọi là Cậu Ếch".

Katagiri chữa lại:

"Vâng, Cậu Ếch. Không phải là tôi không tin cậu, mà chỉ vì tôi chưa nắm được sự thể nầy nó ra làm sao cả. Ngay lúc nầy đây, tôi chưa lý giải được chuyện gì đang xảy ra. Vì vậy, cho tôi hỏi đôi điều được không?"

"Được chứ, được chứ". Cậu Ếch vồn vã. "Lý giải được cho nhau là điều vô cùng quan trọng đấy. Có người còn cho rằng: lý giải chẳng khác gì hơn là tổng thể của các ngộ nhận, nữa. Ý kiến ấy tự nó cũng rất là thú vị đấy, nhưng rất tiếc, ngay bây giờ chúng ta không có thì giờ nhàn rỗi để mà hứng thú đi theo mấy lối suy luận vòng vo ấy. Ngay bây giờ, lý giải được lẫn nhau bằng con đường nào ngắn nhất, là tốt nhất. Vậy thì anh muốn hỏi bao nhiêu câu xin anh cứ hỏi."

"Cậu có thật là ếch không?"

"Đương nhiên, ếch thật sự như anh thấy trước mắt đấy. Chẳng có gì khúc mắc như mấy cái thứ ẩn dụ, ví von, mẫu mã, hay giải cấu[1] gì cả đâu. Ếch chính hiệu đây. Để tôi kêu vài tiếng cho anh nghe nhé".

Cậu Ếch ngước lên trần nhà, mở lớn cuống họng ra. *Ồm ộp... Ồm ộ ... Ồm ộ ...*

Tiếng ếch kêu rõ to, mấy khung hình treo trên tường rung lên lộp cộp đến xiêu vẹo cả đi. Phòng trọ nhà nghèo, tường mỏng dính.

"Thôi, thôi". Katagiri vội vàng nói. "Tôi hiểu rồi. Cậu đúng là ếch thật rồi".

"Có thể nói rằng: xét tổng thể thì tôi là ếch thật. Mà giả thử có xét kỹ như thế nữa thì cũng không có gì thay đổi trong cái sự thật rằng tôi là ếch. Nếu có kẻ nào bảo tôi không phải là ếch thì kẻ đó là một tên nói láo bẩn thỉu, tôi sẽ quyết liệt đập tan nó..."

Katagiri gật đầu. Để lắng lòng trầm tĩnh hơn, anh nâng cốc nước trà lên uống một ngụm.

"Lúc nãy cậu có nói muốn cứu Tokyo khỏi hủy hoại đấy nhỉ?"

"Vâng, tôi đã nói thế".

"Hủy hoại như thế nào?"

"Động đất, anh ạ". Cậu Ếch nói, giọng chùng xuống.

Katagiri há hốc mồm nhìn Cậu Ếch. Cậu Ếch cũng lặng thinh một lúc, quan sát vẻ mặt Katagiri, rồi nói:

"Một trận động đất lớn thật lớn đấy anh. Nó sắp phá hủy Tokyo đúng vào lúc 8 giờ 30 sáng ngày 18 tháng Hai này đây. Nghĩa là còn ba ngày nữa thôi. Sẽ còn lớn hơn trận động đất Kobe tháng trước nữa. Ước lượng khoảng 150 ngàn người sẽ chết vì động đất, đa số là vì tai nạn xe tàu bị lật, trật đường rầy hay đâm vào nhau ngay trong giờ giao thông cao điểm. Đường cao tốc bị nứt lở, đường tàu hầm bị sụp đổ, tàu điện bị

nghiêng ngả, xe hạng nặng tải dầu bị nổ cháy. Cao ốc đổ sụp thành núi gạch đè chết người ta. Lửa cháy khắp nơi. Cơ năng giao thông bị hủy hoại, xe cứu cấp, xe chữa lửa trở thành vô dụng vì không còn đường nào chạy được. Người ta sẽ chết dần trong vô vọng. 150 ngàn người sẽ chết đấy, anh nhớ cho. Địa ngục đấy. Người ta lại phải sáng mắt ra rằng cái trạng huống mật-tập gọi là đô thị này thật sự mỏng manh như thế nào". Cậu Ếch lắc đầu nhẹ, nói tiếp. "Động đất lần nầy kích thẳng lên, tâm điểm gần sát bên Tòa Hành Chánh quận Shinjuku đấy".

"Sát bên Tòa Hành Chánh quận Shinjuku kia à?"

"Nói cho thật đúng thì là ngay dưới chi nhánh Shinjuku của ngân hàng Tín Dụng An Toàn Tokyo đấy".

Một khoảng yên lặng nặng nề. Katagiri hỏi:

"Thế nghĩa là... Cậu Ếch định ngăn trận động đất ấy lại?"

"Vâng, đúng thế đấy. Tôi định cùng anh Katagiri chui xuống ngay dưới ngân hàng Tín Dụng An Toàn Tokyo, để đánh nhau với Cậu Trùn đấy".

Là nhân viên của ngân hàng Tín Dụng An Toàn Tokyo, cho đến nay Katagiri đã trải qua rất nhiều cuộc tranh đấu khốc liệt. Từ khi tốt nghiệp đại học vào làm cho ngân hàng này, suốt 16 năm nay, anh vẫn làm việc trong Ban Quản Lý Tiền Nợ, chuyên đi đòi nợ những người đã vay mà không chịu trả. Hiển nhiên đồng sự của anh chẳng ai ham Ban đòi nợ này, ai cũng muốn giành công tác cho vay thôi. Nhất là trong thời buổi kinh tế bọt, tiền ngân hàng đầy ắp trong kho, chỉ cần có chút nhà đất hay chứng khoán vừa đủ để bảo đảm, là nhân viên cho vay sẽ nghe theo răm rắp, muốn vay bao nhiêu cũng chấp thuận. Số tiền cho vay càng nhiều, nhân viên cho vay càng có thành tích. Thế nhưng, đến lúc nào người vay không trả được thì đám Katagiri lại phải ra tay. Nhất là từ khi kinh tế bọt đã xì hơi, công việc đòi nợ tăng lên nhanh chóng. Bắt đầu là chứng khoán sụt giá, rồi nhà đất sụt giá, không còn có ý nghĩa đảm bảo gì nữa. Cấp trên ra mệnh lệnh tối thượng cho đám chuyên môn đòi nợ Katagiri là phải: "Rứt lại được đồng nào hay đồng ấy".

Khu Kabukichô của quận Shinjuku giống như mê cung của các băng đảng tội ác. Băng đảng lâu đời cũng có, mà băng đảng bạo lực có tổ chức của dân Hàn Quốc, rồi dân Trung Quốc, cũng trà trộn ở đấy. Súng đạn, ma túy đầy dẫy. Những lượng tiền khổng lồ không phải ló lên bề mặt, mà chảy ngầm, trong bóng tối. Chuyện người ta tiêu tán như hơi khói cũng chẳng lạ lùng gì ở đấy. Đã có những lần Katagiri đi thúc nợ bị bọn băng đảng bao quanh, dọa giết. Nhưng anh cũng chẳng sợ. Anh nghĩ

chúng giết nhân viên quèn đi đòi nợ cho ngân hàng mà làm gì. Muốn đâm cứ đâm, muốn bắn cứ bắn. Cũng may là anh chưa có vợ con gì. Cha mẹ thì đã mất cả rồi. Em trai, em gái thì tự tay anh đã lo liệu cho tốt nghiệp đại học rồi lại dựng vợ gả chồng xong cả rồi. Bây giờ anh có bị giết thì cũng chẳng gây khó cho ai. Mà đối với chính anh cũng chẳng sao.

Ngược lại, thấy Katagiri bình thản chẳng toát ra lấy một tí mồ hôi như thế, bọn băng đảng đang vây quanh lại cảm thấy khó ở, nên chẳng làm gì anh cả. Nhờ thế mà từ đấy, anh được tiếng khá rộng rãi trong giới anh chị là người can đảm.

Thế mà bây giờ Katagiri cảm thấy lúng túng không biết ứng xử như thế nào. Thế nầy là thế nào? Cậu Trùn, là cái quái gì thế? Anh ngập ngừng hỏi.

"Vậy chứ Cậu Trùn là ai thế?"

"Cậu Trùn là con trùn khổng lồ sống ở trong lòng đất đấy mà. Hễ nó giận lên là gây ra động đất". Cậu Ếch giải thích. "Mà hiện giờ Cậu Trùn đang nổi cơn thịnh nộ đấy".

"Tại sao thế?"

"Chẳng hiểu tại sao. Ai mà biết được Cậu Trùn đang suy nghĩ gì trong cái đầu óc tối tăm của cậu ấy. Cả đến hình dạng của Cậu Trùn hầu như cũng chẳng có ai thấy. Thường thường lúc nào cậu ấy cũng chỉ thèm ngủ. Trong lòng đất tối mịt mùng mà ấm áp ấy, cậu ta ngủ từng giấc dài, vài năm hay vài mươi năm. Tất nhiên là mất cậu ấy thoái hóa dần đi. Ngủ cho lắm vào thì não cũng chảy thành thứ nước nhơn nhớt ấy. Tôi đoán là cậu ấy chả có suy nghĩ gì sất. Chỉ có thân thể cậu ấy cảm nhận những rung chuyển, sôi sục đâu từ xa lại, thu hút từng chút mà tích trữ vào bên trong. Thế rồi, những thứ rung chuyển, sôi sục ấy, nhân một phản ứng nào đấy, biến thành sự căm giận. Tại sao lại ra thế thì không ai hiểu, mà tội cũng không biết giải thích thế nào cả".

Cậu Ếch im lặng một lúc, quan sát nét mặt Katagiri như chờ cho những điều vừa nói thấm vào trí anh, rồi nói tiếp:

"Anh đừng hiểu lầm rằng tôi có ác cảm hay đối địch gì với Cậu Trùn ấy. Mà tôi cũng không xem cậu ấy là hiện thân của cái Ác đâu nhé. Tuy chưa bao giờ nghĩ đến chuyện kết bạn với cậu ấy, nhưng tôi vẫn cho rằng, ở một ý nghĩa nào đấy, có cậu ấy trên đời này cũng chẳng sao cả. Thế giới này giống như một chiếc áo khoác vĩ đại, cần có thêm nhiều cái túi hình dạng khác nhau. Thế nhưng bây giờ thì Cậu Trùn trở nên nguy hiểm đến nỗi không thể để mặc cậu ấy được nữa. Thân thể bụng dạ Cậu Trùn, sau bao nhiêu năm thu hút tích lũy nhiều căm giận

như thế, đã phình to hơn bao giờ hết. Thêm vào đó, Cậu Trùn lại bị trận động đất tháng trước ở Kobe đánh thức dậy từ một giấc ngủ êm say mà cậu ấy đang an hưởng, như một khải thị về một cơn phẫn nộ sâu đậm. Thế là cậu ấy quyết định tự mình gây nên một trận động đất kinh hồn ngay tại thành phố Tokyo này. Tôi biết được ngày giờ và quy mô của trận động đất là từ vài bạn côn trùng thân thiết của tôi. Tin chính xác đấy, chắc chắn không sai".

Cậu Ếch ngậm môi, khép nhẹ mi mắt như đã mệt vì phải nói nhiều.

Katagiri nói:

"Vì thế, Cậu Ếch và tôi, hai người chui vào lòng đất đánh nhau với Cậu Trùn để ngăn chặn trận động đất ấy, phải thế không?"

"Đúng thế đấy".

Katagiri với tay lấy cốc nước trà rồi ngần ngừ đặt lại trên bàn.

"Tôi vẫn chưa thông mấy. Vì lý do gì Cậu Ếch lại chọn tôi làm người hợp tác?"

"Anh Katagiri". Cậu Ếch nhìn sâu chăm chú vào mắt Katagiri. "Tôi vẫn hằng kính phục người như anh. 16 năm nay, anh âm thầm chấp nhận và làm trọn công việc vừa tầm thường vừa nguy hiểm mà ai cũng tránh. Điều đó khó khăn như thế nào, tôi rất thấu hiểu. Tiếc là cấp trên và đồng liêu đã không đánh giá xứng đáng công lao của anh. Bọn họ có mắt như mù. Vậy mà, dù không được khen thưởng, không được lên chức, anh vẫn không than trách một lời nào. Chẳng phải chuyện việc làm mà thôi. Song thân mất đi, anh đã một tay đàn ông mà nuôi dạy em trai, em gái mới mười mấy tuổi đến xong đại học, rồi còn dựng vợ gả chồng cho nữa. Để làm được thế, anh đã phải hy sinh bao nhiêu thì giờ và tiền bạc, ngay cả chuyện hôn nhân của chính anh cũng không nghĩ đến nữa. Vậy mà các em anh nào có biết ơn anh đã lo liệu cho chúng như thế đâu. Hoàn toàn không. Ngược lại, chúng còn khinh khi anh, gây ra toàn những chuyện vong ân bội nghĩa. Toàn những chuyện phản đạo lý, đến nỗi tôi muốn thay anh mà tẩn cho chúng một trận. Vậy mà anh cũng chẳng giận chúng chút nào.

Nói thật với anh, anh không có phong mạo lắm đâu, mà cũng không giỏi môi mép. Cho nên người chung quanh mới khi dễ. Tuy nhiên tôi hiểu anh rất rõ. Anh là người biết giữ đạo lý, và can đảm. Tokyo đành là rộng lớn, nhưng người đáng tin cậy được như anh thì không có ai khác đâu".

Katagiri cảm kích:

"Ông Ếch..."

Cậu Ếch lại đưa một ngón tay lên, đính chính:

"Ấy, Cậu Ếch chứ".

"Cậu Ếch làm sao mà biết rõ chuyện của tôi đến thế?"

"Tôi làm thân ếch bao nhiêu năm nay không phải để mà chơi. Đời có gì cần thấy là thấy ngay ấy chứ".

"Nhưng mà nầy Cậu Ếch". Katagiri nói. "Tôi chẳng có tài cán gì, mà chuyện dưới đất thì lại càng không biết tí gì cả. Đánh nhau với Cậu Trùn trong lòng đất tối tăm thế kia chắc là không đủ sức. Thiếu gì những người khác có tài trí hơn tôi. Võ sĩ Karate, hay là lính biệt kích, chẳng hạn".

Cậu Ếch mở to đôi mắt, tròng mắt đảo một vòng:

"Anh Katagiri ạ, chuyện đấm đá thì tôi lo cả, nhưng chỉ một mình tôi thì không đấu được. Quan trọng nhất là điều nầy: tôi cần có dũng khí và chính nghĩa của anh. Tôi cần có anh sau lưng yểm trợ, thanh viện tôi: Gắng lên Cậu Ếch. Không lo. Cậu sẽ thắng. Cậu có chính nghĩa".

Cậu Ếch giương rộng hai cánh tay thẳng lên, rồi vỗ đánh đét lên hai đầu gối.

"Nói thật với anh, cả tôi cũng sợ chuyện đánh nhau với Cậu Trùn trong chỗ tối tăm ấy. Bao lâu nay, tôi đã sống theo chủ nghĩa hòa bình cùng với thiên nhiên, yêu thích nghệ thuật, hoàn toàn không thích đánh nhau một tí nào. Nhưng mà chuyện không thể tránh được thì phải làm thôi. Lần nầy chắc chắn sẽ là trận đánh nhau khốc liệt lắm đây. Có thể không sống được mà trở về; có khi mất đi một phần thân thể. Nhưng mà tôi không chạy trốn đâu. Như Nietsche đã nói: *Trí tuệ tối thượng là không biết sợ.* Điều tôi muốn anh Katagiri giúp cho là chia sẻ cho tôi cái dũng khí thuần khiết của anh, nâng đỡ tôi từ tâm thành của một người bạn thân. Anh có hiểu thế cho tôi không?"

Nghe thì nghe vậy chứ toàn là những chuyện khó hiểu đối với Katagiri. Vậy mà không hiểu sao, dù những chuyện ấy nghe có vẻ phi-hiện-thực đến đâu mặc lòng, Katagiri vẫn có cảm giác có thể tin được Cậu Ếch. Từ nét mặt đến cách nói của Cậu Ếch, có cái vẻ gì đấy chân thành, kêu gọi trực tiếp đến lòng người. Làm việc lâu năm trong bộ phận phải ứng xử cứng rắn nhất của ngân hàng, khả năng cảm thụ những điều vi tế như thế đã được rèn luyện thành thứ gì gần như là thiên tính của anh.

"Anh Katagiri nầy, đột nhiên có một con ếch to tướng xông vào nhà, dựng đứng câu chuyện này lên, rồi bảo anh tin giùm cho, người như anh chắc không khỏi hoang mang. Phản ứng như thế cũng tự nhiên thôi. Thế nên tôi định cho anh thấy một chứng cớ rằng tôi có thật chứ không phải mơ huyễn. Có phải hiện nay anh Katagiri đang khổ sở về chuyện

đòi lại món nợ từ Công ty Doanh thương Higashi Ôkuma đấy không?"

"Đúng thế". Katagiri gật đầu.

"Ý có bọn băng đảng chuyên nghề hiếp bách yểm trợ, chúng đang rắp ranh bày trò phá sản để phủi sạch món nợ ấy đây. Nhân viên cho vay đã ném bạc cho chúng vay mà không điều tra gì mấy. Để rồi, như thông lệ, lại lôi anh Katagiri ra làm chuyện thu dọn vệ sinh đấy. Nhưng mà lần nầy, đối phương là thứ ghê gớm, bao nhiêu cố gắng của anh vẫn không đi đến đâu. Sau lưng chúng lại còn ẩn hiện đám chính trị gia có thế lực nữa. Tổng số tiền nợ chừng 700 triệu Yen[2]. Tình hình tôi hiểu như thế, có đúng không anh?"

"Không sai tí nào".

Cậu Ếch giương rộng hai cánh tay lên không, màng nối các ngón tay to lớn giương ra như cánh chim màu lục nhạt.

"Anh Katagiri đừng lo. Cứ giao chuyện ấy cho ếch này. Chậm lắm là sáng mai, chuyện này sẽ được giải quyết hoàn toàn. Anh cứ yên tâm ngủ ngon nhé".

Cậu Ếch đứng lên, mỉm cười với anh, rồi thu mình dẹt xuống như con mực khô, chui tuột qua khe hở dưới cửa mà biến mất. Còn lại một mình trong phòng, ngoài hai chiếc cốc uống trà còn lại trên bàn ăn, chẳng có gì chứng tỏ rằng Cậu Ếch đã có ở đây.

9 giờ sáng hôm sau, Katagiri vừa đến sở, điện thoại trên bàn đã reo ngay.

"Chào ông Katagiri". Giọng đàn ông trong ống nghe có vẻ lạnh lùng nghiệp-vụ. "Tôi là Shiraoka, luật sư đảm đương công việc của Công ty Doanh thương Higashi Ôkuma. Sáng nay, thân chủ của tôi vừa liên lạc cho biết rằng, về món nợ đang được thương lượng ấy, thân chủ của tôi sẽ y theo yêu cầu của quý ông, bảo đảm sẽ hoàn trả số tiền ông đòi đúng kỳ hạn. Quý ông sẽ nhận được chứng thư về việc này. Do thế, xin ông đừng gửi Cậu Ếch đến nữa. Tôi nhắc lại, xin ông bảo Cậu Ếch đừng đến chỗ thân chủ tôi nữa. Nghe sao thì tôi truyền đạt lại như vậy, tuy bản thân tôi có đôi chỗ chưa lý giải được. Nhưng nói chừng ấy, chắc ông Katagiri đã hiểu?"

"Vâng, tôi hiểu rất rõ". Katagiri đáp.

"Những điều tôi vừa nói, xin ông chắc chắn truyền đạt lại Cậu Ếch giùm cho".

"Vâng, tôi sẽ truyền đạt lại không sai sót một lời nào. Cậu Ếch sẽ không đến chỗ thân chủ của ông nữa đâu".

"Cảm ơn ông. Vậy thì nội ngày mai, tôi sẽ gửi chứng thư đến cho ông".

"Xin ông giúp cho".

Điện thoại ngưng.

Giờ nghỉ trưa hôm ấy, Cậu Ếch hiện đến phòng làm việc của Katagiri trong ngân hàng.

"Thế nào anh, chuyện Công ty Doanh thương Higashi Ôkuma xong rồi đấy chứ?"

Katagiri hoảng hốt nhìn quanh xem có ai không.

"Không sao đâu anh. Chỉ có anh Katagiri là thấy được tôi thôi". Cậu Ếch nói. "Nhưng mà, từ chuyện nầy, anh Katagiri đã lý giải được là tôi có thật rồi nhé.Tôi không phải là sản vật trong ảo tưởng của anh đâu. Tôi đã hành động thật, và đem đến kết quả thật đấy. Tôi có thật và đang sống đây".

"Thưa Ông Ếch..." Katagiri nói.

Cậu Ếch đưa một ngón tay lên, đính chính:

"Cậu Ếch chứ".

"Vâng, Cậu Ếch". Katagiri chữa lại. "Cậu đã làm gì họ thế?"

"Có làm gì lắm đâu anh. Chuyện tôi đã làm có lẽ chỉ mất công hơn chuyện luộc bắp-cải-con một tí. Chỉ doạ chúng tí chút thôi, khủng bố tinh thần đấy. Như Joseph Conrad đã viết: *Khủng bố thật sự chính là sự sợ hãi mà con người tưởng tượng ra.* Mà nầy anh Katagiri, chuyện xong suốt rồi đấy nhỉ?"

"Có vẻ thế". Katagiri gật đầu, châm lửa vào điếu thuốc.

"Vậy anh đã tin được những điều tôi nói tối qua chứ? Anh có thể cùng tôi đánh nhau với Cậu Trùn được chứ?"

Katagiri thở dài, gỡ mắt kính ra lau.

"Nói thật với cậu, tôi vẫn còn do dự chưa quyết được, nhưng có lẽ không làm cũng không được."

Cậu Ếch gật đầu.

"Vấn đề trách nhiệm và danh dự đây anh. Tôi và anh Katagiri phải chui xuống đất, chống lại Cậu Trùn chứ không còn cách nào khác. Vạn nhất chúng ta có thua mà chết đi cũng sẽ không có ai biết mà thương xót. Mà cho dù đầu xuôi đuôi lọt, có trị được Cậu Trùn đi nữa, cũng chẳng có ai biết mà khen. Đâu có ai biết ngay dưới chân họ, trong lòng đất lại có một trận đấu khốc liệt sinh tử như thế. Chỉ có anh và tôi biết. Đằng nào thì cũng là một cuộc chiến cô độc đấy".

Katagiri nhìn hai bàn tay mình một lúc, rồi nhìn khói thuốc tỏa lên từ điếu thuốc lá.

Anh nói:

"Ông Ếch nầy, tôi chỉ là một người bình thường..."

"Cậu Ếch chứ".

Cậu Ếch đính chính, nhưng Katagiri không để ý, anh nói tiếp:

"Tôi chẳng qua chỉ là một người bình thường thôi. Không, còn dưới hạng bình thường nữa. Tóc bắt đầu hói, bụng bắt đầu to ra, tháng trước đã 40 tuổi rồi. Bàn chân thì bằng, kiểm sức khỏe thì bảo là có khuynh hướng bị tiểu đường đấy. Đã ba tháng nay không ngủ với đàn bà, mà lần trước chỉ là gái đĩ. Làm việc đòi nợ này, tuy trong nội bộ cũng được biết đến đôi chút, nhưng chẳng ai nể nang gì tôi. Trong công việc cũng như đời sống cá nhân, chẳng có ai gọi là thích tôi cả. Ăn nói dở, thấy người lạ thì tránh, khó làm bạn được với ai. Thể thao hoàn toàn không biết, âm nhạc cũng không, nhỏ con, bao quy đầu không cắt, lại cận thị, cả loạn thị nữa chứ. Sống một đời tồi tệ, chỉ ăn ngủ bài tiết. Thật tình không hiểu mình sống để làm gì. Người như thế mà cậu lại bảo phải cứu Tokyo?"

"Anh Katagiri à". Cậu Ếch trang nghiêm nói. "Chỉ có người như anh mới cứu được Tokyo. Và chính vì những người như anh mà tôi mới định cứu Tokyo đấy".

Katagiri lại thở dài.

"Vậy thì, tôi phải làm cái gì đây?"

Cậu Ếch cho anh biết kế hoạch cứu Tokyo. Ngày 17 tháng Hai, tức là một ngày trước cơn động đất sắp đến, trong đêm tối, sẽ chui xuống lòng đất. Cửa xuống đất mở từ phòng đun nước sưởi dưới hầm chi nhánh Shinjuku của ngân hàng Tín Dụng An Toàn Tokyo. Gỡ một mảng tường ra là có lỗ hổng, từ đó dùng thang dây leo xuống khoảng 50 thước là đến chỗ có Cậu Trùn. Hai người hẹn nhau ở phòng đun nước sưởi ấy. Katagiri sẽ lấy cớ làm thêm để ở lại trong tòa nhà.

Katagiri hỏi:

"Có gì như là kế hoạch hành quân hay không?"

"Phải có kế hoạch hành quân chứ. Không có thì không thắng nổi quân địch này đâu. Cái thứ trơn tuột, đâu là đầu đâu là đuôi chẳng biết, mà lại to tướng, dài ngoằng như cả một con tàu trên đường tàu hầm Yamanote ấy chứ chơi sao".

"Kế hoạch như thế nào hả cậu?"

Cậu Ếch suy nghĩ thật sâu một hồi rồi nói:

"Im lặng là vàng, không nói ra thì tốt hơn, anh ạ"

"Nghĩa là tôi cũng không nên hỏi?"

"Vâng, nói thế cũng được".

"Nếu đến giờ phút chót mà tôi sợ đến phải rút lui, thì Ông Ếch sẽ làm sao?"

"Cậu Ếch chứ".

"Vâng, nếu thế thì Cậu Ếch sẽ làm sao?"

"Sẽ chiến đấu một mình vậy". Cậu Ếch suy nghĩ một lát rồi nói. "Xác suất tôi chiến đấu một mình mà thắng được Cậu Trùn thì như Anna Karenina đã nói: chỉ nhỉnh hơn một tí xác suất chận được cái đầu máy xe lửa đang hùng hục lao tới. Anh Katagiri đã đọc Anna Karenina chưa nhỉ?"

Nghe Katagiri đáp chưa, Cậu Ếch có vẻ hơi thất vọng. Xem ra cậu thích cuốn truyện ấy lắm.

"Nhưng mà tôi biết anh Katagiri sẽ không trốn, bỏ lại mình tôi đâu. Nói sao nhỉ? *Dái to thì mật lớn* đấy. Tiếc là dái, thì loài ếch chúng tôi không có thôi. Ha Ha Ha Ha".

Cậu Ếch hả họng lớn ra mà cười. Cậu Ếch không có dái đã đành, mà răng cũng không có nốt.

Chuyện không đoán trước được đã xảy ra.

Chiều ngày 17 tháng Hai, Katagiri bị bắn. Vừa xong chuyện đòi nợ vòng vòng, lúc anh đang đi trên đường quận Shinjuku về phía ngân hàng, một thanh niên mặc áo khoác bằng da nhảy ra trước mặt anh. Một tên đàn ông mặt trơ mỏng dẹt, tay cầm một khẩu súng đen nhỏ. Khẩu súng nhỏ quá và đen quá, đến tưởng như không phải là súng thật. Katagiri mơ hồ nhìn cái vật đen nhỏ ấy đang hướng về phía anh, không sao cảm nhận được rằng có cái cò súng sắp sửa bóp vào. Sự việc xảy ra thật đột ngột và không có ý nghĩa gì. Nhưng súng đã nổ.

Anh nhìn thấy họng súng bị giật nẩy lên, cùng lúc với cảm giác vai bên phải giống như bị một cái búa đập vào. Không cảm thấy đau. Katagiri như bị cú đập ấy bật ngã xuống mặt đường. Chiếc cặp da đang nắm trong tay phải văng qua hướng khác. Tên kia lại hướng mũi súng về phía anh, bắn một phát nữa. Tấm bảng quảng cáo quán ăn-nhẹ ngay trước mặt anh vỡ tan tành. Anh nghe có tiếng người hét thất thanh. Mắt kính văng đâu mất. Phong cảnh trước mắt mờ đi. Anh chỉ thấy mờ mờ dáng người cầm súng tiến lại gần. Katagiri nghĩ thầm mình sắp chết rồi đây. Cậu Ếch nói: *Khủng bố thật sự chính là sự sợ hãi mà con người tưởng tượng ra.* Katagiri không ngần ngại gì nữa, đã bấm tắt óc tưởng tượng của mình, và chìm sâu vào cái tĩnh mịch không trọng lượng.

Lúc tỉnh lại, anh thấy mình đang nằm trên giường. Thoạt đầu, anh chỉ mở một mắt, lặng lẽ quan sát chung quanh, rồi mở cả mắt kia ra.

Đập vào mắt anh lúc ấy là hình dáng cái giá bằng sắt đặt bên gối, từ đó thòng xuống cái ống nhựa dài dẫn thuốc vào người anh. Rồi hình dáng của người nữ y tá mặc áo choàng trắng. Anh nhận biết mình đang nằm ngửa trên giường, trong bộ quần áo có vẻ dị dạng, dưới lớp ấy thì chẳng mặc gì khác.

Anh nhớ ra, đang đi trên đường thì bị ai đó bắn. Trúng vào vai mà. Vai bên phải. Quang cảnh lúc bị bắn chiếu lại trong trí anh. Khi anh nhớ đến cây súng đen nhỏ trên tay người đàn ông, tim anh đập mạnh những tiếng động hồi hộp. Ừ, rõ ràng bọn chúng muốn giết mình thật. Nhưng mà mình không chết. Anh nhớ lại rõ ràng. Không thấy đau. À không, đâu phải chỉ không thấy đau, hầu như chẳng có cảm giác gì cả. Ngay cả giơ cánh tay lên cũng không được.

Phòng bệnh không có cửa sổ, chẳng biết là ngày hay đêm. Lúc anh bị bắn là gần 5 giờ chiều, từ ấy đến nay đã bao lâu rồi? Giờ hẹn nửa đêm với Cậu Ếch đã qua mất rồi chăng? Katagiri ngước tìm xem có đồng hồ trong phòng không, vì không có mắt kính nên không nhìn rõ được.

"Cô ơi". Katagiri lên tiếng gọi cô y tá.

"À, anh đã tỉnh lại rồi đấy à. Tốt quá". Cô y tá nói.

"Bây giờ là mấy giờ rồi, cô?"

Cô y tá lướt nhìn đồng hồ đeo tay:

"9 giờ 15".

"Ban đêm à?"

"Cái anh nầy. Sáng rồi đấy anh ạ".

"9 giờ 15 sáng rồi sao?" Katagiri hơi ngẩng đầu lên, nói với giọng khàn khàn nghe như không phải giọng của chính mình. "9 giờ 15 sáng ngày 18 tháng Hai rồi sao?"

"Đúng đấy". Cô y tá đưa tay lên xem lại ngày giờ trên chiếc đồng hồ số rồi xác nhận: "Hôm nay là ngày 18 tháng Hai năm 1995 đấy".

"Thế sáng nay không có động đất thật lớn ở Tokyo sao?"

"Ở Tokyo này à?"

"Ở Tokyo này đấy".

Cô y tá lắc đầu:

"Theo chỗ tôi biết thì không có trận động đất nào lớn ở đây cả".

Katagiri thở ra nhẹ nhõm. Dù gì đi nữa, động đất thì đã tránh được rồi.

"Vết thương của tôi có sao không cô?"

"Vết thương nào?" Cô y tá ngạc nhiên.

"Vết thương bị bắn ấy chứ đâu".

"Bị bắn à?"

"Súng lục đấy. Bị một thanh niên bắn ở gần cửa ngân hàng Tín Dụng An Toàn Tokyo. Bị vào vai bên phải đấy mà".

Cô y tá nhếch môi cười, có vẻ ngờ ngợ.

"Khổ quá. Anh Katagiri có bị súng bắn đâu nào".

"Tôi không bị bắn sao? Thật sao cô?"

"Thật chứ, có bị bắn gì đâu. Cũng thật như Tokyo nầy đã chẳng có trận động đất nào cả".

Katagiri chẳng còn hiểu ra làm sao nữa.

"Vậy thì tại sao tôi lại phải nằm trong bệnh viện đây?"

"Chiều hôm qua, người ta thấy anh Katagiri nằm hôn mê trên đường trong khu Kabukichô. Không có vết thương nào cả, chỉ ngã xuống bất tỉnh đấy thôi. Hiện thời chưa biết rõ nguyên nhân ra làm sao. Lát nữa, Bác sĩ đến, anh hỏi thử xem sao".

Hôn mê gì? Katagiri nhìn thấy họng súng hướng về mình nhả đạn rõ ràng mà. Anh thở vào thật sâu, gắng chỉnh đốn lại đầu óc mình, kiểm lại từng việc đã xảy ra. Anh nói:

"Thế thì tôi đã nằm trên giường bệnh viện này từ chiều hôm qua trong trạng thái bất tỉnh đấy nhỉ?"

"Đúng thế". Cô y tá nói. "Đêm qua anh Katagiri đã mớ cả đêm đấy. Có vẻ anh thấy nhiều ác mộng. Nhiều lần nghe anh hét: Cậu Ếch, Cậu Ếch. Có phải Cậu Ếch là biệt hiệu gì đấy của bạn anh không?"

Katagiri nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng đập của tim mình. Tim anh đang thong thả đập đúng quy tắc nhịp điệu của sự sống. Anh không hiểu phần nào là sự thật đã xảy ra, mà phần nào là ảo tưởng. Có phải Cậu Ếch có thật, đã đánh nhau với Cậu Trùn và đã chận đứng được trận động đất? Hay tất cả chỉ là một giấc mộng dài giữa ban ngày? Katagiri chẳng hiểu sao cả.

Nửa đêm hôm ấy, Cậu Ếch tìm đến phòng bệnh của anh. Katagiri vừa mở mắt ra đã thấy Cậu Ếch trong ánh sáng của ngọn đèn-đêm nhỏ. Cậu Ếch ngồi trên ghế khung sắt, dựa người vào tường, có vẻ mệt mỏi quá rồi. Đôi mắt lớn màu xanh lục bình thường vẫn lòi hẳn ra ấy, bây giờ nhắm lại thành một vệt thẳng nằm ngang.

"Cậu Ếch". Katagiri gọi.

Cậu Ếch từ từ mở mắt. Cái bụng trắng hếu to lớn phồng lên xẹp xuống theo nhịp thở mệt nhọc.

Katagiri nói:

"Tôi đã định xuống phòng đun nước sưởi đúng giờ hẹn nửa đêm.

Thế nhưng chiều hôm ấy lại bị tai nạn không lường trước được, nên bị khiêng vào bệnh viện nầy đây".

Cậu Ếch nhẹ lắc đầu:

"Tôi hiểu lắm. Nhưng mà không sao. Không có gì phải lo. Anh Katagiri đã giúp tôi chiến đấu rồi mà".

"Tôi đã giúp cậu thật sao?"

"Thật đấy. Anh Katagiri đã giúp tôi thật sự lúc anh nằm mơ ấy. Chính là nhờ thế mà tôi đánh nhau được với Cậu Trùn và gắng gượng đến phút cuối cùng. Nhờ công của anh Katagiri đấy".

"Khó hiểu thật. Suốt một thời gian dài, tôi bất tỉnh và được nhỏ thuốc vào người. Tôi hoàn toàn không nhớ mình đã làm gì trong giấc mơ".

"Ấy thế mà được việc đấy anh Katagiri ạ. Không nhớ gì cả thì tốt hơn. Dù sao, tất cả các cuộc chiến đấu khốc liệt đều thực hiện do sức tưởng tượng. Đấy mới chính là chiến trường của mình đấy anh. Ta thắng ở đấy, mà ta bại cũng ở đấy. Tất nhiên, chúng ta chỉ là những hiện hữu có giới hạn, cuối cùng thì ai cũng bại và mất đi. Nhưng mà đúng như Ernest Hemingway đã nhìn ra giá trị cuối cùng của đời ta không định trên cách ta thắng mà trên cách ta bại. Tôi và anh Katagiri đã gắng gượng thành công trong việc ngăn chặn trận động đất có khả năng hủy diệt Tokyo. Thoát được cái thảm kịch 150 ngàn người chết. Tuy không ai để ý, nhưng chúng ta đã đạt được kết quả ấy đấy anh".

"Cậu làm thế nào mà đánh bại Cậu Trùn thế? Còn tôi thì đã làm được gì?"

"Chúng ta đã dùng hết sức mình, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, chúng ta..."

Cậu Ếch nghẹn lời, thở một hơi dài.

"Tôi và anh Katagiri đã dùng hết mọi thứ vũ khí, trong tầm tay với, và dùng hết dũng khí của mình. Bóng tối đã đứng về phe Cậu Trùn. Anh Katagiri đã mang máy-phát-điện-đạp-chân xuống đấy, dùng hết sức lực của anh để rọi ánh sáng vào nơi tối tăm ấy. Cậu Trùn rắp tâm lợi dụng những cảnh huyễn hoặc trong bóng tối để xua đuổi anh đi, nhưng anh vẫn cố ghìm chân nán lại. Bóng tối và ánh sáng công phá nhau kịch liệt. Trong ánh sáng ấy, tôi đã đánh cận chiến với Cậu Trùn. Cậu Trùn đã quấn quanh người tôi, trét lên thân thể tôi thứ nước nhớt dính kinh khiếp. Tôi đã quật Cậu Trùn tơi bời mà cậu ấy vẫn không chịu chết, chỉ rơi rớt từng mảnh ra thôi. Thế rồi..."

Cậu Ếch chợt im bặt. Rồi như đã vét được hết sức lực để mở miệng nói tiếp:

"Fyodor Dostoevsky đã miêu tả một cách nhân hậu vô cùng những kiếp người bị Thượng Đế vất bỏ. Con người tạo ra Thượng Đế để rồi chính con người lại bị Thượng Đế chối bỏ; trong cái nghịch lý thê thảm cùng tận ấy, ông đã tìm thấy sự tôn quý của con người. Trong lúc chiến đấu với Cậu Trùn trong bóng tối u ám ấy, tôi chợt nhớ đến "Đêm Trắng"[3] của Dostoevsky. Tôi..."

Giọng Cậu Ếch lạc hẳn đi.

"Anh Katagiri, tôi nhắm mắt ngủ một tí được không anh? Tôi mệt quá..."

"Cậu nên ngủ thật say đi".

"Tôi đã không thắng được Cậu Trùn". Cậu Ếch nói, mắt nhắm lại. "Động đất thì gắng gượng ngăn lại được, nhưng mà tôi gắng lắm cũng chỉ kéo được đến chỗ huề với Cậu Trùn mà thôi. Cậu Trùn suy suyển mà tôi cũng suy suyển quá rồi. Nhưng mà anh Katagiri này..."

"Sao cơ?"

"Tôi là Cậu Ếch thật nhưng đồng thời tôi cũng là biểu tượng của thứ gì không phải là Cậu Ếch đấy".

"Tôi không hiểu cậu định nói gì".

"Thì tôi cũng đâu có hiểu rõ lắm". Cậu Ếch nói, mắt vẫn nhắm lại. "Chỉ cảm thấy thế thôi. Cái gì thấy trước mắt chưa hẳn đã là thật. Kẻ địch của tôi cũng là chính tôi bên trong tôi. Trong tôi có cái không phải là tôi. Đầu óc tôi như mờ tối dần đi. Đầu máy xe lửa đang tiến đến đấy. Nhưng mà tôi muốn anh Katagiri lý giải cho tôi điều ấy..."

"Cậu Ếch nầy, cậu mệt quá đấy. Ngủ đi rồi sẽ hồi phục lại ấy mà".

"Anh Katagiri, tôi lại chìm dần vào khoảng tối tăm ấy. Dù vậy, nếu... tôi có..."

Thế rồi Cậu Ếch lặng thinh, chìm vào hôn mê. Hai cánh tay dài buông thõng xuống sàn nhà, cái miệng lớn và dẹt hơi mở ra. Nhướng mắt lên, Katagiri thấy những vết thương lõm sâu trên khắp thân mình Cậu Ếch. Nhiều đường hằn đã đổi màu chạy dọc ngang trên da. Một phần đầu bị rứt thịt ra, lõm xuống. Katagiri nhìn một hồi lâu dáng Cậu Ếch cuộn mình trong tấm áo dầy của giấc ngủ. Anh dặn mình phải mua và đọc "Anna Karenina" và "Đêm Trắng" sau khi xuất viện, để có thể bàn luận về những tác phẩm văn học ấy với Cậu Ếch đến thỏa thích mới thôi. Lát sau, Cậu Ếch chuyển động nhẹ thân mình. Lúc đầu Katagiri tưởng là cậu ấy cựa mình trong giấc ngủ. Nhưng không phải. Cậu Ếch giống như một hình nộm to lớn bị cột dây điều khiển bởi người nào đấy đứng đằng sau, nên có những động tác không được tự nhiên. Katagiri nuốt nước bọt, khẩn trương xem chừng tình hình. Anh muốn đứng lên

đến bên Cậu Ếch, nhưng toàn thân anh tê đi, không làm gì được. Từ phía trên mắt của Cậu Ếch chợt nổi lên một cục u, to dần. Và vai, nách, bụng Cậu Ếch cũng có những cục u như thế nổi phồng lên như những bọt nước to lớn, xấu xí. Rồi toàn thân Cậu Ếch, đâu đâu cũng thấy những cục u ấy. Katagiri không tưởng tượng được chuyện gì đang xảy ra, chỉ biết nín thở chăm chú nhìn quang cảnh kỳ dị ấy. Thế rồi đột nhiên một cục u vỡ ra, phát ra một tiếng nổ làm bắn tung chỗ da ấy, vung vãi những tia nước nhờn nhớt, tỏa mùi khó ngửi. Rồi liên tiếp dễ đến 20, 30 cục u khác vỡ theo, bắn đầy những mảng da và nước nhờn lên tường. Phòng bệnh nhỏ hẹp nồng nặc mùi hôi không chịu nổi. Từ lỗ hổng tối sâu của các cục u đã vỡ, những con giòi đủ cỡ lớn nhỏ lúc nhúc chui ra. Những con giòi ú na ú nần bò lổn ngổn. Tiếp theo là những con rết đen nhỏ, vô số chân bò đi, tạo nên âm thanh rào rạo ghê người. Giòi và rết rồi trùn liên tục bò ra từ các lỗ hổng ấy. Thân thể Cậu Ếch, nói đúng hơn là cái khối bầy nhầy trước đây là thân thể Cậu Ếch, đã bị bao kín bởi lũ giòi, rết, trùn tối ám ấy. Từ đôi mắt, rơi xuống sàn hai tròng mắt tròn to tướng. Đám rết đen bu lại, hàm cạp mạnh vào hai tròng mắt ấy. Đám giòi tranh nhau cuồn cuộn bò lên tường phòng bệnh rồi lên cả trần nhà. Chúng che kín đèn ống, chui vào đầy trong máy báo động hỏa hoạn. Sàn nhà đầy giòi, rết và trùn. Chúng che kín cái giá đèn bên gối làm mất ánh sáng. Chúng bò lên giường, chui vào chăn nệm. Chúng bò lên chân Katagiri, chui vào trong lớp áo ngủ, chui vào háng anh. Giòi và trùn chui tọt vào lỗ hậu môn, tai, mũi, từ đấy chui sâu vào trong thân thể anh. Đám rết chống môi anh lên, chui vào miệng anh, lớp này đến lớp khác. Ngập ngụa trong nỗi tuyệt vọng cùng cực, Katagiri hét lớn lên.

Có ai đấy mở đèn. Ánh sáng tràn lan trong phòng.

"Anh Katagiri". Có tiếng cô y tá gọi anh.

Katagiri mở mắt thấy phòng sáng choang. Toàn thân anh ướt đẫm mồ hôi, như vừa bị ai tạt nước. Chẳng còn con giòi bọ nào. Chỉ còn cảm giác nhơn nhớt, rờn rợn trên da.

"Anh Katagiri lại thấy ác mộng rồi chứ gì. Tội nghiệp anh".

Cô y tá nhanh nhẹn chuẩn bị kim tiêm, rồi tiêm thuốc vào cánh tay anh.

Katagiri hít vào thật sâu thật lâu xong thở ra. Tim anh co lại dãn ra gấp gáp.

"Anh mộng thấy gì mà ghê thế?" Cô y tá hỏi.

Nhưng anh không làm sao phân định được chuyện gì là mộng và chuyện gì là thật. Anh nói, như với chính mình.

"Cái gì thấy trước mắt chưa hẳn là thật".

HỒ CÔNG TÂM

trả hết cho nhau

bỗng chốc hai ta hết nợ nần
nhẹ nhàng thanh thản cõi phù vân
yêu thương hờn giận nhau chi mãi
giọt nước sương khuya thấm mộ phần
trả gió cho mây ngàn ấp ủ
trả mây cho gió núi ân cần
kiếp sau hẹn gặp ngoài hư ảo
trả hết cho nhau ở cõi trần

9.24.2004

"Đúng thế". Cô y tá mỉm cười. "Nhất là khi nằm mộng".

"Cậu Ếch". Anh thì thầm.

"Cậu Ếch làm sao?"

"Cậu Ếch một mình đã cứu được Tokyo khỏi bị động đất hủy hoại đấy".

"Tốt quá nhỉ". Cô y tá nói và thay thuốc mới vào bình chuyền. "Thế thì tốt quá. Tokyo không cần thêm mấy thứ ghê gớm ấy. Có đủ quá rồi".

"Nhưng mà bù vào đấy, Cậu Ếch đã chết, đã mất tiêu rồi. Có khi đã phải trở về chỗ tối tăm, không còn trở lại đây nữa".

Cô y tá vẫn giữ nụ cười trên môi, lấy khăn lau mồ hôi trên trán Katagiri.

"Anh Katagiri hẳn là thương Cậu Ếch lắm đấy nhỉ?"

"*Đầu máy xe lửa*". Katagiri líu lưỡi nói. "Hơn bất cứ ai".

Xong anh nhắm mắt, chìm vào giấc ngủ yên tĩnh không mộng mị. ■

Phạm Vũ Thịnh *dịch*

Sydney, 01-2004

---

[1] DatsuKôchiku - Deconstruction: Phương pháp và triết thuyết khởi từ Jacques Derrida, chủ trương phân tích những hàm ý khác biệt để hiểu được ý nghĩa thực.

[2] 700 triệu Yen, khoảng 7 triệu Mỹ kim.

[3] "White Nights" của Fyodor Dostoevsky, 1821 Moscow.

ĐỨC PHỔ

một ngày,
mặt trời không thể ngủ

Chưa qua mùa đại hạn
Gió tứ phương thúc ngọn phiêu bồng
Tan tác những đứa con nửa đời phiêu tán
Vẫn mang theo lịch sử giống nòi.

Chi sá oằn vai nhược trí
Lòng kiên trụ giữa đất trời
Mắt đăm một miền hương thổ...

Chiều đứng lại cùng chùm mây bạc
Nhiễu nhương trên từng định mạng ta
Khóc / cười. Lắm khi mang chung ý nghĩa
Của một nỗi đau, oan trái khôn cùng...

Đâu còn lời để tỏ cùng nhau
Khi trái tim mình quặn thắt
Ngọn cờ tiếng trống và mỗi thịnh suy
Giục giã triều dâng huyết quản!

Nhìn nhau là hẹn một điều chi
Ngoài tầm tưởng tượng.
Có bao giờ ta ở ngoài ta
Chỉ ở trong ta riêng lẻ.

Trái tim chẳng đủ chứa tình...
Khi lòng bên lòng, đã quạnh!

Nghiêng bầu gió tứ phương reo
Rượu rót vung trời ngất ngưởng
Thất chí người xưa say giữa chợ
Ai thân áo gấm phải xa làng!

Chiều đứng lại là ngày chưa lên tuổi
Sốt sững bờ vực thời gian
Nuốt đắng lời chia vội
Mụn mằn đốm lửa chong đêm.

Từ phía chân trời xa ngái
Một ngày, mặt trời không thể ngủ
Để chẳng có sớm mai nào, chia tay!

Boston – Atlanta (chớm thu 2004)

LƯU HY LẠC

ngó sen

gửi khuyên

Nói đi em mới đương
xuân mà cứ dõi ánh
mắt đăm đăm mọi ngày
lời lẽ tôi sẽ thảm

đạm mùa này trời đất
hứng tình, ai hay ai
biết! (giá mưa dầm dề
thiệt dễ chịu) đang hiện

giữa thực tại muốn chân
chỉ hạt bột cũng khó
hễ nói sai một chữ
đời bạc trăm lần; mùa

này nắng gì trắng mù
trời, chuyện tự tử thiệt
không nhất thiết phải đợi
sụp tối rồi nán cho

giông trút lá vàng đầu
cổ như thể phần đầu-
cổ tôi chẳng chịu liền
lạc chịu trận nơi cõi

đời già cỗi này nữa,
thôi thì cùng lũ thời
gian láu cá tôi sắp
đặt đâu đấy (tranh tối-

sáng) từ ấy sẽ có
cách chết khá nhất chăng
nặng nhẹ chi cũng cam
chịu còn bây giờ, em

cứ dõi ánh mắt đăm
đăm mọi ngày khiến chiều
tôi ra biển thái bình-
dương đứng bên đây ngó

non nước ruột quặn đau
chín chiều.

đùa với đường thi

ĐÀN BÁCH KIẾM

Đường thi như đôi cánh nhạn nghìn đời bay lượn trên thân phận con người. Tôi bơi lội trong Đường thi, ngậm ngùi, đùa giỡn. Chút mảnh hồn mang mang trong mưa xuân. Lấy tí lòng của cổ nhân mà cấy sinh tử phù vào hồn mình. Đôi cánh hạc có thật đã bay, bay mãi? Sao giấc mộng ban đầu vẫn trở về một trưa hè hanh nắng? Còn lại gì chăng, ngoài một mầu vàng hiu hắt đến muôn thuở?

Xưa có kẻ chán chuyện nhân gian, muốn vào dưới mộ nghe quỷ xướng thi! Được thế ư? Cho theo với! Tôi lật trang sách cũ, thấy cổ nhân như bạn thiết, muốn ôm lấy mà đùa giỡn. Đùa với cổ nhân là yêu mến người xưa, là xé bức tranh trên vách mà rắp ranh một cuộc tương phùng. Mời nhau chén rượu nhạt, chưa uống đã say! Đọc lại câu thơ cổ, chưa buồn đã khóc! Giai nhân trong tranh có thật là người trong mộng cũ? Ta quen em tự bao giờ, sao chưa yêu đã nhớ!

Mục Đùa Với Đường Thi nhất định không phải là nơi biên khảo, nhận định, nghiên cứu, về Đường thi hay về bất cứ điều gì. Chỉ là nơi dìu đón ít vần thơ từ trời hội cũ về trời thơ hôm nay. Yêu mến nó, đùa giỡn với nó, khi thì nghịch ngợm một cách trầm trọng, lúc thì đùa giỡn một cách lai rai. Mọi cuộc dịch tự trong tinh thể của nó vốn là một cuộc dời đổi. Lời thơ có di về cõi miền nào khác cũng là điều tự nó. Mọi điển tích có tự nhiên mà dập dìu di về ngôn ngữ hôm nay cũng là điều thoải mái, tự nhiên.

Bay về ổ chín tầng cao, con chim giã biệt quên chào mái hiên (BG).

Đôi cánh nhạn đã bay về ổ, thì xin một lần gắng gượng gọi nó trở về.

Đàn Bách Kiếm

Trong số những Đường nhân hiệp lộ, người thân với tôi nhất là Lý Bạch. Ông tính tình hào sảng. Quý rượu như quý bạn, chơi với ai cũng

chẳng nề hà tuổi tác, dù sống cách nhau hơn ngàn năm. Thơ ông không chau chuốt như Đỗ Phủ, không huyền ảo như Lý Thương Ẩn, nhưng mãnh liệt một nỗi miềm say đắm. Nó rót vào lòng ta bừng bừng một ngụm rượu cay nồng. Ngọt lịm. Bốc thẳng lên đầu rồi rần rần chạy khắp châu thân. Thơ ông trùng điệp như rừng. Chỉ riêng về rượu cũng đã mấy ngàn câu. Hai trong mấy ngàn câu ấy đã nâng chuyện uống rượu từ một thú vui say đắm lên hàng tôn giáo, một tửu đạo. *Sở dĩ tri tửu thánh, tửu hàm tâm tư khai*, nghĩa là: *sở dĩ ông biết rượu có thể làm những kẻ phàm phu như chúng ta trở thành thánh, là bởi vì khi rượu vào thì lòng chúng ta mở rộng ra với đất trời*. Ấy là tôi hiểu hai câu thơ ấy như vậy. Chẳng biết có ai hiểu như thế hay không. Nhưng những lúc uống rượu, nhớ đến ông, nhớ đến hai câu thơ ấy, tôi cứ ngỡ mình là thánh.

Hai câu ấy nằm trong chùm Nguyệt Hạ Độc Chước, gồm bốn bài. Cách đây non 30 năm tôi tình cờ đọc được bài một trong chùm thơ ấy bằng Anh ngữ. Sau đó ít lâu lại được đọc nguyên tác và bản dịch của cụ Trường Xuân Phạm Liễu[1], rất lấy làm thú vị, những lúc rảnh rỗi vẫn thường dở ra ngâm nga đọc. Sau đấy ít năm, tôi cùng bạn là CĐK tình cờ gặp một giai nhân trong một tiệc rượu, họ Lưu tên Hồng Yến, mi thanh mục tú, dáng người thanh tao, lại uống rượu rất mực hào sảng. Ly lớn, ly nhỏ, không pha, không đá, rót thẳng từ chai, nâng lên uống nhẹ nhàng như uống trà. Mãi mà chẳng thấy say. Tôi cao hứng dịch bài thơ ấy tặng người đẹp họ Lưu. Sau đấy, tôi mới được một người bạn cho biết Lý Bạch viết đến những bốn bài Nguyệt Hạ Độc Chước, ba bài sau không nổi tiếng như bài đầu.

CĐK đã đột ngột mất. Người đẹp họ Lưu cũng chẳng biết trôi dạt về đâu. Nhớ bạn, tôi ngồi uống rượu một mình, dịch thêm ba bài sau. Và thư thả chép ra đây mời độc giả cùng đọc.

NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC

Kỳ Nhất
Hoa gian nhất hồ tửu
Độc chước vô tương thân
Cử bôi yêu minh nguyệt
Đối ảnh thành tam nhân
Nguyệt ký bất giải ẩm
Ảnh đồ tùy ngã thân
Tạm bạn nguyệt tương ảnh
Hành lạc tu cập xuân

Ngã ca nguyệt bồi hồi
Ngã vũ ảnh linh loạn
Tỉnh thời đồng giao hoan
Túy hậu các phân tán
Vĩnh kết vô tình du
Tương kỳ mạc Vân Hán

Một Mình Rót Rượu Dưới Trăng
Nơi hoa một bầu rượu
Một mình rót ra, chẳng có người thân
Nâng chén mời vầng trăng sáng
Cùng bóng, thành ba người
Trăng chẳng chịu uống gì cả
Bóng lại cứ theo thân ta
Thôi thì kết bạn cùng trăng và bóng
Vui chơi cho kịp mùa xuân
Ta hát, trăng bồi hồi
Ta múa, bóng quay cuồng
Lúc tỉnh, cùng nhau vui sướng
Say rồi, lại chia tay
Xin mãi kết bạn đi chơi, không vướng bận thường tình
Hẹn nhau ở sông Vân Hán (Ngân Hà) xa xôi

Bài một
Không bè bạn, giữa vườn hoa
Một mình rót rượu tà tà một chai
Mời trăng nâng chén lai rai
Bóng ơi ngồi dậy cụng vài ly thôi
Ba mình kết bạn nhậu chơi
Vô đi trăng bóng cho đời lên hương
Vô đi trăng, trăm phần trăm
Uống đi bóng, quấn theo chân rềnh ràng
Ta ca trăng cũng bàng hoàng
Ta múa bóng té bò càng tới lui
Đêm nay cùng uống cho vui
Sáng mai tỉnh dậy đời trôi phương nào
Trăm năm hẹn một lời chào
Trăng, ta, bóng với ngàn sao Ngân Hà

Kỳ nhị
Thiên nhược bất ái tửu
Tửu tinh bất tại thiên
Địa nhược bất ái tửu
Địa ưng vô tửu tuyền
Thiên địa ký ái tửu
Ái tửu bất quý thiên
Dĩ văn thanh tỷ thánh
Phục đạo trọc như hiền
Hiền thánh ký ẩm tửu
Hà tất cầu thần tiên
Tam bôi thông đại đạo
Nhất đấu hợp tự nhiên
Đản đắc tuý trung thú
Vật vi tỉnh giả truyền

Ví thử trời không mê rượu
Thì ngôi sao rượu đã không có ở trên trời
Ví thử đất không mê rượu
Thì mặt đất đã không có dòng suối rượu
Trời đất đều mê uống rượu
Thì ta có mê uống rượu cũng chẳng hổ thẹn với đất trời
Nghe nói trong như thánh
Lại nói đục như hiền
Hiền thánh đều uống rượu
Thì hà tất phải cầu gặp thần tiên
Ba chén là thông suốt đạo lớn
Một chai thì hợp lẽ tự nhiên
Chỉ có thú uống rượu là đáng kể
Chứ làm kẻ nổi danh mà tỉnh táo để làm gì

Bài hai
Ai dám bảo trời không mê rượu?
Kìa thiên đình sáng chiếu tửu tinh!
Đất bằng cũng thích Lưu Linh
Một dòng suối rượu dập dình trần gian

Trời cùng đất đều ham nhậu nhẹt
Thì say sưa há thẹn đất trời!

Xưa nay hiền thánh nghìn đời
Cũng đều uống rượu tới bời lá hoa

Tớ không muốn danh lòa cả nước
Cũng chẳng cầu học được phép tiên
Một chai hợp lẽ tự nhiên
Ba ly thông suốt nhân duyên kiếp người

Say sưa sướng nhất trên đời

Kỳ tam
Tam nguyệt Hàm Dương thành
Thiên hoa trú như cẩm
Thùy năng xuân độc sầu
Đối thử kính tu ẩm
Cùng thông dữ tu đoản
Tạo hóa túc sở bẩm
Nhất tôn tề tử sinh
Vạn sự cố nan thẩm
Túy hậu thất thiên địa
Ngột nhiên tựu cô chẩm
Bất tri hữu ngô thân
Thử lạc tối vi thậm

Tháng Ba ở thành Hàm Dương
Ngàn hoa ban ngày trông như gấm
Sao có thể một mình buồn được giữa mùa xuân
Trước cảnh ấy nên lấy rượu ra uống
Cùng thông hay dài ngắn
Tạo hóa đã sắp đặt sẵn cả rồi
Một chén rượu ngang với sống chết
Vạn sự có muốn hiểu cũng chẳng được
Say rồi thì vất tung cả trời đất
Ngất ngưởng đến bên gối chiếc
Không biết có thân mình
Cái thú ấy thật là cùng cực

Bài ba
Thành Hàm Dương tháng Ba hoa nở
Trời vào xuân rạng rỡ xanh tươi
Lòng người khoan khoái thảnh thơi
Dở bầu rượu nhỏ cùng trời đất say

Việc trên đời, rủi may, dài ngắn
Ông trời đà định sẵn hộ mình
Hơi đâu thắc mắc sự tình
Nâng ly một ngụm tử sinh một lời

Tớ uống rượu đánh rơi trời đất
Ngất ngưởng đi chân thấp chân cao
Ảnh hiện hữu, thân chiêm bao?
Rong chơi một kiếp tiêu dao tháng ngày

Thú nào bằng cái thú này...

Kỳ tứ
Cùng sầu thiên vạn đoan
Mỹ tửu tam bách bôi
Sầu đa tửu tuy thiểu
Tửu khuynh sầu bất lai
Sở dĩ tri tửu thánh
Tửu hàm tâm tư khai
Từ túc ngọa Thú Dương
Lũ không cơ Nhan Hồi
Đương đại bất ẩm lạc
Hư danh an dụng tai
Giải ngao tức kim dịch
Tao khâu thị Bồng Lai
Thả tu ẩm mỹ tửu
Thừa nguyệt túy cao đài

Sầu cùng tận thì cả ngàn vạn mối
Rượu ngon chỉ có ba trăm ly
Sầu thì nhiều, rượu thì ít
Nhưng nâng ly lên là sầu không đến nữa
Sở dĩ biết rượu là thánh

Vì rượu vào thì lòng mở ra
Bá Di Thúc Tề bỏ thóc nhà Chu nằm ở Thú Dương mà làm gì
Nhan Hồi hoài công để bụng đói
Sống trên đời mà không uống rượu
Thì cái hão danh ấy dùng để làm gì
Cua tôm và nước vàng (rượu)
Gò bã rượu chính là Bồng Lai
Hãy cứ uống rượu đi
Rồi cười trăng bay tít trên lầu cao

Bài bốn
Sầu cả ngàn vạn mối
Rượu ba trăm ly thôi
Nâng ly sầu hoảng hốt
Ôm đầu chạy một hơi

Rượu vào lòng là thánh
Rộng mở giữa đất trời
Chẳng màng danh tiếng hão
Mặc ai đạo với đời

Sống mà không ăn nhậu
Thà chết quách đi thôi
Tôm cua: ôi ngọt lịm
Gò rượu: ồ Bồng Lai!

Nâng ly nhấp ngụm rượu thơm
Cười trăng say khướt trên tường gác mây
Trong túi còn miếng thịt cầy

Cảm Đề
Vô đi, trăng, bóng, cạn ly
Trăm phần trăm uống li bì một phen
Trăm phần trăm nữa rót thêm
Uống cho trôi hết ưu phiền trần gian
Mối sầu vạn cổ tiêu tan

Houston, tháng 10, 2004
Đàn Bách Kiếm

Ghi Chú:

(1) Bản dịch của Phạm Liễu:

Một bầu rượu, trăm hoa tươi
Một mình say tỉnh, không người tương thân
Nâng ly trăng chớ ngại ngần
Xuống đây cùng uống ân cần với ta
Ánh trăng chiếu xuống chói lòa
Chập chờn ẩn hiện thành ba bóng người
Trăng sao chẳng uống hỡi người
Để cho bóng ngã trông vời theo ta
Trăng ơi kết bạn dường xa
Uống cho thỏa thích theo đà xuân tươi
Ta ca trăng cũng bồi hồi
Và rồi ta múa ảnh thời loạn ly
Tỉnh say ta biết nói gì
Trăng cùng ta hãy vui đi tình đời
Tỉnh rồi phân tán đôi nơi
Vô tình kết bạn trăng ngời viễn du
Ngân hà cùng hẹn sầu tư.

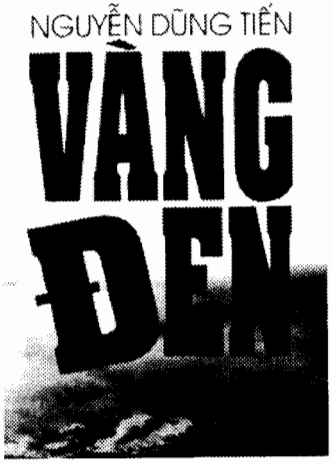

Từ "Lính Đánh Thuê" tới "Vàng Đen," đúng là Nguyễn Dũng Tiến đã làm một bước-nhẩy-bút-pháp bất khả phản hồi: không chỉ còn là người "viết cho vui" mà đã thành người viết nhà nghề.

Từ "nghề" tới "nghiệp," hình như không ranh giới.

Nhã Ca

Tác giả tái bản
Đã có bán tại các nhà sách
Giá $25.00

ĐÃ ĐI HẾT BIỂN

SỔ TAY THƯỢNG DÂN K' TIEN

I would be happy to die right here, rather than go back to Vietnam
Ralanpee, Montagnard refugee in Cambodia
(BBC NEWS 2004/07/21)

này anh em. bạn bè
chúng ta đã đi hết biển
qua các đại dương và châu lục
không về lại mái đình xưa
ngói lở. cột xiêu. sen tàn, mùa hạ chết
Nguyễn Xuân Thiệp

Tôi sinh trưởng ở miền sơn cước. Nơi đây không có biển rộng, sông dài, không có những cánh đồng lúa vàng ngút mắt, cũng không có phố thị tấp nập và ồn ào - như ở miền xuôi. Sống đâu quen đó. Tôi quen với những buổi sáng rừng tưng bừng, hớn hở tiếng con vượn hú và những đêm trăng rừng tĩnh lặng, hoang vu.

Khi hết chiến tranh, tôi đã cứ ngỡ là suốt phần đời còn lại của mình sẽ chỉ quanh quẩn dưới chân ngọn Lang Biang (hay còn gọi gọi là núi Bà, theo tiếng của Kinh) ở cao nguyên Lâm Viên. Có quá lắm thì chắc cũng chỉ đi xa năm bẩy xà gạc, một hai ngày đường, đến tận núi Voi, ghé thăm một cô bạn gái hay mấy người anh em bà con - uống với họ một hai ché rượu cần, cho đến lúc say, lăn quay ra ngủ - rồi sáng sớm lại lững thững trở về thôn bản của mình.

Vậy mà rồi bỗng có lúc tôi hớt ha hớt hải, bỏ đất, bỏ núi, bỏ rừng, bỏ hồ, bỏ suối, bỏ của chạy lấy người, trôi dạt xuống tận đồng bằng, cùng cả triệu kẻ khác, đâm xầm ra biển, lưu lạc, tứ tán khắp bốn phương trời.

Tôi đến Thái Lan, tả tơi, ủ dột, bèo nhèo và eo xèo như một cái xà rông ngấm nước.

Lần đầu ra thủ đô Bangkok, tôi bị choáng ngợp và thấy mình lạc lõng tội nghiệp trước cảnh phồn tạp nơi xứ lạ. Lúc ấy, sao không dưng mà chợt bùi ngùi và nhớ thương quê hương quá đỗi.

Bắt chước dân miền xuôi, tôi cũng tập viết những câu ngăn ngắn - có vần có vận với nhau mà người Kinh thường gọi là thơ, hay là vè gì đó - như sau:

Chiều về trên xứ lạ
Cười nụ cười Anglais
Buồn qua hơi thuốc Thái
Thèm một phin cà phê

Chiều về trên xứ lạ
Execuse me
I'm sorry nói mãi
Thèm một câu chửi thề

Chiều về trên xứ lạ
Xe ngược xuôi trăm đường
Trăm ngàn khuôn mặt lạ
Mong một người đồng hương

Chiều về trên xứ lạ
Ngỡ ngàng Chinatown.
Đây rượu nồng thịt béo
Mà bạn bè nơi nao

Dừng chân nơi quán lạ
Thèm cơm chiều hương quê
Mẹ cha ơi đừng đợi
Chiều nay con không về
(Chị ơi thôi đừng đợi
Chiều nay em chưa về)

Chiều về trên xứ lạ
Núi xa, đèo xưa ơi
Đi không lời giã biệt
Mà nhớ thương suốt đời

Vì không có thân nhân ở Hoa Kỳ, từ Thái Lan, tôi được đưa sang một trại tị nạn chuyển tiếp để chờ một hội thiện nguyện bảo trợ cho vào Mỹ. Thế là tôi bắt đầu cuộc đời ly hương của mình bằng những ngày mưa đầu mùa ở Galang, một hòn đảo nhỏ bé, thuộc Nam Dương.

Những chiều mưa đầu mùa bao giờ cũng buồn. Và những chiều mưa đầu mùa (đầu tiên) nơi đất lạ thì buồn đến não lòng! Tôi cứ ngồi bó gối trong một góc nhìn những giọt nước trong veo, nương nương chạy theo mái lán mà nhớ nhà muốn khóc.

Có hôm tạnh ráo, đi lang thang quanh đảo mãi cho đến lúc gần xẫm tối, tôi lạc đến một khu đất trống. Nơi đây, có chừng vài chục nấm mồ của người tị nạn. Giữa một buổi chiều vắng lặng và cô quạnh, trên hải đảo hoang vu, cách quê nhà cả một đại dương xanh thẫm, trước những nấm đất "xè xè" - mọc đầy cỏ dại, vương vãi mấy chân nhang đã bạc phếch mầu - tôi bỗng cảm được hết sự lạnh lẽo, thê lương, và ảm đạm của chuyện "vùi thây nơi quê người đất khách." Tôi cũng chợt hiểu được tại sao, trên những ban thờ - thường thấy đặt trong nhà của những người dân ở đồng bằng - lúc nào cũng có thắp một ngọn đèn dầu hột vịt tí teo, cùng với khói hương ấm áp.

Hoàn cảnh không cho phép người dân sơn cước thờ cúng người thân theo cách đó. Hầu như tất cả những sắc dân thiểu số ở Việt Nam đều có lệ bỏ mả, hay còn gọi là bãi mả - theo như cách nói có âm hưởng Hán Việt, của người Kinh.

Dân Roglai (sống rải rác trên miền núi ở các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, và Lâm Đồng) làm lễ bỏ mả vào mùa gặt thứ nhất. Người Rhadé (ở vùng Darlac, Quảng Đức hay Tuyên Đức) thì làm lễ bãi mả vào mùa gặt năm sau. Gặt hái vừa xong, ai cũng rảnh rang và có của ăn của để nên lễ lạc thường rất đình đám. Thế nào cũng mời thầy cúng tế, ngả trâu bò, đãi đằng làng xóm, ăn uống, chiêng trống, nhẩy nhót thâu đêm. Rồi mọi người ra mộ khóc lóc một lần cuối trước khi (vĩnh viễn) tạ từ.

Tập tục này, tôi trộm nghĩ, có nguồn gốc từ đời sống du canh. Do sự di chuyển không ngừng để tìm đất đai canh tác mới nên cơ hội trở lại nơi chốn cũ thăm viếng mộ người đã khuất rất mỏng manh; vì vậy, người ta cần làm lễ bỏ mả để được yên tâm khi phải rời bỏ mồ mả ông bà trước khi di chuyển.

Tôi tiếc là mình đã không có được sự yên tâm như thế. Khi hốt hoảng bỏ chạy khỏi quê hương, tôi đã không kịp tạ mả người thân - theo như phong tục của người miền núi. Tôi cũng không có dịp chôn cất, thờ

phượng song thân với khói hương ấm áp hằng ngày - như những kẻ ở miền xuôi. Trong suốt quãng đời lưu lạc của mình, tôi cứ ân hận mãi về sự thiếu sót này.

Và có lẽ vì thế, nên tôi đã suy nghĩ khá lâu, sau khi đọc *Nếu Đi Hết Biển* của Trần Văn Thủy. Cuốn sách gồm mười chương, nội dung chính - theo như lời tác giả - "chỉ ghi chép lại đôi điều tôi nghĩ, tôi thấy, tôi trải qua cùng việc trò chuyện với một số trí thức nhà văn hải ngoại". Chương mở đầu là "Mấy Lời Rào Đón". Chương kế tiếp, cũng có tiểu tựa là "Nếu Đi Hết Biển", được mở đầu bằng những câu ca dao:

Con cò lặn lội bờ sông
Cò ơi sao nỡ quên công mẹ già
Hỏi rằng ai đẻ cò ra
Mà cò lại bỏ mẹ già không nuôi
Nhớ khi đi ngược về xuôi
Mẹ đi bắt tép mẹ nuôi được cò
Cò ơi cò bạc như vôi.
Công cha nghĩa mẹ cò còn nhớ không?
à á à ơi

Sau đó, Trần Văn Thủy mượn lời đoạn kết của bộ phim "Có Một Làng Quê" (do chính ông làm đạo diễn) để tiếp tục câu chuyện - như sau:

"...Thuở tôi còn nhỏ, gia đình tôi tản cư về quê. Người chăm lo, nuôi dậy anh em chúng tôi là một bà vú nuôi nhà quê mà chúng tôi vẫn trìu mến gọi là thím, thím Nhuận."

"Mỗi buổi tối, sau những công việc vườn tược, xay lúa, giã gạo, khi gà đã lên chuồng, thím mắc võng ra hiên nằm kể chuyện cho chúng tôi. Khi ấy tôi chưa hề biết rằng bà không biết chữ, mà chỉ thấy bà thuộc lòng những truyện thơ dài suốt đêm này qua đêm khác."

"Thế rồi một đêm, dưới vòm trời bí ẩn đầy những vì sao lấp lánh, trong trí tưởng tượng ấu trĩ của tôi bỗng nẩy ra một dấu hỏi to tướng về sự hữu hạn và vô hạn. Tôi bắt đầu lục vấn thím tôi:

- Đi hết làng ta thì đến làng nào hả thím?
- Làng ta gọi là làng An Phú. Đi hết làng ta thì đến làng An Lễ.
- Đi hết làng An Lễ thì đến làng nào?
- Đi hết làng An Lễ thì đến làng An Phong.
- Rồi đi đến đâu nữa?
- Hết làng An Phong thì đến làng An Nhân, An Đạo.
- Đi hết làng An Đạo thì đến đâu?
- Đi hết làng An Đạo thì đến biển.

"Bà tự tin giảng cho tôi, tôi vô cùng khâm phục sự hiểu biết rộng lớn của bà. Bỗng tôi nhỏm dậy hỏi thím:

- Thế đi hết biển thì đến đâu hả thím?

Trong đêm tối, thím tôi im lặng. Từ ngày có trí khôn chưa bao giờ tôi thấy thím tôi buồn đến thế. Thím buồn bã trả lời:

- Đi hết biển đến đâu thì thím không biết.

Tôi dần lớn khôn và thím tôi âm thầm qua đời khi tôi ở nước ngoài. Bà không có con, phần mộ của bà thực là ảm đạm. Một lần thắp hương bên mộ thím, tôi xót xa thì thầm với thím rằng:

- Thím ơi! Cháu thương thím, vì cho đến lúc chết thím cũng không biết đi hết biển là đến đâu. Bây giờ cháu biết rồi thím ạ. Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình thím ạ. Cháu sẽ dành dụm để xây cho thím một ngôi mộ đàng hoàng"

Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên mộ thím tôi: 'Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình' Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ không ít người Việt xa xứ 'qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi' mà cuối cùng không thể 'trở về quê mình, làng mình' được. Ở đây, người ta đi hết biển thì chỉ tới nước Mỹ" (Trần Văn Thủy. Nếu Đi Hết Biển. Thời Văn, Hoa Kỳ 2003, 21-24).

Con số những người "*người Việt xa xứ qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi mà cuối cùng không thể trở về quê mình, làng mình được*" quả là không ít. Tuy thế, không nhất thiết họ đều "bạc như vôi" vì đã "nỡ quên công cha nghĩa mẹ" - như ông Thủy đã mượn những câu ca dao "trách cò" để trách khéo họ đâu. Cũng không phải những kẻ đã đi hết biển (và đi luôn) đều là những người "có khuynh hướng cực đoan trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại chủ trương không du lịch về Việt Nam, không gửi tiền về trợ giúp thân nhân cũng như các công tác từ thiện" (sđd trang 72) - như ông Trần Văn Thủy đã nghĩ đâu.

Ông Thủy "có mặt trên đất Mỹ dài dài đi nhiều nơi, gặp nhiều người, tới trên hai chục trường đại học và thành phố thuyết trình hội thảo bay trên ba chục chuyến bay trên nội địa nước Mỹ" (sđd, trang 19) nhưng tiếc là ông Thủy đã không ghé tiểu bang North Carolina, ở miền Đông - Hoa Kỳ.

Nơi đây, chỉ trong vòng hai tháng (từ tháng Sáu đến tháng Tám năm 2002) đã có hàng ngàn người tị nạn - bỏ chạy khỏi Việt Nam, sang lánh nạn ở Cao Miên, sau biến động xẩy ra tại Tây Nguyên hồi tháng Hai năm 2001 - đã được chính phủ Mỹ chấp thuận cho định cư.

Trong thời gian ông Trần Văn Thủy ở Mỹ và đi Đông, đi Tây để "trò chuyện với một số trí thức nhà văn hải ngoại" thì ở thành phố Durham - thuộc tiểu bang North Carolina - cũng có một một buổi trò chuyện thân mật giữa mấy cư dân nơi này với bốn người dân miền núi Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm tròn một năm, sau ngày họ đến Hoa Kỳ.

Nhóm người cùng ở với nhau trong một chung cư: Ông Y'Bloi 36 tuổi, ông Y'Dronh 34 tuổi, ông Y'Juuh 31 tuổi và ông Y'Mut Adrong 48 tuổi. Bằng cái thứ tiếng Anh của người mới học, và học ở tuổi 50, Y'Mut Adrong lấy ra một tấm hình chụp vợ và hai con, và nói: "Buồn lắm. Đói lắm. Ở Việt Nam, đàn ông làm việc, đàn bà ở nhà. Không có đàn ông - trẻ con không có cái ăn - Các con tôi, phải chịu đói." (Y'Mut Adrong takes out a snapshot of his wife and two children in Vietnam "very sad," he says. "Very hungry. In Vietnam, man work, woman stay home. So no man – children no eat. My children hungry" (A year later, Montagnards adapting to new lives http://www.herald-sun.com/durham/4-377604.html).

Ông Y'Bloi có bốn đứa con, ông Y'Dronh có sáu đứa, và ông Y'Juuh thì có hai đứa. Tổng cộng, ba người đàn ông tị nạn độc thân (tại chỗ) đã để lại 3 bà vợ và 12 đứa bé - bơ vơ và đói rét giữa núi rừng Tây Nguyên - để đến Hoa Kỳ ngồi học tiếng Anh, cho nó đỡ buồn!

Nỗi buồn ly hương của họ (e) hơi khó đỡ.

Cả bốn nhân vật này đều đã (hoàn toàn) đi hết biển và tôi tin rằng họ đều rất thiết tha mong muốn trở về rừng núi cũ, bản làng xưa. Đói no gì cũng chịu, miễn là mỗi chiều họ lại được ngồi bên bếp lửa - cạnh vợ con, anh em, chòm xóm - phì phà tẩu thuốc, bùi ngùi kể chuyện đường xa.

Nhưng về thì chắc chết, chết chắc!

Theo nguồn tin của AP đánh đi ngày 27 tháng Chín năm 2001 thì trước đó một hôm, nhà đương cuộc Việt Nam đã lập hai phiên tòa xử kín (closed trial) tại Đắc Lắc và Gia Lai để "xử lén" 14 người dân sơn cước từ 6 đến 15 năm tù - về những tội danh như sau: "xúi giục nổi loạn", "làm mất an ninh công cộng" và "chống chính phủ".

Tôi viết những dòng chữ này cũng vào một ngày cuối tháng Chín năm 2004. Từ đó đến nay, đã bốn năm qua, có thêm bao nhiêu phiên tòa khác, có thêm bao nhiêu người dân miền núi khác đã bị bắt giam, với

những bản án vô cùng khắc nghiệt, chỉ vì những "tội danh" (hàm hồ) tương tự?

Phiên tòa cuối cùng, được công luận biết đến, vào ngày 11 và 12 tháng Tám năm 2004, tại Đắc Lắc, đã kết án 9 người dân Tây Nguyên khác từ 5 đến 12 năm tù vì can tội "gây mất trật tự an ninh và phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc" - như VOA đã như tường thuật, vào ngày hôm sau. Và theo ghi nhận của AFP thì số người này đều bị bắt hôm 10 tháng Tư năm 2004 "trong lúc tham gia cuộc biểu tình để phản đối tình trạng đàn áp tôn giáo và tịch thu đất đai bừa bãi."

Ông Trần Văn Thủy có lẽ không biết [và lỡ có biết (chắc) cũng không bận tâm gì lắm] đến những chuyện lặt vặt (rất) không tử tế như thế, ở cao nguyên. Còn qúi ông Y'Bloi, ông Y'Dronh, ông Y'Juuh và ông Y'Mut Adrong thì rất quan tâm và vô cùng sợ hãi cách hành sử ác độc và man rợ (đến thế) của những người đang cầm quyền ở Việt Nam. Vì thế, sau khi đã đi hết biển, nếu những người dân miền núi đều không (dám) trở về thì tôi mong có sự thông cảm của ông Trần Văn Thủy cho hoàn cảnh đặc biệt (khó khăn) của họ.

Tôi cũng mong ước có được sự bao dung của ông Trần Văn Thủy cho một số những tị nạn khác nữa - những kẻ mà ông Trần Văn Thủy không có dịp, hoặc không tiện tiếp xúc, trong thời gian công du ở hải ngoại. Họ vốn có gốc gác ở đồng bằng, cũng đang lưu lạc ở một góc trời nào đó, và cũng đang ở trong những hoàn cảnh khó khăn như thế - hay hơn thế.

Xin đan cử một vài trường hợp tiêu biểu

Theo báo cáo của chính quyền địa phương xã Bình Thạnh Đông - huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, giáp giới Cao Miên - tính đến ngày 27 tháng Ba năm 2003, đã có hai trăm mười (210) phụ nữ và trẻ em bỗng dưng "biến mất"!

Họ "biến" đi đâu?

Đến đêm 23 tháng Giêng năm 2004, sau khi xem phóng sự điều tra Dateline (của đài NBC) thì mọi người lờ mờ đoán rằng - rất có thể - một số những đứa bé thơ ở xã Bình Thạnh Đông đã "biến" sang nước láng giềng. Khán giả của chương trình này thấy cảnh sát Cambodia đã đột phá vào những ổ mại dâm trá hình ở Phnom Penh và giải thoát được những bé gái - khoảng từ năm đến mười tuổi - đang bị ép buộc phải bán dâm. Nhiều hình ảnh và tên họ (Liên, Tuyết, Xuân, Yến) được ghi nhận, chứng tỏ có một số trẻ con Việt Nam đã sinh sống và làm việc ở đây.

Đến tháng Tư năm 2004, sau khi hội "Taipei Women's Rescue Foundation" đệ đơn kiện Web site e-Bay vì đã đăng quảng cáo bán đấu giá

phụ nữ Việt Nam ở Đài Bắc (khiến cả thế giới bàng hoàng) thì người ta lại lờ mờ đoán thêm rằng trong số phụ nữ bất hạnh này (chắc) có lẫn vài cô gái nhẹ dạ , ở tỉnh An Giang, đã đi hết biển!

Những chuyện thảm thương tủi nhục cỡ đó, thực ra, hoàn toàn không có gì mới mẻ. Từ khoảng đầu thập niên 1990 - ở miền Nam California, Hoa Kỳ, nơi ông Trần Văn Thủy lui tới nhiều lần và ở lại nhiều ngày - đã có một nhóm người Việt thực hiện một "project" nhỏ, lấy tên là "Xin Đừng Quên Tôi (Forget-Me-Not)".

Nhóm chủ trương tin là "...có nhiều bằng chứng cho thấy rằng một số thiếu nữ Việt Nam bị bắt cóc trước đây hiện đang sinh sống đâu đó tại Thái Lan, Singapore và tại các vùng biên giới Mã Lai." Do đó, họ đưa lên internet một lời nhắn giản dị (nguyên văn) như sau: "...nếu có tin tức liên quan đến các cô gái bị hải tặc bắt cóc xin liên lạc với Vietnam & The World Foundation, P.O. Box 4108, Hungtington Beach, CA 92605 - 4018, USA.

Những cô gái kém may mắn như thế, và những nàng Kiều modern của nước nhà thời mở cửa (đang được rao bán và chuyền tay khắp Năm Châu) cũng như những đứa bé thơ Việt Nam hiện sống trong những nhà thổ ở Nam Vang, sau khi "*xa xứ qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi mà cuối cùng không thể trở về quê mình, làng mình được*" chỉ vì bị "kẹt", thế thôi. Họ không tìm được lối về, chứ có phải vì chủ trương chống cộng cực đoan hay quá khích gì đâu.

Nếu ông Trần Văn Thủy cũng đi hết biển (bằng đường biển), cũng sống lê lết hết từ trại tị nạn này sang trại tị nạn khác (và sống từ năm này sang năm khác), cũng phải "tiếp xúc" với dùi cui hay ma trắc của cảnh sát Thái Lan, Mã Lai, Hồng Kông thì cách nhìn của ông về chuyến *Exodus* (hãi hùng) của dân tộc Việt - không chừng - cũng khác.

Thay vì quanh co, dàn dựng để đặt "những câu hỏi sắp xếp cạnh nhau, đầy kịch tính" (sđd, trang 46) - rất có thể - ông Thủy sẽ có những câu giản dị, chân thành và rốt ráo hơn - đại lược như:

- Tại sao liên tiếp trong ba thập niên qua, hàng triệu triệu người dân Việt (bất kể tuổi tác, giới tính, sắc tộc, tôn giáo, địa phương) đều đã phải tìm mọi cách để đi ra biển?

- Ngoài bờ biển phía Đông ra, phần biên giới còn lại của Việt Nam đều là nơi cư ngụ của những dân tộc thiểu số tự ngàn xưa. Họ chính là chủ nhân đích thực của đất nước này. Chính họ tạo thành tuyến đầu và vòng đai an ninh cho toàn lãnh thổ. Cũng chính họ, với cuộc sống đơn giản hài hòa với thiên nhiên, đã giữ cho môi trường sinh thái được quân bằng và tạo một "vòng đai xanh" cho tổ quốc. Tại sao lại tìm mọi cách

đẩy họ đến mức diệt vong, dồn họ vào tử lộ đến nỗi phải bỏ núi để đi hết biển như thế?

- Ai đã khiến cho những phụ nữ miền xuôi bị rao bán như những món hàng?

- Ai đã giam đời những đứa bé thơ ở chốn lầu xanh, nơi quê người đất khách?

Thì cũng phải nói cho ra lẽ như thế, chứ tôi không dám đòi hỏi ông Trần Văn Thủy nêu ra những câu hỏi "phiền phức" và "nguy hiểm" (chết người) cỡ đó - trong cuốn *Nếu Đi Hết Biển*. [Đây lẽ ra là công việc của những người soạn thảo N.Q. 36 nhưng (tiếc thay) họ cũng đã không đủ can đảm và thành thật để nhìn thẳng vào vấn đề như vậy]. Tôi chỉ mong ông Trần Văn Thủy "vào những khoảnh khắc tĩnh lặng, những đêm trắng thâu canh" sẽ tự hỏi thầm như thế để "giải tỏa cho chính mình" thôi (sđd, trang 20). Được thế, hy vọng, ông Thủy sẽ cảm thông hơn (hoặc đỡ khó chịu hơn) khi nhắc đến "những người ham chống cộng một cách cực đoan" (sđd, trang 47) ở khắp năm châu.

Tôi không tin cực đoan là một phương cách ứng xử khôn ngoan, trong bất cứ hoàn cảnh nào - nhất là chuyện "chống cộng một cách cực đoan". Giận (quá) hóa mất khôn thôi. Mà làm sao không giận được cơ chứ?

Sau những biến động biến động ở Tây Nguyên - vào tháng Hai năm 2001 và tháng Tư năm 2004 - thì mọi giới chức có thẩm quyền ở Việt Nam (và tất cả những cơ quan truyền thông của nhà nước) đều đã không tường trình trung thực những sự kiện xảy ra và đã không tiếc lời rủa xả nạn nhân, thay vì lên tiếng bênh vực họ vì đã bị các quan chức địa phương hà hiếp và dồn đến chân tường. Sau đó, những người dân miền núi chất phác và khốn khổ này bị lùng bắt phải chạy trốn qua biên giới, rồi bị săn đuổi đến cùng.

Theo như tường trình của đặc phái viên Lý Định Phát của RFA - từ Nam Vang, nghe được hôm 19 tháng Tư năm 2004 - "cảnh sát và bộ đội Việt Nam tự do đi lại trên lãnh thổ Kampuchea, tại vùng ráp giaнh với Việt Nam, nhằm săn tìm những kẻ chạy qua đất chùa Tháp tìm tự do". Qua tuần lễ sau, VOA, phát thanh vào ngày 22 tháng Tư năm 2004, cũng đã trích dẫn lời của một binh sĩ Cao Miên ở tỉnh Ratanakkiri cho biết: "Việt Nam đã đề nghị thưởng cho họ 500.000 tiền riels (khoảng 125 Mỹ Kim) nếu bắt và giao nộp được một người tị nạn".

Vậy mà trước thảm cảnh của những đứa bé thơ Việt Nam bị ép buộc bán thân trong những nhà chứa, cũng ở Phnom Penh, thì cả nước đều

câm như hến. Không những chỉ làm thinh, sứ quán Việt Nam tại Nam Vang và nhà đương cuộc Hà Nội còn làm lơ và làm ngơ (cứ y như thể là không có gì đáng tiếc xẩy ra vậy) dù cảnh sát và bộ đội của họ có thể tự do đi lại trên lãnh thổ Kampuchea như chỗ không người.

Đó là thái độ, rõ ràng, rất-không-tử-tế của những kẻ đang cầm quyền ở Việt Nam. Còn ông Trần Văn Thủy - người được nhiều khán giả quí mến (trong số đó có kẻ đang viết những dòng chữ này) qua phim "Chuyện Tử Tế" - ở trang cuối cùng của cuốn *Nếu Đi Hết Biển*, đã mượn lời "một ông bạn chuyên làm công việc nghiên cứu về văn hóa xã hội ở tiểu bang Massachussetts ", để đi đến cái kết luận (có vẻ) rất tử tế như sau:

"Chị Tuyết cùng Chris là mẫu người thuộc lực lượng thứ ba. Nghĩa là mẫu người trung dung, không tả, không hữu, không hô ủng hộ hay đả đảo. Họ sống lẳng lặng có khi âm thầm."

"Từ câu chuyện của Chris và Tuyết tôi bỗng nhớ lại trong nhiều cuộc gặp gỡ tiếp xúc tôi đã bắt gặp những con người như thế, nhiều lắm kể ra đây không xuể. Có thể nói trong các cộng đồng người Việt ở hải ngoại, họ là số đông, rất đông, không phe phái, không ồn ĩ, không nhãn hiệu âm thầm yêu thương, xót xa, chia sẻ với đất nước mình, đồng bào mình".

Cũng như người bạn (không nêu tên) của ông Trần Văn Thủy - mà tôi đoán chừng có lẽ là người ngoại quốc, hoặc giả (cũng) là người Việt nhưng chỉ quen sống ở nước ngoài - tôi đặc biệt quí mến những người "thuộc lực lượng thứ ba" như vậy. Họ "trung dung", "không tả", "không hữu", "không hô ủng hộ hay đả đảo" ai. Họ sống "lẳng lặng" và "âm thầm".

Tuy vậy, trong lúc mà đất nước đang mấp mé ở bờ vực thẳm - như hiện cảnh - mà cổ võ một thái độ sống như thế thì tôi sợ rằng ông Thủy (rất) có thể bị ngộ nhận là không được tử tế gì cho lắm, hay nói quá ra một tí là một kẻ... "nguỵ" tử tế!

Dân Việt, hiện nay, dù ở bất cứ nơi đâu, sợ không "afford" nổi lối sống "quí phái" cỡ đó. Tất cả những nông dân chân lấm tay bùn ở Nghệ An, Thái Bình, Đồng Nai, Trà Cổ - cũng như những người dân miền núi chân chất chúng tôi ở Gia Lai, Đặc Lắc, Đắc Nông - đều mong muốn có được một cuộc sống "lẳng lặng" và "âm thầm" đấy chứ? Đâu có ai muốn bỏ rừng, bỏ núi, bỏ ruộng, bỏ vườn lũ lượt kéo nhau đến công đường để đòi lại đất đai bị cướp đoạt hay xin xỏ những quyền sống căn bản và tối thiểu - đã được đại gia đình nhân loại nhìn nhận từ lâu.

Làm như thế rất mất thời giờ, rất tốn công, tốn của, và rất cực nhọc - nhất là đối với những nông dân ở tận trong Nam, phải lặn lội về đến

Hà Nội, trong những kỳ họp quốc hội, để biểu tình hay đưa đơn khiếu kiện - mà cũng chả đi đến đâu. Đã thế, không ít người khi trở lại địa phương còn bị theo dõi, trù dập; hay tệ hơn nữa là bị đánh đập, săn bắt, tù tội

Tương tự, những chiến dịch xin chữ ký, những vụ dàn chào, những cuộc biểu tình hô hào chống hết chuyện này đến chuyện khác (kể cả những chuyện không đáng chống) ở New York, ở California, Sydney, Paris, Warsaw thường không tạo ra được những hiệu quả mong muốn. Không những vậy, đôi lúc, nó còn có vẻ khôi hài và lố bịch - theo như cách nhìn của ông Trần Văn Thủy.

Tuy nhiên, người dân - ở trong cũng như ở ngoài nước Việt - vẫn tiếp tục biểu tình, vẫn tiếp tục hô hào ("đả đảo", "ồn ĩ") vì họ không biết phải làm gì khác? Chứ chả lẽ cứ để cho sông núi bị tàn phá, lãnh thổ bị dâng hiến, đất đai vườn tược bị tước đoạt, con cái bị mang bán đấu giá, cháu chắt - mới năm bẩy tuổi đầu - bị mang giam vào nhà thổ với sự "xót xa" và "âm thầm" mãi hay sao?

Và chả lẽ cứ tiếp tục "yêu thương, xót xa, chia sẻ với đất nước mình, đồng bào mình" mãi - bằng cách cặm cụi đi làm, dành dụm những đồng tiền mồ hôi nước mắt, để hằng năm đều đặn gửi về quê hương vài tỉ MK - mà không dám kêu than, dù biết rằng ngay cả đồng tiền cứu trợ (thiên tai) cũng chưa chắc đã đến được tay người thân hay những đồng bào ruột thịt của mình?

Lịch sử tính bằng thế kỷ, đời người tính bằng năm. Dân tộc này còn phải cắn răng "âm thầm" chịu đựng thêm bao nhiêu năm nữa thì mới "đúng đường lối chính sách", mới khỏi bị coi là "phản động", và khỏi bị gán tội "gián điệp" hay "phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc"?

"Cái bi kịch lớn nhất, khốn nạn nhất cho giới cầm bút nói riêng và đa số trí thức, người dân Việt Nam là bệnh liệt kháng trước bất công" (http://www.danchimviet.com/cacbaotruoc/dcv_55_BenhLietKhangTruocBatCong.shtml). Tôi vừa nghe nhà văn Dương Thu Hương than phiền như thế. Và nếu đúng thế, lằn ranh giữa *"liệt kháng"* và *"âm thầm yêu thương"* - xem chừng - có vẻ mong manh quá nhỉ. Tôi sẽ trở lại vấn đề này, vào một dịp khác (*).

K' Tien

(*) "P.T.S.D, H.I.V. và Tiếp Chuyện Nếu Đi hết Biển", cũng trên diễn đàn này, cùng một người viết.

giải nobel văn chương năm 2004

TRỊNH THANH THỦY

Năm nay, giải Nobel văn chương được trao cho nữ văn sĩ người Áo, Elfriede Jelinek. Từ 1909 đến nay, Jelinek là người phụ nữ thứ mười, đã đoạt giải Nobel văn chương trong khi phần còn lại 90% là nam giới.

Giải Nobel văn chương là một giải thưởng quốc tế được thành lập năm1901. Người đoạt giải sẽ nhận được một huy chương vàng, một văn bằng và một số hiện kim trị giá 10 triệu SEK, tương đương với 1 triệu 3 đô la. Giải này được trao cho những người có công trong lãnh vực văn chương bao gồm thơ, văn, truyện ngắn, truyện dài, kịch, tiểu luận và những bài diễn văn. Đặc điểm của nó là không phân biệt ngôn ngữ, sắc tộc, màu da, nên các tác giả nhận giải là những người có văn hóa và ngôn ngữ khác nhau trên khắp thế giới.

Người đầu tiên đoạt giải là thi sĩ kiêm triết gia Sully Prudhomme tác giả của *Stances et poèmes* (1865).

Elfriede Jelinek, một phụ nữ tài hoa, giàu kiến thức trên nhiều lãnh vực khác nhau như nhạc, kịch, thơ, văn, bình luận, phim ảnh, sân khấu đã được vinh danh năm nay.

Elfriede Jelinek lớn lên ở Vienna, con của một hóa học gia (Dr. Friedrich Jelinek). Mẹ bà (Olga, née Buchner) là giám đốc nhân sự trong một công ty lớn. Bà trải qua thời thơ ấu trong những trường đạo và nhà dòng đầy kỷ luật khắt khe.

Bà được học thêm đương cầm, đàn organ, cùng kỹ thuật sáng tác ở Vienna Conservatory. Lên đại học, ngoài âm nhạc là chuyên ngành, sân

khấu và lịch sử nghệ thuật cũng là môn bà ghi danh theo học. Bà lập gia đình năm 1974, chồng bà (Gottfried Hüngsberg) là một nhà sáng tác nhạc phim cho Rainer Werner Fassbinder, nhưng từ năm 1970 ông làm việc trong ngành kỹ nghệ thông tin ở Munich.

Jalinek mê thi ca và làm thơ từ thuở bé. Bà nhận giải thưởng thơ văn "The Young Austrian Culture Week Poetry and Prose Prize" lần đầu tiên năm 1969. Sau đó bà liên tiếp nhận được nhiều giải thưởng về kịch bản, truyện phim, cũng như thơ, văn khác. Jelinek còn là một phê bình gia tranh đấu cho nữ quyền và những bất công xã hội.

Ngòi bút sâu sắc của bà đã đối đầu với những vấn đề xã hội phức tạp, tế nhị như tính chuyên chế bạo lực và áp bức của chế độ. Bà còn chỉ trích những khuôn sáo hạn hẹp thành kiến của kỹ nghệ giải trí truyền thông và đánh thức sự ngủ yên của công lý và luật pháp trong các vấn đề kỳ thị giới tính.

Chúng ta có thể phân chia giai đoạn sáng tác của bà như sau:

Những tác phẩm đầu tiên của bà phê bình xã hội tiêu dùng và chế độ tư bản.

Năm 1980, bà châm chích xã hội gia trưởng (nam giới kiểm soát) trong các tác phẩm *Oh Wildnis, oh Schutz vor ihr* (Oh Wilderness, Oh Protection from It, 1985), *Die Klavierspielerin* (The Piano Teacher, 1988), *Die Kinder der Toten* (The Children of the Dead, 1995), Kịch bản *Was geschah, nachdem Nora ihren Mann verlassen hatte oder Stoetzen der Gesellschaft* (What Happened After Nora Left Her Husband or Pillars of Society, 1979), *Clara S.* (1982) và trong tác phẩm *Krankheit oder Moderne Frauen* (Sickness or Modern Women, 1984), Jelinek diễn tả những cạm bẫy chết mà trong đó những hình ảnh phụ nữ đã bị đánh lừa.

Cuối năm 1980, bà tấn công vào tính chuyên chế độc đoán của thời phát xít của Đức và Áo. Với *Lust* (1989), Jelinek đã phê bình hành động bạo hành tình dục như một khuôn mẫu chết cứng trong thành kiến văn hóa xã hội.

Năm 1998, Jelinek được trao giải thưởng cao quý German Büchner Prize.

Tác phẩm Unterhaltungsroman (2000) là một nghiên cứu thực nghiệm về tính "máu lạnh" trong quyền lực của nam giới.

Có một số nhà phê bình gọi bà là một Cassandra, là tiếng kêu cảnh tỉnh mà thiên hạ bất đắc dĩ lắm mới chịu nghe. Bà trả lời trong một bài phỏng vấn của Franfurter Rundschau rằng "Tôi không kêu gọi cảnh tỉnh. Tôi chỉ nói sự thật. Tôi không thể phù phép ra những sự không

tưởng. Tôi biến sự vật thành kì quặc lố bịch, thành châm chọc, và hi vọng qua đó gây ra một chu trình ý thức kéo dài chừng hai phút".

Tất cả những bài viết, tiểu luận, tác phẩm của bà là biểu trưng cho sự tranh đấu và hoạt động tích cực liên tục. Jelinek là một hình ảnh năng động sáng chói của người dân nước Áo.

Bình luận và trích dẫn công trình sáng tác của Jelinek

Sau 50 năm ngủ quên trên nền tảng lung lay của hàng triệu xác người vô tội, chế độ chuyên chế Phát Xít và Tân Cộng Hòa Áo đã bị Jelinek khơi dậy trong tác phẩm bình luận *Die Kinder der Toten / The Children of the Dead*, 1995. Tiếc thay giá trị mỹ học những sáng tác của bà đã bị đánh giá quá thấp và còn bị xem như bệnh hoạn (trích bài viết của Dagmar von Hoff). Theo nhà phê bình Sigrid Loffler, chưa bao giờ nước Áo được hình dung dưới hình ảnh một vương quốc toàn sự chết chóc và đầy thần chết kinh tởm như vậy.

"Đất nước này cần nhiều tầng không thật cao để những tâm hồn thiêng liêng có thể bay lượn lờ trên mặt nước. Có một vài nơi nó có thể bay cao tới trên 3000 mét. Thiên nhiên bị phung phí nhiều quá ở xứ này. Có lẽ người ta phải trả cái nợ cho thiên nhiên vì người ta đã phân phát tùy tiện và ném nó đi sau khi nếm qua loa." (trích Die Kinder der Toten / The Children of the Dead, 1995)

Các phê bình gia khám phá ra văn chương của Jelinek là loại văn viết có nhiều tính tra tấn, khích động và những văn bản xấu xa có khuynh hướng đổi qua văn bản xấu xa có tính phỏng đoán. Một người không thể không có lỗi khi xem một tác giả như phi nhân bản, tuyệt tình, bất cần đạo lý bởi vì bà ta có thể diễn tả sự phi nhân và vô tình cảm đó bằng một giọng văn nhạo báng, giễu đời (trích bài viết Emma của Sigrid Loffler, 10/1985).

Cái lập dị khác thường trong sáng tác của Jelinek phát xuất từ những chủ đề chính trị có tính cách gây nổ và các văn bản đạp đổ giá trị mỹ học. Bà cũng là một tác giả nổi tiếng và gây nhiều tranh luận viết bằng Đức ngữ. Tiểu thuyết và bi kịch của bà được nhìn nhận rằng không có một dẫn giảng chung chung nào có thể giảng xuyên suốt vào tâm điểm của văn bản. Thật thế, bà đã phát triển một cấu trúc phân mảnh tức phi trung tâm. Với cấu trúc này bà đã tách rời và chia nhỏ những phân đoạn của toàn thân bài viết. Sau đó chúng được kết hợp lại theo một cấu trúc mới. Bà còn mổ xẻ những từ ngữ (từ chữ này qua chữ khác), phân đoạn ít quan trọng, văn chương, bài lý thuyết nghị luận, và tái kết hợp chúng trong một cấu trúc liên văn bản có tính không hợp nhất và có thể phân ly được (trích phê bình của Dagmar von Hoff).

Trích dẫn của Elfriede Jelinek.

(Dưới đây là những trích dẫn lời nói của Elinek trong cuộc trò chuyện với tác giả Marlene Streeruwitz trong *Emma*, September/October 1997).

Tôi chưa bao giờ được nổi tiếng như nam giới, như nữ sĩ Ingeborg Bachmann* đã được nổi tiếng.

Dĩ nhiên đó là sự thật qua lối tôi trang điểm và phục sức. Tôi đang cố gắng đền bù sự kiện tôi đã không học cho giỏi vai trò người phụ nữ đúng lúc và đúng đường.

Sau khi họ giới hạn những tác động sinh lý của phụ nữ ở thời đại này, bây giờ họ có thể hoàn toàn vứt bỏ người phụ nữ.

Chúng tôi tìm những từ ngữ diễn tả những việc đang xảy ra nhưng không có gì thay đổi. Chúng tôi không được phép xưng "Tôi". Và cuối cùng chúng tôi cũng không có khả năng xưng "Tôi" luôn. Đó là lý do tại sao tôi viết giống như một lối cảnh cáo. Tôi không vẽ lại những định mệnh cá nhân. Tôi chỉ diễn tả một người phụ nữ. Đây cũng là những cảm nhận mà tôi viết lên cho tất cả phụ nữ.

Và qua địa vị của một phụ nữ tôi cũng học được rằng trí thức làm giảm tính đa tình, gợi cảm của phụ nữ. Điều này thật đau đớn.

Những học giả có liên quan tới những nghiên cứu phụ nữ, họ thật độc đoán khi đọc và nghiên cứu công trình sáng tác của tôi. Chỉ có những người thật sự quan tâm và chấp nhận tôi là những cây viết nghị luận phụ nữ.

Thuyết nam nữ bình quyền liên tiếp bị xỉa xói là thừa thãi từ khi phụ nữ đã làm được mọi việc. Bạn chỉ phải nhìn vào sự việc thế giới sẽ phong phú biết bao dưới sự kiểm soát của phụ nữ. Thật ra chỉ đúng một phần trăm. Nói đùa cho vui. Chắc các bạn nghĩ ngoài việc chứng minh mình là một người tranh đấu cho nữ quyền, dường như phụ nữ chúng tôi không làm được điều gì khác. ■

· *Ingeborg Bachmann (1926-1973) là một thi văn sĩ, kịch tác gia người Áo. Bà là tiếng nói lãnh đạo trong văn chương Đức thời tiền chiến. Bà ngưng làm thơ từ năm 1960 để tập trung vào văn xuôi. Những chủ đề phần lớn tranh đấu cho nữ quyền và vấn đề xã hội. Bà là hội viên của tổ chức chống bom nguyên tử, ký thỉnh nguyện thư chống chiến tranh Việt Nam. Ngòi bút thiên về xã hội của bà đả phá chế độ chuyên quyền phát xít Đức.

· The Nobel Prize in Literature 2004 /Elfriede Jelinek-Biobibliographical notes http://nobelprize.org/literature/laureates/2004/

· Elfriede Jelinek Homepage http://ourworld.compuserve.com/homepages/elfriede/

tin văn

THẾ QUÂN

Françoise Sagan
tiểu yêu nữ khả ái

Françoise Sagan

Vào lúc 19 giờ 35 phút ngày 24 tháng 9 tại bệnh viện Honfleur, miền Nam nước Pháp, Françoise Sagan - một hiện tượng văn chương độc đáo của Pháp - đã trút hơi thở cuối cùng, thọ 69 tuổi, vì bị máu nghẹt ở phổi. Denis - đứa con trai duy nhất có với người chồng thứ hai Robert James Westhoff - và Marie-Therese Le Breton - quản gia, người đã từng nuôi nấng Sagan - ở bên bà vào những giây phút cuối cùng. "Sagan nói với tôi 'Tôi không muốn chết' và rồi bà ấy chết trong tay tôi, đôi mắt mở lớn", bà quản gia kể lại.

Không mấy ai ngạc nhiên về cái chết của Sagan vì sức khỏe của bà đã suy yếu nhiều trong những năm vừa qua. Nhưng đối với công chúng Pháp, cái chết đó vẫn tạo nên một cú "sốc". Từ lâu, bà không chỉ là "vật tổ" (totem) của một thời đại, một thế hệ mà là một nhà văn Pháp đương thời nổi tiếng nhất thế giới. Hơn 30 triệu ấn bản các tác phẩm của bà đã được bán ra. Nhiều luận án về bà và tác phẩm đã được viết tại nhiều đại học trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ. Hầu hết trong số hơn 40 tác phẩm của bà (hay hoặc dở) đều được dịch ra tiếng Anh và nếu không nằm ở

danh sách *bestseller* thì cũng được tiêu thụ nhanh chóng. Học sinh Nga học tiếng Pháp bằng các tác phẩm của bà. Một số câu lạc bộ ở Nhật lấy tên Sagan, vân vân.

Cứ lướt qua phản ứng của nhiều giới chức Pháp cũng như báo chí là ta có thể hình dung ảnh hưởng của bà đối với công chúng Pháp như thế nào. Tổng thống Pháp Jacques Chirac bày tỏ nỗi thương tiếc và xúc động ngay sau khi nghe tin bà chết qua một bản tuyên bố trong đó, ông cho rằng "Bà chết đi, nước Pháp đã mất đi một trong những tác giả độc đáo nhất và nhạy cảm nhất, một khuôn mặt sáng giá trong sinh hoạt văn chương của chúng ta. Với sự sắc sảo, trí tuệ và tinh tế, Françoise Sagan đã thăm dò những nguyên động lực và những đam mê của tâm hồn con người" () Bà đã góp phần vào sự tiến bộ của vị trí người phụ nữ trong xã hội chúng ta".

Thủ tướng Pháp Jean-Pierre Raffarin "Françoise Sagan, đó là một nụ cười, sầu muộn, khó hiểu, xa cách nhưng mà vui".

Bộ trưởng văn hóa Renaud Donnedieu de Vabres: "Chúng ta đã mất đi một nhân vật ngoại hạng, một nghệ sĩ đầy tài năng".

Nghệ sĩ Pháp Laurent Terzieff: "Bà mất đi, mang theo màu sắc và sự hài hước của cả một kỷ nguyên".

Nhiếp ảnh gia Jean-Marie Perier: "Bà là một Rolling Stone[1] trước khi thuật ngữ này được sáng tạo".

Báo chí Âu Châu thương tiếc bà qua nhiều hàng tít lớn lấy từ tựa đề những tác phẩm nổi tiếng nhất của Sagan, chẳng hạn tờ *La Vanguardia* ở Tây Ban Nha: "Bonsoir Françoise"; tờ *Corriere della Sera* ở Ý: "Françoise Sagan, adieu tristesse".

Báo chí Pháp thì khỏi nói. *Paris Match*: "Sagan, une inoubliable légèreté". *Le Figaro*: "Sagan: charmant petit monstre sacré". *L'express*, *Le Figaro* cũng như *Le Monde* cho đi cả một loạt bài vinh danh con người và sự nghiệp của Sagan. Dưới tựa đề "Tristesse", tờ *Liberation* nói Sagan, mà những hình ảnh thời tuổi trẻ tràn đầy các trang đầu báo Pháp, không bao giờ làm cái gì nửa chừng. "Đời bà y như một cơn gió xoáy. Rộng lượng, đầy cảm hứng, nhanh nhẩu, nổi loạn, không thể phân loại, không thể bắt chước. Chúng ta yêu mến Sagan, ngay cả nếu chúng ta chưa hề đọc sách của bà hay không còn đọc sách của bà nữa. Sagan là một cái gì còn hơn cả chính Sagan, còn hơn là một hiện tượng viết văn: một nhà văn, một phụ nữ, một kỷ nguyên. Bà vội vã đi hết tốc lực xuyên suốt cuộc đời và tác phẩm của mình, chẳng thèm quan tâm đến mình".

Tờ báo bán chạy nhất Pháp *Ouest-France*, lưu ý rằng mặc dầu rất

Françoise Sagan

nổi tiếng bà chẳng đoạt được một giải thưởng văn chương quan trọng nào của Pháp, nhưng "Mỗi một tác phẩm xuất bản của bà đều lôi kéo sự chú ý của báo chí và dư luận, ngay cả đôi khi tác phẩm đó được xem như nông cạn, hời hợt. Bà hầu như đã thành công gây cảm hứng tạo ra tính từ "saganesque". Saganesque là gì? Là "nhớ nhà và buồn cười, hết sức tầm phào và rất rõ ràng".[2]

Tờ "Le Parisien" với tựa đề "Adieu Sagan, bonjour tristesse": "Cuộc đời của bà thực sự là một trường thiên tiểu thuyết, được đánh dấu bởi những vinh quang và giàu có, rồi bởi những khó khăn và suy sụp. Một huyền thoại đã ra đi. Bà là (Brigitte) Bardot[3] của văn chương"

*

Françoise Sagan! Bonjour tristesse! Buồn ơi, chào mi!

Cái tên, cái tựa đề không chỉ là tên và tựa đề mà – với tôi - là biểu trưng cho cả một thời kỳ.

Đầu thập niên 1960, thế hệ chúng tôi – đặc biệt những người sống ở các thành phố lớn như Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng, Đà Lạt - vừa bước ra khỏi thế giới tuổi thơ trong một khoảng thời gian hiếm hoi đất nước sống trong thanh bình. Người đệ nhị, kẻ đệ nhất[4], người thì vừa bước chân lên ngưỡng cửa đại học, chúng tôi được chứng kiến và sống trọn với nhiều chuyển biến đã để lại ảnh hưởng sâu đậm đến nền văn học nghệ thuật miền Nam và rồi là Hải Ngoại nhiều thập niên sau này. Về văn, từ những *Hồn bướm mơ tiên, Đoạn tuyệt, Nửa chừng xuân* chúng tôi bước vào *Bếp Lửa, Cũng đành, Chuyến tàu trên sông Hồng, Mái tóc bạch kim*... Trong các lớp ban C cấp 3, thầy cô đã từng bước cho học sinh thuyết trình những tác phẩm mới thay vì chỉ những tác phẩm của "Tự Lực Văn Đoàn". Tôi biết có giáo sư đã cho một học sinh đệ tam (lớp 9) thuyết trình "*Cũng đành*" của Dương Nghiễm Mậu. Về báo, từ *Phổ Thông, Thời Nay, Văn Hóa Ngày Nay*, chúng tôi bước vào *Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi*. Về tác giả, từ Nhất Linh, Khái Hưng, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, chúng tôi hào hứng đến với Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo. Về hội họa, chúng tôi tiếp cận với hội họa phương Tây qua một lớp họa sĩ trẻ tài năng và nhiệt tình qua "Hội hoạ sĩ trẻ" với những Đinh Cường, Trịnh

Cung, Nguyễn Trung, Tôn Thất Văn, Hồ Thành Đức Rồi nào là Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Trịnh Công Sơn và rất nhiều khuôn mặt mới toanh khác, thuộc đủ mọi ngành nghệ thuật.

Về văn học nước ngoài, tuy người Pháp đã ra đi, nhưng ảnh hưởng của văn hóa Pháp vẫn còn mạnh mẽ. Chúng tôi vẫn thích nói về Paris, về viện bảo tàng Louvre, về sông Seine, về khu Saint Germain des prés, về công viên Luxembourg – những nơi nào đó ở Paris mà chúng tôi chẳng hề đặt chân tới. Trước khi văn hóa Mỹ cùng với chiến tranh chế ngự không khí văn hóa và xã hội Việt Nam, chúng tôi đọc sách báo Pháp, nghe nhạc Pháp, xem phim Pháp, chuộng phong thái "parisienne". Chúng tôi vẫn thường lui tới các phòng thông tin văn hóa Pháp để đọc sách, mượn sách và theo học các lớp Pháp ngữ. Từ Alphonse Daudet, Victor Hugo, Lamartine, chúng tôi "đụng" Sartre, Camus, Jacques Prévert Mốt hồi đó, là sau yên chiếc xe đạp hay trên tay, lúc nào cũng có một cuốn "Livre de poche" gọn, nhỏ (mà chữ nghĩa và tên tuổi rất "nặng ký"), nếu không "*La condition humaine*", "*Huis-clos*", "*Le mur*" thì cũng "*La nausée*", "*Les mains sales*", "*Le malentendu*". Ấy, đọc Sartre, Camus, Malraux, xem phim Brigitte Bardot, và say sưa thưởng thức các giọng ca hàng đầu Pháp Sylvie Vartan, Johnny Hallyday, Françoise Hardy với những bài hát Pháp vừa mới sáng tác là "mốt" thời thượng của chúng tôi.

Đó cũng là thời xuất hiện các quán cà phê văn nghệ, nơi chúng tôi đàn đúm ngày đêm để đấu láo, tán dóc. Dáng dấp anh nào anh nấy đã có cái gì lất khất, lừng khừng, bụi bụi. Khuôn mặt lúc nào cũng ra vẻ bất cần đời. Có tay, đầu đội mũ bê rê lệch, miệng ngậm tẩu, khoác áo *pardessus,* trông có vẻ Tây, thẩm hãnh diện với mấy ngón tay cháy vàng khói thuốc. Những "cuộc" cà phê thâu đêm suốt sáng. Những "trận" rượu ngất ngưởng. Chữ nghĩa nghe mới toanh: hư vô, hiện sinh, mệt nhoài, nổi loạn, thái độ, dấn thân, phi lý.

Françoise Sagan – và *Bonjour Tristesse* - xuất hiện trong không khí đó. Thời đó, sau khi người Pháp ra đi, trừ những gia đình giàu có cho con theo học các trường Tây, còn hầu hết chúng tôi đều học chương trình Việt. Pháp văn (cũng như Anh văn) trở thành ngoại ngữ, trung bình chỉ có 4 giờ/tuần. Bởi thế, những tác phẩm "nặng ký" của Sartre, hay Camus, hay Malraux không phải là dễ đọc đối với chúng tôi. May nhờ sách dịch và các tạp chí văn chương giới thiệu, nên ít nhiều cũng nắm được nội dung để có thể lần mò đọc và hiểu. Khác với những tác phẩm kể trên, *Bonjour Tristesse* ngắn, ấn bản "Livre de poche" chỉ có 173 trang, chữ khổ trung bình. Văn viết gọn ghẽ, dễ hiểu. Tư tưởng tuy mới, nhưng

không có gì cao siêu, khó hiểu, chỉ cần trình độ Pháp văn trung bình là có thể đọc hết nguyên con trong một thời gian tương đối ngắn. Với *Bonjour Tristesse*, một cánh cửa vốn đóng im ỉm bỗng nhiên mở toang trước mặt chúng tôi. Thế giới đột nhiên mênh mông hẳn ra. Cuộc sống bỗng nhiên trở thành lạ mặt. Thành phố, người thân, người yêu, bạn bè, trường học, gia đình bỗng xuất hiện trong một dáng dấp hoàn toàn mới.

Nhà phê bình Đặng Tiến – trước chúng tôi chừng nửa thế hệ - ghi nhận: năm 1954, "*miền Nam Việt Nam trở thành một thực thể chính trị độc lập, thật sự mở cửa đón nhận ảnh hưởng văn hóa phương Tây. Sách báo phương Tây du nhập ồ ạt: sách tiếng Anh (của Usis), tiếng Đức (của viện Goethe) và nhất là sách tiếng Pháp nhập khẩu với giá rẻ nhờ có tài trợ (sách AC, Action Culturelle) cước phí rẻ, giá ân huệ, tràn ngập các hiệu sách Xuân Thu, Lê Phan và các nhà sách trên đường Lê Lợi. Tại Sài Gòn, 1954 người đọc tiếp nhận* Bonjour Tristesse *cùng một lúc với Paris, mà giá rẻ hơn (tương đối với ngoại tệ). Và cùng một lúc với sách báo, quần chúng Việt Nam tiếp xúc với âm nhạc, điện ảnh Tây Phương. Bản thân tôi đã xem vở kịch Chateau en Suede (Lâu đài Thụy Điển), 1960, của Sagan tại Sài Gòn, một lần với Paris, do Pháp Văn Đồng Minh Hội (Alliance Française) tổ chức*"[5].

Nguyễn Văn Lục, trong một bài viết công phu trên tạp chí Hợp Lưu[6], liệt kê rất đầy đủ sách dịch trong vòng 20 năm ở miền Nam, 1955-1975, cho biết người đầu tiên giới thiệu Sagan là giáo sư Nguyễn Nam Châu, sau đó là Cô Liêu (Vũ Đình Lưu) với bài "Sứ mệnh văn chương của Françoise Sagan" (Bách Khoa/1958) và Hoàng Thái Linh (Nguyễn Văn Trung) với bài "Trường hợp Sagan hay vấn đề luân lý trong tiểu thuyết". Về dịch thuật, Nguyễn Văn Lục ghi nhận có bốn tác phẩm của Sagan được dịch ra tiếng Việt, đó là: *Bonjour Tristesse* (một do Nguyễn Vỹ và một do Lê Huy Oanh), *Un certain sourire* (do Nguyễn Minh Hoàng), *Dans un mois, dans un an* (do Bửu Ý) và *Les merveilles nuages* (do Đinh Bá Kha). *Bonjour Tristesse* được Nguyễn Vỹ dịch là "Buồn ơi, chào mi", còn Lê Huy Oanh dịch là "Buồn ơi, xin chào", nhưng không hiểu sao cụm từ "Buồn ơi chào mi" lại được nhắc nhở nhiều hơn, có lẽ vì nghe nó thuận tai chăng?

Trước khi đi xa hơn với cuộc đời và sự nghiệp của Sagan, ta hãy nói về *Bonjour Tristesse*. Xin tóm tắt câu chuyện:

Cô gái tên là Cécile, 17 tuổi cùng cha, Raymond, trong độ 40 tuổi, góa vợ và bà Elsa, tình nhân của cha, đi nghỉ hè ở bờ biển Côte d'Azur. Sau, cha cô mời thêm một người bạn cũ của mẹ cô là Anne cùng đến đó. Trên bãi biển, cô quen một sinh viên, cũng đi nghỉ hè, tên là Cyril, và

cùng nhau đi chơi, đi bơi, đi khiêu vũ. Hai người hôn nhau, làm tình với nhau. Anne là một người đàn bà cỡ tuổi 40, chăm sóc cô như một người mẹ và khá nghiêm khắc. Bà ta tỏ ra không ưa Cyril và muốn Cécile bỏ anh ta và học để thi lại cái bằng tú tài mà cô hỏng năm rồi. Điều này khiến Cécile vô cùng bực bội và đâm ra ghét Anne. Đã thế, sau một thời gian ngắn, cha cô yêu Anne, bỏ rơi Elsa và dự tính kết hôn cùng bà ta, khiến cô lại càng tức giận. Thế là cô cùng anh chàng tình nhân vừa quen sắp đặt một kế hoạch để ly gián hai người. Được sự đồng ý của Elsa (bà này cũng đang buồn vì bị tình phụ), hai người dàn một cảnh yêu đương và để cho cha cô trông thấy. Ông giận dữ, tức tối vì thấy thấy tình nhân của mình lại bị một tay trai trẻ bằng tuổi con mình chiếm đoạt, nên hối hận, quay về với Elsa. Anne bắt gặp hai người âu yếm, buồn tình bỏ đi, và bị tai nạn, chết. Mọi người hối hận, nhưng mọi sự đã rồi. Cha cô và cô trở về lại Paris, sống lại đời sống bình thường cũ. Nhưng cô gái trẻ bây giờ không còn vô tư như trước mà phát sinh ra một trạng thái tình cảm mới: nỗi buồn.

Tình tiết câu chuyện nghe đã lạ. Văn vẻ càng lạ hơn. Xin ghi lại vài đoạn trích từ *Bonjour tristesse*, nguyên bản Pháp ngữ[7] (có tạm dịch ở phần ghi chú). Tác phẩm mở đầu như sau:

"Sur le sentiment inconnu dont l'ennui, la douceur m'obsèdent, j'hésite à apposer le nom, le beau nom grave de tristesse. C'est un sentiment si complet, si égoiste que j'en ai presque honte alors que la tristesse m'a toujours paru honorable. () Aujourd'hui, quelque chose se replie sur moi comme une soie, énervante et douce, et me sépare des autres. Cet été-là, j'avais dix-sept ans et j'étais parfaitement heureuse. Les "autres" étaient mon père et Elsa, sa maitresse" [8] (tr.1)

Nụ hôn đầu đời:

"Il me tenait serrée contre lui, soulevée, la tête sur son épaule. En ce moment-là, je l'aimais. Dans la lumière du matin, il était aussi doré, aussi gentil, aussi doux que moi, il me protégeait. Quand sa bouche

chercha la mienne, je me mis à trembler de plaisir comme lui et notre baiser fut sans remords et sans honte, seulement une profonde recherche, entrecoupée de murmures."[9] (tr. 34)

Chữ nghĩa không có gì cầu kỳ, câu kéo gọn gàng và rất "văn phạm", dễ tiếp cận. Hơi văn thì nhẹ nhàng, nhưng nghe có gì mệt mỏi, chán chường, bất cần đời một cách đầy kiêu hãnh.

Đoạn gay cấn nhất trong tác phẩm: cô gái Cécile 16 tuổi tự ý tìm đến người con trai 26 tuổi vừa quen. Cảnh làm tình được diễn tả ngắn gọn, cô đọng như sau:

"Il m'avait rattrapée par le bras et me retenait en riant. Je me retournai vers lui et le regardai; il devint pâle comme je devais l'être moi-même et lâcha mon poignet. Mais ce fut pour me reprendre aussitôt dans ses bras et m'entrainer. Je pensais confusément: cela devait arriver, cela devait arriver. Puis ce fut la ronde de l'amour: la peur qui donne la main au désir, la tendresse et la rage, et cette souffrance brutale que suivait, triomphant, le plaisir. J'eus la chance – et Cyril la douceur nécessaire – de le découvrir dès ce jour-là"[10] (tr. 114-115)

Hút thuốc lá, một phong thái rất Sagan. Đây là đoạn tả Cécile trở về nhà sau giây phút "ghê gớm" đó:

"Je pris une cigarette sur la table, frottai une allumette sur la boite. Elle s'éteignit. J'en allumai une seconde avec précaution car il n'y avait pas de vent et seule, ma main tremblait. Elle s'éteignit aussitôt contre ma cigarette. Je grognai et en pris une troisième. Et alors, je ne sais pourquoi, cette allumette prit pour moi une importance vitale"[11] (tr. 117)

Nhưng rồi cuối cùng, cô gái từ giã người tình đầu, dửng dưng, tỉnh bơ y như một chuyện thường ngày, không có gì quan trọng cả:

"Cyril fit un pas vers moi et posa sa main sur mon bras. Je le regardai: je ne l'avais jamais aimé. Je l'avais trouvé bon et attirant; j'avais aimé le plaisir qu'il me donnait; mais je n'avais pas besoin de lui. J'allais partir, quitter cette maison, ce garcon et cet été."[12] (tr. 176)

Đơn giản và thẳng thắn và sòng phẳng đến thế thì thôi!

Cùng với Sáng Tạo, cùng với những Camus, Sartre, Françoise Sagan đã đem một luồng gió mới vào sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam Việt Nam kể từ thập niên 1960. Đặc biệt, Sagan - trực tiếp hay gián tiếp - đã đưa đến sự có mặt của 5 nhà văn nữ thuộc loại độc đáo nhất thời đó là Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng (tức Hoàng Đông Phương) và Túy Hồng với một văn phong mới mẻ, nội

dung táo bạo, chưa hề có trước đó. "Vòng tay học trò" chẳng hạn, mô tả mối tình giữa một cô giáo và đứa học trò, gây nên dư luận xôn xao một thời. Rồi là Lệ Hằng và đặc biệt Trần Thị Ngh, một hiện tượng văn chương độc đáo đầu thập niên 1970[13]. Theo Nguyễn Văn Lục, thì các nhà văn nữ vào thập niên 60 như Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Lệ Hằng, Nguyễn Thị Thụy Vũ "phảng phất không khí Sagan". Ông đánh giá: "*Cái cảm giác khi đọc các nhà văn này (trừ Nguyễn Thị Hoàng) là họ còn đi xa hơn các nhà văn nam giới và đi xa hơn cả Sagan trong những mô tả tính dục. Chẳng hạn Sagan tả những liên hệ tính dục một cách phơn phớt, không đào sâu, không đậm đặc, "không mặn", không sống sượng như Túy Hồng hay Nguyễn Thị Thụy Vũ" () Lối văn của Sagan cụt, hụt hẫng, hững hờ, không màu mè, diêm dúa. Mục đích của Sagan không phải là mô tả những scènes tình dục cho bằng muốn nhắn gửi: cuộc đời chẳng có gì quan trọng, ngay như chuyện làm tình Luân lý cũng vậy vậy, đạo đức vậy vậy. Cuộc đời trong một ngày, một tháng, một năm, có gì là lạ. Thản nhiên, vô cảm*"[14].

*

Sagan, tên thật là Françoise Quoirez, tục danh là Kiki, sinh vào ngày 21 tháng Sáu năm 1935 ở Cajarc, một ngôi làng ở miền tây nam Pháp. Bà là người con thứ ba của Paul Quoirez, một thương gia giàu có. Khi bà lên 15, gia đình dời về sống ở Paris. Bà mê đọc sách từ hồi còn nhỏ; 12 tuổi, viết truyện và làm thơ; 13 tuổi, đọc "Nourritures terrestres" của André Gide; 14 tuổi, đọc "L'homme révolté" của Albert Camus; 16 tuổi, đọc Marcel Proust, Rimbaud. Về học hành, bà theo học trường dòng (Couvent des Oiseaux) trước khi vào học Sorbonne. Hai năm ở Sorbonne, bà chẳng học hành gì nhiều, phần lớn thời gian bà dành cho đi chơi và uống cà phê và đọc truyện. Biết uống rượu vào năm 15 tuổi. Trong kỳ thi cuối năm, bà hỏng tú tài khiến gia đình rất phiền muộn. Để xoa dịu nỗi buồn bực, bà cảm thấy phải "làm một cái gì", bèn ngồi xuống và bắt đầu viết. Viết xong trong vòng 32 ngày (có báo nói là 7 tuần), bà gửi ngay cho nhiều nhà xuất bản, trong đó có René Julliard. Julliard nhận ngay

Brigitte Bardot

để xuất bản với một điều kiện duy nhất: phải có phép của cha mẹ, vì "cô bé" Françoise chưa tới 21 tuổi. Bà vội vã về hỏi ý kiến cha. Ông đồng ý ngay nhưng không cho bà dùng tên gia đình (họ) mà phải dùng bút hiệu. Dễ thôi! Bà lấy tác phẩm yêu thích nhất của mình "À la recherche du temps perdu" của Marcel Proust, giở ra một trang, thấy đoạn tả quận công Sagan đi ngang trên chiếc xe ngựa, thế là chọn ngay tên Sagan. Và bắt đầu từ đó, Françoise Quoirez trở thành Françoise Sagan.

Mùa hè năm 1954 là một mùa hè buồn thảm đối với toàn thể nước Pháp. Quân đội Pháp sa lầy và cuối cùng thất bại nhục nhã tại Điện Biên Phủ. Cuộc chiến tranh Đông Dương kết thúc. Tuổi trẻ Pháp chán nản, tuyệt vọng và mất phương hướng. Cũng năm đó, về mặt xã hội, người ta ghi nhận hai biến cố quan trọng, diễn ra ở hai cực hoàn toàn đối nghịch theo kiểu người ta thường nói: "thiên thần" - "ác quỷ". Về phía "thiên thần", sự xuất hiện của linh mục Pierre mà những hoạt động của ông đã tượng trưng cho tinh thần bác ái ở mức độ cao nhất (Roland Barthes đã phân tích rất kỹ hình tượng này trong tác phẩm "Mythologies", Paris 1957, phần nói về các huyền thoại hiện đại). Và về phía "ác quỷ", thì là sự xuất hiện của Sagan, một thiếu nữ nổi loạn, xé rào, vô luân. Tất nhiên, đó chỉ là một cách nói. Nhưng nhìn ở một phía khác, theo Etienne de Montety (*Figaro Magazine*), thì nước Pháp mất Đông Dương nhưng lại được bù trừ lại bằng sự xuất hiện của Sagan, một nhà văn ngoại hạng. *Bonjour Tristesse* - được ví von như một trái bom nổ chậm đặt tại ngưỡng cửa của Cộng Hòa Văn Chương Pháp - ra đời hai năm trước phim "*Et Dieu créa la femme*" của đạo diễn Roger Vadim với một khuôn mặt tài tử hoàn toàn mới của nước Pháp và của thế giới: cô đào *sexy* Brigitte Bardot. Được xem như hình tượng của giới trí thức thập niên 1950, trong không khí của một nước Pháp phục hồi sau chiến tranh - cùng với Bardot - Sagan đã thổi một luồng không khí mới mẻ, tươi tắn, đưa trào lưu nghệ thuật Pháp và toàn thế giới vào một bước chuyển biến đầy bất ngờ thích thú, tạo nên những chấn động tâm lý, văn chương và xã hội kéo dài nhiều thập niên về sau.

Triết lý của câu chuyện là: chẳng có gì là quan trọng. Một cô bé 17 tuổi ngủ với trai mà không hề yêu, lại không mang thai cũng chẳng hề hối hận và không bị trừng phạt. Nói một cách khác, người ta có thể tự do, không phải trả giá cho hành động của mình, dù đó là một hành động vô luân. Françoise Mauriac, một trong những nhà văn được kính trọng nhất thời bấy giờ, trong một bài báo viết trên trang đầu của tờ *Le Figaro* ngay sau khi tác phẩm được phát hành, - không nhắc đến tên tác phẩm mà cũng không nêu tên tác giả - gọi tác giả là một "tiểu yêu khả ái"

(charmant petit monstre), cụm từ về sau trở thành một biệt hiệu dành riêng cho Sagan mà tôi đã mượn tạm để đặt tựa đề cho bài viết này.

Năm sau, một bản dịch tiếng Anh được phát hành và lập tức nằm số 1 trên danh sách bestseller của tờ *New York Times*. Từ 3000 ấn bản (có báo nói là 5000) lần phát hành đầu tiên, vào đầu năm 1958, sách bán đạt con số kỷ lục là 810 ngàn ấn bản ở Pháp và hơn một triệu ấn bản ở Hoa Kỳ và được dịch ra 20 thứ tiếng. Lập tức, tác phẩm tạo nên một sự thành công lạ thường. Nó chiếm được giải "Prix de Critiques", mang lại cho Sagan 500 ngàn bảng Anh và đồng thời bị Giáo Hoàng lên án mạnh mẽ, khiến cho một linh mục Công giáo đã phải từ chối làm phép hôn phối trong lễ cưới lần đầu tiên của bà. Sau này, Sagan gọi đó là một "thành công đầy tai tiếng" (succès de scandale) khi lần đầu tiên được phát hành ở Pháp. Bà nói bà cũng không hiểu tại sao mà người ta lại có vẻ ồn ào, sôi động như thế về tác phẩm của bà, lúc đó. Ba thập niên sau, nhớ lại, bà hiểu ra rằng sự giận dữ xuất phát từ mối quan hệ giữa nhân vật nữ, Cécile, và anh bồ của cô ta. Người ta không thể chấp nhận được chuyện một cô gái 17 hoặc 18 tuổi lại làm tình với một đứa con trai trạc tuổi mình mà chẳng hề bị trừng phạt gì cả. Đã thế, cô gái biết về chuyện tình ái lăng nhăng của cha mình, lại còn thảo luận chuyện đó với cha, đề cập đến những đề tài lúc đó vẫn còn là điều cấm kỵ giữa cha mẹ và con cái. "Đối với đại đa số độc giả (nguyên văn: ba phần tư), tai tiếng của tác phẩm là do chỗ một nhân vật thiếu nữ trẻ lại ngủ với trai mà không có thai, lại chẳng cần cưới nhau. Riêng đối với tôi, tai tiếng của câu chuyện là một nhân vật lại có thể – do vô thức, do ích kỷ – đưa đến cái chết của một người khác", Sagan nói.

Thành công bước đầu tạo động lực cho Sagan hăng hái cầm bút tiếp. Trung bình cứ hai năm bà cho ra đời một tác phẩm. Những tựa sách của Sagan chất đầy trong thư viện, trên các kệ sách gia đình và nằm trong trí nhớ mọi người.Từ năm 1954 đến 1965, có thêm ba sáng tác mới được nằm trên danh sách *bestseller*: *Un certain sourire, Aimez-vous Brahms* và *La chamade*. Cả ba cuốn đều được đóng thành phim và đều là những phim thành công rực rỡ. Thành công ở truyện, bà nhảy sang viết kịch và kịch bản phim và tỏ ra có tài viết những đoạn đối thoại thông minh, dí dỏm. Tuy nhiên, trừ hai vở kịch đầu tiên, *Chateau en Suède* (1960) và *Les violons parfois* (1962) gây được tiếng vang trong công chúng thưởng ngoạn, nhiều vở kịch khác ra đời những năm sau đó như *La Robe mauve de Valentine* (1963), *Bonheur, Impair et passe* (1964), *Le cheval évanoui* (1966) không mấy thành công. Có lẽ do vậy, với *La garde du coeur*, tiểu thuyết xuất bản năm 1968, hầu như bà trở lại viết

truyện dài, chỉ thỉnh thoảng mới viết một vở kịch.

Brigitte Bardot

Nói chung, dù là kịch hay tiểu thuyết, đề tài của bà thường na ná nhau, đại loại mô tả cuộc sống của giai cấp trưởng giả nhàn rỗi, chán nản, hoài nghi, cô đơn với những nhân vật đàn ông và đàn bà luôn luôn đánh vật với số phận của mình và những thanh thiếu niên buồn bã, hờn dỗi, phung phá, nổi loạn, thách thức đạo lý xã hội đương thời. Truyện thường xoay quanh những chuyện tình trái khoáy, qua đó, nói lên sự xung đột giữa hai thế hệ. Chẳng hạn như trong *La garde du coeur* (kịch, 1968) - lấy khung cảnh ở Hollywood - kể lại câu chuyện của một thiếu phụ trung niên, đảm nhiệm chăm sóc cho một thiếu niên đẹp trai rồi dâm ra có cảm tình với cậu ta, tạo nên tình cảm phân vân giữa một bên là người tình đồng trang lứa và cậu con trai hoang dàng chỉ bằng tuổi con mình; hay trong *Un Orage immobile* (truyện, 1983) - lấy khung cảnh của một ngôi làng nhỏ - kể lại tình yêu say đắm của một phụ nữ góa chồng xinh đẹp say mê một anh chàng công chứng viên trẻ tuổi. Các nhân vật của bà thường là những người tuyệt vọng trong quan hệ cá nhân, tìm cách lấp khoảng trống thời gian bằng cách đi tìm những thú vui nhục cảm, đưa đến các hành vi vô luân. Nói chung, nội dung truyện cho thấy tính cách vô mục đích trong cuộc sống hằng ngày. Chúng đưa ra hình ảnh của một nước Pháp hiện đại, trong đó, trách nhiệm cá nhân chẳng có nghĩa lý gì so với lối sống theo mốt thời thượng, một nguyên tắc mà bà xác định theo đuổi cho đến cùng. Chúng làm rúng động tầng lớp bảo thủ và thường khiến các nhà phê bình văn chương nhăn mặt, nhưng lại được rất nhiều người - đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên – thích thú, ngưỡng mộ, góp phần tạo nên ảnh hưởng đáng kể đến nhiều nhà văn nữ đàn em sau này.

Theo Josyane Savigneau (*Le Monde* 25/9/04), khác với nhiều nhà văn có tính "hiếu đại" (mégalomanie), thường mơ ước sáng tác được một tác phẩm lớn - với niềm tin rằng đó là một cái gì độc đáo có thể tồn tại mãi mãi, để lại cho hậu thế - có vẻ như trong thâm tâm, Sagan không thích thế hoặc không hy vọng mình sẽ làm được như thế. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho tờ *Le Monde* vào năm 1984, bà nói rõ: "Tôi

mơ làm nhà văn khi tôi bắt đầu đọc sách. Chắc chắn điều đó không có gì khác thường. Sau khi hỏng tú tài, tôi chán nản. Lúc đó tôi học năm đầu ở trường Sorbonne. Tôi bắt đầu viết *Bonjour Tristesse* trong quán rượu. Viết xong, tôi gởi đến những nhà xuất bản. Julliard nhận. Rồi là bài báo của Mauriac, rồi là "Giải Phê Bình" (le Prix des Critiques) và tất cả bắt đầu một thành công vĩ đại, có cái gì không cân xứng. Riêng tôi, tôi biết tôi thích những câu chuyện tầm thường của tôi. Tôi chẳng hổ thẹn gì, vì văn chương không đến nỗi dở, mà tôi thì làm việc đàng hoàng. Tôi lại biết đọc sách. Tôi đã đọc Proust, đã đọc Stendhal Những con người như thế quả làm mình không dám chường mặt ra", bà nói.

Trả lời cho một cuộc phỏng vấn khác vào năm 2003 với Alain Louyot (tạp chí *L'Express*) về viết lách, bà nói: "Tôi có cảm tưởng là mình vô cùng may mắn trong cuộc đời. Tôi có cái may mắn thích viết và có thể viết được. Tôi lại có điều kiện thuận tiện để viết vì tôi vốn rất lười biếng. Tôi nhớ đã có lần tôi viết một câu chuyện tình trong chiếc Limousin trong khi đang đi du lịch ở xứ Népal. Khi tôi có đề tài ở trong đầu, tôi có thể viết liền một mạch 12 tiếng đồng hồ. Và khi viết xong, tôi cảm thấy buồn, cảm thấy như mình trở nên mồ côi. Tôi chỉ có thể viết khi tôi hoàn toàn hạnh phúc". Được hỏi về chuyện thành công trong cuộc đời, bà cho biết "Tôi không cho rằng tôi đã thành công ở trong cuộc đời. Nhưng tôi đã thành công ở chỗ tôi làm cái mà tôi thích: vừa sống vừa viết". Cũng theo bà, "Viết là cách duy nhất xác định tôi chính là tôi. Tôi luôn luôn có cảm tưởng là sẽ đi đến một cái gì bế tắc. Vừa được vừa thua. Vừa tuyệt vọng vừa phấn khích" ("Sagan et Nous", Henri Haget, *L'Express* 27/9/04).

Phát biểu về trào lưu "Tân tiểu thuyết" do các nhà văn Marguerite Duras, Alain Robbe-Grillet, Michel Butor, Claude Simon, Phillipe Sollers, and Nathalie Sarraute chủ trương vào đầu thập niên 1960, bà nói: "Tôi không tin ở kỹ thuật, không tin ở chuyện người ta có thể làm mới tiểu thuyết. Chính ở nơi con người mà người ta đào xới (để sáng tác). Y như chuyện người tiều phu. Thân cây (ông ta muốn đốn) đủ lớn để ông ta khỏi phải mất thì giờ để kiểm tra xem cái rìu ra sao", bà phát biểu (Henri Haget).

Bàn về giá trị văn chương các tác phẩm của Sagan, hầu như mọi người đều đồng ý rằng, trong số hơn 40 tác phẩm của mình, *Bonjour tristesse* là tác phẩm thành công nhất và có giá trị nhất về mặt văn chương. Không kể văn hào Mauriac, thì người đầu tiên ca ngợi Sagan là ông già hàn lâm viện Emile Henriot, người phụ trách mục sổ tay văn học hằng ngày cho tờ *Le Monde*. Theo Laurent Greilsamer (*Le Monde*,

ngày 11/7/04, bài "Bonjour Sagan"), cuốn sách mỏng chưa tới 200 trang khổ nhỏ mà như muốn làm bỏng tay ông. Ông thả xuống rồi cầm lên, đọc đi rồi đọc lại. Ông gọi đó là "một kiệt tác nhỏ bé vô liêm sỉ và tàn bạo" (un petit chef-d'oeuvre de cynisme et cruauté). Tính cách vô luân của nó (immoralisme) khiến ông say sưa, đưa đến một so sánh đáng đồng tiền bát gạo: "Đó là tác phẩm của một cô bé mới có 18 tuổi, có lẽ là còn rất ngây thơ trong trắng, nhưng đầy tưởng tượng sáng tạo và trong chừng mực cho phép, ta có thể so sánh toàn bộ cái tác phẩm đầu tay lạ thường này với một Choderlos de Laclos[15] hung bạo trong "Liaisons dangereuses", với cái ngây thơ cay độc trong "Hauts de Hurlevent" (Đỉnh gió hú) của Emily Bronte và với ngọn lửa băng giá trong "Diable au corps" của Radiguet". Và ông kết luận "Tất cả trở nên nhạt nhẽo sau một tác phẩm như thế"[16]

Nhà văn nổi tiếng Hoa Kỳ John Updyke, viết trong tờ *The New Yorker* 20 năm sau khi *Bonjour Tristesse* xuất hiện, ca ngợi tác phẩm là "sôi động như biển cả" (sparkling sea), "hẻo lánh như rừng hoang" (secluding woods), "nhanh nhẩu theo bản năng tự nhiên" (animal quickness), cốt truyện thì rất hiệu quả (academically efficient), các nhân vật nam, nữ được xây dựng một cách hoàn hảo. Theo ông thì tác phẩm được viết bởi niềm tin hồn nhiên của tác giả trẻ vào tính chất khêu gợi (của các sự kiện).

Khen như thế chắc cũng hết mức rồi!

Mà chê thì cũng lắm. Thành công của *Bonjour tristesse*, theo một số nhà phê bình, nếu gạt ra ngoài những ảnh hưởng tâm lý và xã hội do thời điểm xuất hiện của tác phẩm, thì cũng chỉ là thành công của một tiểu phẩm – petite musique – vì nó đã mỏng lại không chứa đựng ý tưởng gì lớn lao (pas grand-chose). Khái niệm "tiểu phẩm" về sau được sử dụng bởi những người chỉ trích để mỉa mai *Bonjour tristesse*. Mặt khác, họ cho rằng Sagan viết quá nhiều, do đó, các tác phẩm về sau càng ngày càng nhạt nhẽo, mất tính nghiêm túc. Họ nhiều lần lên tiếng phê phán lối viết dễ dãi cũng như thứ tư tưởng chuộng khoái lạc quá đáng đến chỗ gần như ngông cuồng của bà. Điều đó khiến cho các nhà xuất bản lên tiếng khuyến cáo, hy vọng Sagan viết lách đàng hoàng hơn và cố gắng hơn. Nhưng bà làm ngơ. Cuối cùng, các nhà xuất bản đành quyết định ngưng những số tiền ứng trước mà họ vẫn dành cho bà để viết tác phẩm mới. Cũng dễ hiểu tại sao, tất cả những những tác phẩm sau này, kể cả kịch, đều không hưởng được những thành công như *Bonjour Tristesse*.

Theo Roger Shattuck - sử gia và giáo sư Pháp văn tại đại học Bos-

ton University - tiếng tăm của Sagan "đã suy giảm đáng kể sau chừng 5, 6 cuốn đầu tiên" vì bà viết quá nhiều và lập đi lập lại mãi những gì mình đã viết và cũng vì cách thưởng thức văn chương thay đổi theo thời gian. Một nhà phê bình văn chương khác, Serge Gavronsky, giáo sư văn chương Pháp tại đại học Bernard, trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1995, cho rằng những truyện dài đầu tay của Sagan diễn tả sự nổi loạn và tính ích kỷ của nhiều trong số những bạn đồng lứa của bà trong các gia đình trưởng giả Pháp, hoàn toàn phù hợp với khoảng thời gian đó - khoảng giữa thập niên 1950 – và "gắn chặt" với quá khứ văn chương Pháp. Nói khác đi, chúng chỉ là những tác phẩm tồn tại một thời.

Nhưng có lẽ lời kết án Sagan nặng nề nhất nằm trong tác phẩm biên soạn văn chương căn bản dùng cho học sinh Pháp, "Les auteurs de la Litérature française", theo đó, thế giới trong truyện của Sagan là "một thế giới tục lụy, giàu có, nhàn rỗi và xa hoa; một số nhân vật sống mà không quan tâm đến vật chất, đó là những kẻ say sưa, yêu nhau bừa bãi mà không bị lên án. Do chuộng những gì dở dang, chuộng lối phân tích gay gắt, cay độc và có tính ái kỷ (narcissism), Sagan mãi mãi được xem như là đã làm hư hỏng cả một thế hệ" (*New York Times*, 25/9/04).

Tuy viết nhiều và rất nổi tiếng, chỉ trừ giải "Prix de Critiques" được tặng cho *Bonjour tristesse* năm 1954 và giải "Prix de Monaco" cho toàn thể tác phẩm của bà năm 1984, Sagan không đoạt được giải văn chương nào đáng kể nào của Pháp và thế giới. Sagan coi thường chuyện đó. Đã có lần, khi được đề cử trở thành một thành viên của Hàn Lâm Viện Pháp, bà từ chối thẳng thừng. Bà cho biết, bà đã đọc đủ những cuốn sách hay để nhận ra sự khác biệt giữa giá trị văn chương của *Bonjour Tristesse* (mà bà quả quyết là chưa bao giờ đọc lại) và những bàn tán ầm ĩ quanh tác phẩm. Giám đốc nhà xuất bản Robert Laffont nhận xét: "Bà không được thừa nhận như một nhà văn vĩ đại, nhưng điều đó chẳng quan trọng gì. Bà viết những gì bà thích và chẳng quan tâm gì đến những điều khác, về các giải thưởng. Bà viết cho chính bà".

*

Văn thì thế, còn người thì sao?

Người ta thường gọi bà là "écrivain bohemien" (nhà văn phóng đãng, sống ngoài vòng cương tỏa). Bản thân bà là một nhân vật, hơn thế nữa, một siêu nhân vật. Khác với quan niệm cho rằng nhà văn là loại người chỉ biết im lặng, chịu đựng và viết, viết mà không sống, Sagan viết và sống, sống đến tận cùng của cuộc sống. Bà viết những gì bà sống và sống những gì bà viết. Bà tạo ra chúng bằng chữ nghĩa của riêng bà,

không trường phái, không quan tâm đến những chê, khen này nọ. Khen thì OK, mà chê cũng OK. Nói theo kiểu Sagan, "Tôi là một thứ tai nạn kéo dài" (Je suis un accident qui dure). Và công chúng theo dõi cái "tai nạn kéo dài" đó rất kỹ, không chán, không mệt. Từ lúc còn là một cô gái 19 tuổi (có lẽ) cho đến khi bà lìa đời. Quanh đời sống của bà là những *scandale*. *Scandale* tiếp nối *scandale*. Nhiều đến nỗi, với Sagan, *scandale* đâm ra mất hết ý nghĩa nguyên thủy để chỉ còn là những tin thời sự sốt dẻo, lúc nào cũng lôi cuốn thứ công chúng tò mò. Áo quần, tai nạn, tình nhân, du lịch, quan hệ, bài bạc, rượu chè, thôi thì đủ thứ, bất cứ gì dính đến Sagan cũng có thể trở thành những sự kiện nóng sốt, góp phần nuôi dưỡng các cột báo Pháp hằng ngày.

Với một khuôn mặt gầy, nhỏ, đôi mắt tinh quái nhô ra từ một mớ tóc cắt ngắn, trong hai thập niên 1950 và 1960, hình ảnh của bà dường như trở thành một thứ dáng dấp cấp tiến của Paris. Bà cùng bạn bè lập ra nhóm tiền phong "La bande Sagan", trong đó có cả ca sĩ Juliette Greco. Bà thường xuyên xuất hiện ở các quán cà phê, hộp đêm, các quán ăn với những nhân vật nổi tiếng trong văn giới như Jean Paul Sartre, Hemingway, Henry Miller và trong chính giới như chính trị gia trẻ tuổi tả phái Françoise Mitterand, hút thuốc lá hiệu *Gauloises*, tay bưng cốc cà phê. Một trong những mốt của Sagan là đi vào hộp đêm với một người bảo vệ và đi ra với một người bảo vệ khác, luôn luôn đậu xe thể thao ngay ngoài cửa nơi đến bất chấp luật lệ giao thông. Để minh họa cho rõ hơn hình ảnh độc đáo của Sagan, hình bìa của một trong những tác phẩm in hình bà cỡ tuổi 19, 20 khoác trên người chiếc áo da dài đứng cạnh cửa của chiếc xe hơi hiệu Jaguar, với đôi mắt viền đậm.

Xuất phát từ quan niệm riêng mà cũng do sự thúc đẩy bởi tiền bạc và tiếng tăm, bà lăn xả vào một cuộc sống ồn ào, sôi động ngay lúc chưa tới tuổi 20: uống rượu thâu đêm suốt sáng, say mê bài bạc, khoái lái xe thể thao với tốc độ cao. Một cuộc thăm dò dư luận được tiến hành vài năm sau khi "*Bonjour Tristesse*" ra đời cho thấy hầu hết mọi người đều cho rằng Sagan là một ngôi sao điện ảnh hơn là một nhà văn. Bà đề cập đến cái thú lái xe hết tốc lực trong *Avec mon meilleur souvenir, un recueil de portraits* (1984): "Bất cứ ai mà không cảm thấy hưng phấn với tốc độ thì chẳng có hưng phấn để sống. Dù ta có điên cuồng và tuyệt vọng trong tình yêu đến đâu, lúc lái xe với tốc độ 120 dặm một giờ, ta sẽ thấy bớt đi nhiều. Máu sẽ không còn đông cứng quanh trái tim ta; máu ta đập tối đa trong cơ thể, cho đến tận từng ngón tay, ngón chân và tròng mắt, lúc đó chúng là những kẻ canh giữ quyết định và không mệt mỏi của cuộc đời ta". Năm 1957, có lần bà đã bị tai nạn xe hơi, làm nứt

xương sọ và nhiều vết thương khác khi chiếc xe hiệu Aston-Martin lật ngược tại Milly, một thị trấn miền bắc nước Pháp, khiến bà bị hôn mê suốt cả ba ngày mới tỉnh.

Táo tợn hơn, Sagan yêu đương bừa bãi, buông thả mình trong sinh hoạt tình dục gần như vô độ với nhiều bạn tình khác nhau. Một trong những bạn tình của Sagan cho biết là bà "muốn thử qua mọi kinh nghiệm ái ân, với hai người, có khi với ba hay bốn người và cả với phụ nữ". "Tôi thật may mắn quá sức bởi vì khi tôi lớn lên thì đồng thời thuốc ngừa thai đã xuất hiện. Khi tôi 18 tuổi, tôi nghĩ mình có thể chết đi được vì sợ có thai, nhưng rồi có thuốc ngừa thai và thế là tôi mặc sức yêu đương thả giàn mà chẳng có hậu quả gì, có đến 30 năm. Lúc đó thì bệnh AIDS mới xuất hiện. Ba mươi năm này trùng hợp với tuổi trưởng thành của tôi, cái tuổi dành để vui chơi thỏa thích", bà phát biểu trong một cuộc phỏng vấn được thực hiện trước phiên tòa xử bà về tội hút xách năm 1993.

Sagan còn sử dụng ma túy. Bà hai lần bị bắt vì hút xách và tàng trữ thuốc phiện, vào các năm 1990 và 1995, phải đóng tiền phạt và bị tù treo khiến có lần, lãnh tụ hữu khuynh Jean Marie Le Pen lên tiếng đòi hỏi bà phải bị treo cổ vì tội sử dụng ma túy.

Năm 2002, bà lại dính líu đến pháp luật một lần nữa vì đã không khai thuế về số tiền hơn 800 ngàn *euro* kiếm được do một áp phe về dầu hỏa, có liên quan đến cựu tổng thống Pháp Mitterand, bạn của bà.

Về chuyện gia đình, bà có hai đời chồng. Năm 1958, bà lấy Guy Schoeller, lớn hơn bà 20 tuổi, ly dị năm 1960. Năm 1962, tái giá với Robert James Westhoff, một điêu khắc gia Mỹ. Hai người có một đứa con trai, Denis. Năm sau, 1963, lại ly dị. Sau đó, bà quyết định sống độc thân cho đến chết. Bà nghĩ gì về tình yêu? "Tôi cho rằng tình yêu giống như một căn bệnh, một sự ngộ độc. Thỉnh thoảng, tôi bị ngộ độc chừng 3 hay 4 năm, và rồi không bao giờ nữa. Tôi nghĩ rằng người ta có thể sống với nhau hạnh phúc hơn là tôi thường tin, nhưng tôi vẫn không cho rằng nó có thể là mãi mãi". Còn hôn nhân thì sao? Là "món măng tây ăn cùng với xà lách trộn, cũng ngon đấy nhưng chả có gì quan trọng".

Thập niên 1960, Sagan tuyên bố mình chọn lập trường tả khuynh, vì "mốt" hơn là vì xu hướng chính trị thay đổi.

Thập niên 1970, tóc bà đột nhiên chuyển từ màu nâu sang vàng hoe, bà càng muốn sống vội hơn nữa. Đam mê đánh bạc mạnh thêm đến nỗi Bộ trưởng Nội Vụ phải tuyên bố cấm bà không được vào các sòng bài. Sau nhiều lần suýt chết và năm 1978, bà bị chẩn đoán lầm là bị bệnh ung thư, bà ngưng uống rượu một thời gian.

Trong thập niên 1990, có khoảng thời gian bà đâm ra sống đàng

hoàng. Bà ủng hộ tổng thống xã hội Mitterand, bàn đến các vấn đề chính trị nghiêm túc, vận động cải cách chế độ lao tù, chống kỳ thị và chống chiến tranh. Năm 1994, tác phẩm *Un chagrin de passage* viết về một người đàn ông tiếp cận với nỗi cô đơn sau khi biết mình chỉ còn sống có 6 tháng trên đời, khiến người ta hy vọng bà sẽ trở lại với chuyện viết lách nghiêm túc. Nhưng thói nào tật đó. Dường như bà không thoát khỏi số phận của mình. Năm 2001, bà bị ra tòa vì tội trốn thuế và bị án một năm tù treo. Bản án khiến cho những người hâm mộ bà tức giận. Họ phát biểu "Bà nợ tiền của Quốc Gia, nhưng nước Pháp còn nợ bà nhiều hơn nữa"[17]

Cái nhìn của Sagan về chính bà và đời sống của mình rất thành thật. Trong "Et Toute Ma Sympathie" (1993) ghi lại nhiều suy gẫm của bà, bà nhận xét mình là một "thứ đàn bà kỳ quặc, trẻ con và rối rắm". Dẫu vậy, bà không bao giờ thốt ra một lời tỏ ý tiếc về cách sống "vô độ", không kiềm chế của mình nhưng thú nhận rằng bà chưa bao giờ thực sự trưởng thành. "Kết quả là tôi thực sự không hiểu những giá trị của người lớn và tôi sẽ không bao giờ (muốn) hiểu". Khác với những người phụ nữ lớn tuổi, thường chọn hình thức thỏa hiệp và an phận, Sagan luôn luôn giữ cái nhìn của một đứa trẻ con, kinh ngạc, sắc sảo, bỡ ngỡ, sẵn sàng lao vào phung phá cuộc đời, khinh miệt những lợi lộc bản thân, chứa đựng một năng lực bền bỉ trong một thể chất mảnh dẻ khiến ta nghĩ rằng bà sẵn sàng chống báng lại mọi điều. Có lần bà nói với viên chức tư pháp điều tra "Tôi tin rằng tôi có quyền tự hủy miễn là tôi không làm hại ai".

Được yêu cầu kể ra những nhân vật mà bà ngưỡng mộ nhất, bà trả lời: Nhiều, trong đó có Jean-Paul Sartre (1905-1980). Đó là người mà bà giao du mật thiết cho đến lúc ông chết. Những ngày cuối đời, bà thường tìm đến thăm Sartre, lúc này đã mù, và dẫn ông đi chơi, đi ăn sáng, ăn tối. Trong *Avec mon meilleur souvenir, un recueil de portraits* (1984), bà dành cho triết gia này những dòng chân tình nhất: "Nói ngắn gọn, ông là người đã yêu mến, đã viết, đã chia sẻ, đã cho tất cả những gì gọi là quan trọng mà ông muốn cho, đồng thời, ông từ khước tất cả những gì hào nhoáng mà người ta dành cho ông (). Sartre sinh ngày 21/6/1905, tôi sinh ngày 21/6/1935, nhưng tôi không nghĩ rằng – vả lại, tôi chẳng muốn nghĩ đến điều đó – tôi không nghĩ rằng tôi sẽ còn trải qua đến 30 năm nữa mà không có ông trên hành tinh này".

Những năm cuối đời, Sagan dường như không còn là Sagan nữa. Xương sọ vỡ. Bà chịu nhiều lần giải phẫu, ngồi xe lăn, chống nạng. Nợ nần chồng chất, bà phải bán căn nhà ở Normandie, và sống qua ngày ở

nhà những người bạn. Cuối cùng, bệnh nặng quá, bạn bè đưa vào nhà thương. Và chết!

Sagan được an táng tại ngôi làng Seuzac, gần Cajarc nơi bà chào đời, vào ngày 28/9/2004.

*

Đấy, Françoise Sagan! Văn chương và đời sống. Dù ghét dù thương, hẳn mọi người đều nhận rằng bà đã viết và đã sống một cuộc đời ngay thẳng, minh bạch, không ngụy trang, giấu giếm.

Dẫu vậy, cho đến cuối đời, người ta vẫn ngờ rằng có một cái gì khác nằm đàng sau con người nổi loạn, ngang tàng, trụy lạc đó. Cái gì? Bí ẩn nào? Tại sao? Nhà phê bình văn chương Pháp Bernard Poitrot-Delpech, khi nhắc đến "bí ẩn Sagan", cho ta một câu trả lời giản dị, quá giản dị: "Bí ẩn Sagan? Đơn giản biết bao, đó chỉ là nghệ thuật trở thành CHÍNH MÌNH, trên trang giấy trắng, trong cuộc đời"[18] ("Sagan, l'art d'être SOI", Le monde 25/9/04).

Có đúng như thế không? Tùy!

Thôi thì hãy đọc lại đoạn văn sau đây:

"Seulement quand je suis dans mon lit, à l'aube, avec le seul bruit des voitures dans Paris, ma mémoire parfois me trahit: l'été revient et tous ses souvenirs. Anne, Anne! Je répète ce nom très bas et très longtemps dans le noir. Quelque chose monte alors en moi que j'accueille par son nom, les yeux fermés: Bonjour Tristesse."[19] (tr. 180)

Đó là đoạn cuối trong *Bonjour tristesse,* một trong những đoạn văn đã để lại dấu ấn khó phai trong nền văn chương thế giới. Lần đó, đôi mắt *cô bé* Sagan chỉ khép nhẹ để chào nỗi buồn. Lần này, đôi mắt *bà* Sagan khép chặt vĩnh viễn. Nỗi buồn Sagan theo Sagan mà ra đi. Nhưng để lại một nỗi buồn khác: nỗi buồn của chính chúng ta. *Notre tristesse.*

Xin chào vĩnh biệt, tiểu yêu nữ khả ái Françoise Sagan!

Một lần nữa: BONJOUR TRISTESSE!

Thế Quân

Tham Khảo:

- Bản tin của Reuters, AFP các ngày 24&25/9/04
- Eric Pace, "*Françoise Sagan, Who had a Best Seller at 19 With "Bonjour Tristesse" Dies at 69*", New York Times 25/9/04
- Bernard Lehut, "*Adieu Françoise, bonjour tristesse*", Lemonde 25/9/04
- Josyane Savigneau, "*Satre est né le juin 1905, moi le juin 1935*", Lemonde 25/9/04
- Bertrand Poirot-Delpech, "*Sagan, l'art d'être SOI*", Lemonde 25/9/04

- Etienne de Montety, "*Sagan: charmant petit monstre sacré*", Figaro Magazine 2/10/04
- Henry Haget, "*Sagan et nous*", L'Express 27/9/04
- Alain Louyot, "*Sa dernière interview à L'Express*", L'Express 27/9/04
- Đặng Tiến, "*Françoise Sagan, Buồn Ơi Vĩnh Biệt*"
- Franĉoise Sagan, "*Bonjour Tristesse*", Livre de poche, 1981
- Franĉoise Sagan (1935-2004), http://www.kirjasto.sci.fi/sagan.htm
- Adam Bernstein, "*Françoise Sagan, Eccentric Writer Of 'Bonjour Tristesse,' Dies at 69*", Washington Post 27/9/04
- Katherine Pancol, "*Sagan, une inoubliable légèreté*", Paris-Match 29/9/04
- Nguyễn Văn Lục, "20 năm văn học dịch thuật miền Nam 1955-1975", Hợp Lưu 79, tháng 10&11/2004

---

1 Rolling Stone là một tạp chí âm nhạc và kỹ nghệ âm nhạc được sáng lập vào năm 1967 tại San Francisco, Hoa Kỳ do Jann Wenner và nhà phê bình âm nhạc Ralph J. Gleason, có xu hướng ủng hộ phong trào hippy vào những năm thuộc hai thập niên 1960 và 1970.

2 Nostalgique et drôle, faussement futile et très lucide

3 Ngôi sao điện ảnh Pháp, thường được mệnh danh là "cô đào (thời) nguyên tử"

4 Lớp 11 và 12

5 Đặng Tiến, "Franĉoise Sagan, Buồn ơi, vĩnh biệt" (Bài gửi riêng để "đọc chơi cuối tuần")

6 Nguyễn Văn Lục, "20 năm văn học dịch thuật miền Nam 1955-1975", Hợp Lưu 79, tháng 10&11/2004

7 "Bonjour tristesse", Franĉoise Sagan, nxb "Le livre de poche", Paris, 1981

8 Trong thứ tình cảm vô danh, mà nỗi phiền muộn, sự dịu dàng ám ảnh tôi, tôi phân vân đặt tên, cái tên đẹp đẽ trĩu nặng nỗi buồn. Đó là một tình cảm toàn vẹn đến nỗi, ích kỷ đến nỗi tôi gần như cảm thấy hổ thẹn vì nỗi buồn luôn luôn xuất hiện trong tôi với vẻ tôn quý (...) Hôm nay, có một đôi điều trở lại trong tôi y như thể một sợi tơ, uể oải và dịu dàng, ngăn cách tôi với những người khác. Mùa hè năm đó, tôi 17 tuổi và tôi hoàn toàn hạnh phúc. Những "người khác" (ở đây) chính là cha tôi và Elsa, tình nhân của người.

9 Chàng ôm chặt lấy tôi, nâng tôi lên, đầu dựa vào vai chàng. Lúc đó, tôi yêu chàng. Trong thứ ánh sáng của buổi sáng, chàng cũng rực rỡ, cũng dễ thương, cũng dịu dàng như tôi, chàng bảo bọc tôi. Khi môi chàng tìm môi tôi, tôi bắt đầu run rẩy vì khoái cảm y như chàng và chúng tôi hôn nhau mà không một chút hối hận, không một chút hổ thẹn mà chỉ là một kiếm tìm rướn sâu, ngất quãng bởi những tiếng thì thầm.

10 Chàng nắm lấy cánh tay tôi, vừa giữ tôi lại vừa cười. Tôi quay về phía chàng và nhìn chàng; mặt chàng tái đi như tôi và buông tay tôi ra. Nhưng rồi chàng lại vội vàng ôm lấy tôi và kéo tôi lại. Tôi mơ hồ cảm nhận: cái đó sắp tới rồi, cái đó sắp tới rồi. Sau đó là liên khúc tình yêu: nỗi sợ hãi tiếp sức cho cơn ham muốn, sự dịu dàng và cuồng nhiệt và rồi nỗi đau buốt nối tiếp với cơn hả hê khoái cảm.

Ngày ấy, tôi sung sướng – còn Cyril hết sức dịu dàng – khám phá cơn khoái cảm đó.

11 Tôi lấy điếu thuốc trên bàn, quẹt một que diêm trên hộp quẹt. Diêm tắt. Tôi cẩn thận đốt một que khác, không có gió thế mà bàn tay tôi run rẩy. Diêm tắt ngay khi chạm điếu thuốc. Tôi lầm bầm bực bội và lấy thêm một que nữa. Lúc này không hiểu tại sao, que diêm này lại mang sự quan trọng sống còn đối với tôi đến như vậy.

12 Cyril bước về phía tôi và đặt tay trên vai tôi. Tôi nhìn chàng: tôi không hề yêu chàng. Tôi thấy chàng tốt và hấp dẫn; tôi mê cái khoái cảm mà chàng đã cho tôi; nhưng tôi không hề cần chàng. Tôi sắp ra đi, rời ngôi nhà này, rời người con trai này và rời mùa hè này.

13 Các nhà văn nữ này, theo tôi biết, hiện vẫn còn sống. Nhã Ca, Trùng Dương, Túy Hồng hiện sống ở Hoa Kỳ; Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng và Trần Thị Ngh ở Việt Nam; Lệ Hằng ở Úc

14 Nguyễn Văn Lục, bài đã dẫn, tr. 71. Tôi trích dẫn đánh giá này với mục đích thông tin, mà không phê phán.

15 Pierre Choderlos de Laclos (1741 – 1803), nhà văn Pháp. Tác phẩm "Liaisons dangereuses" đạt được một thành công ngoại hạng và là một scandale thời đó.

16 Tout est fade après un tel livre

17 Elle doit de l'argent à l'Etat mais la France lui doit beaucoup plus.

18 Le mystère Sagan? Tout simplement l'art d'être SOI, sur la page blanche, dans la vie.

19 Đôi khi, chỉ khi tôi lên giường nằm ngủ vào lúc rạng đông, với tiếng động duy nhất là xe cộ chạy trong thành phố Paris, thì trí nhớ phản bội tôi: (tôi tưởng) mùa hè trở lại với tất cả những kỷ niệm (êm đềm) của nó. Anne, Anne! Tôi gọi thầm tên Anne nhiều lần, gọi rất lâu trong bóng tối. Có điều gì dâng lên trong lòng khi tôi đón nhận cái tên này, mất tôi khép lại: Buồn ơi, chào mi!

Tạp chí VĂN HỌC
tái bản
lần thứ bảy

Giá 10 mỹ kim

MÙA THU RĂNG RỤNG

tạp ghi của *HOÀNG MAI ĐẠT*

Vợ tôi dễ buồn trong những ngày giao mùa chớm thu. Tôi cũng vậy. Thời tiết thay đổi dễ làm cho chúng tôi luyến tiếc những gì đã tan biến trong cuộc đời, thầm nhớ những lời tỏ tình đã mờ nhạt trên cát biển. Có những buổi chiều chúng tôi yên lặng ngồi xem ánh nắng trải xuống sân vườn sau nhà. Nắng mùa thu không sáng và mạnh như nắng mùa hè. Nắng thu vàng hơn, ấm dịu, quyến rũ như lời mời gọi cuối cùng, hứa hẹn đưa chúng tôi đến một nơi thần tiên, xa ngoài những ngày tháng dồn dập, bít bung trong cõi đời thường. Sự thay đổi của nắng đã làm cho chúng tôi xao xuyến, chưa kể muôn vàn sự biến đổi khác trong thiên nhiên cũng như trong cuộc đời.

Trong những ngày thu sầu lơ lửng, mông lung giữa đất và trời, vợ chồng tôi được chia sẻ một buổi trưa nắng vàng với ông bà Võ Phiến. Chúng tôi ít đi thăm ai, thường dành thời giờ hiếm quí cho gia đình. Đối với ông bà Võ Phiến thì khác. Chúng tôi đã trễ hẹn với họ từ đầu mùa xuân. Nhớ đến ánh mắt tha thiết của bà trong lần gặp cuối, tôi áy náy như sợ lỡ hẹn với chính mẹ ruột của mình. Tôi sợ bà buồn. Bà buồn rồi bắt ông buồn theo thì tội của tôi lớn lắm.

Trên đường đến thăm ông bà, chúng tôi chở theo hai chậu bông hồng mới mua ở gian hàng bán hoa trong siêu thị. Vợ tôi biết bà Võ Phiến rất thích cây. Xe cũng chở theo một nỗi buồn. Ban đầu nỗi buồn

là của riêng tôi. Xe chạy được nửa đường nàng cũng có một nỗi buồn riêng, sao chép gần giống như của tôi. Bi kịch mùa thu của chúng tôi đều có liên hệ đến răng. Trong hơn một tuần nay tôi bị đau nhức mỗi khi mở miệng.

Trong lúc xem xét răng của tôi, nha sĩ cho biết tôi không bị đau răng mà bị đau quai hàm, xuất phát từ sự nghiến răng. Dựa theo vết mòn của răng, nha sĩ tin rằng tôi thường nghiến răng trong giấc ngủ, có lẽ vì tâm trí bị căng thẳng từ những công việc vào ban ngày. (Tôi biết dạo này tôi hay bị căng thẳng vì anh Cao Xuân Huy thường hối bài tạp ghi cho báo *Văn Học*.) Nha sĩ cũng dặn tôi nhớ ngậm một miếng nhựa kẹp giữa hai hàm răng trong lúc đi ngủ, để giảm sự chà sát và sự nghiến răng. Một lần nghiến nào đó quá mạnh trong giấc ngủ, khiến cho quai hàm của tôi bị trẹo như bị bong gân. Tôi cần vài tuần để giảm đau.

Đêm nằm với miếng niềng nhựa ở trong miệng, tôi chợt thấy cơ thể đã có dấu hiệu hao mòn theo thời gian. Mỗi lần quay sang vợ và muốn hôn nàng một cái (có khi hôn cho đúng thủ tục trước khi ngủ, cũng có khi vì lý do khác, không tiện viết ra đây sợ bị vợ kiểm duyệt – thật tình mà nói đôi khi tôi sợ vợ còn hơn sợ Việt Cộng, vợ tôi biết khóc, biết giận, biết làm cho tôi phải tự nguyện ăn năn sám hối, Việt Cộng đâu có biết khóc, biết chơi đòn im lặng, làm ngơ cho đến khi tôi phải làm bộ cười xin lỗi cho dù mình vô tội), tôi phải lấy miếng nhựa ra khỏi miệng và để ngay ngắn ở bàn bên cạnh giường, tương tự như người ta có hàm răng giả. Buồn chết đi được.

Cũng may vợ tôi chỉ cười tủm, không chọc quê thêm cho tôi chán đời. Thật sự ở tuổi bốn-mươi-bốn tôi vẫn còn trẻ măng. Ra đường Bolsa gặp nhiều cô vẫn xưng "em" và gọi "anh" với tôi nghe ngọt xớt. Lẽ đương nhiên những lúc đó không có vợ ở bên cạnh, thành thử tôi thấy mấy cô cũng dễ thương lắm. Đây là mấy "em" ở mọi nơi, chứ không phải mấy "em" ở quán cà-phê gặp ông nào cũng gọi "anh" hết ráo, bất kể "anh" đang chống gậy, tóc nhuộm đen thùi ở đầu ngọn mà trắng toát ở chân tóc.

Tóc tôi đã bạc từ mấy năm trước. Thế nhưng đến đầu năm nay tôi mới bắt đầu nhận thấy mình đang bước qua tuổi trung niên. Gọi trung niên cho đỡ buồn, chứ thật sự là đang gõ cửa tuổi già. Tôi đã đi khám mắt và được cô "nhãn sĩ" cho biết tôi cần đeo kiếng lão. Cô dùng tiếng Anh "progressive" để mô tả kiếng cho chính xác hơn, đồng thời tránh tiếng "lão" nghe não nùng cho tôi. Theo tự điển "progressive" có nghĩa là "tiến bộ," "tiến tới." Đeo kiếng lão mà gọi là "tiến bộ" thì tôi không hiểu. "Tiến tới" chắc đúng hơn. Người đeo kiếng này đang tiến tới tuổi

già. Kiếng già của tôi có ba tròng: tròng trên để nhìn xa trong lúc lái xe, tròng giữa để xem màn ảnh máy điện toán, và tròng thấp nhất để đọc sách báo (cỡ chữ báo *Văn Học* hoặc lớn hơn). Phải đeo kiếng "tiến tới" trong hơn một tháng tôi mới quen, không còn bị chóng mặt mỗi lần đổi ánh nhìn từ trên xuống dưới. Nếu muốn nhìn ngang, nhìn dọc thì tôi phải quay đầu theo hướng nhìn. Điều này có nghĩa là tôi không thể liếc mắt qua một bên mà đầu vẫn nhìn thẳng về phía trước, không thể mặt hướng về vợ mà mắt đang liếc tìm "em" nào ở đâu đó. Ở đây nghĩa "tiến bộ" có lẽ hợp lý. Người đeo kiếng lão trở nên đàng hoàng, "tiến bộ" hơn.

Quen với kiếng "tiến tới" ở trên mắt và niềng nhựa ở trong miệng, tôi chờ đợi giặc "khủng hoảng thời trung niên" tràn tới. Tôi nghe nói ở tuổi trung niên thế nào người ta cũng phải trải qua một cơn nổi loạn tâm lý. Đám giặc này kinh khiếp lắm, có thể khiến một gã đàn ông bỗng ngao ngán sự nghiệp, hành động quái gở. Nghĩ đến giai đoạn "khủng hoảng tuổi trung niên" làm cho tôi suy tư, nghiến răng trèo trẹo trong giấc ngủ. Tôi nghe nói trong giai đoạn này đàn ông có thể làm những chuyện bất thường như bỏ vợ con để sống với phụ nữ trẻ, hoặc lái xe mui trần để gió thổi mát mái đầu hói, lưa thưa những cọng tóc cần được hội quốc tế bảo vệ. Tôi có một người bạn văn một hôm bỗng đứng giữa bãi đậu xe, vén áo và chụp hình rốn của mình. Anh gởi hình đi khắp nơi trên mạng Internet, vận động mọi người hãy sáng tác khoe rốn của họ. Tôi mong hội chứng giặc trung niên sẽ nhẹ tay hơn đối với tôi.

Giữa những buổi thao thức chờ giai đoạn khủng hoảng, tôi chợt nhớ đến ông bà Võ Phiến. Vợ chồng tôi được gặp hai bác lần đầu tiên vào năm 2000, đúng năm ra mắt cuốn "*Giữa Hai Miền Mưa Nắng*". Tác phẩm thứ nhì đã giúp tôi được giàu bạn văn chương một cách không ngờ. Lúc trước tôi nghèo bạn lắm, chỉ có dăm ba đứa bạn nhậu. Tôi chờ bán được sách để kiếm chút tiền, giúp vợ con không phải xấu hổ về việc nhà có một ông thợ viết hoài không ra tiền. Tuy tiền thu không là bao nhiêu, sách cho tôi cơ hội được làm quen với rất nhiều người trong và ngoài giới viết lách, gần cũng như xa. Xin khoe vài người bạn mới lúc ấy như anh Tưởng Năng Tiến ở San Jose, họa sĩ Võ Đình ở Florida, thi sĩ Ngu Yên ở Houston, nhạc sĩ Phan Ni Tấn bên Gia Nã Đại, chị Phan Thị Trọng Tuyến bên Pháp, anh Võ Đình Tuyết ở Philadelphia, chị Lê Thị Huệ, nhà thơ Nguyễn Nam An, thi sĩ Phan Nhiên Hạo, nữ ca sĩ Thùy Dương, nữ tài tử Kiều Chinh, nhà văn Trúc Chi, anh Nguyễn Chí Kham, anh Huy Văn và nhiều người nữa mà tôi không nhớ hết. Riêng với bác Võ Phiến sự quen biết có lẽ là do cơ duyên, muốn cũng không được, mà không muốn cũng không được.

"*Giữa Hai Miền Mưa Nắng*" được in xong đúng lúc *Văn Học* tổ chức tiệc tất niên tại nhà của anh Nguyễn Mộng Giác. Chiều hôm ấy tôi chạy tất bật đến nhà in để lấy một thùng sách mang tặng các văn hữu trong buổi tất niên. (Chưa bán được cuốn nào đã thấy lỗ vốn rồi). Vợ tôi cũng lật đật phụ chồng ôm thùng sách vào nhà của anh chị Giác. Chúng tôi đến hơi trễ, đúng lúc các bác lớn tuổi cần về nhà nghỉ ngơi, không thể ở khuya với đám trẻ tóc mới muối tiêu.

Hôm ấy anh Phùng Nguyễn có nhiệm vụ lái xe đưa các bác lớn tuổi về nhà. Bác Võ Phiến ở xa nhất. Từ Quận Cam lên nhà bác ở Los Angeles cũng mất một tiếng đồng hồ lái xe. Trong khi vợ chồng tôi đang lấy sách ra ngoài thùng và bắt đầu ký tặng bạn bè ở trong nhà, mấy bác lớn tuổi cũng hấp tấp đi ra sân theo anh Phùng Nguyễn. Mấy bác đi rất nhanh, rộn ràng như sợ lỡ xe đò thì không có ai đưa về nhà. Ngoài bác Võ Phiến, tôi chỉ biết một người khác trong nhóm bô lão là bác Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng. Sợ không có dịp khác tặng sách tận tay các bác, tôi ù chạy ra ngoài sân, ôm theo mấy cuốn sách trong tay.

Tôi ký nhanh một cuốn tặng bác Nghiêm Xuân Hồng. Cuốn kế tiếp tôi ký tặng bác Võ Phiến. Đèn điện trước sân nhà của anh Giác mờ ảo, tình hình lại đang gấp rút, thành thử tôi ký tên nguệch ngoạc, cẩu thả, không nắn nót cho nét chữ được bay bướm, nghệ sĩ hơn. Hình như bác Võ Phiến không màng chuyện chữ đẹp hay chữ xấu, miễn là tôi mau đưa sách cho bác kịp lên xe đò. Bữa đó anh Phùng Nguyễn lái một chiếc SUV mới tinh, đẹp ác ôn. Trong không khí chộn rộn của bến xe – chủ nhà cười nói tiễn khách, khách chào tạm biệt dăm ba lần, tài xế de xe tới lui, sao cho gần lề đường cho các bác khỏi phải đi bộ xa, gã nhà văn đang lui cui, nhớn nhác ngồi ký sách trên sân cỏ – tôi lúng túng làm rớt sách trước khi kịp dí sách vào tay bác Võ Phiến, y như người bán hàng rong dí được một con cua luộc hoặc một trái thanh long cho khách mà tôi từng thấy trên những chuyến xe từ Nha Trang về Sài Gòn trong thời niên thiếu. Bác chỉ nói lời cám ơn một cách xã giao và vội vàng leo lên xe trước khi tài xế đóng lại cửa. Đó là lần đầu tiên tôi nói chuyện với bác Võ Phiến.

Mấy tuần sau vợ chồng bác gọi điện thoại, mời chúng tôi lên nhà chơi. Từ Bolsa lên nhà bác Võ Phiến, chúng tôi – có cả đứa con gái 9 tuổi – băng qua Phố Tàu trước khi đến đường Baltimore. Căn nhà hai phòng ngủ bày biện rất ngăn nắp, tươm tất, giản dị mà rất nghệ thuật. Không cần hỏi nhiều, tôi biết chắc bác gái là trang trí viên của căn nhà. Tôi thích cây cối, vườn tược (có lẽ xuất phát từ cốt nông dân hay Thượng gì đó), nên ra đến vườn sau tôi liền tung chân xem xét mấy cây ăn trái.

Tượng chân dung bác Võ Phiến do điêu khắc gia Ưu Đàm khắc tặng nằm dưới một bóng cây. Một dàn cây bông giấy đỏ thắm nằm rực rỡ ở một bên tường rào. Bông giấy thích nắng, nở đầy những chùm hoa hồng đỏ tươi, tô thêm sức sống cho vườn. Chúng tôi ngồi ngắm vườn và miên man nói chuyện cây cối. Bác gái thích con gái của chúng tôi. Bà chú ý khi nó được giao nhiệm vụ chụp hình bốn người lớn. Nhìn con bé nhỏ xíu cầm máy chụp hình to che hết cả mặt, bà cười khúc khích và ôm nó vào lòng.

Cũng từ buổi thăm hai bác ở Los Angeles, lần nào gặp lại chúng tôi, bác gái đều nhắc đến tấm hình mà con gái tôi đã chụp cho bốn người. Bức hình đẹp thật, đẹp hơn những tấm tôi chụp cho mọi người hôm đó. Bốn người ngồi quanh một cái bàn được trải khăn trắng tô điểm những lá xanh với những chùm nho tím hồng. Bác trai mặc áo tay dài, nền xám xanh nhạt với những đường sọc màu đỏ và xanh lá cây. Bác ngồi tì hai cánh tay lên thành ghế, mặt tươi hồng với nụ cười hiền. Bác gái mặc áo màu đen cổ tròn, nghiêng đầu vào vợ tôi cũng mặc áo màu đen. Hai phụ nữ ngồi sát, nghiêng vào nhau, tươi cười như hai mẹ con. Họ có khuôn mặt tròn, tóc đen mượt, và đôi mắt đen với ánh nhìn thân thiết. Bữa đó tôi mặc áo trắng, ngồi nghiêm chỉnh như chàng rể mới về nhà vợ, cười toe trước ống kính của con gái. Khung cửa kiếng đằng sau chúng tôi phản chiếu hình ảnh một lồng đèn và dàn bông giấy xinh tươi. Tường nhà mang màu vàng ấm, nổi bật những lá xanh từ một chậu trúc lả lơi ở bên cạnh. Một bức hình rất khó quên.

Trong những lần gặp lại sau này, thường là trong những buổi họp mặt cuối năm tại nhà của anh chị Nguyễn Mộng Giác, bác gái luôn ngoắc tay kêu vợ chồng tôi đến ngồi bên cạnh. Cùng lúc bác trai bàn chuyện văn chương với nhóm bạn tóc bạc trắng, bác gái nhắc đến tấm hình chụp năm nào mà bác cứ nhớ hoài, làm cho tôi cảm động với tình thân mà bác dành cho chúng tôi. Hơn một năm trước, cũng tại nhà anh Giác, tôi được biết hai bác đã dọn về Santa Ana, bên cạnh khu phố Bolsa của người Việt, rất thuận tiện trong những dịp tham dự những chương trình văn hóa mà bác Võ Phiến luôn được người ta mời. Bác gái nhắc vợ chồng chúng tôi hãy nhớ thăm hai bác. Nhà mới cũng có cây bông giấy, bác nói. Chúng tôi vâng dạ rồi quên tuốt. Đến lần gặp đầu năm nay trong tiệc của *Văn Học* tại nhà của anh chị Bùi Vĩnh Phúc, bác gái nhắc lại dàn cây bông giấy và căn nhà mới làm tôi áy náy vô cùng. Bữa tiệc được tổ chức đầu mùa xuân. Đến mùa thu chúng tôi mới nghĩ đến chuyện thăm hai bác, đúng lúc tôi đang bị trẹo hàm, sợ lang thang vào cuộc "khủng hoảng tuổi trung niên." Chúng tôi lái xe đến thăm hai

bác vào một sáng Chủ Nhật gần Tết Trung Thu. Con gái tôi bận chơi với đám bạn, không đi với bố mẹ lần này.

Tại một ngã tư ở Santa Ana, chúng tôi đã nói đùa về một chuyện gì đó mà hai đứa đều cười ha hả. Tiếng cười của vợ tôi vụt tắt, khiến cho tôi lo lắng quay qua nhìn. Nàng còn há miệng với một tay chỉ vào bên trong hàm răng. Tôi chưa hiểu chuyện gì thì nàng liền nói, "Em bị rụng răng." Trời đất! Tôi chưa kịp hỏi thêm nàng liền xòe bàn tay và cho xem nguyên chiếc răng với cầu nối nằm ở hai bên. Răng không thể gắn lại vào hàm, được cất trong xách tay. Nàng bị thiếu một cái răng ở bên trong, nên cần làm một cầu răng để giữ chiếc răng giả không bị rớt xuống. Mấy bữa nay cầu răng bị rung rơ, mà nàng không dám đến nha sĩ, sợ đến rồi càng bị đau hơn. Vị nha sĩ của vợ chồng chúng tôi (xin tạm giấu tên và giấu phái tính) thường bước ra ngoài văn phòng để tỉa cây, nhổ cỏ hoặc đào hố trồng cây sau giờ làm việc. Tôi chưa bao giờ dám hỏi nha sĩ rằng cây cỏ có biết đau như răng của người ta hay không.

Chúng tôi đã bớt cười trong lúc đến gần nhà bác Võ Phiến. Nhà nằm trong một khu có cổng an ninh. Chạy vào bên trong khu nhà townhouse, chúng tôi thấy ngay một ông cụ đang đứng trên lề đường và vẫy tay vui mừng đón khách. Bác Võ Phiến vẫn cười hiền lành như mọi lần, mặc dù bác đã gầy yếu so với lúc trước. Bác mặc ba lớp áo bên trong một áo lạnh cụt tay. Căn nhà mới nằm trên đường Marie, cao và tân tiến hơn so với nhà cũ ở đường Baltimore. Một khu vườn nhỏ rợp bóng mát đưa khách đến cửa.

Vào bên trong chúng tôi mới biết bác gái mới giải phẫu đầu gối và đi đứng rất khó khăn. Vậy mà bác cũng có gắng chống gậy đi khắp nhà, chỉ cho chúng tôi xem các phòng. Nhà có nhiều khung kiếng, giúp cho ánh sáng tràn ngập các phòng mà nhất là phòng khách. Lúc chúng tôi ra vườn xem cây, bác trai chỉ cho xem hai cây bông giấy mới trồng. Bác gái bị đau chân, không muốn bước ra ngoài. Vậy mà sau đó bác vẫn chống gậy, cương quyết bước lên những bực thang lầu và hướng dẫn chúng tôi xem ba phòng ở bên trên. Một phòng nhỏ gồm tủ sách và bàn làm việc của bác trai. Đâu đó trong buổi nói chuyện tôi được biết bác gái đã đánh máy hầu hết những tác phẩm của bác trai. Không những vậy, bác gái cũng là một thư viện giúp chồng nhớ những người mà bác quên tên. Trên hai kệ sách tôi thấy mấy chục cuốn của tác giả Võ Phiến. Sự nghiệp của bác đã trải dài mấy thập niên và nằm ngăn nắp trên hai kệ sách. Mấy ai viết được nhiều mà hay như bác, được kính trọng và mến phục trong suốt nửa thế kỷ viết lách? Mấy ai được nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc viết nguyên một cuốn sách về cuộc đời và văn

nghiệp? Tạp chí *Văn Học* cũng từng dành một số báo đặc biệt về Võ Phiến. Tôi đứng trong phòng sách nhỏ, vừa đủ cho bốn người đứng cùng một lần, và thán phục một kho tàng to lớn mà bác đã để lại cho văn chương Việt Nam.

Phòng sách là sự nghiệp của bác Đoàn Thế Nhơn, một người đã sáng tác với bút hiệu Võ Phiến xuất phát từ tên của vợ. Bên ngoài phòng sách, chúng tôi trở lại thế giới của bác Võ Thị Viễn Phố, người muôn đời gắn liền với chồng qua một bút hiệu mà nay xem ra đã vượt sự thử thách của thời gian. Thế giới của bác Viễn Phố cũng rất ly kỳ. Trong hành lang ở lầu trên, chúng tôi đứng nghe một em bé búp bê thổi sáo. Búp bê trai mặc quốc phục Trung Hoa với áo choàng đen bên ngoài, áo dài đỏ ở bên trong cũng tươi như màu áo của bác gái. Hai bác vỗ tay tạo tiếng động cho búp bê mở máy và thổi sáo. Vừa thổi búp bê vừa uốn éo theo điệu nhạc. Bài Kinh Kha mở đầu với giai điệu buồn bã, khiến cho bác gái muốn vỗ tay thêm cho búp bê thổi đến bài thứ ba, vui tai hơn. Nhà có em thổi sáo cũng đỡ buồn cho hai ông bà.

Xuống dưới nhà chúng tôi ngồi ở bàn bếp. Bác gái cứ áy náy về việc trong bếp có một giường ngủ dành cho người bệnh. Giường nằm bên cạnh bàn, giúp bác gái có thể nghỉ ngơi và đi lại trong bếp gần hơn mà không phải đi lên lầu. Chung quanh chúng tôi là những bức hình kỷ niệm thân thương của hai bác, xen kẽ tranh của những họa sĩ mà hai bác nhắc tên như nhắc người nhà. Bức đó là của ông Thái Tuấn, đây là hình bà Bé Ký vẽ xe bán thức ăn hồi bà còn ở Sài Gòn, bức kia là của ông Bùi Xuân Phái, còn đây là của ông Ngọc Dũng, mà ông Ngọc Dũng giờ đã mất rồi. Gần đó còn có một bé búp bê Trung Hoa kéo đờn cò. Màu đỏ của áo búp bê mang lại sắc tươi. Giữa những lúc vui cười, bác gái thường quay nhìn và vỗ tay cho nó kéo đàn. Bác kể có những lúc nhạc đờn cò bỗng vang lên ở dưới bếp, khiến cho đứa ở trên lầu cũng bắt chước thổi sáo theo, nghe rất vui tai. Bác trai nói thêm rằng hai đứa nó có thể kéo đàn thổi sáo cho đến khi đứa nào cũng hết pin.

Tôi không biết bác nói "hết pin" một cách tình cờ, dí dỏm cho vui, hay có ngụ ý gì khác. Những ý nghĩ về cuối cuộc đời đã thường xuyên xen lẫn vào lời của hai bác. Bác trai nhắc đến sự từ trần mới đó của ông Thanh Tuệ, một người bạn thân của bác. Bác trai còn nhớ ngày hôm ấy ông Thanh Tuệ từ Pháp sang có hẹn đến nhà ăn sáng. Hai bác bày thức ăn chờ sẵn, chờ hoài đến trưa cũng không thấy ông Thanh Tuệ đến. Bác nghĩ "chắc ông ấy quên nên đi đâu rồi." Với lối nói chuyện hóm hỉnh và mộc mạc của bác Võ Phiến, tôi không biết bác nói "đi đâu rồi" một cách tình cờ như nói "hết pin", hay bác đã nghĩ đến trước khi nói. Dẫu sao

chăng nữa điều đó cũng rất đúng. Ông Thanh Tuệ đã thực sự "đi đâu rồi" mà đến hôm sau hai bác mới biết.

Từ những mẩu chuyện nối đuôi theo nhau, có những lúc bác Võ Phiến chợt nhìn quanh nhà và buột miệng nói, "chẳng qua đây chỉ là chặng cuối cùng." Bác vừa nói vừa mỉm cười như không có chuyện gì đáng quan tâm. Thế nhưng mỗi lần bác nói như vậy, bác gái liền trách móc, "sao ông cứ nói vậy." Nói xong bác gái quay qua chúng tôi như muốn kể tội của bác trai, "ở nhà ổng cứ nói vậy tối ngày. Cháu nghe được không?" Bác gái kể vậy, một hồi sau chính bác cũng nhắc đến hai sanh phần mà bác đã mua tại một nghĩa trang trên Los Angeles. Bây giờ hai ông bà đổi ý, muốn hỏa thiêu chứ không muốn chôn, mà chưa tìm được ai mua lại hai sanh phần. Có lúc bác gái đỏ mắt như muốn khóc. Bác nói bác thích đi du lịch mà giờ đây bác đã già yếu, đau bệnh, không đi đâu được.

Bác gái cũng xúc động khi nói một ngày kia sau khi chồng qua đời thì bác sẽ vào viện dưỡng lão, để được người ta chăm sóc. Bác không muốn ở trong căn nhà này một mình, buồn lắm. Lúc đó tôi thấy bác trai nhìn ra cửa sổ, nơi bác có thể nhìn thấy những bông giấy đỏ tươi và nghe tiếng chim kêu luýt chuýt. Nắng thu vàng ấm, mong manh với những nỗi buồn. Có lẽ nhìn thấy những chùm bông giấy, bác trai chợt nhớ mái nhà xưa ở Los Angeles. Mấy tháng sau khi bán nhà, hai bác đã trở về một lần. Nhờ người hàng xóm thân quen mời vào sân sau, hai bác đã nhìn qua hàng rào để xem lại khu vườn cũ. Chủ mới đã cắt mất nhiều cây. Khi kể lại giây phút bồi hồi, bác trai còn nhướng cổ như đang ngó qua hàng rào. Bác quay lại nhìn tôi và nói, "sao mà vườn lạ hoắc, không giống như lúc trước. Lạ hoắc." Lúc đó tôi mới thấy bác trai xúc động. Mới có mấy tháng mà căn nhà ở Los Angeles đã thay đổi. Nhà của hai bác ở Việt Nam mấy chục năm trước chắc còn "lạ hoắc" hơn nhiều.

Nhắc đến nhà cũ, hai bác đã yên lặng một hồi lâu, cùng trở về chung một quá khứ. Tôi lắng nghe sự im lặng trong không gian, nhớ lại tấm hình năm nào chụp với hai bác. Tôi không biết dàn bông giấy có còn hay mất. Tôi không dám hỏi, sợ chính tôi cũng tiếc nhớ một quá khứ từng được chia sẻ với hai người.

Qua cơn xúc động bác trai nói thì thầm vừa đủ nghe, "đây là chặng cuối cùng, nào ai biết được." Bác gái lại trách bác trai, "sao ông cứ nói vậy." Trách thì trách vậy, bác gái cũng nhớ năm sau là đúng sinh nhật lần thứ tám mươi của bác trai. Bác gái muốn làm gì đó cho chồng. Bác cũng thường xuyên nhắc bác trai uống nước trà. Bác gái nói nhờ uống trà mà hai bác mới bớt cãi nhau mỗi buổi trưa. Hai bác là cặp tình già

đáng yêu nhất mà chúng tôi từng gặp, không biết vì giọng phát âm Qui Nhơn nguyên thủy, quen thuộc mà tôi từng nghe từ thuở bé ở Nha Trang, hay vì tình thủy chung của vợ chồng.

Lòng hiếu khách của chủ nhà đã làm cho chúng tôi ngồi lâu hơn dự định. Đến lúc chúng tôi phải về, hai bác vẫn nhất quyết đưa khách ra đến tận hàng rào ngoài hiên. Hai bóng người vẫn đứng ở cửa cho đến khi chúng tôi lái xe xa khuất.

Tưởng chừng như mới mấy năm trước tôi đã háo hức phóng tới trước, phác họa một tương lai, một sự nghiệp chắc chắn lẫy lừng. Hãy sống với tình yêu, với tuổi trẻ, không ngần ngại, không vướng víu, không bận bịu với quá khứ, vất bỏ hết để tiến tới cho ngày mai. Mấy năm sau tôi không còn tuổi trẻ, bâng khuâng quay tìm bóng thời gian ở bên kia hàng rào của khu vườn năm xưa, lượm nhặt những kỷ niệm rơi rớt. Cũng may tôi còn tình yêu cần chia sẻ với người bên cạnh.

Trên đường lái xe về nhà, vợ tôi nói ước chi chúng tôi cũng sống già với nhau như hai bác Võ Phiến. Nàng sợ một ngày kia tôi có thể đi trước, để lại người vợ trong căn nhà đầy mùi hương kỷ niệm mà lại vắng bóng người chồng thân quen. Mùa thu này đã khác với những mùa thu trước. Nắng đã vàng hơn, sầu hơn. Như tôi đã nói, vợ tôi dễ buồn, mà tôi cũng vậy.■

NGHĨ VỀ
VĂN HỌC HẢI NGOẠI
Tiểu luận của
Nguyễn Mộng Giác

Văn Mới xuất bản
Dày 260 trang. Giá 13 Mỹ kim

Liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Mới
hoặc Tạp chí Văn Học

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

HOÀNG MAI ĐẠT phụ trách

TRÊN CẢ HẬN THÙ

Tập truyện của Tiêu Dao Bảo Cự

Tiêu Dao Bảo Cự là một nhà văn viết ở trong nước, đang sống tại Đà Lạt. *Trên Cả Hận Thù* là những suy tư, những ao ước của ông về đời người và đất nước được dàn dựng qua những truyện ngắn. *Trên Cả Hận Thù* gồm mười sáu truyện ngắn và một truyện dài "vừa" mang tựa đề của tập truyện. Về những tác phẩm ngắn, nhà xuất bản đã giới thiệu như sau: "Những truyện ngắn soi thấu nội tâm đầy uẩn khúc của những mẫu người rất khác nhau và rất đặc trưng của xã hội Việt Nam hiện đại. Mỗi người đều có nỗi đau và dằn vặt riêng trong cuộc sống thực tế khắc nghiệt nhưng vượt bên trên tất cả là tình yêu, khát vọng tự do và những giá trị nhân bản lấp lánh vẻ đẹp của con người."

Trong truyện "Đối Mặt", một nhà thơ đã liều lĩnh mang thân gầy yếu của mình để đối đầu với một kẻ ác ôn đang giết một phụ nữ giữa đám đông. Nhà thơ đã "nắm đầu tóc" tên ác ôn và "giật ngược ra sau." Nhà thơ tin rằng cứu được một mạng người là viết được "một bài thơ bi tráng đẹp nhất của đời mình."

Cũng với lý tưởng cao hơn thực tế, truyện dài "Trên Cả Hận Thù" kể một mối tình thơ dại dưa đến một vụ cưỡng hiếp giữa một thanh niên lai Mỹ đen và một thiếu nữ Việt mới có mười sáu tuổi. Cha mẹ của thiếu nữ và mẹ của thanh niên, cùng với những nhân vật trong xã hội đã bị dằn vặt giữa thành kiến, sự hận thù và niềm tin ở lương tâm của con người. Tuy có thể biết trước kết cục của truyện, người đọc vẫn suy tư về vấn đề thù hận sau chiến tranh mà chính tác giả muốn đặt ra.

Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự từng xuất bản hai tác phẩm *Nửa Đời Nhìn Lại* và *Hành Trình Cuối Đông*. Tập truyện *Trên Cả Hận Thù* dày 250 trang, do tạp chí *Văn Học* xuất bản với giá bán $12 Mỹ kim. Địa chỉ: Văn Học, P.O. Box 1359, Garden Grove, CA 92842. Email: tapchivanhoc@yahoo.com.

TRUYỆN VÀ NHỮNG ĐOẢN VĂN

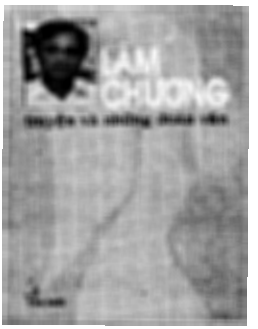

Lâm Chương

Với lối viết trầm trầm, từ từ như một người kể chuyện dư rộng thời giờ, nhà văn Lâm Chương đã đưa người đọc vào những chuyện có khi buồn có khi vui một cách không cố ý của ông. *Truyện Và Những Đoản Văn* gồm mười lăm truyện ngắn và một chương gồm nhiều đoản văn. Quanh quẩn trong những câu chuyện của Lâm Chương là nỗi nhục nhằn và sự khó khăn của những đời người miền Nam trong những năm đầu dưới chế độ Cộng Sản.

Trong "Những Đoản Văn" có một đoạn đối thoại giữa một thày giáo làm nghề đào giếng và một người bị tưởng lầm là "kẻ sĩ ngày nay" như sau: "*... Cũng như người ta tin rằng kẻ chết trong tù, linh hồn không ra khỏi cổng. Tao còn nghe một chuyện động trời. Có người đi tham quan nước ngoài về kể, tư bản bóc lột đến cả người chết. / Chết rồi, còn bị bóc lột gì nữa? / Ấy vậy mà vẫn nói được. Người ấy bảo, tư bản Mỹ bóc lột khiếp hơn hết. Nó bắt linh hồn người chết đứng giữ cửa. Linh hồn thì vô hình nên không ai nhìn thấy, cứ thấy cánh cửa tự động mở khép khi có người ra vô. / Chuyện khôi hài. Ai ngu muội gì mà tin là chuyện thật. / Nói mãi cũng có người tin.*"

Truyện của nhà văn Lâm Chương có nhiều đoạn như vậy, vui mà buồn. *Truyện Và Những Đoản Văn* dày 220 trang, giá bán $12 Mỹ kim, do Văn Mới xuất bản, địa chỉ P.O. Box 287, Gardena, CA 90248; email kimanquan@yahoo.com.

NƠI DÒNG SÔNG CHẢY VỀ PHÍA NAM

Truyện và ký của Thảo Trần và Nguyễn Quốc Trụ

Nơi *Dòng Sông Chảy Về Phía Nam* gồm năm bài ký và tám truyện ngắn cộng với một chùm truyện rất ngắn, chừng một trang một truyện. Bà Thảo Trần và ông Nguyễn Quốc Trụ là vợ chồng. Những truyện và ký là những bài viết chung của họ, không đề ai là tác giả của mỗi bài mặc dù hơi hướm của truyện hoặc ký có thể cho thấy nét riêng của mỗi người.

Những truyện ngắn – mà nhất là truyện

mang tựa đề của sách *Nơi Dòng Sông Chảy Về Phía Nam* – đã kể lại những cảnh bi thương, đời thường và tình người ở miền quê trước và sau cuộc chiến tại miền nam Việt Nam. Những mẩu chuyện được viết rất giản dị, bộc trực, mạnh, và để lại những suy tư thấm thía về đời người. Bà Thảo Trần quê ở Cai Lậy, Mỹ Tho, bắt đầu viết tại hải ngoại. Đây là tập truyện đầu tay của bà. Ông Nguyễn Quốc Trụ đã viết từ thập niên 60 tại Sài Gòn và đã xuất bản ba tác phẩm trước và sau năm 1975.

Nơi Dòng Sông Chảy Về Phía Nam dày gần 170 trang, do Sài Gòn Nhỏ xuất bản với giá $12 Mỹ kim. Địa thoại của Sài Gòn Nhỏ tại Nam California là (714) 531-7000.

NƯƠNG TỰA Ở GIỮA ĐỜI

Tuyển tập của Hồ Minh Dũng

Tuyển tập *Nương Tựa Ở Giữa Đời* gồm hầu hết những sáng tác truyện, thơ, những đoản văn rời của nhà văn / nhà thơ Hồ Minh Dũng. Ông đã viết tại miền nam Việt Nam từ đầu thập niên 60 và thuộc một nhóm "những cây bút trẻ miền Trung" vào lúc bấy giờ. Ông chào đời tại Thanh Lam Bồ, Thừa Thiên-Huế. Đến Mỹ từ năm 1993 ông đã viết một loạt bài về "những đau đớn ê chề của kẻ chiến bại bị đầy ải trong khổ nhục" dưới chế độ Cộng Sản. Ông đang sống tại Atlanta, Georgia.

Nương Tựa Ở Giữa Đời dày trên 530 trang và được chia thành sáu phần gồm năm truyện ngắn trước năm 1975, năm truyện viết lại, năm truyện mới viết từ năm 2000 đến 2003, mười hai đoản văn rời, và bảy mươi bài thơ ở phần cuối sách. Ngoài ra tuyển tập cũng có phần phỏng

Tìm mua tác phẩm mới của
nhà thơ Phan Xuân Sinh
Bơi trên dòng nước ngược
tạp văn
Sông Thu xuất bản, dày 206 trang, giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: Phan Xuân Sinh
121 Marlborough Rd, Salem MA 01970 USA
Phone: (978) 745-2022

vấn Hồ Minh Dũng và nhận định về ông. Về truyện của Hồ Minh Dũng, tác giả Huỳnh Hữu Ủy đã nhận xét: "Truyện viết rất hay, cấu kết chặt chẽ, nói đến nhân tình thế thái thực thấm thía bằng một tấm lòng tử tế, nhân hậu."

Nương Tựa Ở Giữa Đời là tác phẩm thứ năm của Hồ Minh Dũng sau bốn tác phẩm *Câu Nam Ai Thất Lạc, Hoa Vạn Hạt Cuối Mùa, Một Mình Em Đến Giữa Đời,* và *Cồn Mây. Nương Tựa Ở Giữa Đời* do Văn Mới xuất bản với giá bán $20 Mỹ kim. Số điện thoại của Văn Mới: (310) 366-6867. Email của tác giả: dungminh2001@yahoo.com.

RIÊNG HỒN TÔI HẠN HẸP MỘT TÌNH YÊU

thơ Nnguong

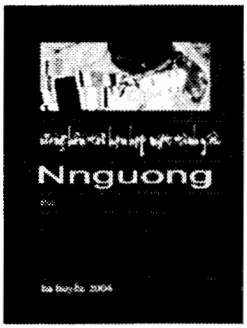

Riêng Hồn Tôi Hạn Hẹp Một Tình Yêu là một tập thơ quanh quẩn nỗi cô đơn và những mối tình trong quá khứ. Trong Ghềng Ngực Vũng Tàu, Nnguong viết: "bao năm có là hồn du tử / cũng về rón rén ở ngõ sau / lén thăm nụ hôn anh còn gửi / ghềng ngực ngày xưa ở vũng tàu."

Đoàn Kim Bảng tại Oregon đã viết về tác giả: "Nnguong, cái tên lạ lùng, cái tên như không có trong tự điển Việt Nam, nhưng là biệt hiệu của người viết thơ say mê tại hải ngoại hiện nay. Nnguong là một người lính phục vụ tại Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân tại Ban Mê Thuột, bị bắt làm tù binh tháng 3, 1975. [...] Anh ghé qua đây từ Georgia, sau bao tháng thăng trầm dâu bể của không gian và tình người bạc bẽo. Chiếc áo màu xanh oliu khoác ngoài và chiếc quần jean loang lổ về thời gian. Thế đấy, người thơ và chữ trong thơ cũng đơn giản như nhau."

Riêng *Hồn Tôi Hạn Hẹp Một Tình Yêu* gồm trên 70 bài thơ, dày gần 200 trang, không đề giá bán. Địa chỉ liên lạc: Nnguong, 1268 Brookview Ct., Morrow, GA 30260. Email: NghiHu@aol.com.

TÌNH KHÚC PHAN NI TẤN (N.D)

Thơ và nhạc. Cuộc đời của thi sĩ Phan Ni Tấn là nhạc. *Tình Khúc Phan Ni Tấn (N.D)* đã dúc kết gần 40 năm làm thơ và trên 30 năm viết nhạc của ông. Trong lời giới thiệu tập nhạc dày trên 180 trang, Đằng Minh Châu Bá Thông viết: "Dù là tình ca, nhưng Phan Ni Tấn cũng đưa vào bài nhạc những ấp ủ của cội nguồn dân tộc, anh cũng không quên tô điểm cho lòng anh một tình yêu cao cả của dân tộc của đất nước đang

nằm quằn quại bên kia bờ Thái Bình Dương hiền hòa nhưng bao la. *Một đàn lên non. Một đàn xuống biển. Lời mẹ khuyên con. Nghe ra lời than... Một bờ tre xanh. Một bờ đất lành.* (Hạt Xuân)."

Nói về nhạc của Phan Ni Tấn, Nguyễn Ngọc Ngạn viết: "Anh không muốn người thưởng ngoạn thấy rằng: Hễ nói đến nhạc Phan Ni Tấn, thì không thể không nhắc đến sự chau chuốt của lời ca. Hoặc anh phổ thơ bằng hữu – đặc biệt là Luân Hoán – hoặc do chính anh viết lời, thì chất thơ lúc nào cũng nổi bật. Cho nên có thể nói: Ở Phan Ni Tấn, thơ và nhạc đã trộn lẫn với nhau một cách hài hòa, như hai nhánh sông hội tụ thành một nguồn nước chan hòa tưới mát quê hương."

Tình Khúc Phan Ni Tấn (N.D) được chia thành ba phần. Phần đầu dành cho những bài viết về nhạc sĩ và những trang ảnh được chụp với nhiều nghệ sĩ thân hữu. Phần giữa gồm 27 nhạc phẩm với lời và nhạc của Phan Ni Tấn. Phần cuối gồm 45 bài thơ phổ nhạc của nhiều tác giả như Nguyễn Nam An, Bắc Phong, Nguyễn Tất Nhiên, Hàn Mạc Tử, Du Tử Lê, Nguyễn Thị Minh Thủy, Viên Linh.

Tình Khúc Phan Ni Tấn (N.D) được trình bày đẹp, dễ đọc, in tại Toronto, Canada, và không đề giá bán. Liên lạc phannitan@yahoo.com.

Century 21®
Newtek Realty
15576 Brookhurst St., #A
Westminster, CA 92683
Cell phone 714-290-4456
dat.hoang@century21.com

Nguyễn Minh Thủy
Hoàng Mai Đạt
Realtors ®

Mua bán nhà đất - Tài trợ địa ốc
Đầu tư bất động sản
TẬN TÂM, KÍN ĐÁO, UY TÍN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI
P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 – Fax: (310) 366-6967

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Made In Vietnam
Truyện của Thuận, giá $12.00

Tìm Trăng Đáy Nước
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12.00

Bên Lưng Những Con Chữ
Tập truyện Song Thao, giá $12.00

Thương Nhớ Hoàng Lan
Tận truyện Trần Thụy Mai, giá $12.00

Những Người Đã Qua 2
Thế Uyên, giá $10.00

Giòng Sông Thanh Thủy
Nhất Linh, giá $10.00

Đàm Thoại
Võ Phiến, giá $20.00

Viết Về Huế
Tuệ Chương – Hoàng Long Hải, giá $14.00

Nương Tựa Ở Giữa Đời
Tuyển tập Hồ Minh Dũng, giá $20.00

Những Nhánh Sông Mất Biển
Tập truyện Thu Thyuyền, giá $11.00

Truyện Và Những Đoản Văn
Lâm Chương, giá $12.00

Văn Hóa, Giới Tính Và Văn Học
Tiểu luận Nguyễn Hoàng Văn, giá $14.00

*

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

Du khách nào mới tới vùng Orange County cũng đều ghé lại

Nhà sách VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave, Ste. # 123, Westminster CA 92683
(trong khu thương xá Phúc Lộc Thọ)
TEL: (714) 892 - 0801
Số điện thoại miễn phí: 866-869-6384

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD, DVD, Tự điển,
Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

SÁCH MỚI VỀ MÙA THU 2004:

- *Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ, Người Chiến Sĩ* (326p., photos)
  Nhiều tác giả, $30.00
- *Trận Chiến Bí Mật* (304p.)
  về Biệt Kích thả dù ra bắc, Nha Kỹ Thuật/BTTM, $15.00
- *Tìm Về Nguồn Gốc Văn Minh Việt Nam* (627p.)
  biên khảo giá trị, Cung Đ. Thanh, $25.00
- *Tự Học Computer* (2DVD ex.)
  bộ 1 Tổng Quát, bộ 2 Internet, bộ 3 Email, $12 ea.
- *Thấp Tạ* (140p.)
  tập thơ mới nhất của nhà thơ nổi tiếng Tô Thùy Yên, $12.00
- *Hạnh Phúc, Mộng và Thực* (259p.)
  sách mới nhất của Thích Nhất Hạnh, $16.00
- *Hồi Ức Tù Cải Tạo* (742p.)
  của Nguyên Đại Tá Nguyễn Huy Hùng, $20.00
- *Bùa Yêu* (2CD)
  băng đọc truyện mới của Ng. Ngọc Ngạn, đọc với Hồng Đào, $11.00
- *Trả Ta Sông Núi 3* (542p.)
  được nhiều người chờ đợi của Phạm Văn Liễu, $25.00
- *Số Đỏ* (2DVD)
  phim truyện Bắc dựa theo tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, $8.00
- *Truyện Lục Vân Tiên & Chữ Nôm* (583p.)
  Ng, Đ. Chiểu, Ng. Bá Triệu chú giải, $30.00
- *Những Sự Thật Chiến Tranh Việt Nam 54-75* (497p.)
  Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, $20.00

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho **Văn Khoa**,
giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: .....

Địa chỉ: ..... Thành phố .....

Tiểu bang ..... Zip .....

Quốc gia .....

Đồng ý ..... □ Mua
□ Gia hạn

Thời hạn .....năm ..... từ số ..... đến số.....

Đính kèm chi phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng Chín 2004

HOA KỲ / MỘT NĂM
(media mail) US$50
CANADA / MỘT NĂM
(air mail) US$80

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM
(global priority) US$100

Giá bán tại các hiệu sách US$10

U.S. TOURS

Www.ustours.com
Tel 1-877-578-8687
1-877-5ustours

CÔNG TY DU LỊCH VÀ CHUYỂN TIỀN VỀ VIỆT NAM
ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI CALI

9452 Garvey Ave. Suite A
S. El Monte, CA 91733
Tel: (626) 444-1999
Fax: (626) 444-2099
Mở xửa từ 9AM-6PM

9550 Bolsa Ave. Suite 126
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8100
Fax: (714) 531-1973
Mở cửa từ 9AM-7PM

2 USD/100

SÀI GÒN
Hồi Báo 1 Ngày

3 USD/100

CÁC TỈNH
MIỀN TRUNG
& MIỀN NAM
(Trừ Cà Mau, Bạc Liêu,
Minh Hải, Quảng Bình
& Quảng Trị)
Hồi Báo 1 đến 3 Ngày

4 USD/100

MIỀN BẮC:
Hà Nội, Hải Phòng
MIỀN TRUNG:
Quảng Bình
CAO NGUYÊN:
Kontum, Gia Lai, Đắc Lắc
Hồi Báo 1 đến 3 Ngày

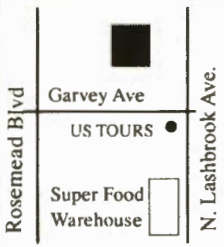

CÓ BÁN VÉ MÁY BAY
QUỐC NỘI VÀ QUỐC NGOẠI
VỀ VIỆT NAM
Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc US TOURS
Đến với US TOURS là đến với sự
UY TÍN - GIÁ RẺ
& THÀNH TÂM PHỤC Vụ

NHẬN GỬI QUÀ
VỀ VIỆT NAM:
Vải, quần áo,
đồ dùng cá nhân v.v...
Giá $7USD/lb
Thân nhân nhận quà tại nhà.
Không cần phải trả thuế.
(Ít nhất 4lbs trở lên một lần gửi.
Gửi nhiều hơn có giá đặc biệt)

NGUYỄN DŨNG TIẾN

VÀNG ĐEN

CAO XUÂN HUY

THÁNG BA GÃY SÚNG

Giá 10 mỹ kim